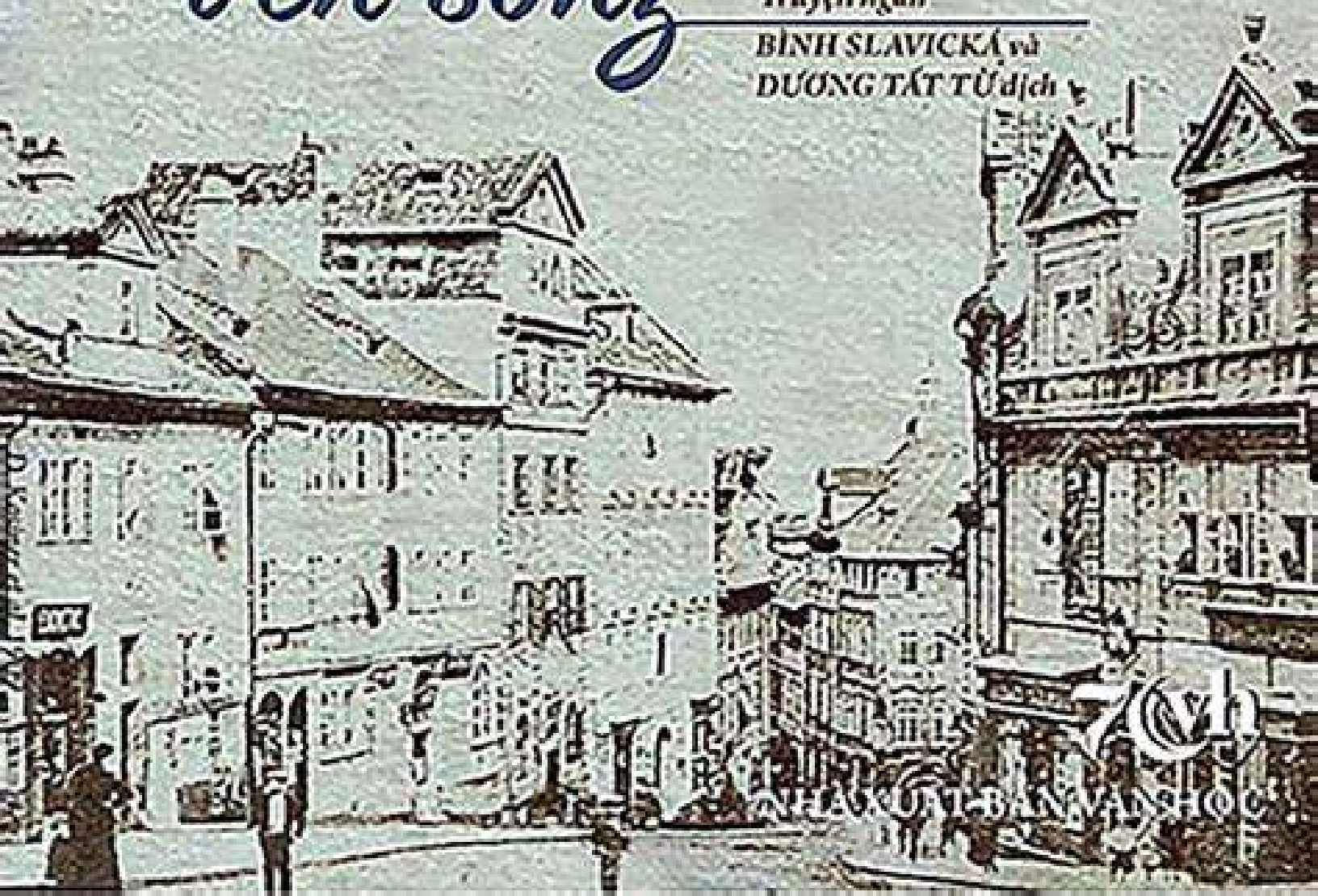


Jan Neruda

# Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông

Truyện ngắn

BÌNH SLAVICKÁ và  
DƯƠNG TẤT TỬ dịch



7th

THƯ VIỆN ĐÀO TẠO HỌC

# NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ KHU PHỐ NHỎ VEN SÔNG

*(Tập truyện ngắn)*

Tác giả:

**Jan Neruda**

Dịch giả:

**Bình Slavická và Dương Tất Từ**

Nhà xuất bản:

**Văn Học**

We thank the Ministry of Culture of the Czech Republic for financial support for the translation and publishing of this book.

Trân trọng cảm ơn Bộ Văn hóa Cộng hòa Séc đã tài trợ cho việc dịch và xuất bản cuốn sách này.

Dịch từ nguyên bản tiếng Séc, *Povídky Malostranské*.

Nhà xuất bản Státní Nakladatelství Krásné Literatury, Praha, 1958.

Xuất bản theo Hợp đồng sử dụng độc quyền bản dịch giữa tác giả và Nhà xuất bản Văn học.

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**TS. NGUYỄN ANH VŨ**

Biên tập:

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Bìa:

**Tú Linh**

Trình bày:

**Thanh Tú**

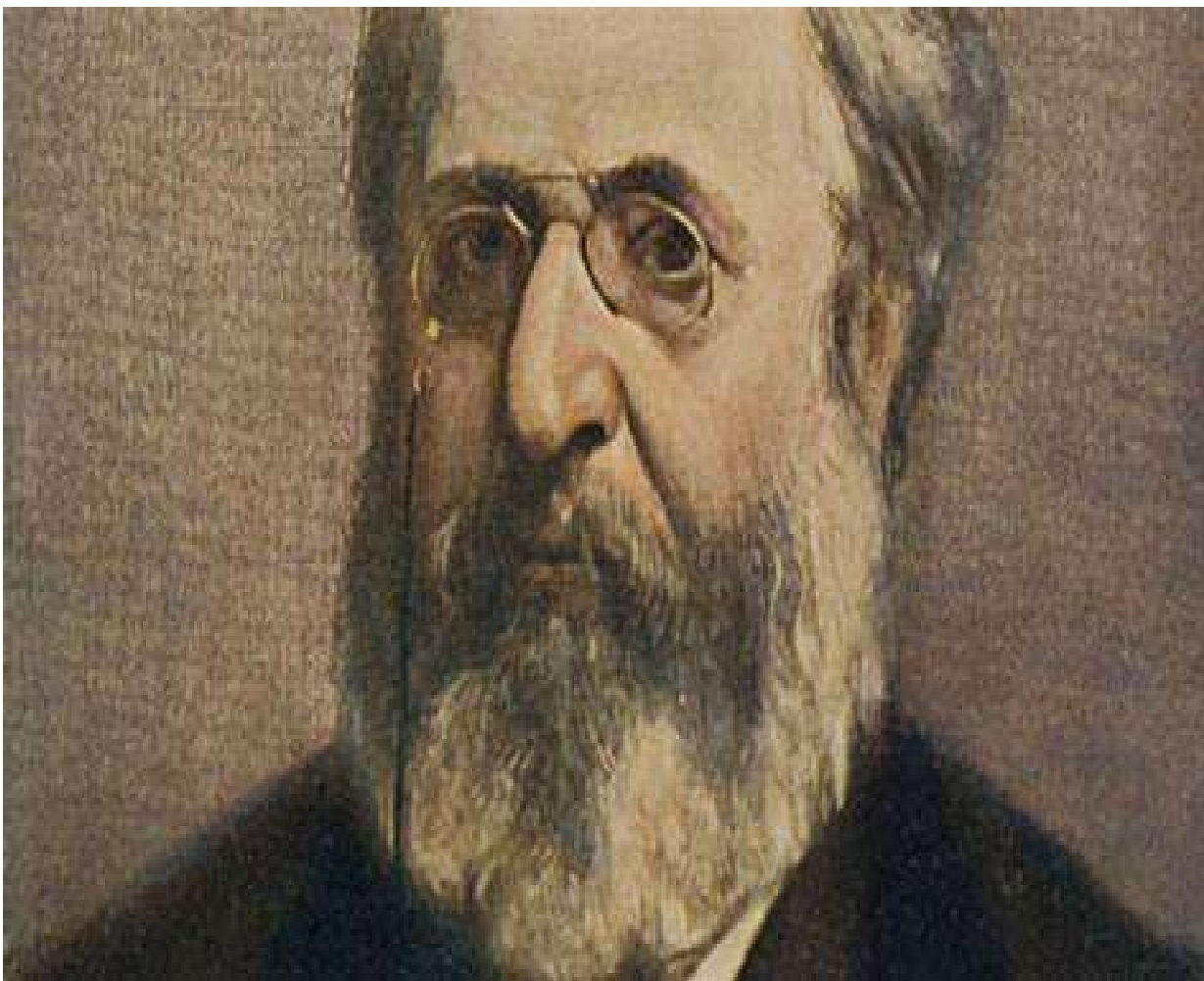
Sửa bản in:

**Hồng Hạnh**

In 500 cuốn khổ 14,5x20,5. Tại Xưởng in Nhà xuất bản Nông nghiệp, số 6, ngõ 167 Phương Mai, Hà Nội. Số ĐKXB: 3543-2018/CXBIPH/16-209/VH cấp ngày 03/10/2018. Số QĐXB: 1698/QĐ-VH ngày 9/10/2018.

Mã ISBN 978-604-969-958-0. In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.

# Tác Giả



**Jan Neruda**  
**(1834-1891)**

Nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà phê bình văn học.  
Tác giả tiêu biểu của nền văn học Séc thế kỷ XIX.

## Bìa Sau

Giống như khu phố cổ 36 phố phường Hà Nội, khu phố nhỏ ven sông - Malá Strana - được Neruda mô tả sâu sắc và tinh tế tất cả những thói tật của thị dân, cái vô tâm, ích kỉ cũng như sự nhẩn tâm của lời nói, những điều bịa đặt, những định kiến, tin đồn... như căn bệnh mãn tính, trở thành một thứ thói tật gần như là bản chất của những đô thị mà người ta sống trong những cộng đồng vừa thành thị nhưng cũng vừa rất đổi làng xã. Khi mỗi cánh cửa mở ra đều có thể soi thẳng vào đời sống của một kẻ khác, khi cuộc sống của kẻ này có thể bị chà đạp bởi cả một cộng đồng rặng rịt trong những mối quan hệ và sự cô đơn chưa trở thành án chung thân của mỗi con người.

# NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ KHU PHỐ NHỎ VEN SÔNG

(Thay Lời nói đầu)

Ngày nay, khi đến Praha, cho dù chỉ ở đó vài ngày, nhưng chắc chắn khách du lịch sẽ qua trung tâm, tới cầu Charles (Karlův most) để vượt sông Vltava, sang Lâu đài Praha, điểm du lịch hấp dẫn nhất của thành phố Trung Âu này. Cầu Charles dẫn đến quảng trường lịch sử Malostranské ở tả ngạn sông Vltava, với nhà thờ Thánh Nicholas tại trung tâm. Từ đó, có một con phố chạy ngược lên dốc, đến tận lối đi lên Lâu đài Praha. Ở phố đó có rất nhiều hiệu ăn và các cửa hàng bán đồ lưu niệm, xen lẫn các dinh thự hoành tráng mà một số là những trụ sở của Đại sứ quán nước ngoài tại Séc. Con phố đó ngày nay mang tên là Nerudova, theo tên của Jan Neruda (1834-1891), tác giả tập truyện này. Ông đã sống ở phố đó và các truyện trong tập *Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* của ông đều được đặt vào những địa điểm xung quanh khu vực đó. Toàn bộ khu phố cổ này nằm ở sườn dốc phía nam của Lâu đài Praha, mang tên là Malá Strana, tiếng Đức gọi là Kleinerseite. Ngay từ thế kỉ thứ 12, tại đây đã có dân cư sinh sống. Như một đứa bé, một cậu học trò và sau này là chàng trai trẻ, Jan Neruda biết Malá Strana rất rõ. Nhưng rồi sau này, ông đã chuyển sang nơi khác của Praha, sang bờ bên phải sông Vltava, nơi thu hút ông bởi cái hiện đại trái ngược với Malá Strana. Jan Neruda sang sống bên đó, đến gần hơn với đời sống thương mại và văn hóa của cộng đồng Séc đang lớn mạnh ở thế kỉ thứ 19, của cộng đồng mà nhà báo Jan Neruda đồng thời cũng là người dẫn dắt, người ca ngợi và nhà phê bình. Malá Strana đã đứng ngoài lề sự hiện đại hóa mạnh mẽ làm thay đổi các khu phố ở bên kia bờ Vltava. Kể cả cho đến ngày nay, Malá Strana vẫn giữ được đặc trưng cổ kính trước đây, vẫn giữ được hình dáng

kiến trúc Baroque từ cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19. Các dấu hiệu phân biệt nhà bằng hình ảnh kiểu Baroque trên mặt tiền các ngôi nhà nhỏ san sát bên nhau ở Malá Strana vẫn luôn gợi lại thời xa xưa, khi Malá Strana còn là khu phố nghèo của một thành phố cấp tỉnh. Nhưng nhìn bề ngoài thì đó là một địa điểm thơ mộng lý tưởng và cho đến bây giờ nó cũng mang lại cảm tưởng như vậy, cảm tưởng về một nơi đẹp đẽ và hiếu khách. Cho đến bây giờ, Malá Strana vẫn có các con phố hẹp, các lối đi xuyên qua nhà, các quán ăn nhỏ bé, các góc sân của những ngôi nhà kiểu Baroque, cách tuyến du lịch chỉ vài bước chân, vẫn mang lại cái cảm giác gần gũi thân thuộc của một khu phố nhỏ. Jan Neruda đã biết một Malá Strana như thế, khi ông sống tại phố Ostruhová (tức phố Nerudova sau này) và trưởng thành trong ngôi nhà mang dấu hiệu Hai mặt trời (U Dvou slunců), ngôi nhà cho đến nay vẫn được gọi bằng tên như vậy.

Jan Neruda là ai? Về các thể loại sáng tác khác nhau của mình, Neruda đã viết ở báo *Hài hước* (Humoristický list) như sau: “Anh không thể biết được là tôi thích đọc *Sách thơ* của anh đến như thế nào đâu,” người phụ nữ cất giọng cao vút, trong và ngọt như tiếng sáo thổi. - “Này anh bạn ạ, tôi không đọc thơ của anh, vì nó không thanh thoát, nhưng mà truyện của anh, ôi trời, đây là cái hay, là cái từ cuộc sống!”, người đàn ông có hiểu biết nói. -... “Tôi nói để anh biết nhé, các truyện của anh, eo ơi, nó thô thiển làm sao, nhưng mà du ký *Những chuyến đi ngắn* hoặc *Các bức tranh ở nước ngoài* thì, ái chà chà, cái đó mới đúng là cái anh có tài, dứt khoát là thế!”, một người đàn ông hiểu biết khẳng định. - Và người hiểu biết thứ tư thì nắm tay tôi: “Tiểu phẩm, anh bạn quý mến của tôi ạ, anh đừng viết gì khác ngoài tiểu phẩm nhé!”... Suy từ đó ra thì tôi thấy rõ ràng một điều, hoặc là tất cả mọi sáng tác của tôi đều tuyệt vời, hoặc là nói chung tất cả và nói riêng từng sáng tác, chúng đều không có giá trị gì...”

Tất cả “đều không có giá trị gì” ư? Neruda tự đánh giá các sáng tác thơ ca, truyện, du ký và tiểu phẩm của mình bằng cách châm biếm, đồng thời tự chế nhạo mình như vậy. Nhưng trên thực tế, các sáng tác của Jan Neruda vẫn luôn được dịch sang tiếng nước ngoài, vẫn được tái bản nhiều lần; điều đó

lại chứng minh đặc điểm thứ nhất - là mọi sáng tác của ông “đều tuyệt vời”. Tác phẩm của Neruda không chỉ được tái bản, mà chủ yếu là được tìm đọc. Truyện và các sáng tác văn xuôi ngắn của ông được dịch sang nhiều ngoại ngữ; ngay cả sau 150 năm, những bài báo của ông vẫn gây hứng thú cho người đọc và không hề bị mất đi cái mới mẻ tươi mát của chúng. Nhưng sinh động nhất là *Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* (Povídky malostranské). Đã từ lâu, chúng trở thành một bộ phận của truyền thuyết về Praha, trở thành một phần quen thuộc trong chương trình của điểm đến du lịch hấp dẫn. Các nhân vật và tích truyện của Neruda được đặt vào các địa điểm trên bản đồ thành phố. Có thể nói, hầu như trong tâm hồn người Séc nào cũng vang tiếng vọng của *Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* cả qua tên gọi của một bến tàu điện ngầm. Đó là bến tàu điện ngầm mang tên Malostranská, được đặt bên dưới một trong những dinh thự kiểu Baroque trên địa phận khu phố Malá Strana.

*Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* không chỉ gợi lại cái nhớ nhung man mác về một thế giới xa xưa và tốt đẹp đã qua, mà còn gợi lên một cuộc sống đầy nghịch lý thô bạo, còn nói về cái tàn nhẫn nhạt thường, về sự ích kỉ và đồng thời cả về lòng cảm thông của con người. Các truyện có khi không có tích truyện rõ ràng, chúng nhấp nháy như từng hình ảnh nối tiếp nhau của cuốn phim về cuộc đời. Con mắt nhà báo của Neruda nhìn thấy hết từng chi tiết nhỏ và để ý đến những hành động cư xử bình thường mà - dưới góc độ không muốn lý tưởng hóa, cũng không đánh giá - có thể biểu hiện như những hành động cư xử thô bạo, lạ lùng và kì dị. Nhà văn và nhà báo Neruda không hề có ảo tưởng về mọi người, nhưng đã bị quyến rũ bởi những gì có thể xảy ra trong quan hệ của họ, bởi những điều không ngờ tới trong cư xử của họ. Neruda không đánh giá và cũng không giải thích - ông chỉ ghi chép lại, và có thể vì thế mà ông vẫn luôn luôn là người của hiện tại, đồng thời sáng tác của ông không chỉ gắn liền với Praha. Độc giả nào cũng có lần biết cái lạ lùng của cuộc sống bình thường. Những câu chuyện kì dị của hàng xóm láng giềng thường là bộ phận của cuộc sống chung giữa các thành viên của các cộng đồng, bất kể những cộng đồng ấy sống tại trung tâm châu Âu, hay một nơi nào đó ở châu Á.

*Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* mang trong mình con mắt nhìn hai chiều về sự sống và cái chết, niềm vui và nỗi đau, về sự nhẩn tâm và lòng thương cảm, cái thờ ơ và sự sẻ chia, hồi ức ngây thơ của đứa trẻ và con mắt tinh tường của nhà báo. Đó là nhà báo muốn nhìn thấy những người dân chất phác, nghèo khó, không địa vị của thành phố mình, muốn viết về những cái bình thường có thật của cuộc sống, kể cả khi những cái đó không phải là điều dễ chịu. Khuynh hướng hiện thực và sự thiếu thốn về chủ nghĩa lý tưởng trong sáng tác làm giới phê bình thời đó phần nào có chỉ trích Neruda. Khi xuất bản *Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* (1978), ông đã muốn phản ứng lại sự phê bình đó và tự bình luận tác phẩm của mình một cách hài hước trong tiểu phẩm đăng ở nhật báo *Dân tộc* như sau: “Neruda chỉ viết về tầng lớp dưới, về tầng lớp xã hội, nơi mà tình cảm không bao giờ được thể hiện nhẹ nhàng và sự thật vẫn còn có giá trị hơn cái dối trá, cho dù nó có khôn khéo đến đâu... Các ý tưởng trong *Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* gập ghềnh nhấp nhô như con đường lát đá ở Constantinople, tản mạn phân tán như con chó con nhặng nhít, gai góc hung dữ như kẻ đi thu thuế...” Cái hương vị ngọt đắng trong mô tả hiện thực về con người ở Malá Strana cũng được thể hiện trong cách sử dụng ngôn ngữ. Trong văn học truyền thống Séc, Neruda được coi là người đưa thứ tiếng Séc “không tắm rửa, không chải chuốt, từ đường phố” vào ngôn ngữ văn học, theo lời của F.X. Šalda, một trong những nhà lý luận và phê bình nổi tiếng nhất của văn học Séc hiện đại. Nhờ Neruda mà tiếng Séc phổ thông được đưa vào văn học. Những ngôn ngữ trong *Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* không chỉ là tiếng Séc dân gian, mà ngược lại. Theo một chuyên gia về sáng tác của Neruda, thì Neruda cũng là người triệt để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Séc. Ông là người cố gắng tạo ra một phong cách viết đặc biệt nhằm đưa tiếng Séc tách xa tiếng Đức hơn, bởi trong thế kỷ 19, ngay cả ở Séc, tiếng Đức là ngôn ngữ chiếm ưu thế về mặt văn hóa và có truyền thống văn học phong phú hơn, mạnh hơn nhiều. Mục đích là để giới thiệu tiếng Séc như một ngôn ngữ có nhiều mức độ, phong phú về khả năng diễn đạt, là ngôn ngữ sinh động sâu sắc, giàu tính biểu cảm, gợi cảm tinh tế, đồng thời là ngôn ngữ đầy nghịch lý. Ở đây, ngôn ngữ không chỉ là phương

tiện chuyển tải tích truyện, mà chính bản thân ngôn ngữ là tích truyện của Malá Strana. Vì những điều đó mà Neruda là tác giả của ngày nay, vì những điều đó mà Neruda luôn mang đến cho người đọc nhiều niềm vui và hứng thú, nhưng đồng thời cũng làm cho người dịch sách trần trở dẫn đo bội phần khi chuyển ngữ.

Neruda không chỉ là nhà văn, ông còn là nhà thơ quan trọng nhất của thời đại mình. Nền thơ ca Séc không thể đi đến đỉnh cao ở thế kỉ thứ 20, nếu không có những cách tân trong thơ ca của ông. Nền báo chí Séc không thể có phong cách viết riêng trong thể loại tiểu phẩm sắc bén và hóm hỉnh về cuộc sống bình thường, về văn hóa và chính trị, nếu không có phong cách viết báo của ông. Neruda cũng là một trong những người tiêu biểu nhất trong cuộc chiến vì bản sắc dân tộc của văn hóa Séc và vì độc lập về văn hóa trong phạm vi nhà nước quân chủ Áo - Hung đa dân tộc đa ngôn ngữ ngày đó.

*Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* vì vậy có thể là cuốn sách hướng dẫn tham quan Praha, là cánh cửa mở dẫn đến nền văn hóa Séc, nói cách khác là dẫn đến cả khu vực. Đến khu vực có một quá khứ vừa tàn bạo vừa lạc quan đầy kịch tính. Đến khu vực có cái vẻ vang trong quá khứ và cái vinh quang mới trong hiện tại, một khu vực bao giờ cũng đẹp, nơi có những con người có tính nết cư xử hoặc cộc cằn, hoặc thân thiện, giống như ở mọi nơi khác trên thế giới.

**PGS. TS. Libuše Heczková,**

Viện Văn học Séc và Văn học so sánh,

Khoa Triết - Charles University

Bình Slavická dịch

# TÓM TẮT TIỂU SỬ VÀ TÁC PHẨM CỦA JAN NERUDA

Jan Neruda là nhà báo, nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học. Ông sinh ngày 9/7/1834 tại khu Malá Strana, Praha. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông đã làm nhiều công việc khác nhau, cũng đã làm việc như một viên chức và một nhà giáo, nhưng chỉ trong thời gian ngắn. Ông theo học khoa Luật và khoa Triết, nhưng đều bỏ dở không học hết.

Năm 1858, ông tham gia xuất bản niên giám mang tên *Máj* nhằm giới thiệu thể hệ tác giả nòng cốt của văn học Séc thế kỉ 19. Trong số đó có bà Karolína Světlá, một trong những nữ tác giả Séc nổi tiếng nhất, người mà sau này Jan Neruda rất gần gũi. Vào thời gian này, tập thơ đầu tiên của ông ra đời, đó là tập *Hřbitovní kvítí* (*Hoa nghĩa địa*, 1857). Trong những năm 1859-1860 ông làm biên tập cho tạp chí *Obrazy života* (*Hình ảnh cuộc sống*). Vào thời gian này, ông đi du lịch rất nhiều, chủ yếu là đi các nước Ả-rập. Sau những chuyến đi ấy, ông đã viết sách du ký, như *Menší cesty* (*Những chuyến đi ngắn*), *Obrazy z ciziny* (*Những bức tranh từ nước ngoài*). Năm 1863-1864, ông chủ trì tạp chí *Rodinná kronika* (*Nhật ký gia đình*), năm 1865-1867 ông là một trong những người thành lập tạp chí *Květy* (*Hoa*); tuy có một số thay đổi nhưng tạp chí vẫn được xuất bản cho đến nay. Năm 1864, ông xuất bản tập truyện ngắn *Arabesky* (*Arabesque*) về những kiểu người đặc biệt và số phận bi hài của họ. Từ năm 1865 đến khi qua đời năm 1891, ông làm biên tập cho nhật báo chính trị *Národní listy* (báo *Dân tộc*). Ông đã viết cho báo này tới hơn hai nghìn tiểu phẩm, vì vậy ông còn được coi là một trong những người sáng lập ngành báo chí Séc. Năm 1868, ông xuất bản tập thơ thứ hai mang tên *Knihy veršů* (*Sách thơ*). Tập thơ mang tên *Písň kosmické* (*Bài ca vũ trụ*) xuất bản năm 1878 là tập thơ rất được ưa chuộng, lấy cảm hứng từ những kiến thức mới về vũ trụ. Cùng năm đó, ông

hoàn thành tập truyện *Povídky malostranské* (Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông). Năm 1883, tập thơ *Balady a romance* (Bài ca ballad và lãng mạn) đã làm rạng danh tên tuổi của ông, một số bài ballad đã trở thành những bài ca dân gian. Tập thơ cuối cùng *Zpěvy páteční* (Bài ca ngày Thứ Sáu) được xuất bản năm 1896, sau khi ông qua đời. Jan Neruda từ trần ngày 22/8/1891 tại Praha.

# MỘT TUẦN LỄ TRONG NGÔI NHÀ YÊN TĨNH

## I. GIẤC NGỦ

Căn phòng ấy đóng kín mít. Trong phòng là bóng tối dày đặc, không có một kẽ hở nào để cho dù chỉ một chút ánh sáng lơ mờ bên ngoài có thể lọt được vào. Cái bóng tối ấy dày đặc đến mức giá ta có cảm giác là nhìn thấy một cái gì sáng sáng, thì cái sáng sáng đó chỉ ở trong tưởng tượng của ta mà thôi.

Tuy vậy, trong màn đêm ấy, vẫn có thể nhận ra được mọi biểu hiện nhỏ nhất của cuộc sống. Ta có cảm giác là trong phòng tràn ngập một bầu không khí đầy mùi dầu mỡ, mùi hỗn hợp thô tạp của các loại chất bốc hơi. Có thể ngửi thấy mùi gỗ thông, mùi mỡ bò, mỡ lợn, rồi lại còn có mùi gì như mùi mận khô, mùi hạt thìa là Ai Cập, thậm chí cả mùi rượu nặng, mùi tỏi, và nhiều thứ mùi khác nữa. Có thể nghe thấy cả tiếng đồng hồ chạy tích tắc. Cái đồng hồ này chắc hẳn phải là đồng hồ treo tường đã cũ, có tay lắc dài, ở phía cuối có một vòng tròn bằng tôn mỏng hơi bị vênh. Cái vòng tôn ấy hơi rung lên mỗi khi tay lắc ngừng chuyển động, và những khoảng khắc đều đặn ấy cứ lặp đi lặp lại đến đơn điệu.

Cùng với tất cả những cái đó, còn có thể nghe thấy tiếng thở của những người đang ngủ. Dứt khoát ở đây phải có mấy người đang ngủ. Những tiếng thở của họ trộn lẫn vào nhau, không tiếng nào giống tiếng nào. Có tiếng thở nhỏ nhẹ, có tiếng thở mạnh hơn, có tiếng thở ngắt quãng như tiếng tay lắc của đồng hồ, rồi phì phì gấp gáp.

Tự nhiên, cả cái đồng hồ cũng thở dài và cất tiếng điểm giờ, rồi sau đó, tiếng chuyển động của tay lắc như trở nên trầm thì hơn. Một trong những người đang ngủ trở mình và kéo chăn sột soạt; rồi có tiếng cọt kẹt của chiếc giường gỗ.

Đồng hồ lại điểm giờ, đánh hai tiếng vang cao, rồi ngay sau đó là hai tiếng vọng trầm hơn. Người ấy lại trở mình. Rồi có tiếng người ấy ngồi dậy, tiếng hất cái chăn, tiếng chân người ấy chạm vào thành giường - bây giờ chắc đã quờ được chiếc dép đi trong nhà - rồi đã xỏ được chân vào cả đôi dép. Người ấy đứng lên, thận trọng bước mấy bước rồi dừng lại, sau đó đưa tay lần lần trên sàn gỗ, bàn tay người ấy chạm phải cái gì sột soạt, chắc hẳn là bao diêm.

Người ấy quẹt diêm mấy lần, nhưng lần nào cũng chỉ thấy lóe lên một tia lửa, rồi que diêm bị gãy. Người ấy làu bàu, lại quẹt que diêm mới, lần này thì được. Ngọn lửa nhỏ chiếu vào một thân hình mặc quần áo ngủ. Que diêm cháy gần hết, nhưng bàn tay già nua gân guốc đã đưa nó đến gần chiếc cốc thủy tinh có chứa nước và dầu hỏa, rồi châm vào cái bắc gần ở nút phao đang nổi trên đó. Ngọn lửa trên đầu bắc sáng lên như ngôi sao nhỏ, que diêm đã tàn được vất xuống sàn nhà. Ngôi sao nhỏ ấy từ từ lớn hơn, nó chiếu lên thân hình của người đang mặc áo ngủ. Đó là một người đàn bà đã có tuổi, bà ấy đang dụi mắt và ngáp ngáp dài.

Người đàn bà đứng bên cái bàn nhỏ kê sát bức vách bằng gỗ sơn màu tối. Bức vách gỗ đó ngăn căn phòng ra thành hai phần. Ánh sáng của ngọn đèn dầu chỉ đủ chiếu một góc phòng, đằng sau bức vách gỗ vẫn là bóng tối. Tuy vậy, không thể nhầm lẫn được, chỉ người thôi cũng đủ thấy căn phòng này là kho hàng tạp hóa, chắc hẳn nó vừa là cửa hàng, vừa là phòng ở. Cửa hàng tạp hóa ấy có nhiều hàng dự trữ với những cái bao tải căng đầy xếp liền nhau, bên trên có đặt rõ ràng cũng đầy hàng, trên tường treo đủ những bó hàng lớn nhỏ.

Người đàn bà rùng mình vì cái lạnh ban đêm. Bà lấy chiếc đèn từ trên bàn và mang đặt nó lên quầy hàng. Trên mặt quầy có xếp nhiều miếng bơ

mới, phía bên trên quầy có cái cân treo, rồi vài chuỗi hành tỏi. Bà ngồi vào sau quầy, hai chân co lên, đầu gối chạm đến cằm. Sau đó, bà mở ngăn kéo, rút ra một cái hộp đầy các cuộn chỉ, một cái kéo và đủ các thứ linh tinh khác. Bà xếp mọi thứ sang một bên, dưới đáy hộp còn lại giấy tờ và mấy quyển sách. Bà không để ý gì đến các tờ giấy có ghi chép mà chỉ lấy ra một quyển sách. Đó là sách viết về các giấc mơ, gọi là “sách lớn”, hay là “sách giải mã giấc mơ lô đề”. Bà chăm chú lật các trang sách, rồi đọc, rồi ngáp, rồi lại đọc.

Bây giờ ở phía đằng sau tấm vách chỉ nghe thấy thở đều đều của một người vẫn đang ngủ; còn một người khác thì đã tỉnh giấc, có thể là do người ấy nghe thấy tiếng động, hoặc để ý thấy có ánh sáng. Người ấy cọ quạ trên giường.

“Cái gì thế hả?” Có tiếng làu bàu khàn khàn của một người đàn ông đã có tuổi.

Người đàn bà không trả lời.

“Bà làm sao thế?”

“Ông cứ ngủ đi, tôi không sao cả, chỉ rét thôi.” Người đàn bà nói, rồi ngáp.

“Thế bà làm cái gì ngoài ấy?”

“Tôi mơ thấy cha tôi, để đến sáng thì sợ quên mất. Chưa bao giờ lại có giấc mơ đẹp như thế. Ôi chao ơi là rét, tháng sáu rồi mà vẫn còn rét thế này!” Bà tiếp tục đọc và lắc đầu. Im lặng.

“Mấy giờ rồi?” Lại có tiếng hỏi khàn khàn từ phía sau tấm vách.

“2 giờ.”

Tiếng thở của người ngủ thứ ba bắt đầu trở nên không đều đặn. Tiếng nói chuyện to chắc đã đánh thức người ấy dậy.

“Thế nhanh lên rồi đi nằm, để cả nhà còn ngủ. Bà thì lúc nào cũng chỉ nghĩ đến lô đề thôi!”

“Ở nhà này chả có lúc nào được yên. Ông cứ ngủ đi, mặc tôi!”

Phía sau vách có tiếng thở dài; người thứ ba cũng đã tỉnh giấc. Tiếng người đàn ông có tuổi tiếp tục càu nhàu:

“Thằng con trai đi bia rượu đến gần nửa đêm mới về, gần về sáng thì mẹ nó lại linh kinh làm tôi không ngủ được, sống thế này thì có khổ thân tôi không chứ!”

“Ông không để yên có phải không? Phải rồi, thân gái già này cứ vất vả mà chả ai biết cho! Được ông chồng thì lúc nào cũng càu nhàu càu nhàu - giá mà ông dạy bảo thằng con ông thì có phải là được việc không! Còn tôi, tôi có làm gì thì cũng chẳng bận đến ai!”

“Thì bà dạy nó đi, nó cũng là con bà chứ, dạy bảo cái thằng rượu chè ấy đi!”

“Bố lại muốn cái gì đấy?” Có tiếng nói của một người đàn ông còn trẻ.

“Câm đi, mày chả có quyền gì mà nói!”

“Nhưng mà con không thể hiểu được là...”

“Ấy, anh ấy không thể hiểu được!” Ông già cười nhạo báng, “đồ vô lại!”

“Nhưng mà...”

“Này, có im đi không?”

“Nó lại còn cãi giả nữa chứ! Ông với tôi có con trai đâu mà ngoan thế, sung sướng quá nhỉ!” Bà già nói, rồi lại ngáp.

“Con với cái gì nó! Nó làm khổ, nó cướp sức khỏe của bà với tôi thì có!”

“Nhưng mà đang ngủ thì con làm sao mà cướp được!”

“Này, cái thằng mất dạy kia, im đi!”

“Thật là quý tử!”

“Đồ vô lại thì có!”

“Đúng thế, đồ vô lại!”

Người con trai huýt sáo một điệu nhạc.

“Bà thấy chưa, nó còn nhạo báng mình nữa kìa!”

“Nhưng trời không tha nó đâu,” bà già vừa nói vừa lấy cục phấn viết lên bức vách gỗ các con số 16, 23 và số 8. “Tôi với ông thế nào cũng phải chứng kiến ngày ấy, nhưng rồi thì cũng cầu trời đừng để cho tôi sống thêm nữa làm gì.” Bà ấy xếp cái hộp lại, thổi tắt ngọn đèn và quay trở lại giường của mình. “Nó sẽ phải ăn năn hối lỗi, nhưng mà lúc ấy thì đã muộn rồi. Đây, có im đi không hả thằng kia?”

Người con trai ngừng huýt sáo.

“Chả nhờ vả gì được mày đâu, chúng tao mà có chết thì mày cũng chẳng lo ma chay gì đâu!”

“Thôi, thôi, xin bà đừng nói nữa, ngủ đi, tôi buồn ngủ lắm rồi!”

“Tội ấy đổ lên đầu tôi là cái chắc. Ồi trời ơi là trời, sao trời làm tôi khổ đến thế này!”

“Này, bà có im đi không, tôi phát điên lên vì các người đây!”

“Vâng, vì chúng tôi, vì chúng tôi!”

“Vào ban đêm ai cũng dữ tợn,” người con trai nói.

“Nó bảo cái gì thế?”

“Tôi không biết! Nó thì chuyện gì cũng xen vào, cái thằng quỷ tha ma bắt ấy!”

“Đẩy cái tủ kia vào nó, hay là đuổi nó đi, tổng cổ nó đi ngay bây giờ đi!”

“Thôi, thôi, tôi xin ông, cả ông cũng để cho tôi yên đi! Thật là địa ngục trần gian!”

Ông già hằm hừ, bà già găm gừ như đáp lời, người con trai im lặng.

Tiếng hằm hừ găm gừ còn kéo dài thêm một lúc nữa, rồi tiếng khạc nhổ, rồi tất cả mọi tiếng cứ nhỏ dần, nhỏ dần; bà già ngủ thiếp đi, ông già còn trở mình một lần nữa và cũng ngủ tiếp. Người con trai lại huýt sáo, nhưng chưa hết được câu đầu thì cũng lại chìm vào trong giấc ngủ.

Trong bầu không khí đầy dầu mỡ lại vang tiếng lạch cạch của tay lắc đồng hồ như trước. Thêm vào đó là tiếng thở của ba người đang ngủ. Tiếng thở của họ trộn lẫn vào nhau, nhưng không một lúc nào trùng nhịp với nhau.

## II. BUỔI SÁNG

Mặt trời buổi sáng của một ngày tháng sáu đã chiếu xuống sân từ khá lâu rồi, mọi người trong nhà mới bắt đầu thức giấc. Tiếng chân bước mạnh vang lên ở hành lang, át cả tiếng động của các loại xe đang lăn bánh từ ngoài đường vọng vào. Đó là tiếng chân bước của những người đàn bà lần lượt đi ra từ các căn hộ, như thể người này chờ người kia đi qua rồi mới mở cửa để ra khỏi phòng. Họ chỉ có mấy người, và ai ngủ dậy cũng mang cái vẻ luộm thuộm giống như những người giúp việc. Có người để xõa mái tóc còn chưa chải, có người kéo khăn quàng trùm xuống đến dưới trán, che đôi mắt ngái ngủ trước ánh sáng mặt trời. Váy áo của họ không được cài thắt cẩn thận, giày dép thì kéo lê lệt sệt. Họ cầm trong tay những cái bình hoặc còn trống không, hoặc đã đầy sữa.

Các căn hộ trong nhà cũng từ từ tỉnh giấc. Những tấm rèm trắng ở các cửa sổ được kéo sang bên, nhiều cửa sổ được mở ra. Có người đứng bên cửa sổ, nhìn ra ngoài trời, nhìn sang đồi Petřín<sup>[1]</sup>, rồi quay vào nói với ai đó trong phòng về ban mai đẹp. Mọi người gặp nhau ở cầu thang và ngoài hành lang, họ chúc nhau một buổi sáng tốt đẹp.

Bên cửa sổ ngoài cùng trên tầng hai, ở phía nhìn ra đường, có một người đàn ông cao lớn với mái tóc bạc rối bù và khuôn mặt đỏ đầy mụn nhọt. Ông nặng nề tì tay vào bậu cửa và nghiêng hẳn người ra ngoài. Cái áo ông phanh ra, làm lộ cả bộ ngực vạm vỡ. Trời tháng sáu rồi mà ông vẫn còn mặc áo vải flanen. Ông nhìn sang cửa sổ còn đóng bên cạnh, rồi đứng thẳng người và nói về phía trong phòng: “Vẫn còn chưa đến 7 giờ.”

Vừa lúc ấy, có tiếng động lớn ở cửa sổ phòng bên, rồi cửa sổ ấy được mở toang ra. Một người đàn ông khác đứng ở đó, cũng vóc dáng cao lớn, nhưng trẻ hơn. Tóc ông màu đen, được chải thành nếp cẩn thận, chỉ nhìn cũng thấy ngay là ngày nào cũng được chải như thế. Khuôn mặt ông tròn trặn, râu cạo nhẵn nhụi, xem ra không có vẻ gì là đặc biệt. Ông mặc một cái áo khoác trong nhà màu xám trang nhã, và đang lau kính bằng một chiếc khăn lụa màu vàng. Ông hà hơi vào mắt kính một lần nữa và lại lấy cái khăn đó lau, rồi đeo kính lên mắt, sau đó nhìn xuống đường. Với chiếc kính trên mặt, khuôn mặt không lấy gì làm đặc biệt của ông trở nên rõ ràng hơn, đó là cái thường thấy ở những người cận thị. Khuôn mặt ấy trông phúc hậu, đôi mắt hiền từ và vui vẻ, nhưng không còn trẻ nữa; đó là khuôn mặt của một người đã ngoài tuổi bốn mươi. Và nếu nhìn kĩ hơn đó bằng con mắt có kinh nghiệm thì chắc chắn thấy đó là khuôn mặt của người đàn ông chưa vợ. Linh mục và người đàn ông chưa vợ bao giờ cũng có khuôn mặt rất dễ nhận ra.

Người đàn ông chưa vợ ấy đứng tì tay vào cái gối trắng thêu đẹp để đặt trên bậu cửa sổ. Ông nhìn lên bầu trời xanh, nhìn sang đồi Petřín tươi sáng đầy cây xanh, và mỉm cười. “Trời đẹp quá - từ mai mình sẽ phải dậy sớm hơn,” ông tự nhủ. Ngay sau đó, ông đưa mắt nhìn sang cửa sổ trên tầng ba ở phía sau của ngôi nhà. Sau tấm kính cửa trong suốt còn đóng, thoáng qua một bóng người mặc váy. “Phải rồi, tất nhiên đó là Josefinka, cô ấy đang ở trong bếp,” ông lại tự nói thầm với mình. Vừa nói, ông vừa nhấc bàn tay phải, trên ngón tay mập mạp có đeo một chiếc nhẫn kim cương. Tia sáng lấp lánh từ chiếc nhẫn làm ông lại nghĩ đến mình. Ông quay quay chiếc nhẫn một chút, để cho mặt kim cương nằm đúng mặt trên của ngón tay, hơi kéo tay áo lên rồi thích thú ngắm bàn tay mập mạp trắng trẻo của mình. “Có sạm

năng một chút cũng chẳng sao, càng khỏe,” ông lại tự nhủ, rồi giơ bàn tay phải lên cao, như là để kiểm tra cái khỏe khoắn ngày càng khỏe ra của mình.

Phía bên kia của tầng ba, có tiếng kẹt cửa ở căn phòng bên hành lang, rồi một cô gái bước ra khỏi phòng. Đó là cô gái khoảng 18 tuổi, xinh đẹp như ánh sáng ban mai! Cô có vóc dáng thon thả và duyên dáng. Mái tóc đen xoăn xoăn rất dày rủ xuống đến vai, được buộc túm lại bằng một dải nhung giản dị. Khuôn mặt cô tròn trĩnh, cặp mắt xanh sáng và trung thực, đôi má hồng hào, làn da trắng mịn màng, cặp môi nhỏ đỏ thắm. Có thể có người cho rằng gương mặt ấy không đều đặn như khuôn mặt người mẫu, nhưng mà nó rất dễ chịu. Cô có đôi tai nhỏ nhắn đáng yêu, cho dù chỉ đeo đôi khuyên nhỏ bằng bạc đơn giản. Ngoài đôi hoa tai bằng bạc, cô không mang một đồ trang sức nào khác. Trên cái cổ trắng ngần của cô có một sợi dây mảnh màu đen, có thể còn có mặt dây chuyền, nhưng nếu có, thì chắc nó được giấu kín giữa hai bầu vú đang lớn của người con gái. Cô mặc bộ váy áo sáng màu, có sọc dài và mảnh, cúc cài đến cổ, màu vải và kiểu váy áo may đơn giản, trông rất duyên dáng.

Cô gái bưng một cái bình màu nâu có nắp đậy.

“Chào cô Josefinka!”

“Dạ, xin chào luật sư ạ.” Josefinka trả lời, đưa mắt nhìn sang cửa sổ phía đối diện và mỉm cười thân thiện.

“Cô mang gì đi đâu vậy?”

“Dạ, cháu mang một tí xúp thịt bò xuống cho bà Žanýnka, cháu để dành cho bà ấy từ hôm qua. Bà ấy đang bị ốm ạ.”

“Bà Žanýnka bị ốm à? Mà không ốm thì mới lạ, phòng bà ấy cứ kín bưng như nhà tù ấy! Cả năm chẳng bao giờ mở cửa sổ, trong phòng lại còn có cả con chó xấu xí ấy nữa; hôm qua nó sữa cả đêm. Có lẽ chúng ta phải qui định chỉ được nuôi giống chó thuần chủng!”

“Lại còn thế nữa cơ,” cô Josefinka hơi bực mình, “nếu mà thế thì có lẽ bà Žanýnka phát điên lên mất!”

“Bà ấy ốm bệnh gì vậy?”

“Bệnh già ạ,” Josefinka buồn rầu trả lời và đi về phía cầu thang xoáy.

“Josefinka là cô bé tốt bụng!” Ông luật sư lẩm bẩm và đưa mắt nhìn theo cô.

Josefinka đi qua sân, đến trước căn phòng ở tầng một. Cô đặt tay vào tay nắm cửa, nhưng cửa khóa. Cô lay lay tay nắm cửa, rồi gõ cửa, nhưng không thấy trong nhà có động tĩnh gì. “Cô thử gõ vào cửa sổ xem sao!” Ông luật sư nói từ cửa sổ phòng mình.

“Không ăn thua gì đâu, phải đập cơ, chứ gõ không đủ đâu! Nhưng Josefinka không biết đập cửa. Để tôi đập cho!”, có tiếng nói từ bậc thang ở lối ra cổng. Chỉ nhảy hai bước từ cầu thang xuống sân, một nam thanh niên khoảng hai mươi tuổi đã đến bên cô Josefinka. Người thanh niên ấy mặc bộ quần áo mỏng mùa hè màu xám, đầu để trần không đội mũ. Tóc anh đen và quăn quăn, khuôn mặt vuông vắn, đôi mắt lạnh lợi.

“Vâng, anh Václav ạ, xin anh giúp tôi với!” Josefinka nhờ.

“Nhưng trước hết phải xem có cái gì ở bên dưới nắp bình đã!” Václav đùa và đưa tay về phía Josefinka.

“Này... này,” ông luật sư lên tiếng dọa, nhưng thôi ngay, vì thấy cô Josefinka khéo léo tránh được bàn tay của chàng thanh niên.

“Thôi, tôi gõ lấy cũng được!”

Nhưng Václav đã đứng bên cửa sổ và gõ tay vào cửa kính. Bên trong nhà vang lên tiếng chó sủa chói tai, rồi lại im bật. Cả hai đứng chờ một lúc. Khi vẫn không thấy ai lên tiếng, chàng thanh niên đi sang cửa sổ bên cạnh và hết sức đập vào nó. Trong nhà, con chó lại sủa dữ dội, một hồi lâu sau nó rít lên rồi ngừng sủa.

“Bà Žanýnka sẽ mắng cho đấy!”

“Ừ thì mắng, có sao!” Václav nói và lại dấn vào cửa, rồi áp tai vào cánh cửa lắng nghe. Bên trong phòng, chỉ có tiếng rít rền rĩ của con chó.

Tiếng động ồn ào đã đánh thức cả ngôi nhà. Ở cửa sổ cạnh phòng ông luật sư lại thấy người đàn ông cao lớn với khuôn mặt đầy mụn nhọt, cạnh ông ta là hai người phụ nữ, một người đã có tuổi và một người trẻ hơn. Trên tầng ba phía đối diện, mẹ của Josefinka bước ra hành lang. Bà có dáng người cao cao. Đi sau bà là cô con gái ốm yếu, người nhỏ bé, lưng khom khom, chị gái của Josefinka. Ở hành lang dưới tầng hai có ba người ra khỏi phòng. Người thứ nhất là một người đàn ông có tuổi, đầu hói. Người thứ hai là người đàn bà cũng ngang tuổi người đàn ông ấy. Cả hai đều còn mặc quần áo trong nhà. Người thứ ba là cô gái khoảng 20 tuổi, chỉ mặc váy áo lót, một cái khăn quàng vôi trên vai, tóc còn đang quấn nhiều cặp quấn tóc bằng giấy. Từ cầu thang ở lối ra vào có hai người phụ nữ đi xuống, họ mặc váy áo rất đơn giản. Người thấp nhỏ hơn trong họ là một người đàn bà nhanh nhẹn, sống động, là bà chủ quán ăn. Bà ngoảnh lại bảo con gái mình ở trong phòng: “Márinka, con ra trông quây, nhớ có người vào!” Người đàn bà thứ hai có vóc dáng cao lớn hơn, đó là người đàn bà xem sách giải mã giấc mơ mà chúng ta đã biết từ đêm qua. Bà đội trên đầu chiếc mũ vải màu trắng sạch sẽ, rất hợp với bà. Ánh sáng mặt trời làm khuôn mặt bà dễ chịu và dịu hiền hơn. “Cái gì thế hử Václav?” Bà hỏi người thanh niên, con trai bà ấy.

“Bà Žanýnka chết rồi hay sao ấy mẹ ạ! Để con gõ cửa một lần nữa xem sao!” Rồi lại hết sức đập vào cửa.

“Thôi, không còn cách nào khác là phải đi tìm thợ khóa, cậu Václav ạ, cậu đi nhanh lên!” Ông luật sư nói từ tầng trên. “Tôi xuống đây ngay bây giờ!”

Václav đi khỏi sân. Tiếng hỏi, tiếng trả lời của mọi người vọng lên từ mọi phía, đan vào nhau.

Ông luật sư ăn mặc chỉnh tề đi từ cầu thang xuống. Khi đi qua Josefinka đang căng thẳng lo lắng, ông bảo cô không phải giữ mãi cái bình trong tay. Vừa lúc đó, Václav dẫn thợ khóa đến. Khóa cửa được tháo, cánh cửa được mở ra. Lúc đầu, không ai muốn vào phòng. Václav lấy can đảm

bước vào, ông luật sư đi theo, còn những người đàn bà thì chen nhau đứng ở trước cửa.

Căn phòng lớn tối tăm đến khủng khiếp. Cửa sổ trông ra sân và cả cửa sổ nhìn sang đồi Petřín đều kéo rèm kín mít, không một tia sáng nào lọt được vào phòng. Không khí trong phòng ngột ngạt, nặng mùi hôi hám mốc meo. Mạng nhện phủ đầy bụi đen đúa rủ xuống từ trần nhà. Trên các bức tường xám trống trơ có treo mấy bức tranh tối màu, xung quanh viền hoa giả đã rất cũ và phủ một lớp bụi dày cộp. Đồ đạc trong phòng tuy nhiều, nhưng đều đã quá cũ, hết thời, nhìn qua cũng thấy bao năm tháng qua chúng không được dùng vào việc gì. Trên chiếc giường thấp có tấm chăn màu vàng bẩn thỉu, thò ra ngoài tấm chăn là hai cánh tay khẳng khiu đến thảm hại và cái đầu gầy gò khô quắt không còn một sợi tóc nào. Thấy có người vào, con chó già đen xù, xấu xí và bất hạnh chạy đi chạy lại từ đầu giường đến cuối giường và sủa liên hồi một cách tuyệt vọng.

“Azor, im đi, im đi nào!” Václav đe con chó, giọng nghẹn lại như sợ hít phải không khí trong phòng.

“Tôi nghĩ bà ấy mất rồi, không thì con chó đã chẳng rên rỉ như vậy.” Ông luật sư nói thầm.

“Vâng, bà ấy đi rồi! Xin Chúa tha tội cho bà ấy, cho tất cả chúng ta nữa. Xin Đức mẹ linh thiêng phù hộ cho chúng con!” Mẹ của Václav, bà Bavorová, lấp bắp cầu nguyện, giọt nước mắt lớn từ từ lăn trên má bà.

“Trong một nhà, khi có đám tang rồi sau đó không lâu có đám cưới thì cô dâu thường hạnh phúc.” Bà chủ quán ăn nói như vậy với Josefinka. Tội nghiệp cô bé, đang sợ tái mặt nhưng bất chợt mặt cô nóng rực lên, rồi lại trở lại nhợt nhạt. Cô quay mặt, không nói một lời nào và bỏ đi.

“Trước hết phải xua con chó đi, kéo nó cản, biết đâu rằng nó đã dính cái độc hại từ người chết rồi.” Ông luật sư nói và lùi lại vài bước.

“Vâng, nó sẽ phải ra khỏi đây.” Václav nói và tiến gần đến con vật hung dữ đang canh bà chủ đã chết. Mặc dù tất cả mọi người trong phòng đều

là người quen, con chó vẫn lồng lộn sủa, mỗi lúc một dữ dội hơn. Vừa sủa đình tai, nó vừa lùi về phía đầu giường, trong khi Václav tiến gần đến nó. Cậu đi đến tận giường, đưa tay trái kéo cái chăn, và khi con chó nhảy đến giữ thì Václav tóm lấy gáy nó bằng tay phải, rồi nhấc nó lên cao. Con chó điên cuồng giẫy giụa nhưng Václav giữ nó rất chặt.

“Mang nó đi đâu bây giờ?”

“Mẹ đưa cho con chìa khóa phòng để cũi, con nhốt tạm nó vào đấy đã.” Václav mang con chó còn đang rên rĩ đi.

“VẬY là bà già đã chết rồi ư?” Có tiếng khàn khàn ở ngoài cửa. Đó là tiếng của người đàn ông hói đầu chúng ta đã trông thấy ở hành lang trên tầng hai. Đầu ông hói đúng đến chỗ chạm vào vòng mũ. Ông thường xuyên đội cái mũ chóp hình trụ cũ kĩ hết thời đã lâu. Những sợi tóc mềm đã bạc ở hai bên thái dương rủ đến tận mắt. Mặt ông đầy vết nhăn, khuôn mặt của người trước đây rất béo, sau bị gầy quắt đi. Hai bên má ông hóp lại, lõm sâu. Ông có dáng người xương xẩu, ngực lép, hai tay luôn luôn vung vẩy như không chủ động được.

“Vâng, bà ấy đi rồi!”

“Thế thì phải nhanh chóng đưa bà ấy ra nhà xác, để khỏi có người chết ở trong nhà, chứ để nằm đây lại phải có nhiều thanh toán lòi thối!”

“Cái ấy thì khỏi phải lo, thưa ông chủ nhà,” ông luật sư nói. Lúc này, ông đang đọc các giấy tờ xếp đầy trong cái hộp để trên bàn bên cạnh giường. “Bà ấy đã thu xếp để thanh toán tất cả. Bà ấy đã chuẩn bị mọi hậu sự, có thể là ngày hôm qua bà ấy vẫn còn xem lại giấy tờ. Trong cái phong bì có niêm phong này tôi thấy một tờ giấy mang tên bà ấy, thành viên của hội thánh Haštal. Còn đây là sổ của hội tình thương Strahov. Bà ấy sẽ được thanh toán tiền tang lễ, còn buổi lễ cầu nguyện linh hồn thì cũng đã được trả tiền trước rồi.”

“Tội nghiệp bà ấy. Lương hưu cả năm của bà ấy chỉ có 80 zlatý.<sup>[2]</sup> Cứ ba tháng một lần, Václav nhà tôi lại điền phiếu nộp tiền hộ bà ấy!” Bà

Bavorová cảm động nói. Bà Žanýnka đã đóng tiền hậu sự vào hai hội kế trên từ lâu rồi, ấy là từ lúc các hội đó còn xứng đáng với cái tên lịch sử của chúng, chứ không phải là cái đáng bị sỉ nhục như bây giờ.

“Họ sẽ trả hậu sự cho bà ấy khoảng 50 *zlatý*, một tấm quan tài và tấm bia thiếp vàng được vẩy nước thánh,” bà chủ quán ăn nói.

“Thế những tờ khác là giấy tờ gì?” Václav đã quay trở lại, tò mò hỏi.

“Chả có gì quan trọng. Một số thư từ riêng, từ hàng mấy chục năm rồi,” ông luật sư đọc rồi trả lời.

“Chú cho cháu mượn, thư từ của bà già không chồng chắc có nhiều cái hay. Cháu sẽ trèo lên mái nhà để đọc. Hôm nay là thứ hai, nhà nào cũng giặt quần áo, ở đâu cũng toàn mùi xà phòng, hơn nữa nhà nào cũng nấu đậu Hà Lan. Tốt hơn hết là trốn lên mái nhà. Cháu muốn trở thành nhà viết tiểu thuyết, và người viết tiểu thuyết thì cái gì cũng phải đọc. Cháu có nhiều thời gian, vì được công sở cho nghỉ phép đến tận thứ năm, có phải không ạ, thưa ông chủ nhà?”

“Nhưng không được làm mất tờ nào đấy, đọc xong thì đem hết về đây!”

“Bây giờ ai là người lo toan tất cả mọi thủ tục được đây?” Ông chủ nhà hỏi. “Có lẽ ông phải làm việc này thôi, ông luật sư ạ! *Denn diese Leute kennenn's nicht* (đối với những người này không biết)!” Ông chủ nhà tỏ ra hiểu biết.

“Giá mà con trai tôi không thực tập ở công sở của ông thì tôi sẽ bảo cho ông biết rằng phải nói là *kennes-nicht* (bởi vì những người này không biết)!” Bà Bavorová lẩm bẩm một mình.

“Vâng, biết làm sao được!” Ông luật sư nhiệt tình đáp. “Tôi sẽ đến chỗ khai nhân khẩu, đến ban quản lý nghĩa trang và sang nhà xú, còn cậu Václav thì phải đi ngay để mời bác sĩ đến chứng nhận. Khi bác sĩ ký giấy khai tử rồi thì cậu mang sang văn phòng cho tôi nhé!”

Václav nhanh nhẹn đi ra.

“Còn tôi với bà chủ quán sẽ tắm rửa rồi mặc váy áo cho bà Žanýnka. Nghĩa tử là nghĩa tận!”

“Vâng, các bà tốt quá!” Ông luật sư khen họ. “Thôi, tôi phải đi đây!”

“Để tôi đi cùng với ông.” Ông chủ nhà nói.

Rồi cả hai người đàn ông cùng đi.

“Bây giờ bà đang làm gì vậy?” Bà chủ quán hỏi bà Bavorová.

“Tôi đang nghĩ đến cả thế giới.”

“Bà lại mơ thấy cái gì thế?” Bà chủ quán hỏi tiếp. “Bà đã định kể về...”

“À, vâng! Giấc mơ ấy rất đẹp! Tôi mơ thấy cha tôi về, xin trời tha tội cho cha tôi, mồ yên mả đẹp cũng được hơn hai mươi năm nay rồi. Mẹ tôi bỏ đi trước, cha tôi nhớ thương ngày nào cũng ra mộ, rồi mất, nhưng ra đi rất nhẹ nhàng. Cha mẹ tôi thương yêu nhau lắm. Trong mơ, tôi nhìn thấy cha mẹ khóc thương chúng tôi, ngày ấy đang có chiến tranh Napoléon, chẳng có gì cho chúng tôi ăn cả.”

“Cụ ông tên là gì?”

“Cha tôi tên là Nepomucký, vì ngày lễ tên thánh của cha tôi là ngày 16, vậy sẽ là số 16. Tự nhiên tôi thấy cha tôi, cả người trắng bệch, đứng trước mặt tôi ở trong cửa hàng. Tôi định hỏi, ‘Bố đi đâu mà ở đây?’, cha tôi đưa cho tôi cả một ôm đầy bánh nướng - tức là số hai mươi ba, con số may mắn - rồi bảo tôi: ‘Người ta chiêu lính, bố phải đi!’ Mục chiêu lính có con số tám, nghĩa là sự vui vẻ. Sau đó bố tôi quay ngược ra ngoài và đi mất.”

“Thế thì phải là số sáu mươi một, chứ không phải mười sáu, khi mà ông cụ quay ngược ra!”

“Ừ nhỉ, thế mà tôi không nghĩ ra! Vậy thì các con số sẽ là 61, 23 và 8.”

“Giấc mơ rõ ràng như thế thì ta mua số đề cả năm mươi *krejcar*<sup>[3]</sup> nhỉ?”

“Ừ, cũng được.”

“Chúng ta sẽ trúng giải, sẽ được nhiều tiền, tốt quá. Cậu Václav nhà bà và Márinka của tôi, chúng nó thích nhau - trúng được giải thì tốt quá!”

### III. GIA ĐÌNH ÔNG CHỦ NHÀ

Đã đến lúc tôi nên nói qua về địa điểm và các nhân vật của chuyện tôi muốn kể. Về nhân vật mà nói thì điều đó phụ thuộc rất nhiều vào sự ngẫu nhiên, tùy theo việc họ có những hành động gì nổi bật trong ngày nào đó. Còn về địa điểm thì tôi có thể nói ngay được rằng đó là một trong những ngôi nhà yên tĩnh nhất của khu Malá Strana<sup>[4]</sup> yên tĩnh. Nhà được xây rất khác lạ, là một trong những ngôi nhà khác lạ tương tự ở cái dốc cao nhất của phố Ostruhová<sup>[5]</sup>. Cái nhà ấy rất sâu, mặt tiền đơn giản của nó hướng ra phố Ostruhová, mặt hậu nhìn ra phố Svatojánská sâu thăm thẳm và ít người qua lại. Vì nằm trên dốc nên tuy nhìn từ phía sau nhà có ba tầng, nhưng lại thấy thấp hơn phía trước, mặc dù ở đó chỉ nhìn thấy hai tầng. Không thể đi từ phía trước nhà đến phía sau nhà qua sân được, vì tường của các nhà bên cạnh đứng chắn ngang. Ở mặt tiền nhìn từ đường vào, phía tay trái là cửa hàng tạp hóa, bên phải là quán ăn. Muốn đi lên tầng hai ở phần phía trước nhà thì không đi theo cầu thang từ lối qua cổng được, mà phải đi lên cầu thang ở ngoài sân, từ đó rẽ sang tay phải, đi qua một hành lang ngắn, tới cầu thang xoáy, rồi từ đó lại đi qua một hành lang ngắn nữa. Cả tầng hai là căn hộ của một công chức trước làm việc ở Sở Kinh tế, nay đã về hưu. Ông ấy sống ở đây cùng với vợ và cô con gái của họ. Ông luật sư tên là Josef Loukota, đúng ra chỉ là luật sư phụ tá, chưa có học vị tiến sĩ, đang ở trọ trong một căn phòng của gia đình này. Muốn đi vào phòng mình, ông luật sư phải đi qua bếp của gia đình.

Theo cầu thang xoáy còn có thể đi lên cao hơn nữa, đến tận tầng nóc nhà.

Phía dưới, ở bên phải và bên trái của cầu thang, là các ngăn chứa củi của các gia đình. Căn hộ của bà Žanýnka ở tầng một nhà phía sau. Bên cạnh căn hộ đó là các bậc thang dẫn xuống tầng hầm, liền các bậc thang đó là cầu thang xoáy dẫn lên hai tầng trên, tầng nào cũng có hành lang rất dài. Căn hộ của gia đình Josefinka nằm ở tầng ba. Nói cho đúng thì nó chiếm cả tầng, nhưng là tầng không rộng. Căn hộ ấy có cửa sổ trông ra sân và cửa sổ trông ra đồi Petřín. Josefinka sống cùng mẹ và chị gái. Mẹ cô là bà quả phụ của một viên chức trước đây làm việc cho một nhà quý tộc, chị gái cô là một cô gái ốm đau luôn.

Ở tầng hai phía sau nhà là căn hộ của gia đình ông chủ nhà. Chúng ta đã thấy gia đình ấy ở hành lang rồi, giờ thì ta có thể vào thăm họ.

Trước khi bước vào phòng thứ nhất, phải đi qua phòng bếp. Lúc này bà Bavorová, người giúp việc cho gia đình ông chủ nhà, đang giặt quần áo. Đồ đạc trong căn phòng thứ nhất rất đơn giản và không hiện đại. Phía tay trái là cái giường có trải chăn đệm, được phủ bằng tấm phủ giường đan bằng len. Phía tay phải là cái hòm và chiếc tủ cao đựng quần áo, rồi một cái bàn tròn có trải khăn bàn hơi bị sờn và bạc màu, xung quanh bàn là mấy chiếc ghế. Ở bên một cửa sổ có kê cái máy khâu, ở cửa sổ bên cạnh có chiếc ghế bành. Trên tường giữa hai cửa sổ có treo một tấm gương lớn, còn các bức tường sơn xanh khác đều để trống, không treo gì. Bụi phủ trên mặt hòm và ở khung gương; nhưng cái đó không quan trọng, vì phòng thứ hai tiếp theo mới là phòng lớn, cũng vì thế mà bà Bavorová chỉ gọi phòng thứ nhất là “tiền sảnh” thôi. Ở phòng thứ hai, tức là ở phòng lớn, có một số tranh minh họa sách cổ in litô, đồ đạc gồm một cái đàn piano, một ghế sofa, một bàn, sáu ghế được phủ vải trắng xếp vòng quanh bàn, và một cái giường. Cô con gái nhỏ của ông bà chủ nhà vẫn còn đang nằm ở đó. Phòng thứ ba là phòng của vợ chồng ông chủ nhà.

Bà chủ nhà đang ngồi bên cửa sổ, cô con gái lớn ngồi bên cửa sổ thứ hai. Bà mẹ mặc váy áo trong nhà, còn cô con gái thì vẫn chỉ mặc váy áo lót, mặc dù lúc đó đã là 11 giờ trưa rồi.

Bà chủ nhà là người đàn bà có đường nét sắc cạnh, khuôn mặt cứng cỏi và cái cằm nhọn. Bà đeo kính và đang chăm chú khâu cái gì đó bằng vải thô. Trên vải có in những vết đen, vậy đó đúng là vải may quân phục. Con gái bà là một cô gái tóc vàng thuộc loại rất bình thường, không hấp dẫn một chút nào. Cô rất giống mẹ, nhưng được cái đường nét có vẻ mềm mại hơn một chút, cái cằm tuy nhọn nhưng cũng có nét duyên dáng nào đó của tuổi trẻ. Mắt cô xanh sáng, mái tóc có vẻ không dày lắm, lúc này còn đang quấn trong cặp quăn bằng giấy. Điều rõ ràng thấy ngay được là cô đã ngoài tuổi hai mươi khá lâu rồi.

Cái làn đựng đồ khâu được đặt trên bậu cửa sổ, một cái áo lót mỏng đặt trên ghế cạnh cô gái, bên trên áo có cuộn chỉ đỏ. Có thể cô gái đã bắt đầu thêu tên mình lên áo, hoặc sẽ thêu. Trên cái bàn nhỏ cặp kên, cứ động vào là lại ngắt ngưỡng, có một lọ mực, cạnh nó là quyển sổ lưu niệm đang mở với các trang đã viết, trước mặt cô là tờ giấy trắng đặt trên tờ báo cũ, trên bậu cửa sổ là quyển vở mở với các trang vở chép các vần thơ bằng tiếng Đức. Chắc hẳn cô muốn chép lại một đoạn thơ lên tờ giấy trắng, nhưng chưa chuẩn bị xong bút viết. Cô viết thử ra góc tờ báo, thử đủ kiểu bút, đôi môi cô nhuốm đen vì mực.

Bà mẹ ngẩng lên nhìn con gái rồi lắc đầu:

“Gớm, viết lách thế mà cũng cứ viết!”

“Nhưng con thích viết!”

“Này Matylđa ạ, sáng nay lúc anh Loukota lại nhìn sang bên này thì con đang ở trong bếp phải không? Sáng nào anh ấy cũng nhìn sang đây!”

“Thì đã sao, cứ để ông ấy nhìn!” Matylđa trả lời với giọng chối tai.

“Con ạ, mẹ luôn có cảm giác là anh ấy dễ chịu hơn ông thượng úy!”

“Con thì không thấy thế!”

“Anh ấy cũng trẻ hơn thượng úy, lại hiền nữa con ạ. Bố mẹ biết anh ấy lâu rồi. Chắc hẳn anh ấy phải để dành được rất nhiều tiền đấy!”

“Ôi giời, sao mẹ buồn cười thế!”

“Còn mày thì sao mà ngu thế!”

“Con có phải là trẻ con nữa đâu mà mẹ muốn bảo làm gì cũng được? Để mặc con muốn làm gì thì làm!”

“Thì mặc mày, tao chẳng bận xác làm gì!” Bà mẹ bực dọc đặt đồ khâu xuống rồi đi ra bếp.

Còn cô con gái xem ra cũng chẳng bực làm gì cho bận xác. Cô bình thản đặt trước mặt quyển vở có chép thơ, chấm bút vào lọ mực một lần nữa và bắt đầu viết từng chữ lên tờ giấy trắng. Cô viết một cách chậm chạp khó khăn. Nhưng cuối cùng thì câu thơ đầu tiên đã được viết xong, rồi câu thứ hai, thứ ba. Sau nửa tiếng đồng hồ vật lộn vất vả, cô đã chép lại được khổ thơ này:

*Hồng kia hoa đã tàn*

*Hương đào này đã héo*

*Tình ta vẫn như xưa*

*Em đã đi về đâu*

*Để anh cô đơn vậy?*

Cô Matylida hài lòng ngắm nghía công trình sao chép của mình. Cô đọc to hai lần cả khổ thơ và ngắt giọng một cách rất cảm động. Rồi cô bắt đầu ký tên. Cô viết xong chữ “M” và khi viết đến một nửa chữ “a” thì bút hết mực. Cô chấm mực một lần nữa, đặt bút xuống ký tiếp. Đúng lúc ấy, một giọt mực to tướng nhỏ xuống bên cạnh chữ “a” đang viết dở. Cô nâng tờ giấy lên và liếm một nhát sạch giọt mực.

Chắc hẳn giọt mực không làm nhòa chữ nào, và vì thế cô không phải viết lại từ đầu. Cô cầm tờ giấy, đưa nó ra ánh sáng để chờ cho ráo mực. Vừa lúc ấy, mẹ cô vội vàng đi từ bếp vào phòng.

“Mẹ con bà Baurová đang đến nhà mình đấy! Thế mà con vẫn còn chưa mặc quần áo,” bà mẹ gọi từ cửa. “Mặc cái gì vào đi, nhanh lên!”

“Mấy con cú ấy lại muốn gì vậy?” Cô Matylđa càu nhàu và cất tờ giấy viết dở vào cặp giấy. Cô đứng dậy, đi về phía giường, nơi có cái áo trắng mặc trong nhà của cô. Trong lúc ấy, bà mẹ vội vàng mang đồng quần áo đang may, mở cửa quăng vào phòng thứ hai. Bà nói với đứa con gái nhỏ đang nằm trên giường: “Valinka cứ nằm, đừng dậy bây giờ con nhé, đang có khách đến.” Đoạn đóng cửa lại.

Ở ngoài bếp, đã có tiếng đàn bà đang nói. Cô Matylđa chạy về chỗ ngồi của mình và cầm lấy cuộn chỉ đỏ, bà chủ nhà cũng đi vội đến cửa sổ và làm như đang lục tìm gì đó trong cái làn đựng đồ khâu.

Có tiếng gõ cửa.

“Ai đấy?” Bà chủ nhà hỏi.

Cửa mở ra, đứng trước cửa là hai người đàn bà đang có vẻ lúng túng, không biết có nên bước vào phòng hay không.

“A, bà Baurová... Matylđa ơi, xem này con ơi, xem ai đến nhà mình này!”

“Ôi, mừng quá!” Cô Matylđa vui vẻ vỗ tay. “Chị Marie, chào chị, lâu lắm rồi không gặp chị!” Rồi ôm hôn người trẻ hơn trong hai người phụ nữ.

“Chúng tôi chỉ rẽ vào đây một lúc thôi, bà Eberová ạ,” người đàn bà có tuổi giải thích. “Tôi với cháu đến gặp ông chú là mục sư ở trên kia, nhưng Marie nói là dứt khoát phải rẽ vào chào chị Matylđa. Sao ông bà lâu rồi không đến nhà tôi chơi? Đây, thế là đủ thấy ai nghĩ đến ai nhé! Chúng tôi đến đây nhiều hơn, nhưng hôm nay quả thực chỉ rẽ vào một tí thôi. Tôi bảo cháu là có lẽ bây giờ vào bà không tiện, vì hôm nay là thứ hai, là ngày giặt giũ...”

“Thì có sao đâu bà,” bà chủ nhà gạt đi, “giặt giũ thì ở trong bếp chứ cần trở gì ở đây! Xin bà và cô ngồi chơi một lát chứ! Bà xem kìa, hai cô ấy cứ quần lấy nhau, quý hóa quá! Matylđa ơi, nhẹ nhàng thôi, kéo làm cô Marie ghen thở đấy!”

Bà chủ nhà đưa ghế ở gần cửa sổ cho hai người khách. Bà mẹ của Marie là người đàn bà trạc năm mươi tuổi, ăn mặc rất lịch sự. Cô Marie khoảng ba mươi tuổi, có khuôn mặt giống mẹ. Mặc dù đang mỉm cười lịch sự tỏ ra vui vẻ nhưng trên khuôn mặt gầy gò của cô ấy đã có biểu hiện của sự mệt mỏi khó tả. Chỉ có đôi mắt của cô là có một vẻ gì soi mói, tìm tòi khi nhìn mọi thứ xung quanh.

Họ ngồi nói chuyện, lúc thì nói bằng tiếng Séc, lúc nói bằng tiếng Đức, tùy theo câu chuyện nói về chủ đề gì.

“Hình như cửa để ngỏ có gió lùa hay sao ấy bà nhỉ, rằng tôi đang đau vì phong thấp,” bà Baurová nói. “Hôm nay trời đẹp quá nên chúng tôi đi chơi, Matylida ơi, cháu có thấy hôm nay trời đẹp không?”

“Dạ, có ạ, trời hôm nay quả là đẹp, đẹp tuyệt vời.”

“Vâng, tuyệt vời,” cô Marie tán thành.

“Mới sáng ra mà bà đã may vá rồi ư?” Bà Baurová hỏi và nhặt một mẩu vải từ sàn nhà. “Ồ, vải này là... là vải may quân phục, phải không bà?”

“Vâng, nó là... nó là vải may quân phục ạ,” bà chủ nhà gượng gạo. “Người giúp việc của chúng tôi là người nghèo, bà ấy may quần áo cho quân đội. Khi bà ấy giặt quần áo cho chúng tôi thì tôi khêu giúp bà ấy. Tội nghiệp, kim châm nát tay mà cả tuần mới kiếm được khoảng năm chục *krejcar*! Dân nghèo phải lam lũ thế đấy!”

“Vâng, họ khổ quá!”

“Còn chị đang làm gì vậy, hả chị Matylida? A, chị thêu tên vào áo à? Cho em xem với nào, xem chị thêu chữ gì nào!” Cô Marie gợi chuyện. “M-K ư? À, em nhớ ra rồi, em nghe nói chị sắp làm cô dâu, vậy em phải chúc mừng chị chứ nhỉ! Nghe bảo chú rể là thượng úy Kořínek, phải không ạ? Có lần em đã gặp thượng úy ở nhà chú em nên cũng biết một chút. Em hỏi thật nhé, chị có yêu ông ấy không?”

Cô Matylida chẳng hề đỏ mặt, mà việc gì phải đỏ mặt với bạn gái.

“Em đã quyết định rồi! Và lại, còn mong chờ cái gì! Anh ấy hiền lành và yêu em, nên em cũng chẳng chê bai gì.”

“Em không để ý kĩ lắm, nhưng em nghĩ ông... à anh ấy có tóc sáng màu thì phải, hay là tóc đã bạc rồi?” Cô Marie giả bộ ngây thơ nói, tay vẫn lật từng trang quyển sổ lưu niệm.

“Ồ không, anh Kořínek đâu đã già!” Cô Matylida hơi đỏ mặt. “Anh ấy chỉ... anh ấy kể là trước đây anh ấy đã ở trong một căn hộ không tốt, có giường nằm quay đầu về phía tường bị ẩm. Anh ấy quả thực chưa già đâu!”

“Thế ra người ấy chỉ cố tỏ ra là già thôi à, sao tếu thế! Không thể tin được cái gì ở đám đàn ông!”

“Vâng, anh ấy láu lỉnh lắm! Hôm qua anh ấy làm em rất buồn cười! Em đã đùa, chê anh ấy hút nhiều thuốc lá và hỏi vì sao hút nhiều thế. Anh ấy trả lời là phải luyện đôi môi hút cho quen, để chuẩn bị đến lúc hôn thật! Chị bảo thế có buồn cười không? *Der ist witzig*<sup>[6]</sup>.”

Cô Marie bật cười, tỏ ra đồng ý với nhận xét về cái hóm hỉnh của ông Kořínek, tuy còn hỏi thêm:

“Thế nhưng tại sao lại chuyển từ trung đoàn chính quy sang bên hậu cần may quân phục, nếu mà vẫn còn đủ sức?”

“Người ta muốn điều anh ấy đi đến tận Dalmatia cơ, nhưng anh ấy xin chuyển vì bị giảm trí nhớ...”

“À, ra vậy! Đi xa thế mà bị giảm trí nhớ thì có thể quên mất đường về nhà, tội nghiệp!” Cô Marie tỏ ra thông cảm.

“Người đàn ông nào cũng có cái thiếu sót của mình, nhưng anh Kořínek có tiền!” Cô Matylida nói nhanh. “Bố anh ấy kiếm được nhiều tiền trong cuộc chiến tranh Pháp.”

“Vâng, em cũng nghe nói là hồi ấy ông cụ bị gãy chân hay sao ấy... nhưng mà đàn bà con gái chúng mình không hiểu được chuyện ấy!” Cô

Marie nói hoàn toàn thành thực. “Ái chà chà, thượng úy viết lưu niệm cho chị hay quá!” Và cô ấy đọc hơi to các câu thơ viết trong sổ.

Ở trang sổ có bài thơ thế này:

*Ôi phẩm hạnh của mỹ nhân  
Anh yêu em vì trái tim chung thủy  
Em yêu quý hãy đừng quên  
Hãy cho anh ở bên em mãi mãi.*

Thượng úy W. Korzineck

“Vì sao lại không ký cả tên, chứ ai mà biết được chữ “W” là cái gì?”

“Ờ... anh ấy tên là Václav, nhưng anh ấy không thích cái tên ấy. Anh ấy bảo là bao giờ đi lễ ở nhà thờ anh ấy cũng muốn xin đổi ra cái tên khác!”

“A, chị có cả một quyển vở có chép thơ!”

“Anh Kořínek cho em mượn đấy!”

“À, chắc là để chị chép lại vài bài cho ông ấy! Thơ mộng quá nhỉ! Ồ, mẹ ời, ta đi chứ?”

Hai bà mẹ lúc này đang nói với nhau về chuyện nội trợ gia đình. “Ừ, phải đấy, ta đi thôi! Đáng tiếc là không gặp được ông nhà, biết làm sao được, khi mà ông nhà phải đến công sở! Nhưng mà Valinka, thiên thần của tôi đâu rồi, cháu không có nhà ư?”

“Có ạ, cháu có ở nhà, nhưng còn đang ngủ. Tôi cho cháu nằm lâu một chút vào buổi sáng, nghe bảo làm thế rất tốt cho giọng hát! Cháu sẽ là ca sĩ, vâng, tuy là mọi người lấy đó làm ngạc nhiên. Nó mê nhạc lắm, cứ ngồi vào chơi piano là không thôi nó ra được!”

“Nhưng tôi phải ôm hôn thiên thần của tôi mới được, chứ đi về mà chưa thơm nó được một cái thì buồn lắm. Cháu đang phòng bên cạnh, phải

không bà?” Và bà Baurová tiến đến cửa căn phòng thứ hai.

“Nhưng mà ở trong ấy bữa bãi lắm bà ạ, chần gối đã xếp lại được đâu!” Bà chủ nhà chống cự.

“Thưa bà, chỗ chị em với nhau mà! Ở nhà tôi cũng vậy thôi!” Chưa nói dứt, bà ấy đã đứng trước cửa phòng.

Không còn cách nào khác, mọi người đành phải đi theo bà Baurová. Khi nhìn thấy đồng quân phục ở dưới sàn nhà, trên khuôn mặt gầy gò của bà Baurová thoáng một nụ cười, nhưng bà ấy không nói lời nào mà bước nhanh đến giường.

“Ừ, mặc cháu... cháu không thích đâu!” Valinka cố tránh vòng tay ôm của bà khách.

“Valinka hư nhé, con làm cái gì vậy?” Bà chủ nhà mắng con. “À, tôi nghĩ ra rồi! Tối thứ năm này chúng tôi tổ chức ở nhà một buổi ca nhạc nhỏ, xin mời bà đến đây dự nhé! Matylda, con hẹn với cô Marie đi, để thế nào cô ấy cũng đến nhé!”

“Vâng, chúng tôi sẽ đến, chúng tôi sẽ đến để hâm mộ thiên thần bé nhỏ của chúng ta,” bà Baurová hứa thật tình.

Căn phòng thứ hai rộng bằng cả phòng bếp và phòng thứ nhất gộp lại, và có hai cửa sổ trông ra sân. Hai cô bạn gái nắm tay nhau bước đến bên cửa sổ. Họ nhìn thấy Václav đang đi ra từ căn hộ của bà Žanýnka, trong tay cầm một mớ giấy tờ và vội vàng đi về phía cầu thang xoáy.

“Ai thế hả chị?” Cô Marie hỏi.

“À Sáo xanh! Con trai của bà bán hàng tạp hóa, bà giúp việc của nhà em ấy mà! Nhưng mà cậu ấy kiêu căng lắm!”

“Sao lại gọi là Sáo xanh? Tên là thế à?”

“Không phải thế, tên cậu ấy là Václav, nhưng cả nhà em gọi cậu ấy là Sáo xanh. Có một lần, con chim sáo xanh nhà em sổ lồng, ba em nghĩ là trông thấy nó ở trên mái nhà, nhưng khi ba em leo lên đấy thì thấy đó không

phải là con sáo, mà là đuôi cái áo khoác của Václav. Cậu ấy thường ngồi học ở trên mái nhà, bây giờ chắc lại lên đó, chị nhìn kìa!”

“Cậu ấy đang đi học à?”

“Không, thôi rồi! Bây giờ cậu ấy đang thực tập ở công sở, ở chỗ của ba em. Nhưng ba em bảo là cậu ấy sẽ chẳng làm được gì nên hôn, rằng tốt hơn hết cậu ấy nên nhảy cầu xuống sông!”

“Các cô ơì, các cô ơì, hai chị em chia tay nhau đi chứ - ta phải đi thôi con ạ!” Bà Baurová gọi con.

Hai cô gái ôm nhau. Phải mất một thời gian dài, họ mới đủ để trao những cái hôn cho nhau, mới đủ để khen ngợi nhau, để đi qua phòng, đi qua bếp, cho đến tận cầu thang.

Bà chủ nhà và cô Matylida dừng lại ở ngoài hành lang.

“Con có thấy bà ta sợ gió lửa vì bị phong thấp không?” Bà chủ nhà hỏi con gái, khi mà hai mẹ con bà Baurová đã đi từ cầu thang xuống đến sân. “Nhưng mẹ nghĩ là bà ấy chẳng còn một cái răng thật nào!”

“Con cũng nghĩ thế. Ở nhà ấy chắc là cứ sau bữa cơm trưa thì con bé giúp việc lại vừa rửa bát đĩa, vừa rửa cả bộ răng giả cho bà ấy, hi hi!”

Bà Baurová dừng lại trước cổng, quay lại vẫy tay chào thân mật. Cô Marie gửi cho cô Matylida mấy nụ hôn gió nữa. Rồi hai mẹ con đi ra cổng.

“Có trời biết cô nàng Matylida đã bao nhiêu lần thêu tên chú rể tương lai nào đó vào áo để rồi lại tháo ra,” cô Marie vừa nói vừa chỉnh lại cái khăn quàng trên vai. “Chắc là nó cả đời chỉ thêu rồi lại tháo!”

“Thế còn anh Kořínek thì sao? Có lần chú đã nói chuyện với con về anh ấy rồi nhĩ?... Thế con bảo sao?”

“Ờ... chẳng bảo sao cả!” Cô Marie ậm ừ và bước ra đường.

## IV. LỜI ĐỘC THOẠI TRỮ TÌNH

Buổi sáng đã qua đi, chiều tối của ngày thứ nhất đã đến. Xung quanh, mọi cảnh vật giống như trong một bài hát Nga cổ điển “trên trời có trăng và trong phòng có trăng”. Mặt trăng tròn sáng đến mức làm lu mờ tất cả các ngôi sao quanh nó, chỉ các vì sao ở rất xa mới nhấp nháy sáng một cách rụt rè. Ánh trăng vàng tỏa xuống như tấm áo choàng kiêu hãnh phủ lên mặt đất, lung linh trên các dòng sông và các bờ xanh, lướt qua làng mạc và thành phố, qua các quảng trường và các con đường, đến từng mái nhà, nhẹ nhàng soi qua những cửa sổ đang mở để vào từng căn phòng.

Ánh trăng vàng cũng tràn vào căn phòng gọn gàng, sạch sẽ và thanh lịch của ông luật sư. Các đóa hoa trên chiếc bàn nhỏ sáng lên như được phủ lớp sương lấp lánh, chần đệm trắng trên giường như trắng hơn. Ánh trăng ngả thoải mái trong chiếc ghế sofa, chiếu sáng lên bút mực và các vật dụng khác trên bàn viết, trải dài trên tấm thảm dưới sàn nhà.

Mặt trăng ngự trị một mình như thế trong căn phòng. Mãi đến khuya mới có tiếng cạch tay nắm cửa, tiếng cánh cửa phòng mở cọt kẹt như người ngái ngủ, ông luật sư bước vào phòng.

Ông ấy dựa chiếc ba toong vào giá treo áo ở gần cửa, đặt cái mũ nan lên giá, rồi xoa tay và lẩm bẩm một mình: “Ái chà chà, nhà ta có khách! Xin chào chị Hằng Nga ạ! Trên cung trăng có gì mới không chị? Ồi, cái đầu gối của tôi!” Ông càu nhàu, rồi cúi xuống xoa xoa đầu gối. Khuôn mặt cúi nghiêng của ông trong ánh trăng có vẻ như đang bực bội, cũng có vẻ như đang cười cười.

Ông đứng thẳng lên và cởi áo khoác ngoài. Khi mở tủ để treo áo, ông lại lẩm bẩm, nhưng lần này thì hát một điệu trong một vở opera: “Bartolo<sup>[2]</sup>... Bác sĩ Bartolo... lolo - ờ, nốt Mi, hay Fa nhỉ?... À, nốt Fa mới phải... Bartolo...” Ông với chiếc áo mặc trong nhà, khoác lên người, buộc cái dây lưng lụa màu đỏ rồi vừa hát “lolo” vừa bước tới cửa sổ.

“Josefinka chắc đã ngủ rồi - chúc em ngủ ngon và có giấc mơ đẹp nhé! Em Josefinka bé nhỏ dễ thương, lại hiền hậu đến thế!” Bất giác, ông lại cúi

xuống xoa đầu gối, nhưng không cầu nhàu như trước nữa. Ông ngả người tựa vào bậu cửa sổ và tính toán: “Căn hộ bên nhà Josefinka rất rộng, ở không hết. Chúng ta sẽ ở đó - chỉ cần mua thêm một ít đồ đạc mới! Rồi thì... rồi chúng ta sẽ yêu thương bà mẹ và chị Katuška ốm đau, cả hai đều hiền lành. Nhưng Josefinka không có ai,... à phải rồi, người anh họ của cô ấy sẽ đứng ra đảm nhiệm mọi việc. Tất nhiên rồi, Josefinka mà đi lấy chồng thì phải có người đứng ra lo tổ chức cho chứ, cái đó là tất nhiên rồi! Đám cưới của chúng ta sẽ được tổ chức thật kín đáo... Bartololo... không biết vì sao mà hôm nay mình cứ hát hoài về Bartolo, sao vậy nhỉ? Mình vẫn chưa già, vẫn còn sung sức, khá sung sức mà! Mình vẫn chưa đến tuổi phải lo vì quá muộn, vì sẽ quá muộn để lấy vợ. Mình chưa phải sợ ý nghĩ “cả đời sẽ không còn lúc nào đẹp như bây giờ”. Đời sống vợ chồng sẽ là cuộc sống mới của mình, mình sẽ hài lòng. Và khi hài lòng thì con người ta trẻ ra”. Ông luật sư nhìn lên vầng trăng tròn. “Không biết em yêu của tôi có ngủ mơ thấy gì không! Có lẽ là không, một cô bé con như thế thường ngủ say... Giá mà được nói thầm vào tai em thì mình sẽ nói để em ấy nên mơ về cái gì!”

Ông quay lại, đến chỗ bàn để hoa rồi lấy chiếc đàn ghi-ta đang treo trên tường xuống. Ông mang nó đến bên cửa sổ và thử vài hợp âm. Từ dưới sân vọng lên tiếng chó rên rĩ.

“A, con Azor của bà Žanýnka lại sống ra rồi!” Ông luật sư nói và nghiêng người ra ngoài cửa sổ. “Suyt... Azor! Ngoan nào, im đi chứ!” Con chó im bật. “Mình không được khiêu khích nó, tội nghiệp con chó!” Ông tự nhủ rồi treo đàn lên tường, đóng cửa sổ và kéo rèm. Ông đi đến bàn viết, thắp ngọn nến và ngồi vào ghế. Khi có một mình, bao giờ ông luật sư cũng nói nhỏ với chính mình. Bây giờ ông lại tiếp tục điều còn nói dở.

“Mình đủ già dặn để không còn quá ngu ngốc nữa. Ở tuổi của mình thì việc lấy vợ là việc phải giải quyết cho nhanh, nhưng cũng không được quá nhanh, không được kém thơ mộng. Kế hoạch của mình là... ái chà, cái đầu gối phải gió này, mình đã bị vập mạnh quá!” Ông vén áo khoác mặc trong nhà để nhìn quần tất và thấy nó bị xước ở chỗ đầu gối bên phải.

“Thế là lại phải mua quần tất mới rồi!” Ông rầu rĩ ca thán. “Chỉ tại vì mình nhường nhịn quá! Hai đứa ấy đứng ngay giữa đường - chắc chắn là Václav và Mária, chứ còn ai khác nữa - mình tránh sang một bên, thế là va phải bánh xe! Cái cậu Václav trời đánh ấy! Mình phải gàn cậu ấy mới được, chứ mới là thực tập sinh mà đã yêu với đương thì còn làm được trò trống gì! Kể ra thì cũng đáng tiếc cho cậu ấy, phải công nhận là cậu ấy có tài năng đấy. Giá cậu ấy được học hành đến nơi đến chốn là tốt nhất, nhưng mà gia đình cậu ấy không có tiền thì biết làm sao được! Mình cũng phải gàn cậu ấy chuyện làm thơ, vì thơ ca cũng chẳng nên tích sự gì, tốt hơn cả là hãy cố làm việc ở công sở, một khi đã vào được đó rồi! Khi nào cậu ấy đến đây để hỏi ý kiến của mình về thơ cậu ấy viết, mình sẽ bảo cậu ấy nên quảng cáo đi, vì chẳng có bài nào ra hồn.”

Ông luật sư lấy từ bàn một quyển vở dày và mở trang có đánh dấu đầu tiên. “Mình đã tính rồi,” ông tiếp tục nói một mình, “mình cần mấy bài thơ, mình không biết làm thơ và những bài này của cậu ấy rất thích hợp cho mình. Nếu mình không lấy những bài này, thì mình cũng lấy những bài khác của người khác, có vấn đề gì đâu. Josefinka không biết được điều đó, cậu ấy cũng sẽ không biết về điều đó, vì cậu ấy sẽ nghe lời mình mà vứt các bài thơ này đi. Vậy thì ngày mai mình gửi cho cô ấy bài đầu tiên, tạm thời gửi nặc danh, nhưng chắc cô ấy đoán ra được ai gửi!... Phải đấy, bài này sẽ là bài đầu tiên!”

Ông đọc từ quyển vở:

*Em như núi rừng*

*Đẹp thay mùa xuân mới!*

*Tóc em - cánh rừng sâu*

*Mắt em - dòng suối mát*

*Lời em - họa mi ca*

*Môi em - nhành hoa thắm*

*Em là cả thế gian.*

*Em là rừng là núi,  
là mây là trời xanh.  
Anh muốn em hãy là  
tiếng vọng của ngàn thu.  
Anh muốn em hãy là  
khát vọng của nhà thơ.*

“Cậu này viết được! Trong bài thơ có không khí trên núi ở quê mình, nhưng mình chắc chắn là cậu ấy chưa bao giờ thấy cảnh vùng núi! ‘Cánh rừng sâu - dòng suối mát’, hay tuyệt! ‘Em là cả thế gian’ - hơi quá nhiều! Mình biết rồi, mình sẽ gạch chân câu ‘khát vọng của nhà thơ’,... có nghĩa là chỉ cho một người thôi, tức là chỉ cho mình thôi. Mình biết là các cô gái thường hay bị thơ ca (và nhà thơ) làm rối đầu óc!... Và tuần sau mình sẽ gửi cho cô ấy một bài nữa, có lẽ sẽ ký tên, nhưng cũng còn để xem sao đã! Đây rồi, bài này sẽ là bài thứ hai!” Và ông luật sư đọc tiếp:

*Da bánh mật và mái tóc đen  
Em đến với tôi trong mơ  
Mắt cháy lửa và tiếng sơn ca  
Em biến đêm thành ngày nắng*

*Ôi mặt trời đen của anh!  
Phải chăng đêm dày anh có em  
Sáng như nắng trưa nóng bỏng?  
Ôi vầng trăng đen của anh!  
Phải chăng em cùng anh ngày nắng  
Như người yêu chung thủy dịu hiền?*

“Cậu này biết viết đây, hi hi! Hẳn cậu làm các cô gái phải mê mẩn tâm thần! Chắc bài này cậu ấy viết cho một cô gái Do Thái nào đó, chứ Josefinka đâu có đen như mặt trời đen, hay mặt trăng đen!... Nhưng mà không sao, Josefinka chắc chắn sẽ không để ý đến điều đó, chủ yếu là cô ấy sẽ nghĩ được coi là mặt trời và mặt trăng, và được ca ngợi. Bài thơ này sẽ mang đến cho cô ấy niềm vui và nhiều nghị lực! Toàn những lửa và nồng nhiệt nóng bỏng!... Nếu gửi bài này mà cô ấy vẫn còn chưa đổ thì gửi thêm bài thứ ba nữa, rồi cuối cùng thì chỉ còn cách là tấn công mãnh liệt mà thôi!”

Ông ấy lật thêm mấy trang nữa và đọc:

*Đạn trúng tim anh có sao đâu!*

*Anh chết ngay rồi có sao đâu!*

*Chính vì trong con tim đau ấy*

*Anh thấy cả em cũng chết rồi.*

*Đau đớn vô bờ có sao đâu!*

*Đường đi tâm tối có sao đâu!*

*Mà không xa rời tim anh được,*

*Suốt đời mình em phải theo anh.*

“Bài này có cái gì mê mẩn quyến rũ nhưng cũng có cái gì đe dọa cảnh báo! Cô gái sẽ không cưỡng lại được, khi mà người yêu cô dọa sẽ dùng súng tự tử. Gì thì gì, mình cũng gửi cho Josefinka cả bài này nữa! Nó sẽ làm cô ấy vững vàng hơn, kiên trì hơn trong tình yêu. Nhưng mà thôi, bây giờ mình thấy buồn ngủ rồi hay sao ấy... mình phải lên giường thôi... đến giờ đi ngủ rồi!”

Nói đoạn, ông luật sư ngáp dài và bắt đầu cởi quần áo.

“Cái tuyệt vời nhất là: em không thể rời khỏi trái tim anh, em sẽ phải đi cùng anh”, ông vừa cởi quần áo vừa lẩm bẩm hai câu thơ và cẩn thận xếp

quần áo lên chiếc ghế ở gần giường. “Tức là cậu ấy muốn nói là đã giam cô gái trong trái tim mình, và nếu bắn vào tim mình thì cũng nhằm trúng luôn cả cô ấy, hà hà, tất nhiên là bắn trúng rồi, khi mà cô ấy đã ở trong đó!”

“Ra khỏi trái tim - hôm nay trời nóng, không cần đi tất”, ông lại lầm bầm và cởi giày. Rồi lật chăn, tắt đèn và nằm xuống giường.

Ông nằm thở khoan khoái.

“Ôi chào!... Ra khỏi anh... từ tim anh... em không thể... em phải... theo anh...”, rồi ông ngủ thiếp đi.

Dưới sân, con Azor lại rên rĩ. Rồi có tiếng móng chân nó cào cào vào cửa phòng bà Žanýnka. Như thế không chịu nổi cái đau đớn vì mất bà chủ, nhưng lại sợ đánh thức mọi người, nó cứ ư ử rên như vậy suốt cả đêm.

## V. NGƯỜI CHƯA VỢ LÀ NGƯỜI QUÝ GIÁ

Luật sư Josef Loukota đang ở trọ trong căn hộ của ông Lakmus, một công chức làm việc ở Sở Kinh tế. Gia đình ông Lakmus mới dọn về Praha sống được ba năm nay. Họ thuê một căn hộ trước đây có người khác ở, cùng với ông luật sư là người ở trọ. Người ấy đã chuyển đi nơi khác nhưng ông luật sư vẫn ở lại trong căn hộ đó. Thế là vợ chồng ông “thừa hưởng” ông luật sư và để cho ông tiếp tục ở trọ. Chỉ một thời gian ngắn sau khi gia đình ông Lakmus đến ở căn hộ ấy trong ngôi nhà yên tĩnh của chúng tôi, tất cả mọi người ở các căn hộ khác đều đã biết vợ chồng ông ấy có tiền của dành dụm được, là cả hai vẫn nhận được nhiều quà cáp và nhiều vật dụng từ công sở; và tất cả đều rất kính trọng họ. Tuy vậy, không ai có quan hệ nhiều với họ. Bà Lakmusová là chủ gia đình và là người khó gần. Tất nhiên, khi ai yêu cầu gì thì bà ấy làm ngay; bà ấy sẵn lòng trả trước tiền nhà khi chủ nhà đòi hỏi; khi có ai chẳng may thiếu thức nấu thì bà sẵn lòng cho vay bột mì, hay bơ;

khi ai chào thì bà chào lại, thậm chí tự chào trước, nhưng không bao giờ bà nói chuyện lâu với ai. Mặt khác, bà cũng chẳng phải là người yên lặng nhẹ nhàng gì, vì có lúc, qua cửa sổ mở, tiếng nói sang sảng của bà vang khắp cả nhà.

Bà Lakmusová tuy đã ngoài bốn mươi, nhưng còn đầy sức sống. Mặc dù có vóc dáng đầy đặn nhưng bà nhanh nhẹn, đôi má mịn không một nếp nhăn, cặp mắt sáng vui vẻ; nói tóm lại bà có vẻ của một người đàn bà còn rất nghị lực và hăng hái, cho dù cô Klára, con gái bà cũng đã đến tuổi lấy chồng từ lâu rồi. Cô Klára đã hơn hai mươi tuổi và không giống mẹ chút nào. Cô gầy và cao lênh khênh, chẳng hề có cái gì tròn trĩnh; nhưng cô ấy có đôi mắt xanh sáng, hợp với bộ tóc màu nâu vàng, khuôn mặt chữ nhật của cô hồng hào với vẻ khỏe mạnh của cô thôn nữ. Tính nết Klára còn khó gần hơn cả mẹ cô; vì vậy mà cô Matylda, con gái ông bà chủ nhà, cũng đã thôi không tìm cách làm bạn với cô ấy nữa.

Mọi người hàng xóm thường chỉ trông thấy ông Lakmus bên cửa sổ chứ ít khi gặp ông ấy ở nơi nào khác. Ông bị đau chân nên đã nghỉ việc để chữa chạy ở nhà. Hàng mấy tháng trời mới thấy ông khập khiễng ra khỏi nhà một lần, còn thì ông chỉ ở trong nhà. Ông thường đứng ở cửa sổ để nhìn ra đường, hoặc là ngồi ở sofa để thuốc thang cho cái chân đau. Bao giờ ông cũng mặc cái áo vải flanen, quần áo ông lúc nào cũng như âm ẩm. Người ta kể rằng ông uống nhiều rượu vang; khuôn mặt đầy mụn nhọt của ông chứng tỏ điều đó.

Lúc đó là gần trưa, ngày thứ hai của chuyện chúng ta đang kể. Ông Lakmus nặng nề đứng lên từ cái ghế gần cửa sổ trông ra đường. Ông đã ngồi ở đó cả buổi sáng, bây giờ ông chậm chạp chuyển sang ghế sofa. Ông ngồi xuống đó, duỗi chân trên ghế rồi sốt ruột nhìn lên đồng hồ trên tường và thở dài. Đó là cái đồng hồ to có mặt kính. Giống như tất cả đồ đạc trong nhà, tuy nó không mới, nhưng thuộc loại khá đắt tiền. Cứ theo kim đồng hồ thì lúc ấy đã là 12 giờ kém mấy phút rồi.

Ánh mắt ông Lakmus chuyển từ cái đồng hồ sang cô Klára đang bận ngồi khâu ở bên cửa sổ thứ hai. “Hôm nay hai mẹ con không cho bố ăn xúp hay sao?” Ông cười buồn buồn, như chỉ muốn nhắc, chứ không giận dữ gì.

Cô Klára ngẩng đầu lên, vừa lúc đó cửa phòng mở ra, bà Lakmusová bước vào, hai tay bưng đĩa có đặt bát xúp đang bốc hơi nghi ngút. Mặt ông Lakmus rạng rỡ hẳn lên.

“Klára ơi, con ra bếp chuẩn bị làm bánh nướng đi!” Bà Lakmusová sai con gái. “Làm cho cẩn thận, kéo luật sư cười cho đấy nhé!”

Klára ra khỏi phòng.

“Hôm nay tôi nấu xúp vang, chứ ăn xúp thịt bò mãi cũng chán, phải không ông?” Bà Lakmusová dịu dàng nói và đặt bát xúp trước mặt chồng. Ông ngược mắt nhìn vợ một cách ngạc nhiên, như thể cái sự tiết kiệm này là đáng ngờ vực đối với ông. Nhưng rõ ràng là bao giờ ông cũng sẵn sàng chịu đựng, vì không thấy ông tỏ ra ngờ vực gì nữa, mà bắt đầu ăn ngay.

Bà Lakmusová kéo một chiếc ghế đến gần nơi ông chồng đang ngồi; bà ngồi xuống, đặt tay lên bàn rồi nhìn ông.

“Bố nó ạ, mình làm sao với con Klára đây?”

“Với Klára ư?... Thì làm cái gì với nó?”

“Nó đang say mê đến điên cuồng, nhưng mà viễn vông. Nó quá mê luật sư Loukota đấy!”

“Nào nó có nói gì với tôi đâu!”

“Thì nói gì với ông được, nhưng mà cái gì nó cũng tâm sự với tôi, vì nó thực thà. Đêm hôm qua tôi phải vào bếp kéo nó ra đấy! Nó bảo là nghe thấy luật sư nói cái gì rất hay ở trong phòng, thành ra nó không rời đi được. Tôi đã bảo bố nó là nó đang say mê đến điên cuồng, nhưng say hão mê huyền để mà làm gì? Tốt nhất là cho nó lấy anh ta đi, phải không nào?”

Ông Lakmus lấy tay quạt mồ hôi trên trán do ăn xúp nóng. Một lúc sau, ông buông lời nhận xét:

“Với nó thì anh ta già rồi.”

“Già cái gì mà già! Hồi xưa ông cũng không còn trẻ, thế mà tôi đã lấy ông thì sao?”

Ông chồng im bật.

“Anh ấy trông còn trai tráng khỏe mạnh, chẳng có vẻ già, mà cũng đâu đến nỗi già. Thà rằng gả nó cho anh ấy, còn hơn là ngồi chờ một người trẻ tuổi nào khác, nhất là khi bây giờ tính nết nó rất khó chịu. Hơn nữa, bố nó biết không, anh ấy có hàng mấy nghìn *zlatý*, có thể nuôi được vợ, thì tại sao mà ta không gả con cho anh ấy, phải không nào? Ờ hay, bố nó nói cái gì đi chứ!”

“Nhưng mà... ai mà biết được, liệu anh ta có muốn nó không...” Ông Lakmus dè dặt nói.

“Ừ thì tất nhiên rồi, không ép anh ấy lấy nó được, nếu anh ấy không muốn,” bà vợ hơi cáu. “Ép thì không hay! Nhưng tôi sẽ nói chuyện với anh ấy. Klára xinh xắn, anh ấy luôn cười với nó, anh ấy rất thích nhà cửa gọn gàng, còn nó thì dọn dẹp phòng cho anh ấy. Tôi nghĩ anh ấy cũng muốn nó, nhưng chỉ không tự tin thôi, vì anh ấy cũng không còn... ờ, không còn trẻ trung nữa. Tất nhiên là thế! Nhưng không sao ông ạ, tôi sẽ lo việc này!” Bà gật gật đầu hài lòng. Đột nhiên, bà ngừng lại rồi nghiêng đầu về phía cửa.

“Này,” bà ấy lại nói, “anh ấy đã đi làm về rồi, sao hôm nay lại về sớm thế nhỉ! Anh ấy đã nói chuyện ở trong bếp với Klára, nhưng bây giờ về phòng mình rồi. Tôi phải ra bếp đây, để xem thế nào!”

Bà Lakmusová chạy ra bếp. Cô Klára đang đứng trộn bột bánh ở bên bàn. Bà đến gần con gái, ôm đầu cô rồi xoay mặt cô về phía mình.

“Mặt con đỏ rực,” bà nhẹ nhàng nói, “run cả người đây này... con ơi, con ơi! Đừng lo, đừng lo, mọi việc rồi đâu sẽ vào đấy cả con ạ!”

Bà Lakmusová soi vào tấm gương nhỏ treo trên tường, chỉnh lại cái mũ trên đầu, xắn tay áo lên và tiến đến cửa phòng ông luật sư. Bà gõ cửa.

Không có tiếng gì từ bên trong. Bà gõ lần nữa, mạnh hơn.

Ngày hôm nay, ông luật sư không ngồi lâu được ở văn phòng. Ông luôn dang trí, cái kính, bồn chồn không yên, cái bồn chồn nửa dễ chịu, nửa ngượng ngùng. Ông run rẩy vì một cảm xúc thơ mộng nào đó, và ai đã một lần trong đời có cảm xúc như vậy thì biết rằng không thể làm việc theo lệ thường được. Một ý nghĩ nào đó như con sâu bướm len lỏi từ chỗ này sang chỗ kia trong đầu óc ta, nó cù nhẹ nhàng nhưng cũng gặm nhấm, làm rung động một dây thần kinh, hai dây, ba dây, rồi làm cho cả hệ thống thần kinh của ta bị khuấy động. Không có cách nào khác là phải bỏ công việc, để chỉ tập trung vào ý nghĩ ấy cho đến lúc nó nằm yên một chỗ, và như con sâu bướm, nó sẽ nhả tơ kéo kén. Rồi dưới ánh nắng ấm áp của mặt trời, cái kén ấy bung ra, và con bướm bay ra chào đời... ấy là sự ra đời của bài thơ vậy!

Con bướm đẹp lộng lẫy trong màu sắc “vùng núi” của ông luật sư bay ra ngay vào buổi sáng hôm sau. Ông viết nó lên tờ giấy hồng, cho vào phong bì, dán lại và ra gửi ở bưu điện thành phố. Sau đó, ông cảm thấy hồi hộp; cái náo động ngày một tăng của việc tỏ tình muộn màng ấy khiến ông phải đi khỏi văn phòng.

Ông chậm chạp đi về nhà. Khi đi vào đến sân, ông quên cả thói quen hàng ngày là nhìn lên cửa sổ phòng Josefinka. Bước thấp bước cao, ông vào phòng bếp của gia đình ông Lakmus và có cảm giác lâng lâng như vừa thoát khỏi một mối nguy hiểm nào đó.

Ông thở dài nhẹ nhõm, tim ông đập thong thả hơn. Bằng giọng nhẹ nhàng run run và thân thiện, ông nói vài lời với Klára như chưa từng bao giờ nói với cô như vậy. Ông không dừng lại lâu ở bếp mà vào phòng mình ngay.

Ông đóng cửa lại, cúi đầu xuống. Như cái máy, ông rút tay khỏi ống tay bên phải của áo khoác, rồi dừng lại. Có cái gì đó tự nhiên đẩy ông đi đến bên cửa sổ. Ông không biết Josefinka đã nhận được bức thư ông gửi lúc ban sáng hay chưa. Như thể sợ một sự trừng phạt nào đó, ông lùi lại ba bước và nhìn sang phía đối diện bên kia qua kẽ hở giữa tấm rèm và khung cửa sổ.

Bất chợt, ông giật mình, ông trông thấy người đưa thư vừa bước vào hành lang phía bên ấy.

Ông nhảy giật lùi khỏi cửa sổ. Vừa lúc ấy thì có tiếng gõ cửa. “Mời vào,” khó khăn lắm, ông mới nói ra lời, toàn thân ông nóng bừng.

Cửa mở ra, bà Lakmusová đứng ở đó.

Ông luật sư vội xỏ tay vào ống tay áo đã cởi, đồng thời hé một nụ cười gượng gạo lúng túng.

“Tôi không làm phiền luật sư chứ?” Bà Lakmusová bước vào phòng, đóng cửa lại rồi hỏi.

“Ấy, không... không ạ. Xin chào bà, thưa bà chủ yếu quý của tôi,” ông luật sư vừa lắp bắp, vừa xoay xoay người để tóm lấy cái ống tay áo.

“Hôm nay luật sư đi làm về nhà sớm quá, sớm hơn thường lệ... hay là bị ốm chẳng?”

“Sao mà ốm ạ, thưa bà chủ yếu quý của tôi?” Trong tâm trạng vẫn còn đang bối rối, ông luật sư ngốc nghếch hỏi.

“Nhưng mà tôi nghĩ là ốm...”, bà chủ yếu quý tiếp tục, bà tiến đến sát ông luật sư, đặt tay lên trán ông, “để tôi xem nào! Tôi nghĩ chắc chắn anh bị sao rồi. Trán anh nóng như lửa đây này, để tôi...”

“Không đâu, tại tôi... tại tôi chạy đấy mà, bao giờ tôi cũng chạy... tôi không... thưa bà chủ quý mến của tôi...”, ông luật sư lắp bắp nói.

“Để tôi lấy cái khăn chườm trán nhé?”

“Ồi không! Không, tôi không bị sao cả, thật mà! Xin mời bà ngồi xuống đây kéo mồi, thưa bà chủ yếu quý của tôi...” Ông luật sư mời và đưa bà Lakmusová đến ghế bành. Bà ấy ngồi xuống, tự ông cũng ngồi xuống ghế đối diện.

“Anh gọi tôi là, bà chủ yếu quý của tôi, cứ như tôi thật sự là người yêu... quý của anh vậy,” bà chủ hộ cười tán tỉnh, nếu vào lúc khác thì ông

luật sư chắc phải rất ngạc nhiên. “Ấy, giá mà không có nhà tôi rồi thì... nhà tôi là người rất tốt bụng... thì biết đâu đấy nhỉ! Nhưng mà tôi phải nhường anh cho người khác, cho người trẻ hơn tôi,” bà ấy lại đùa tiếp.

Ông luật sư hơi mỉm cười, nhưng im lặng vì không biết nói gì.

“Luật sư ạ, anh có nghĩ là khi người nào có ai để gọi ‘người yêu của tôi’ thì đó là điều rất hạnh phúc không?”

“À, vâng... tất nhiên rồi... khi mà hai trái tim đã quyện vào nhau... nhất là vào mùa xuân...” Ông luật sư cố gắng hết sức mình.

“Ái chà... ái chà! Hôm nay anh nói mới hay, mới hóm hỉnh làm sao! Vâng, nếu anh định tìm người yêu thì đó là điều dễ hiểu thôi! Anh đang ở cái tuổi đẹp nhất, sức khỏe cường tráng, lại kiếm ra tiền...”

Ông luật sư lúng túng. Ông cho rằng bà Lakmusová đã biết hết chuyện về tình yêu bí mật của ông với cô Josefinka, về bài thơ ông gửi cho cô ấy. Thế là ông đột ngột mạnh dạn quyết định. “Vâng ạ, về bản thân thì tôi có thể nói rằng tôi khỏe mạnh và kiếm ra tiền,” ông hãnh diện tuyên bố.

“Tất nhiên rồi,” bà Lakmusová khen ngợi. “Anh có thể tìm được người rất trẻ!”

“Vâng, tôi sẽ không lấy người có tuổi, vì người có tuổi đã quá từng trải, không thể uốn nắn khác đi được, vì đã bị người khác uốn nắn rồi,” ông luật sư nói, nhưng bắt đầu thận trọng hơn. “Tôi chỉ nghĩ đến ai còn trẻ, hiền lành, ngoan ngoãn, dịu dàng, vì người ấy còn có thể hoàn toàn thay đổi tính nết để phù hợp với tôi được.”

“Lẽ tất nhiên,” bà Lakmusová tán thành, “anh hãy tìm người như thế! Đây, anh hãy nói đi, nói thực lòng, anh có hiểu tôi nói gì không? Hãy nói hoàn toàn thực lòng... thực như khi... thí dụ... như khi anh nói với người mẹ của cô gái mà anh thích...”, rồi bà cầm tay ông luật sư, nhìn thẳng vào mắt ông: “Anh hãy nói đi, anh đã nghĩ đến điều đó bao giờ chưa?”

“Chuyện đã vỡ lở là đã vỡ lở rồi, xấu hổ mà làm gì!” Ông luật sư thành thực tự thú. “Vâng, đã!”

“Đấy mà, tôi biết ngay mà! Thế mà ông nhà tôi lại bảo là...” bà Lakmusová mừng rỡ vỗ tay.

“Sao... sao cơ ạ? Ông Lakmus... bảo sao ạ?”

“Bảo là, *Ai biết được, liệu anh ta có muốn nó không*, đấy, anh tính, nhà tôi bảo thế đấy!”

“Sao mà tôi lại không muốn cô ấy ạ?”

“Ừ, sao lại không chứ! Tôi đã biết tất cả rồi! Anh ranh mãnh lắm, anh định giấu bà mẹ, để bà mẹ không biết gì chứ gì?”

“Giấu bà mẹ ư? Tôi nghĩ là không một ai biết chuyện ấy, cả cô con gái cũng không biết!”

“Cô con gái không biết, nhưng bà mẹ thì cái gì cũng biết anh ạ! Con bé đang rất khổ sở! Nó mê muội cả người; ban ngày chỉ nói về anh, ban đêm thì nói mê. Tôi cũng đã từng ở thời con gái, nhưng anh ạ, chưa bao giờ tôi thấy ai như nó!”

Ông luật sư há miệng ngạc nhiên. Mắt ông đầy vẻ không hiểu biết và lúng túng, nhưng nở nụ cười tự mãn.

“Nhưng thế là tốt lắm,” bà Lakmusová lại nói. “Lúc đầu tôi đã không muốn cho ai ở trọ, nhưng bây giờ thì tôi mừng lắm, Klára sẽ hạnh phúc.”

“Cô Klára... sao... sao cơ?” Đột nhiên, ông luật sư kinh hoàng, rồi đứng lên.

“Thì tôi đã bảo với anh là nó đang mê anh đến điên cuồng mà! Nhưng anh ạ, phải sớm tổ chức đám cưới vì anh ở cùng với chúng tôi, kéo mọi người lại điều qua tiếng lại, vả lại cũng còn chờ đợi cái gì nữa! Chúng tôi biết anh, anh biết chúng tôi... anh biết là chúng tôi được trời phù hộ, tất cả chúng ta đều sẽ sung sướng.”

“Khoan! Khoan đã, thưa bà,” ông luật sư lắp bắp và bước từng bước dài trong phòng, “nhưng tôi biết là cô Klára đã có một người công chức ở đâu rồi cơ mà!”

“Đã có, nhưng bây giờ không có nữa. Hẳn lấy vợ rồi, lấy bà vợ góa của ông thợ xay bột. Nhưng anh nghĩ là Klára tiếc hẫng ta ư? Nhờ trời, bây giờ nó yêu anh rồi, như thế trời cho nó làm người khác rồi! Tuy tôi đã bảo nó là đừng có nghĩ đến chuyện đó, vì luật sư sẽ chẳng muốn cô gái đã từng có người yêu, thế nhưng nó cứ khẳng khẳng một mực! Nói cho cùng thì đã có một người yêu cũng như không có người yêu nào!”

Ông luật sư hoàn toàn không biết phải xử sự ra sao, nhưng bà Lakmusová tiếp tục nói:

“Chúng ta sẽ không trì hoãn việc đó, phải không anh? Chắc chắn anh có đủ giấy tờ, phải không? Một người cẩn thận chu đáo như anh mà!”

Ông luật sư lắc đầu. Bà Lakmusová hiểu cái lắc đầu ấy theo ý mình: “Vậy thì anh hãy chuẩn bị đầy đủ tất cả các giấy tờ đi, chắc chắn anh biết là phải làm thế nào... Hôm nay, anh ra ăn trưa cùng với chúng tôi nhé!”

“Không! Không!” Ông luật sư nói to. “Thưa... chỉ ăn ở trong này thôi!”

“Ấy, anh vẫn như một cậu thanh niên vậy,” bà mẹ vợ tương lai hài lòng cười. “Klára chắc sẽ không ăn nổi một miếng, nếu tôi bảo chuyện này cho nó biết!”

“Trời ơi, tôi xin bà, bà đừng nói gì cả, đừng nói gì hết!” Ông luật sư vội vàng ngăn.

Bà Lakmusová thấy buồn cười. “Giá mà không có những người hiểu biết như tôi,” bà nói, “thì tôi muốn biết anh chị làm thế nào mà đến được với nhau. Anh hãy sắp xếp giấy tờ đi, luật sư ạ. Anh có còn muốn gì nữa không?”

“Không!”

“Vậy thì xin chào anh nhé!”

“Chào bà!”

Ông luật sư đứng như trời trồng ở giữa phòng rất lâu.

Cuối cùng, ông thở một hơi dài, lắc đầu. “Sự thế ra thế này thì có khổ tôi không!” Ông làu bàu bực tức. “Vâng, tôi sẽ chuẩn bị giấy tờ, bà mẹ vợ mà tôi không mong đợi ạ, nhưng tôi sẽ không chuẩn bị cho con gái bà đâu! Mình phải làm gấp, chứ không còn cách nào khác! Ngày mai mình sẽ gửi bài thơ thứ hai, ngày kia gửi bài thứ ba và ngày kia - không, ngày kia là thứ sáu, ai biết được sẽ có gì xảy ra! Vậy thì buổi chiều ngày kia, mình sẽ đi hỏi cô ấy! Rồi nhanh chóng đi tìm chỗ ở khác, nếu không thì, trời ơi, nếu không thì sẽ phải ở đây mãi mãi,... rồi thì...”

Ông chưa dứt lời thì cửa lại mở ra, bà Lakmusová bước vào phòng, trên tay bưng một cái khay, đi cùng bà là cô giúp việc.

“Tôi lấy bộ thìa đĩa bạc ra cho anh dùng đây,” bà Lakmusová nói rồi đặt nó lên bàn, “cất giữ mãi để làm gì!” Bà đến gần luật sư, đặt tay lên vai ông và nói nhỏ: “Tôi đã bảo cho Klára biết rồi đấy!”

## VI. KHI CÔNG SỞ KHÔNG HÀI LÒNG

Ông Eber, ông chủ của ngôi nhà chúng tôi đang ở, vừa đi công sở về. Bà chủ nhà, lúc đó đang cho củi vào lò ở trong bếp, giật mình khi trông thấy chồng. Mọi khi, ông về nhà quăng ba giờ chiều, nhưng hôm nay mới hơn mười hai giờ ông đã ở đây rồi, mà vẻ mặt ông trông rất lạ, đã lâu rồi bà không thấy ông như vậy.

Trước tiên là cái mũ trên đầu ông. Nó được kéo xuống đến tận cặp lông mày rậm và cứng, che cả khuôn mặt đã một thời béo tốt, nay chỉ còn lại những nếp nhăn hằn sâu. Mái tóc chải ngang bị mũ làm dẹp thẳng xuống, đôi mắt lơ lơ của ông như cố tỏ ra một điều gì, cái miệng rộng mím chặt lại,

làm cho cái cảm như được nâng lên cao hơn, bộ ngực lép được ưỡn thẳng một chút. Tay phải ông cầm ngang một tờ giấy cuộn tròn, tay trái vung vẩy lung tung như tay con rối bị điều khiển sai.

Bà chủ nhà nhìn chồng, bất chợt bà liên tưởng đến điều gì bất hạnh, khuôn mặt sắc cạnh của bà kéo dài ra.

“Ông bị đuổi việc hay sao?” Bà hỏi và tự nhiên khàn cả giọng.

Ông chồng hơi lắc đầu, như thể câu hỏi đáng ghét ấy xúc phạm đến ông. “Đi gọi bà Bavorová đến đây cho tôi!” Ông nói bằng giọng trầm trầm.

Vào khi khác thì chắc bà chủ nhà không chịu được câu trả lời quanh co như thế của chồng, nhưng hôm nay, bộ mặt nghiêm nghị đặc biệt của ông tác động cả đến bà, và bà không có đủ thời gian để tỏ ra giận dữ. Bà nhìn qua cửa sổ, trông thấy bà Bavorová đang đi xuống sân “Bà ấy đang đi đến đây,” bà bảo chồng.

Ông Eber vào phòng. Ông đi đến tận cái bàn ở giữa phòng và đứng lại đó. Ông nhìn xuống bàn, nhưng chắc là chỉ vì bắt buộc phải nhìn vào chỗ nào mà thôi. Ông vẫn để cái mũ trên đầu, trong tay vẫn nắm cuộn giấy, chắc muốn tỏ ra rằng ông đã không thể và không muốn để xảy ra cái điều ông sắp phải nói.

Cô Matylida ngạc nhiên nhìn bố, rồi phá ra cười. “Bố ơi, làm gì mà căng thẳng ghê gớm thế ạ?”

Ông bố hơi cựa quậy và tỏ ra vô cùng bức bối.

Vừa lúc đó, cửa mở ra, bà chủ nhà bước vào phòng, theo sau là bà Bavorová.

“Đây, bà ấy đây... ông muốn bảo gì thì bảo đi!” Bà giục chồng.

Ông chủ nhà nghiêng người quay về phía bà Bavorová. Ông nhìn xuống sàn nhà rồi mở miệng nói bằng một giọng nghiêm trang đều đều: “Tôi rất lấy làm tiếc, bà Bavorová ạ, nhưng tôi không thể giúp được gì cả, vì cái này bây giờ không còn phụ thuộc vào tôi nữa! Con trai bà sẽ gặp nguy!

Vâng, sẽ gặp nguy! Cậu ấy liều lĩnh, bất cẩn, cậu ấy... cậu ấy là đủ thứ! Cậu ấy dám cả gan viết những điều nhục nhã đáng hổ thẹn về công sở, về tất cả chúng tôi, cả về ông giám đốc nữa! Vâng, cậu ấy đã viết những điều đó ở văn phòng, rồi cho vào ngăn kéo. Đi nghỉ phép mà cứ để giấy tờ ở đó, cũng không rút chìa khóa, thế là người ta phát hiện ra, vậy thì bà bảo có sơ ý, có vô tâm không? Rồi người ta đem ra đọc, cậu ấy lại viết bằng tiếng Séc và viết những điều rất tệ. Ông giám đốc biết tôi giỏi tiếng Séc nhất nên giao cho tôi xem xét cái chuyện tà trời này. Nghe bảo trong đó, cậu ấy viết những điều rất khủng khiếp. Tôi không biết, tôi không biết... Tình huống xấu nhất có thể xảy ra! Bà là mẹ cậu ấy, nghĩa vụ của tôi là báo cho bà biết, bà phải chuẩn bị tinh thần cho mọi tình huống! Mẹ nó mang cái chậu vào phòng cho tôi, mang cả nước uống nữa, đừng cho ai vào phòng, trừ trường hợp có người của công sở, đừng gọi tôi ra ăn trưa, bao giờ muốn ăn thì tôi ra. Còn bà, xin chào bà!”

Mặt bà Bavorová trắng bệch như tờ giấy, môi bà run run, đôi mắt đỏ ngầu ngầu. “Trời đất ơi, thưa ông, xin ông giúp cho, nhà chúng tôi nghèo khó...” Bà kêu lên thảm thiết.

Ông chủ nhà phẩy tay chối từ. “Tôi không thể, cũng không được phép! Muộn rồi, thế là hết cả rồi! Nghĩa vụ là nghĩa vụ, phải cho công bằng! Còn ra cái thể thống gì, nếu mà các cậu thanh niên... Nhưng thôi, bà về đi, bây giờ tôi không có thời gian!”

Ông ấy bước mấy bước ngẩn rồi biến vào căn phòng thứ hai, đóng cửa lại, nghiêng ngó kiểm tra bên phải bên trái, rồi sau đó mới bỏ mũ. Ông đi đến bàn viết, cẩn thận đặt cái mũ lên đó như là sợ mũ bị bẹp.

Mọi khi, về đến nhà là ông thay quần áo, nhưng hôm nay ông đứng trước gương để sửa lại quần áo cho chỉnh tề hơn. Sau đó, ông kiểm tra bút viết, phẩy bụi ở tấm lót, kéo ghế mấy lần cho đúng tư thế, rồi ngồi xuống bàn. Cuối cùng, ông với cuộn giấy và mở ra, ông nhướn mày lên thật cao, đưa mắt quan sát cẩn thận từng nếp giấy gấp.

## VII. NHỮNG DÒNG GHI CHÉP CỦA THỰC TẬP SINH

Tôi làm xong việc rồi, bây giờ thì không biết làm gì nữa! Nộp bài thì tôi chưa được phép, phải để đến ngày mai. Vẫn còn nhớ lần đầu tiên tôi được giao việc, khi tôi làm xong, mọi người đã mắng tôi là làm xong sớm thế thì việc ấy không thể tốt được và dứt khoát nó nông cạn hời hợt.

Vậy thì tôi sẽ viết tiểu phẩm về công sở, về bức tranh của cuộc sống thường nhật, về hình ảnh và tiểu sử của các đồng nghiệp và những người cấp trên, về những tia chớp lóe sáng của cuộc đời công chức và chuyện thơ ca của thực tập sinh. Một nhà trào phúng người Anh đã viết du ký về chuyến đi vòng quanh cái bàn viết của mình; tôi sẽ đi xa hơn, sẽ đi đến tất cả các bàn ở xung quanh, sẽ đi khắp nơi trên vương quốc của ông giám đốc của chúng ta, sẽ miêu tả đất nước và người dân sống ở đó. Chỉ không biết người dân của vương quốc ấy có tạo điều kiện cho sự trào phúng nảy sinh hay không. Mà tại sao lại không nhỉ! Trào phúng chỉ không thích hợp với người hoàn toàn hiểu biết và người hoàn toàn ngu ngốc. Đối với loại người thứ nhất, trào phúng sẽ phải bật khóc; đối với loại người thứ hai, trào phúng sẽ phải từ bỏ quan điểm của mình và sẽ bực bội do phải chứng minh rằng, so với sự vĩnh cửu và cả vũ trụ thì tất cả những gì chúng ta làm đều khô héo và lỗi bịch.

Đối với anh chàng viên chức yếu điệu kia thì tôi sẽ không phải lôi triết học ra để làm gì, mà chỉ cần một chiếc gương nhỏ. Anh ta sẽ luôn luôn ngắm mình trong gương. Anh ta có thiện cảm với tôi, bởi lẽ hôm đầu tiên đến công sở, tôi đã hỏi mọi người về anh ta, “người đẹp trai kia là ai” và anh ta đã nghe thấy. Còn những người khác - họ viết và làm việc mới chăm chỉ làm sao! Những cái đầu, những gương mặt, những cặp mắt của họ không thể gán cho ai khác được, chúng chỉ hợp với viên chức công sở, cái gì cũng phải rập khuôn theo qui định! Trên những khuôn mặt ấy, không hề thấy biểu hiện

sự mệt mỏi về “lao động trí óc”, chưa một lần nào có biểu hiện tư duy vượt trên tầm công việc thường ngày của công sở. Xem ra, họ thờ ơ. Nếu các công việc được giải quyết tốt hay không tốt, thì cũng chẳng hề gì. Họ cứ làm việc theo trình tự thủ tục, và bao giờ cũng giữ đúng mức độ! Nhưng mà biết đâu, có thể trong số họ cũng có người suy nghĩ khác.

Chỉ có ông trưởng phòng của chúng tôi là đang cho phép mình nghỉ ngơi, ông ấy ngồi đọc báo. Bây giờ ông ấy đặt tờ báo xuống.

Ông trưởng phòng ngạc nhiên nhìn tôi, khi tôi đến xin ông cho tôi mượn báo để đọc! Ông ấy không nói một lời nào, còn tôi thì ngượng chín người, đỏ cả mặt, và quay về ngồi vào bàn của mình. Tuy không nhìn thấy, nhưng tôi cảm thấy là tất cả mọi người trong phòng đều há miệng kinh ngạc trước cái mạo muội táo bạo của kẻ thực tập sinh như tôi!

Giá mà tôi được trở lại trường, để tôi lại được hi vọng mơ tưởng đến tất cả mọi thứ trên đời, hoặc chẳng mơ tưởng đến một cái gì! Ở cái công sở này, tôi có ít cơ hội, tôi không biết mình sẽ vươn lên được đến đâu!

Ngày hôm đầu tiên đến công sở, tôi được giao nhiệm vụ viết về cảm xúc khi nhìn thấy đầu tàu hỏa. Ấy là người ta muốn kiểm tra phong cách viết văn của tôi. Tưởng tượng đang đứng trước tàu hỏa mang tên Pegas, tôi mạnh dạn mô tả những tiến bộ của loài người. Nghe nói ông giám đốc của chúng tôi đã đọc bài ấy và đã lắc đầu quầy quậy, rồi tuyên bố rằng tôi là kẻ kì cục dở hơi.

Tôi vẫn còn chưa kịp trò chuyện với ai, vậy mà tôi đã nghe thấy họ gán cho tôi cái tên “Hội viên hội hòa thuận cách mạng”. Công việc của tôi xem ra không trôi chảy chút nào! Ôi, giá mà tôi lại được trở về trường học! Nhưng mà tôi biết rằng đó là điều không thể!

Ôi, cái không khí ở đây! Theo thần thoại Hy Lạp thì thần Prometheus lấy đất nặn ra con người, và nghe nói đất ấy thơm mùi da thịt con người. Nhưng mọi người ở công sở này thì lại phảng phất mùi đất, và chẳng có mỡ màng gì.

Họ là những con người kinh khủng! Có lẽ họ chỉ ngang tầm trí tuệ của tôi ở thời tôi còn là đứa trẻ nhỏ chuyên hành hạ chim sáo và kéo chân những con chuột Đức. Hồi đó, tôi đọc truyện Robinson phiêu lưu ký viết bằng tiếng Đức; tôi đã nghĩ rằng từ “hòn đảo” trong tiếng Đức có nghĩa giống như từ “mỡ bò”, ấy thế mà tôi cũng thích truyện đó. Những người ở đây cũng có quan niệm rõ ràng tương tự như vậy về thế giới, và họ thích thế giới ấy. Ở công sở này, tư duy là độc quyền của nhà nước, giống như muối và thuốc lá vậy. Và muốn làm gì thì làm, kẻ ngốc vẫn hoàn là kẻ ngốc.

Hôm kia, tôi bảo họ là cái xe ngựa dùng trong buổi lễ của ngài Tổng giám mục được thiết kế theo mẫu xe của Đức Thánh Elias. Ngày hôm qua, tôi lại bảo họ rằng các bà đầm ở Pari thường lấy lông khi Brazil làm đồ trang sức. Ngày mai, tôi sẽ cắt một nhúm lông ở đuôi con Azor, và sẽ mang đến để bảo họ rằng đó là tóc của nữ thần Isis trong thần thoại Ai Cập, rằng nữ thần đã rút nhúm tóc ấy của mình khi nghe tin chồng bà, thần Osiris, bị giết hại.

Họ cho tôi là người rất có học thức và rất thích nói chuyện với tôi. Nhưng họ không dám chuyện trò cười đùa gì trước mặt ông trưởng phòng, trừ lúc ông ấy nói một câu đùa. Khi đó, lập tức cả phòng làm việc vang lên tiếng cười nịnh phụ họa. Nhưng khi ông ấy ra khỏi phòng, thì mọi người liền trở nên khác hẳn. Họ nhốn nháo đi từ chỗ này sang chỗ nọ, mặt họ rạng rỡ, lưng họ không khom khom nịnh bợ thấp hèn nữa, mà thẳng lên. Điều đó trở thành thói quen hàng ngày, họ sốt ruột kín đáo xem đồng hồ, nếu hôm nào ông ấy không ra khỏi phòng theo giờ thường lệ.

Lời đồn đại về sự hiểu biết của tôi cứ tiếp tục lan truyền. Khi thấy tôi đọc được tài liệu tiếng Serbia viết bằng chữ Kirin thì họ hoàn toàn kinh ngạc khâm phục. Chỉ có ông trưởng phòng của phòng thứ năm lại vỗ vai tôi khi đi qua bàn tôi ngồi: “Cái gì cũng có thể có ngày ta cần đến, nhưng anh hãy thực tế nhé!” Ông trưởng phòng này nổi tiếng vì tài biết viết. Nghe nói ông ấy đã viết được một cuốn sách, tôi nghĩ đó là cuốn sách nói về băng quần chân, tức là sách hướng dẫn cách quần chân bằng băng vải.

Trong đời mình, chưa bao giờ tôi chứng kiến một việc nào như vậy!

Ông giám đốc đến chỗ của chúng tôi để lấy một tài liệu. Ông ấy trèo lên bậc thang để lấy tập tài liệu từ giá sách. Khi xuống thang, ông giẫm phải chân ông Hlavačka. Và cái ông này, vì quá kính trọng nên không dám nói để giám đốc biết là giám đốc đang giẫm lên chân ông ta. Thật là đồ con bò! Tôi có cảm giác ông ta giống như tu sĩ Laocoon trong thần thoại Hy Lạp; trên gương mặt ông ta có biểu hiện của đau đớn cùng cực, nhưng đồng thời có cả nụ cười xã giao bắt buộc của kẻ viên chức tầm thường. Ông giám đốc thấy có người đứng sát sau lưng mình, vừa định quay lại mắng con người vô lễ thì ông nhận ra rằng ông đang giẫm lên bàn chân của con người thấp hèn kia. “Ấy, xin lỗi nhé!”, ông giám đốc nói và nở nụ cười thân thiện. Ông Hlavačka tập tễnh trở về bàn của mình, vừa nhăn nhó vì đau, vừa cố mỉm cười. Quả là biểu hiện của cái xã giao đến cao thượng và cảm động! Tất cả những người khác chắc hẳn phải ghen với ông ta; biết đâu có ngày sự kiện này mang lại cái gì ích lợi cho ông ấy!

Ông giám đốc hỏi tôi có chị hay em gái không. Bây giờ tôi mới hiểu người tập sự chưa vợ. Thưa ông giám đốc, ông hỏi vậy mà không sợ ư? Vì tôi biết là ông đi thỏa mãn tình cảm ở đâu, người tập sự điển trai nhất đã nói cho tôi biết về chuyện ấy! Nghe bảo cô tình nhân của ông rất xinh đẹp; nhưng có thể là đối với tôi, cô ấy còn xinh đẹp hơn nữa, bởi tôi trẻ hơn ông nhiều. Chúng tôi sẽ phải gặp cô ấy! Nếu không ưng tôi, thì có thể cô ấy ưng người tập sự điển trai. Dứt khoát có cái gì đó sẽ xảy ra!

Ông giám đốc cho triệu tập tất cả chúng tôi đến văn phòng của ông. Phụ trách các phòng đứng thành nửa vòng tròn, sau các ông là đám đông các viên chức chúng tôi. Các ông phụ trách thăm thì nói chuyện với nhau, còn chúng tôi ở phía sau thì đứng yên không nhúc nhích, sau khi đã kính cẩn cúi chào cái lưng của ông giám đốc.

Ông giám đốc vẫn ngồi viết và một hồi lâu chẳng hề để ý đến chúng tôi. Đứng cạnh tôi là một thực tập sinh như tôi, trông cậu ta có vẻ hiền từ và ngoan ngoãn. Tôi ghé vào tai hắn và nói một câu hài hước, tôi không nhớ là

câu gì, nhưng chắc chắn là không đủ hài hước, vì không thấy hân cười. Tôi bực mình nhắc lại, đồng thời đưa tay cù hân. Thế là hân cười ré lên; mọi người giật thót mình, rồi có tiếng sụt từ mọi phía.

Ông giám đốc đứng dậy. Ông ấy đứng thẳng lên và nói:

“Tôi cho gọi các anh đến đây để nói cho các anh biết rằng phong cách viết tài liệu của các anh làm nhục cho công sở của chúng ta ở tất cả các cơ quan cấp trên. Trong các anh, có người viết chậm chạp khó khăn, có kẻ viết cầu thả né tránh, nhưng một bài viết đúng đắn và có chất lượng, với độ dài vừa phải, thì đã bao nhiêu năm nay rồi tôi không được đọc, nói đúng ra là chưa bao giờ được đọc. Cái đó bắt nguồn từ chỗ là các anh vẫn viết, nhưng chẳng hề suy nghĩ, hoặc là chỉ suy nghĩ một lúc rồi chán ngay, chẳng nghiêm trang, chẳng thành thật gì cả. Hơn nữa, cái đó còn làm hé lộ ra một điều là các anh cũng không biết tiếng Đức. Và tôi nói để các anh rõ vì sao các anh không biết. Các anh không biết, bởi vì các anh chỉ tào lao ba hoa suốt ngày với nhau bằng tiếng Séc! Vì vậy, trên cương vị giám đốc, tôi sẽ đảm bảo để không một ai trong các anh dám nói, dù chỉ một lời tiếng Séc, ở công sở. Từ cương vị bạn bè và người cấp trên, tôi khuyên các anh hãy làm như thế cả khi không ở công sở, hãy chăm chỉ đọc để đạt được tiến bộ trong cách viết. Bây giờ thì các anh về chỗ làm việc của mình đi! Và hãy nhớ rằng không một ai được thăng tiến nếu không biết cách viết!”

Cả công sở bắt đầu săn lùng tìm kiếm, mọi người hỏi nhau mượn sách báo, mượn món ăn tinh thần từ nhà bếp Đức. Ai tìm thấy ở nhà một số cũ nào của tạp chí Bohemia viết bằng tiếng Đức thì coi đó là cái gì đáng giá lắm.

Các cuộc chuyện trò bằng tiếng Séc ngừng hẳn. Hân hữu, khi hai người bạn thân nào đó biết chắc chắn bạn mình không đi tố giác, thì mới nói với nhau một vài lời tiếng Séc ở ngoài hành lang, hay ở nơi trữ tài liệu vắng vẻ. Tôi có cảm giác tất cả mọi người đều là những kẻ mật thám.

Nhưng tôi vẫn cứ tiếp tục nói tiếng Séc, và nói to. Tất cả mọi người đều thấy sợ và lảng tránh tôi.

Màn thứ nhất của vở kịch công sở ngày hôm nay đã hết. Ông trưởng phòng ra khỏi phòng, giống như *Người bệnh tưởng* trong hài kịch Molier “Le malade imaginaire” đi khỏi sân khấu khi màn một kết thúc.

Cuộc chuyện trò giải trí giữa giờ bắt đầu.

Câu chuyện ở bàn phía tay phải tôi:

“Hôm nay là thứ sáu, tôi đang nóng lòng chờ món bánh hấp. Vợ tôi làm khéo lắm, bánh rất mềm.”

“Nhà anh không ăn thịt vào ngày thứ sáu à?”

“Có. Bao giờ cũng mua nửa cân cho cả nhà. Không nấu thịt thì nấu gì! Chúng tôi chỉ kiêng thịt vào những ngày ăn chay lớn thôi, nhưng mà ăn cá. Thịnh thoảng ăn cá cũng tốt!”

“Tôi thích bánh mì hấp với thịt hun khói, cả thịt rán cũng ngon lắm! Cho bọn trẻ... à, nhà ông không có trẻ con nên không biết, cho bọn trẻ thì phải có tí bột mì. Năm ngoái, bà chị dâu gửi cho một mớ ốc sên, nhà tôi đã băm và nướng chả.”

“Ăn thịt vịt trời vào ngày ăn chay thì tôi hiểu, vì chúng sống ở dưới nước; nhưng mà ốc sên thì chúng bò ở ngoài vườn chứ!”

“Ấy, tôi cũng nghe nói là trước đây, ốc sên chỉ sống dưới nước. Nó bò nhìn cũng như bơi vậy, mà nó cũng câm lặng như cá, thế đấy! Nhưng mà kể cũng lạ, con cá không ăn thịt, chắc nó biết nó là thức ăn chay!”

Câu chuyện ở bàn phía tay trái tôi:

“Ngài giám đốc nói đúng đấy! Bọn chúng quả là một lũ hâm hâm! Toàn nói chuyện ngu ngốc! Chúng ta cần tiếng Đức, chấm hết! Nếu không thì chúng ta sẽ viết như thế nào được! Và ai muốn cho con cái học một chút tiếng Pháp nữa thì càng tốt!”

“Vâng, tiếng Pháp cũng tốt!”

“Con gái tôi bất kỳ giá nào cũng không nói tiếng Séc ở ngoài đường. Có lúc tôi quên, lỡ miệng nói bằng tiếng Séc với nó, nhưng mới chỉ nói một lời thôi là nó đã đỏ mặt lên, rồi bảo tôi, “Bố chẳng giữ ý tứ gì cả!” ”

“Vâng, vâng, thế đấy!”

“Có lần tôi đọc ở báo một tin là người ta muốn nghĩ ra một thứ tiếng nói chung cho tất cả mọi người. Rõ là chuyện ngốc nghếch!”

“Ông trời chắc không thể cho phép họ làm như vậy!”

“Mọi người hãy học tiếng Đức đi là êm chuyện!”

“Quả thế!”

Ở gần cửa có tiếng “suyt!” Mọi bàn lại trở lại trật tự như trước.

Ông trưởng phòng bước vào, áo gi-lê mở phanh không cài cúc.

“Tôi nghĩ là tôi đang béo đến phát phì,” ông trưởng phòng nói, “tôi sẽ phải đi bác sĩ, hay là đi thăm bà nội!”

Tất cả đồng thanh cười nịnh bợ.

Nơi nào nghèo nàn về tinh thần như thế, chỗ ấy ắt phải nghèo nàn cả về vật chất. Mà đúng như vậy! Tôi đã rất ngạc nhiên thấy họ sống một cuộc sống bề ngoài hời hợt giả tạo, còn bề trong thì điều đứng bất hạnh.

Có lẽ đến hai phần ba trong số họ có sổ ghi trừ nợ dần ở chỗ người Do Thái. Đến ngày đầu tháng, ông ta trừ nợ, chỉ phát lại cho họ một chút tiền lương như tiền bố thí. Bà hàng bánh mì thường đến cửa hàng nhà tôi, bà ấy nói là ngày đầu tháng họ còn trả được tiền bánh, nhưng đến ngày mừng hai thì đã lại phải mua nợ rồi. Tôi chưa bao giờ nghe thấy chuyện người nào mời ai đến nhà chơi; chắc hẳn họ xấu hổ vì nhà cửa của mình.

Nhưng nói cho cùng thì chẳng có việc gì mà ta lại không hiểu được!

Hôm nay, tôi nhận được thư của ông giám đốc, ông ấy yêu cầu tôi cắt ngắn mái tóc dài đi. Thế ư ông? Họa có là điên thì tôi mới cắt!

Tôi có đồng minh. Người tập sự điển trai nhất đã nghe lời khuyên của tôi và bắt đầu ký tên là Hoa Thủy Tiên. Một tài liệu ký tên như vậy tới tay ông giám đốc, ông ấy lập tức đến gặp anh ta. Ông bảo anh ta hãy thôi ngay tất cả những thứ ngu xuẩn như vậy, tốt hơn hết hãy chăm chỉ làm việc, bởi lẽ anh ta lười đến thối thây. Ồi trời, Hoa Thủy Tiên mà thôi ư?

Nhưng tôi biết tại sao ông giám đốc không ưa Hoa Thủy Tiên. Vì cái đoạn vỉa hè dưới một cửa sổ của nhà ai đó!

Tin tưởng rằng ông Eber không tiết lộ, tôi nghĩ ra có để được nghỉ phép. Tôi nói là bà tôi, người sẽ cho tôi hưởng di sản thừa kế, đang ốm sắp chết. Tuy cho phép tôi nghỉ, nhưng ông trưởng phòng còn nghiêm khắc nói rằng nhân viên tập sự đúng ra thì không được phép có bà.

## VIII. ĐÁM TANG

Buổi trưa ngày thứ tư, cả nhà chuẩn bị cho đám tang bà Žanýnka. Quan tài bà được kê trên chiếc giá phủ vải đen, đặt dưới bóng râm ở ngoài sân. Đó là cỗ quan tài sơn màu đen bóng, tuy đơn giản nhưng khá đẹp, bốn góc bên dưới là bốn bàn chân gấu thiếp vàng. Trên nắp quan tài có cây chữ thập sơn cũng thiếp vàng đặt giữa vòng hương đào. Một dải lụa rộng màu trắng rủ xuống từ vòng hương đào. Dọc hai bên giá đặt quan tài có hai tấm bảng đen cao khoảng hơn nửa mét, chỉ để trang trí. Trên các tấm bảng ấy có gắn nhiều hình nổi màu bạc, biểu tượng của tổ chức những người làm dịch vụ tang lễ.

Trừ ông Lakmus đang đứng nhìn từ cửa sổ tầng trên và người chị gái ốm yếu của Josefinka đứng nhìn xuống qua tay vịn từ hành lang ở tầng hai, còn mọi người khác trong nhà này đều mặc quần áo ngày lễ và đã xuống tụ tập ở dưới sân. Trong số những người đứng ở đó, có cả một số người chúng ta chưa biết. Không cần phải suy đoán nhiều, chỉ nhìn gương mặt lạnh lùng căng thẳng của những người ấy, ta có thể nhận thấy đó là bà con họ hàng của

bà Žanýnka. Rồi các bà lảng giềng và đám trẻ con của họ, tất cả đứng trong sân và ở các bậc thang.

Linh mục đã đến, cùng đi với cha là những người giúp lễ và người coi nhà thờ. Lễ tụng kinh bắt đầu. Bà Bavorová và bà chủ quán đứng sát ngay cửa phòng của bà Žanýnka. Lời mở đầu tang lễ làm bà Bavorová xúc động, mắt bà đầm lệ, cằm bà chột đỏ lên rồi run run vì thực sự cảm động. Bà chủ quán lạnh lùng theo dõi, rồi quay sang nói với bà Bavorová, bất chấp bà ấy đang rơi nước mắt.

“Họ vội kéo nhau đến đây, giống như người Do Thái chạy đến đám bán đấu giá vậy! Ngày bà Žanýnka còn sống chả thấy ai đến chăm nom, bây giờ thì vội vàng đến để hưởng thừa kế! Thôi, trời phù hộ cho họ, chứ chúng ta nào ăn cắp cái gì mà họ phải đóng kín cửa, rồi đặt quan tài ở ngoài sân thế này! Họ có cho bà chút gì để đền ơn bà đã giúp đỡ không? Chắc là không, hả?”

“Không.” Bà Bavorová run rẩy nói thầm.

“Và họ sẽ chẳng cho bà cái gì đâu!”

“Tôi cũng chẳng yêu cầu gì. Cầu trời phù hộ cho bà ấy. Tôi đã giúp bà ấy bằng tình nghĩa của người công giáo thôi.”

Lễ cầu nguyện kết thúc, quan tài được vẩy nước thánh. Một người phục vụ mang hai tấm bảng đen đi. Những người phục vụ khác nhắc quan tài lên, rồi khênh qua ngõ để ra đường.

Đằng sau xe tang có một số xe ngựa. Họ hàng của bà Žanýnka lên những chiếc xe đầu; vợ chồng ông bà chủ nhà cùng cô Matylida, rồi cô Josefinka cùng với mẹ cô lên những chiếc xe tiếp theo. Bà Lakmusová và cô Klára lên chiếc xe cuối cùng. Bà Lakmusová gọi ông luật sư lên xe ngồi với họ và nói rằng trong xe vẫn còn một chỗ. Nói đoạn, bà nhìn quanh xem ai còn đang tìm chỗ ngồi. Còn ba người đứng cạnh nhau dưới đường, đó là bà chủ quán, bà Bavorová cùng Václav.

“Bà chủ quán ơi, bà Bavorová ơi,” bà Lakmusová gọi, “mời một bà lên xe ngồi với chúng tôi!”

Cả hai bà đều đi đến xe. Bà chủ quán liếc mắt nhìn bà Bavorová như thể muốn đâm chém bà ấy. Cả hai đồng thời tiến sát xe, cùng nhấc chân lên bậc xe.

Bà chủ quán cho đó là điều thái quá. Bà đặt tay vào cái nắm cửa xe, rồi tỏ ra ngạc nhiên bức tức: “Này, tôi là thị dân, tôi phải được ngồi xe chứ!” Bà xẵng giọng và bước lên xe.

Bà Bavorová sững người lại, bối rối. Václav để ý điều đó và nghe thấy hết, cậu tới bên mẹ.

“Mẹ ơi,” cậu cố nói bằng giọng chững chạc, “ta sẽ đi bộ sau linh cữu, chắc là cũng chẳng có ai nữa đi sau linh cữu đâu! Đến cổng thành nếu muốn đi ra tận nghĩa trang thì ta thuê xe kéo, mẹ ạ!”

Từ ngày hôm qua, sau khi nghe ông chủ nhà báo tin dữ, bà Bavorová không nói với con trai một lời nào. Bây giờ bà cũng không muốn nói, nhưng chỉ giằng co với mình trong giây lát, bà trả lời:

“Ừ, ta đi bộ chứ! Mẹ ngồi xe thấy khó chịu, còn xe kéo thì cũng không thuê. Nếu con muốn ra đến nghĩa trang thì ta sẽ tìm lối đi bộ ra đó. Mẹ đi bộ để tiễn bà Žanýnka. Khi bà ấy còn sống, mẹ đã giúp bà ấy nhiều, sau khi bà ấy chết mẹ cũng chăm lo. Vậy thì sao mà không đi bộ được mấy bước bằng tình nghĩa công giáo để đưa tiễn bà ấy!”

“Thế thì mẹ khoác vào tay con đi!” Václav nhẹ nhàng nói và đưa vòng tay cho mẹ.

“Thôi, mẹ không muốn dẫn dắt kiểu cách nhà giàu như thế - mẹ cũng không biết làm thế!”

“Nhưng đây có phải là kiểu cách nhà giàu gì đâu! Con chỉ đỡ mẹ thôi mà, đường đi thì xa, mà mẹ thì mệt mỏi vì xúc động... mẹ khoác vào tay con đi!” Václav nâng cánh tay mẹ khoác vào tay mình.

Chiếc xe tang chuyển bánh. Đằng sau xe, chỉ có Václav đi bộ cùng với mẹ mình. Cậu bước hãnh diện như đi bên bà quận chúa cao quý. Bà Bavorová thấy thoải mái đến mức không tả được bằng lời. Bà có cảm giác như tự bà lo liệu tất cả việc ma chay cho bà Žanýnka tội nghiệp.

## IX. THÊM MỘT BẢNG CHỨNG NỮA

Giờ chuyện trò buổi tối sắp đến. Ánh sáng ban ngày tuy vẫn còn, nhưng cũng đã nhanh chóng mờ dần, mặt trời đang chuẩn bị đi ngủ. Mọi người hầu như không làm gì nữa. Lúc đó chính là khoảng khắc khi mà công việc thì đã ngừng, nhưng hứng thú chuyện trò và vui chơi buổi tối thì vẫn chưa đến.

Ông luật sư đang ngồi bên bàn viết của mình. Trên gương mặt ông hiện rõ vẻ dăm chiêu suy nghĩ. Ông đang nghĩ về một việc hệ trọng nào đó, chắc hẳn ông cũng muốn làm một việc gì hệ trọng. Ông di chuyển lọ mực từ chỗ này sang chỗ khác, sắp xếp và xem đi xem lại những cái bút lông. Bây giờ ông mở ngăn kéo bàn, lôi ra một nửa thếp giấy mỏng. Ông lấy một tờ, đưa ra trước mặt một lúc, rồi quả quyết nói một tiếng “phải” thật to. Sau đó, ông gấp đôi tờ giấy theo chiều dọc, đúng theo kiểu hành chính.

Rõ ràng, đó là một việc quan trọng và đòi hỏi nhiều công sức, vì ngay sau đó ông luật sư đứng lên, rồi đi đi lại lại trong phòng như thế đi dạo. Nhưng ông ấy đi rất lạ, cứ như đang lảo đảo chập chững, có lúc bước hai bước lên phía trước rồi lùi lại sau một bước, đồng thời lúc thì cúi gập đầu xuống ngực, lúc thì cố gắng bạo dạn ngẩng lên.

“Phải,” ông ấy thở dài rồi nói. “Khi mà phải thế và đã phải thế, thì hãy giải quyết mọi việc làm sao cho nhanh nhất! Mình đang ở trong gọng kìm, cần phải quyết định thật nhanh. Mụ Lakmusová chắc không thả ra cho mình đi, Klára cũng không. Cô ấy là người hiền lành... nhưng mà mình đã quyết định rồi! Mình không thể ở đây được nữa, mọi thứ phải được giải quyết

trong vòng vài ngày tới. Ngày mai, chính mình sẽ mang bài thơ thứ ba đến cho Josefinka. Mình sẽ bắt đầu nói chuyện, rồi đưa bài thơ cho cô ấy đọc, mình sẽ theo dõi từng cử chỉ rung động của cô ấy, rồi sau đó thì giải quyết ngay cho xong việc. Giấy tờ hành chính thì mình sẽ viết ngày hôm nay, ngay bây giờ, khi mình còn đang có hứng...”

Ông luật sư khép cái áo khoác mặc trong nhà, quần dây lưng, như là muốn chống lạnh. Ông cả quyết ngồi vào bàn, chấm mực, viết thử, rồi bắt đầu viết. Ông viết dòng chữ sau:

*“Kính thưa tòa thị chính thủ đô Praha!*

*Tôi, người ký tên dưới đây, xin kính báo là quyết định đính hôn với cô...”*

Ông ấy xem rồi lắc đầu. “Nhìn không rõ nhưng không phải là tại kính mờ... trời bắt đầu tối, mình sẽ đóng cửa sổ lại rồi tắt đèn!”

Vừa lúc đó, ông nghe thấy tiếng gõ nhẹ ngoài cửa. Ông vội lấy một tờ giấy che dòng chữ đã viết. Sau đó, ông nói nhỏ: “Mời vào!”

Giữa cánh cửa hé mở là Václav.

“Cháu chào chú, cháu có làm phiền chú không ạ?” Václav vào phòng rồi đóng cửa lại.

“Không,... cậu vào đây”, ông luật sư lúng túng lăm bẫm, giọng tự nhiên khàn đi, “tôi đang định làm một việc... nhưng không sao, cậu ngồi đây! Có gì thế?” Ông luật sư hỏi vậy do thói quen, chứ không để ý gì đến cuộn giấy Václav đang cầm trong tay. Vì lúng túng nên ông cũng chẳng nhìn kĩ cậu ta.

Václav ngồi xuống ghế. “Cháu mang một chút món ăn tinh thần cho những lúc rung động bối rối, nếu chú muốn đọc để được yên tĩnh. Đây là một sáng tác văn xuôi đơn giản, nhưng nó không nghèo về tinh thần và có thể an ủi như một sáng tác không cầu kỳ. Nó hết sức đơn giản nhưng là sáng tác đầu tay thực thụ của riêng cháu. Cháu ghét việc dùng các hình thức, kể cả các phương pháp sáng tác tiểu thuyết bình thường. Cháu muốn biết chú sẽ

nói gì về thử nghiệm đầu tiên này của cháu...” Václav nói, rồi đặt cuộn giấy lên bàn. Mọi cử động của cậu đều mang cái tươi tắn của tuổi trẻ.

“Cậu luôn luôn chỉ vui chơi thôi... ừ, vì cậu còn trẻ mà!” Ông luật sư cười. “Thế nào, có khỏe không?”

“Cháu đang có vấn đề chú ạ, và cháu nghĩ là sẽ còn gay hơn nữa!... Người ta chắc sẽ đuổi cháu khỏi công sở... Họ tìm ra được một số tài liệu cháu viết, trong đó cháu châm biếm ông giám đốc. Ông chủ nhà đang giải quyết việc đuổi cháu.”

“Trời đất, sao cậu không thận trọng gì cả!” Ông luật sư chập tay vào nhau. “Thế bây giờ cậu định làm sao?”

“Thì cháu định làm sao! Chẳng định làm sao cả!... Cháu sẽ trở thành nhà văn!”

“Ấy... ấy... ấy!”

“Cháu nghĩ sớm muộn thế nào thì cháu cũng phải làm như thế, không làm khác được, cháu nghĩ là cháu đã trưởng thành!... Hay là chú cho rằng cháu không có đủ tài năng?”

“Làm nhà văn lớn thì phải có tài năng lớn, còn làm nhà văn nhỏ thì không giúp ích được gì cho dân tộc. Nhà văn nhỏ chỉ là bằng chứng về cái không hoàn thiện về tinh thần của chúng ta thôi, họ làm dân chúng mềm yếu đi về tư tưởng, và khi cảm thấy cần làm một cái gì mạnh hơn thì họ lại nghĩ đến việc bỏ đi nước ngoài. Chỉ người nào hoàn toàn có khả năng tư duy thực thụ và mới mẻ thì mới có quyền được đến với văn học. Chúng ta có quá nhiều những kẻ sáng tác hời hợt, vô hồn rồi!”

“Vâng, chú nói đúng. Chính vì chú có con mắt nhìn già dặn như vậy nên cháu vô cùng tin tưởng ở chú. Cháu đồng ý... và cháu theo đó mà nói về mình. Chúng ta hãy đừng nói những từ “lớn” và “nhỏ”; cháu sẽ nói một cách bạo dạn, có thể là hơi táo bạo rằng cháu biết tầm cỡ của mục đích, rằng ai là người mặc dù hiểu rõ nơi này mà vẫn mạnh dạn, thì người đó có cái quyền chính đáng của mình và ít nhất cũng làm được một điều gì đó. Cháu sẽ

không trở thành người lấp các khoảng trống trong văn học, cháu sẽ không sáng tác theo khuôn mẫu. Quan điểm văn học của châu Âu sẽ là quan điểm của cháu. Cháu sẽ viết một cách hiện đại, tức là viết trung thực, sẽ lấy nhân vật từ cuộc sống, sẽ miêu tả cuộc sống một cách chân thực, sẽ thẳng thắn nói lên điều cháu nghĩ và cảm thấy. Chẳng lẽ làm như vậy mà cháu lại không trở thành nổi tiếng được hay sao?”

“Hừm... cậu có tiền không?”

“Chú hỏi cháu có tiền trong người bây giờ ư?... Cháu chỉ có hai đồng tiền vàng thôi, cháu không thể cho chú vay...”

“Không! Không! Tôi muốn hỏi cậu có vốn không kia!”

“Nhưng mà chú biết là...”

“Vậy tức là cậu không có, và thế thì cậu không thể nổi tiếng được! Vâng, nếu cậu có cái vốn lớn đủ nuôi cậu sống, ngoài ra cậu vẫn còn tiền để chi cho việc xuất bản những tác phẩm thật tốt của cậu, thì mười năm sau, cậu sẽ giành được sự công nhận, các sáng tác của cậu có thể sẽ được xuất bản cả bằng những chi phí khác, chứ không phải chỉ bằng chi phí riêng của cậu. Nhưng ngay cả như thế cậu cũng vẫn chưa đi được đến đâu. Tác phẩm độc lập đầu tiên cậu sẽ in bằng tiền đi vay, cậu sẽ không bán được, rồi cậu sẽ chẳng đi được tới việc in tác phẩm thứ hai. Người ta sẽ tấn công cậu, thứ nhất là bởi sự độc lập của cậu, cái đó là điều những gia đình nhỏ và các dân tộc nhỏ không thể chấp nhận được; thứ hai là vì sự trung thực của cậu, bởi khi viết về sự thật, cậu đã động chạm đến một thế giới nhỏ mọn và những con người nhỏ mọn. Những miệng lưỡi cay độc sẽ bảo là cậu không có tài năng, hoặc nói thẳng ra rằng cậu là thằng ngu; những người tốt bụng hơn sẽ bảo cậu là người điên. Quảng cáo sẽ không nói về cậu...”

“Nhưng quảng cáo thì để làm gì cơ chứ?”

“Quảng cáo là cái ta cần ngay từ đầu, nhân dân của chúng ta tin vào cái được in ra, họ không quan tâm đến việc nó đúng hay sai. Nếu cậu không cần quảng cáo thì quảng cáo sẽ cố tình bỏ qua cậu để làm việc cho người khác.

Những người này sẽ tiến tới, sẽ lớn lên, chỉ có cậu là dừng lại. Cậu sẽ cay cú bực tức, có thể cậu sẽ nổi khùng rồi làm những điều ngu xuẩn của nhà văn, có thể cậu sẽ chán ghét chuyện viết lách. Bên cạnh đó, vấn đề sinh tồn vẫn là vấn đề cấp bách đối với cậu. Thế là không còn cách nào khác, cậu sẽ phải tìm đến thứ văn học không có hồn, thứ văn học không có tư duy và sẽ phải viết như một cái máy. Điều đó lại dẫn đến cái chán nản trong viết lách. Cậu sẽ hạn chế và chỉ viết những cái cần thiết nhất, cậu sẽ chán ngán và trở nên lười biếng, thế là xong đời cậu, không thể làm lại từ đầu được nữa!”

“Ồ, chắc chắn là sẽ không hoàn toàn như vậy! Cháu tự hứa là sẽ đạt được kết quả ngay từ bước đầu tiên. Thưa chú, chú đã đọc hết tập thơ mà cháu đã đưa cho chú chưa ạ?”

“Đọc rồi.”

“Sao ạ? Thế chú bảo sao ạ?”

“Ờ, đọc được... có một số bài hay... nhưng mà cậu bảo thơ ca để làm gì đối với chúng ta! Giá cậu đốt nó đi thì lẽ tốt hơn!”

Václav đứng bật dậy; ông luật sư cũng vô tình đứng dậy và chống tay lên bàn. Một thoáng im lặng. Václav đi đến cửa sổ và gục trán vào cửa kính, rồi cậu buồn bã cất giọng:

“Thế chủ nhật này, chú đi dự đám cưới chứ?”

“Dự đám cưới ư? Đám cưới nào?”

“Thì Josefinka đã bảo cháu rằng chú sẽ là người làm chứng kia mà! Còn cháu sẽ làm phù rể.”

“Vậy ai đi lấy vợ đấy?”

“Thế chú không biết là chủ nhật này Josefinka sẽ lấy anh Bavorák lái xe lửa à?”

Ông luật sư chợt thấy tối sầm trước mắt, thấy chóng mặt, ông nặng nề đổ người xuống chiếc ghế bành.

Václav vội cúi xuống ông luật sư đang nằm.

“Chú làm sao vậy? Chú bị sao vậy?”

Không có tiếng trả lời, chỉ có tiếng rên to khò khè trong cổ họng, khiến Václav thấy cần phải làm gì cứu giúp. Cậu bước nhanh đến cửa và gọi ra ngoài: “Bác Lakmusová ơi! Chị Klára ơi! Mang nước với đèn vào đây, nhanh lên! Chú ấy bị cảm hay sao ấy!” Rồi quay trở lại chỗ ông luật sư nằm, nới khăn quàng cổ, mở áo choàng cho ông ấy.

Bà Lakmusová chạy đến, trong tay cầm cây nến, sau bà là cô Klára. “Nước... mang nước vào đây, nhanh lên!” Václav giục.

Lúc này, ông luật sư đã mở mắt và nghe thấy tiếng Václav. “Không... không... đừng mang nước!” Ông khó nhọc nói. “Tôi khỏe rồi! Tại hôm nay trời nóng đấy mà... vào mùa hè thỉnh thoảng tôi lại bị thế này!”

“Con đi đi!” Bà Lakmusová sai Klára, “mang ngay nước sủi bọt với một ít siro vào đây... nhanh lên con!”

Cô Klára chạy đi.

“Thôi, chắc ổn rồi,” Václav nói, “gớm lúc nãy cháu giật thót cả người! Mà ngày hôm nay đâu có nóng nhiều! Bây giờ thì tốt rồi, đã có người lo cho chú, cháu xin phép về đây ạ! Cháu chào chú! Cháu chào bác ạ!”

“Tạm biệt cậu,” ông luật sư gượng cười, “còn những gì tôi đã nói với cậu đều là những cái tốt!”

“Vâng, cháu tin là thế, và xin cảm ơn chú! Cháu chào chú ạ!” Václav bỏ đi.

Cô Klára mang cái khay có viên thuốc và nước pha siro. Ông luật sư chống cự, nhưng rồi bắt buộc phải uống cốc nước.

“Cứ uống đi, chàng rể quý mến ạ,” bà Lakmusová ép. “Chúng tôi sẽ ở đây với anh một lúc. Ấy, tôi cũng đã định cùng với Klára bắt ngở đến thăm anh đấy! Anh với Klára cứ như trẻ con ấy, còn sợ sệt ngượng ngùng cái gì!

Giá mà không có tôi thì anh chị chả đến với nhau được... Ấy chết, vì hoảng quá mà tôi đã không biết đặt cây nến vào đâu, thành ra đặt lên đám giấy!”

Bà Lakmusová nâng cây nến và đặt các tờ giấy sang một bên. Tờ trên cùng rơi xuống, bà ấy nhìn thấy dòng chữ viết ở dưới. Ông luật sư không thốt ra được lời nào, ông ấy lại bị choáng lần nữa.

Gương mặt bà Lakmusová rạng rỡ như mặt trời. “Ôi, thật là hay, thật là hay!”, bà nói. “Klára ơi, con xem này! Luật sư đã viết giấy xin phép lấy vợ! Con xem này! Anh ấy đã viết đến chỗ sẽ viết tên con! Nhưng anh hãy làm cho Klára vui đi, hãy viết tên Klára vào đây trước mặt nó đi!... Xin anh hãy cầm bút đi!” Ông luật sư ngồi như đóng đinh.

“Nào, đừng ngượng nghịu xấu hổ nữa mà!” Bà Lakmusová chấm mực và đặt bút vào tay ông luật sư. “Klára ơi, con lại đây mà xem này!”

Quyết định đột ngột như tia chớp đến với luật sư. Ông cầm lấy cái bút, kéo rầm chiếc ghế, ngồi xuống và viết thêm hai chữ “Lakmusová Klára”.

Bà Lakmusová sung sướng vỗ tay. “Thế bây giờ thì anh chị hôn nhau đi! Nào, có thể được hôn nhau rồi mà! Klára, đừng ngượng ngừng gì nữa, đồ ngu ạ!”

## **X. KHOẢNG KHẮC RUNG ĐỘNG**

Vầng trăng sáng lung linh chiếu xuống đồi Petřín. Sườn đồi phủ kín rừng dầm trong ánh trăng mờ ảo, mang lại cảm giác thơ mộng, như thể ta đang nhìn thấy rừng dưới nước biển trong vắt. Nhiều ánh mắt đang hướng về phía ấy, nhiều người đang trầm ngâm suy nghĩ, hay đang rung động cả tâm hồn.

Từ cửa sổ phòng trên tầng hai ở nhà phía sau, Josefinka đứng ngắm đồi Petřín đang rạng rỡ dưới ánh trăng; bên cạnh cô là người chồng sắp cưới. Ánh trăng sáng cho ta thấy vóc dáng tuấn tú của chàng trai trẻ; khuôn mặt

tròn trịa có bộ râu màu nâu sáng, đôi mắt đầy sức sống. Josefinka im lặng mơ màng ngắm nhìn biển trắng mênh mông. Quàng tay phải lên vai cô, người chồng chưa cưới luôn đưa mắt nhìn cô, và mỗi lần như vậy, anh nhẹ nhàng kéo cô về phía mình, nhẹ nhàng đến mức như sợ làm bay mất phần hoa của khoảng khắc đẹp đẽ.

Anh nghiêng người hôn nhẹ lên mái tóc cô. Josefinka quay mặt lại nhìn anh, nâng bàn tay anh lên áp vào môi mình. Rồi cô đưa tay kia chạm vào cây hương đào<sup>[8]</sup> um tùm lá trong chậu cây cảnh ở dưới bậc cửa sổ.

“Nếu còn sống thì bây giờ em gái anh bao nhiêu tuổi?” Cô hỏi bằng giọng trầm đi.

“Vừa bằng tuổi trăng tròn như em.”

“Mẹ anh chắc không biết đã làm em vui đến mức nào, khi mẹ gửi cho em cây hương đào vào dịp cưới của chúng mình, mà gửi từ nơi xa xôi vậy!”

“Mẹ biết chứ! Ở quê anh, ai cũng tin rằng cành hương đào lấy từ tay người chết, nếu được đem trồng và giữ được đến ngày cưới của ai trong gia đình, thì nó sẽ đảm bảo chắc chắn cho hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ. Từ khi anh lấy cành hương đào khỏi bàn tay em gái đã nằm trong quan tài, rồi cắm nó xuống đất, ngày nào mẹ anh cũng cầu nguyện, nước mắt bà đã tưới cho nó sống. Mẹ anh là người tốt bụng vô cùng.”

“Như anh vậy...”, cô thở nhẹ và áp sát người vào anh hơn.

Cả hai lại im lặng, họ nhìn ra không gian sáng sủa, như thể đang nhìn vào giấc mơ về tương lai của mình.

“Hôm nay anh ít nói hơn thường ngày,” cô thầm thì.

“Tình cảm thực sự thì không có lời, anh sung sướng, anh sung sướng đến mức có lẽ sẽ chẳng bao giờ tìm ra được lời diễn tả cái sung sướng hiện giờ của mình. Còn em, em không cảm thấy như vậy sao?”

“Em không biết em cảm thấy gì. Em có cảm giác là em khác những lúc khác, em cao siêu hơn. Nếu mà cái cảm giác ấy không thể tồn tại vĩnh viễn,

thì em muốn chết đi ngay bây giờ để giữ lấy nó.”

“Và ông luật sư sẽ khóc bên mộ của thơ ca,” chú rể tương lai đùa. “Em thấy đấy,” anh nói thêm bằng giọng nghiêm trang “muốn gì thì gì, anh cũng nghĩ là ai yêu thật sự thì không thể viết ra được những bài thơ như thế. Tất nhiên, anh cũng không thể viết được như thế cả vào lúc khác... nhưng anh nghĩ là ông luật sư đã chơi trò đùa với em.”

“Không đâu, ông ấy là người tốt bụng.”

“Á, ông ấy có người bệnh! Em nói gì thì nói, nhưng dẫu sao thì em cũng thích những bài thơ ấy!”

“Ờ...”

“À ra thế, tôi biết mà! Đàn bà các cô giống nhau hết. Các cô phải có và dứt khoát phải có chuyện riêng của mình, có cái món ngon riêng của mình. Tôi muốn biết vì sao mà cả tôi cũng gặp phải chuyện đó.”

“Ôi, anh Karel!” Josefinka kinh hoàng thốt lên và ngậy người nhìn vào mắt người yêu, như thể không nhận ra anh.

“Thì đúng thế chứ còn gì nữa!” Chàng trai trẻ giận dữ nói tiếp. “Giá mà cô không cư xử hai mặt như vậy với ông ấy và cả với tôi, thì ông ta đã chẳng dám mạo muội như vậy.” Anh đẩy nhẹ Josefinka ra khỏi mình, rút cánh tay phải khỏi vai cô, để xuôi nó xuống theo người. Chỉ bàn tay trái anh còn nằm trong tay cô. Hai bàn tay nắm trong nhau, chết lặng.

Cả hai lặng lẽ nhìn ra khoảng không. Họ đứng im và nhìn vào chỗ vô hình như vậy rất lâu, cả hai gần như nín thở. Rồi tự nhiên, Karel cảm thấy giọt nước mắt nóng hổi của Josefinka ở tay mình. Anh bừng tỉnh, vòng tay ôm chặt cô gái đang thổn thức vào mình.

“Thứ lỗi cho anh... Josefinka... thứ lỗi cho anh!”

Cô gái nấc lên.

“Anh xin em, xin em đừng khóc! Em cứ giận anh đi, nhưng đừng khóc! Em nín đi... anh có lỗi, anh biết rằng em không biết lừa dối, rằng em yêu anh

chân thành, cũng như anh yêu em!”

“Nhưng khi anh đẩy em ra khỏi anh thì chắc chắn lúc ấy anh không yêu em!”

“Lúc ấy... đúng là... anh không tốt! Chính anh cũng không tưởng tượng được là anh có thể ghen tuông ngu xuẩn như thế! Anh đã thật sự đột ngột chà đạp lên tình yêu! Anh đã quên rằng em là cô gái trẻ đẹp, anh thật điên rồ, vì anh biết là bất kỳ cô gái nào, nếu có được một thân hình khỏe mạnh, không bị xiêu vẹo, không bị quá xấu xí...”

Vừa lúc ấy, có tiếng sột soạt đằng sau cặp tình nhân, cả hai quay ngoắt lại phía sau.

Người chị gái ốm yếu của Josefinka trong suốt thời gian ấy vẫn ngồi đằng sau họ ở trong phòng. Cô ấy không hề động đậy khi cặp tình nhân nói chuyện với nhau, và họ đã hoàn toàn quên cô ấy. Khi nghe những lời sau cùng của Karel, cô ấy vụt đứng lên, nhưng chỉ bước được mấy bước, cô ấy ngồi sụp xuống chiếc ghế cạnh đó, tức tưởi khóc.

“Chị Katuška ơi... trời ơi, chị ơi!” Josefinka đau đớn kêu lên.

Đôi nhân tình run rẩy trong lòng, cả hai đứng bên người chị ốm đau đang khóc. Mắt họ đầm đìa, môi họ run run, nhưng không dám nói gì, dù chỉ một lời an ủi.

## XI. SÁNG TÁC ĐẦU TAY

Sáng hôm sau, tỉnh giấc trong ánh bình minh tuyệt đẹp, ông luật sư thấy khó chịu trong người. Ông thấy chóng mặt, đầu đau như búa bổ, thần kinh căng thẳng làm ông run rẩy. Trong tưởng tượng của ông, có các bóng hình kỳ lạ đan lẫn vào với nhau; Josefinka, Bavorák, Klára, bà Lakmusová, Václav, tất cả đều lúc ẩn lúc hiện, chạy từ chỗ này sang chỗ khác, cùng với

họ là các bóng người lạ mà ông hoàn toàn không biết, rồi cả bóng hình các con vật nữa.

Ý nghĩ rõ ràng đầu tiên đến với ông khi ông chợt nhớ ra rằng mình đã là chú rể. Ông thấy lạnh cả người và ngồi thẳng dậy, ánh mắt ông dừng lại ở chiếc bàn con bên cạnh giường. Trên bàn có mấy tờ giấy có viết gì đó, bây giờ thì ông hoàn toàn tỉnh táo, ông biết là tối hôm qua ông xúc động không ngủ được, rồi đã đọc những truyện giải trí mà Václav mang đến cho ông. Tôi sẽ không kể chi tiết về trạng thái bồn chồn xúc động của ông luật sư. Cứ theo tính tình của ông và những sự kiện đã xảy ra, chắc hẳn độc giả tinh ý đoán ra được trạng thái ấy. Mặc dù vậy, để giúp độc giả một chút, tôi phải kể ra đây cái gì ông luật sư đã đọc. Sau đó thì độc giả sẽ có đủ lý do để tưởng tượng ra được cả giấc mơ của ông.

Sau đây là những truyện ấy!

### **Về một số động vật nuôi trong nhà**

#### **Truyện kể bán chính thức theo thể điền viên của Václav Bavor**

*Trang thứ mười bảy trong nhật ký của ông Ondřej Dítěc*

“...mình sẽ trừ tiền công của lão thợ cả, trừ bằng mọi cách. Đúng thế, lớp vữa tường ấy có thể đáng giá bao nhiêu mà không trả cho thợ nề được năm *zlatý*. Giá mà biết trước thế thì mình đã chẳng thuê hẳn ta làm gì, và mình cũng sẽ không thuê nữa. Mình biết là có thể rồi sẽ xong, nhưng mà tính ra thì cô ấy chả có gì ngoài cái quán ăn và đứa con, mà ở quán ấy cũng chẳng kiếm được mấy. Mình có thể làm cho quán khang trang hơn, nhưng gộp con trai cô ấy với con trai mình thì đã là hai đứa con, và ai mà biết được sẽ còn có thể có thêm mấy đứa nữa. Một khi lấy bà góa làm vợ thì ta phải nghĩ đến tương lai. Quả là nhà của mình khá rộng rãi, và không biết sau này mình sẽ còn làm gì nữa, nhưng bây giờ thì mình sẽ không làm gì cả, và cả đêm không ngủ được, mặc dù mình thấy chán cô ấy, đúng thế. Cô ấy muốn ép buộc mình bằng cách đưa cái anh chàng miệt còn hơi sữa ra, nhưng mà

cũng chẳng ép được đâu. Đàn bà ở tuổi ấy đáng lẽ phải khôn ngoan hơn, chứ quan trọng gì cái việc hắt ta đã học xong, hắt sẽ làm gì. Bác sĩ ư? Giáo sư ư? Hay là phóng viên ư? Ta còn lạ gì những nghề ấy! Đáng tiếc là cô ấy có hợp đồng thuê nhà với thời hạn nửa năm hủy hợp đồng, không thì cô ấy đã phải chuyển nhà ngay lập tức rồi. Chắc chắn hắt sẽ không lấy cô ấy làm vợ, và cô ấy cũng biết thế, có điều còn muốn lãng nhăng một tí. Hãy chờ đấy, ta sẽ cho nhà người biết tay, khi mà chủ nhà đã muốn thì nhất định phải được, và ta biết ta sẽ làm gì ngay ngày hôm nay. Rồi thì nhà người tha hồ mà cục ta cục tác, để làm như không nhìn thấy ta và khỏi phải chào khi ta đi qua sân. Hôm nay...”

*Thư của Jan Střepeníček, thực tập sinh ở tòa thị chính, gửi ông Josef Písčík, nhân viên xếp loại tài liệu của tòa thị chính.*

“Kính thưa anh,

Xin anh thứ lỗi và cho phép tôi được hỏi một việc. Anh đã từng nói rằng bằng ảnh hưởng và kinh nghiệm của mình, anh sẽ giúp đỡ tôi trong công việc. Tôi xin anh thứ lỗi là không đến trực tiếp gặp anh để hỏi; anh cũng biết là các ông trưởng phòng không ưa việc thực tập sinh không ngồi ở bàn mình mà lại đi đến phòng khác!

Nhưng để khỏi dài dòng, bây giờ tôi xin phép được viết điều tôi muốn hỏi. Ông thư ký đã yêu cầu tôi chia tất cả các công văn giấy tờ nhận được ngày hôm nay theo từng loại cho các đơn vị có trách nhiệm giải quyết. Ông ấy coi việc đó như là việc thử khả năng tôi, nhưng vì không có kinh nghiệm nên tôi thật sự lúng túng với một tài liệu. Xin phép anh cho tôi thông báo về nội dung của tài liệu khó hiểu ấy.

Ông Ondřej Dílec, chủ ngôi nhà số 1213-I ở Praha, kiện bà Helenka Velebová, chủ quán ăn, rằng bà này vì sở thích riêng mà nuôi rất nhiều gà mái, gà trống và gà trống thiến. Rằng những con gà trống ấy sáng sớm nào cũng gáy đánh thức dân cư ở ngôi nhà này, phá rối các giấc mơ của họ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu cấm bị đơn nuôi gia cầm.

Đó là nội dung của tài liệu mà tôi không biết xếp vào cho đơn vị nào. Tôi muốn gửi nó để anh xem, nhưng anh cũng biết là tôi không được cho ai mượn tài liệu của công sở. Xin anh suy nghĩ và cho tôi một lời khuyên. Và cũng mong anh đừng giận, xin anh gửi cho tôi câu trả lời của mình bằng thư dán kín.

Kính thư,

Jan Střepeníček”

*Thông báo số N.C. 13211, gửi bác sĩ Y khoa Edvard Jungman.*

“Theo lệnh của Giám đốc, yêu cầu ông đến phòng số 35 tòa thị chính. Là thành viên hội đồng, ông sẽ đi cùng với một viên chức được cử, đến nhà số 1213-I để giải quyết một vấn đề có liên quan đến phòng y tế.

Praha, ngày 2 tháng 8 năm 1858.

Veřej (đã ký).”

*Thư riêng của bà Helenka Velebová, chủ quán ăn, gửi em gái là Alojsie Trousilová, giáo viên ở Chrudim.*

“Em yêu quý,

Chị chào em và gửi đến em nghìn cái hôn, cháu Toníček cũng gửi đi nhiều cái hôn và xin đi cũng gửi cho cháu nhiều cái hôn. Em hỏi chồng em, xem chú ấy có còn nhớ cậu Jeník, con trai ông bà Kalhotka không, cậu út ấy mà, nhưng bây giờ thì cậu ấy lớn rồi, học xong rồi và cũng đang muốn trở thành giáo viên. Chắc là chú ấy sẽ nhớ ra cậu ấy, vì cậu ấy thường về nhà nghỉ hè. Chị đã không nhớ ra cậu ấy, chắc em cũng không nhận ra đâu, vì cậu ấy cao lớn hơn trước. Cậu ấy đến ăn ở quán chị được hơn hai tháng rồi, nhưng lúc cậu ấy hết tiền thì chị và cậu ấy mới thỏa thuận với nhau là cậu cứ ăn tiếp rồi trả sau cũng được. Em biết đấy, đời sinh viên thường thế, nhất là với những ai có khả năng, nhưng cậu ấy không phải là kẻ lừa bịp bất lương, cậu ấy đã học xong rồi, và cậu ấy gửi lời thăm vợ chồng em. Cậu Kalhotka

là người rất vui tính, chị cười cậu ấy suốt, vì cậu ấy thẳng thắn, cởi mở. Cậu ấy làm thơ rồi in tặng chị, cứ như điên điên ấ em ạ, nhưng là cô giáo thì em chắc cũng hiểu được điều ấy. Cậu ấy viết rằng chị như đêm sao sáng và những cái dở hơi khác, chị nghĩ chị đến phát ốm mất vì cười chuyện bông đùa ấy, những bài thơ ấy in rất đẹp ở tạp chí, bên trên có in đậm chữ TẶNG CÔ ẤY, và “cô ấy” ở đây chính là chị đấy!

Em bảo chồng em rằng nếu chị lại đi lấy chồng thì việc ấy chẳng có liên quan gì đến chú ấy cả, để chú ấy khỏi nói năng trêu chọc mà làm gì. Việc ấy là điều dễ hiểu thôi, chị còn trẻ, không ở một mình mãi được, con chị cũng cần phải có bố và những người muốn lấy vợ thì cũng rất nhiều. Ông Dílec, chủ nhà chỗ chị ở, cũng muốn lấy chị, nhưng ông ấy không khéo tay mà lại cũng muốn nhiều tiền, mà tiền thì chị không có, vì chị chỉ đủ ăn thôi. Ông ấy không được thông minh lắm, lại còn ghen với cậu Kalhotka nữa, vì thế mà ông ấy phát đơn lên tòa thị chính để tố cáo chị, rằng chị nuôi nhiều gà mái với gà trống, rằng gà trống quấy rối mọi người sống ở nhà này, nhất là vì nó gáy vào sáng sớm. Các ông ở thị chính đã đến gặp chị, chị được một mẻ cười, vì các ông ấy cứ đòi xem đàn gà trống, nhưng chị có đâu, chị chỉ có mấy con gà để ăn và để nấu bán cho khách hàng thôi. Ông chủ nhà chắc sẽ bực mình, thì hãy cứ việc bực, vì sao mà ông ấy lại cư xử như thế, chị có thiết gì ông ấy đâu, mà ông ấy cũng chẳng còn trẻ trung gì cho cam.

Chị gửi em cái mũ cho cháu Fanyinka, chị không gắn hoa hồng vào mũ, mà gắn chùm anh đào, nhưng chắc là em sẽ không cho là nó lòe loẹt quá, và em viết cho chị xem có thể mua bơ cho chị với giá bao nhiêu, chắc là sẽ rẻ hơn ở Praha. Đừng giận chị vì chị kể chuyện lồi thối dài dòng, không kể cho em thì kể cho ai, khi mà chị chẳng có ai khác, tính chị từ xưa vẫn hay nói năng như thế. Hãy nhớ đến chị gái Helenka thành tâm của em.

T.B. Chị viết vội.”

*Trang thứ tư của biên bản cuộc họp Ủy ban ngày 15 tháng 8 năm 1858.*

“... quyết định ổn định trật tự theo đề nghị của ông ủy viên Veřej, vì chỉ những việc quan trọng mới được đưa ra xét ở ủy ban.

Liên sau đó, bước sang bàn vấn đề thứ bảy. Ông ủy viên Veřej trình bày về đơn tố cáo của ông Ondřej Dílec, chủ nhân ngôi nhà số 1213-I, bị đơn là bà Helenka Velebová, chủ quán ăn cũng tại địa chỉ đó. Ông Ondřej Dílec tố bà Velebová, rằng bà ấy nuôi nhiều gà, rằng tiếng gà gáy buổi sáng sớm gây phiền nhiễu cho mọi người ở nhà ấy. Ông Veřej đọc bản tường trình của hội đồng, gồm ông Edvard Jungman, bác sĩ y khoa, và ông Josef Písčík, viên chức. Theo bản tường trình, hội đồng đã xem xét kỹ lưỡng vấn đề ngay tại chỗ và phát hiện ra rằng bị đơn chỉ nuôi ở sân có hai con gà mái, một con gà trống và một con gà trống thiếu, và chỉ nuôi để làm cơm cho khách ăn.

Ông thị trưởng chủ trì cuộc họp cho là trong trường hợp này không thể làm gì được, nhất là khi bị đơn chỉ nuôi ít gà như vậy, và không thể ra lệnh cho bị đơn giết một lúc tất cả những con gà ấy.

Ông Veřej nói thêm rằng, nguyên đơn, ông Dílec, cũng hơi bị ngễnh ngãng, nên có lẽ việc gà gáy chắc cũng không đến nỗi nào. Ông Veřej đề nghị từ chối nguyên đơn.

Tất cả đều đồng ý với đề nghị đó. Sau đó, bàn đến vấn đề số...”

*Thư riêng của bà Helenka Velebová, chủ quán ăn, gửi em gái là Alojsie Trousilová, giáo viên ở Chrudim.*

“Em ơi!

Chị chào em và gửi em nghìn cái hôn và cháu Toníček cũng gửi em rất nhiều cái hôn và chị quả thật rất giận em, vì em cứ ra vẻ già dặn hơn, mặc dù em trẻ hơn, và ngay cả khi em có làm giáo viên đến hàng trăm lần đi nữa thì em cũng chẳng hiểu biết hơn chị được, nên đừng có làm như vậy, vì ai chả biết thế, và ai mà biết được em sẽ cư xử thế nào, nếu em là bà góa. Chị không muốn và không thích ông Dílec, và cũng không để cho ai ép buộc chị được. Chắc em cũng không muốn lấy người nào đã làm hại em. Chị béo hay

gầy thì việc gì đến ông ấy, và ông ấy cũng không cần phải nói rằng chị to gấp ba người khác. Nếu mà ông ấy không thích chị thì hãy đừng có đếm xỉa đến chị, chị không muốn ông ấy, chị nói để em biết vậy. Nếu mà ông ấy thích chị, thì sao lại phát đơn kiện chị? Chắc chắn là thua kiện rồi, bây giờ thì không dám gặp chị nữa. Nhưng chị sẽ trả thù ông ấy và đã chuẩn bị cả rồi. Có một người, đó là cậu Kalhotka, nhưng em không phải lo sợ gì, chị không phải là kẻ còn trẻ hấp tấp thiếu suy nghĩ mà có quan hệ với sinh viên, mà mặc dù có thể đi nữa thì việc gì đến ai, chị có đầu óc của mình và không để cho ai điều khiển chị, cậu Kalhotka tốt hơn nhiều so với những gì mọi người nghĩ về cậu ấy, và cậu ấy nhớ ra rằng ở Praha có luật cấm nuôi lợn. Ông Dílec nuôi hai con lợn con, chúng chạy rong cả ngày ở ngoài vườn. Cháu Toníček nhà chị thường hay chơi với chúng, nhưng mặc kệ, chị và cậu ấy đã đưa đơn kiện rồi, ông Dílec sẽ nổi giận, ừ thì cứ việc giận đi! Còn em thì cái gì cũng làm em bức mình, chị lấy làm tiếc là em thấy cái mũ lòn lòn, vậy cứ bảo ngay là không thích nó đi! Nhưng em đừng giận chị, em biết là chị nghĩ thế nào là nói thế, tính chị vẫn vậy, hơn nữa, chúng mình là chị em cơ mà! Hãy nhớ đến chị. Helenka.

T.B. Chị viết vội.”

*Tài liệu riêng của Thị trưởng thành phố Praha gửi ông Veřej, hội viên Hội đồng Ủy ban thành phố.*

“Thưa ông hội viên,

Vì hôm nay tôi sẽ không gặp được ông nữa và ngày mai tôi sẽ ở nhà cả ngày, tôi viết thư này cho ông về đơn của bà chủ quán Helenka Velebová tố ông Ondřej Dílec, chủ ngôi nhà số 1213-I, vì ông này nuôi lợn trái phép. Đơn này hiện nay được ông luật sư Zajíček gửi lại một lần nữa. Ông cũng biết rằng luật sư Zajíček là một trong những đối thủ của ban quản lý hành chính hiện nay ở tòa thị chính. Tôi được thông báo là vấn đề này đã được đưa ra giải quyết một lần rồi, nhưng giải quyết chưa triệt để. Nghe nói ông trưởng phường và bác sĩ ở quận đã điều tra và khẳng định rằng ông Dílec chỉ nuôi có hai con lợn con để dùng vào mục đích riêng; nhưng lại không đưa ra

biện pháp giải quyết nào cả. Thưa ông, việc này là việc quan trọng, vậy mà ông đã giải quyết một cách cầu thả, không có sự tham gia của hội đồng, như thế là không tốt. Không thể có nghi ngờ gì được về việc lợn con cũng là lợn, và tất nhiên là ở Praha tuyệt đối cấm nuôi lợn. Bây giờ là mùa thu, thường có dịch tả, chúng ta có thể sẽ phải chịu trách nhiệm về việc đó, vì ông luật sư Zajíček chắc chắn sẽ đưa việc này ra. Vì sự khẩn cấp và an toàn của vấn đề này, yêu cầu ông cho kiểm tra lại ngay, rồi lập tức đưa vào giải quyết ở hội đồng với sự có mặt của tôi, ông hãy chuẩn bị kế hoạch của mình để hội đồng đưa ra quyết định giết những con lợn ấy trong vòng tám ngày.

Praha, ngày 17 tháng 9 năm 1858.”

*Thư riêng của Jan Kalhotka, sinh viên trường Sư phạm, gửi bạn là Emil Blazíček, giáo viên phụ giảng ở Písek.*

“Mang danh Chúa, tôi xin báo cho anh một tin rất vui, là tôi được cử làm giáo viên phụ giảng ở Hradec Králové - thủ phủ và trung tâm của các trường trung học. Ôi! Vậy tôi đi và sẽ dạy dỗ những tài nhân tương lai của Séc, và sẽ làm việc như anh, vì “vai trò kế thừa dân tộc”, theo lời anh đã đọc ở nơi nào đó. Tôi thực lòng mong mỗi nghề nghiệp cao thượng của mình, mong đợi sự nghiệp mới của mình, đặc biệt là vì nghe nói ở Hradec Králové có nhiều con gái đẹp, tôi lại là người rất yêu phụ nữ. Ở bên cạnh họ, tôi có may mắn tuyệt vời, tôi nghĩ tôi sẽ chẳng phải làm gì ngoài việc yêu, những cái khác tự nhiên nó đến và tôi sẽ sống sung sướng. Thời gian vừa qua, tôi chẳng còn một trình nào, thỉnh thoảng tôi lâm vào cảnh đó, thế mà tôi đã sống đàn ông hoàng như một nam tước vậy, hay nói đúng hơn, như một ông chủ quán thỏa mãn sung sướng. Anh biết không, cô chủ quán trẻ góa chồng, lại là người đồng hương, và tôi, chàng trai trẻ đẹp,... nói tóm lại là tôi đã sống không tốn kém một xu nào và ăn uống rất sướng. Nhưng cô đồng hương của tôi đang gặp khó khăn, ông chủ nhà của cô ấy muốn lấy cô ấy làm vợ, cô ấy không muốn ông ấy vì cô ấy yêu tôi, bây giờ ông ấy không cho thuê nhà nữa và cô ấy không biết làm sao. Tôi là người có lương tâm, bây giờ tôi đã kiếm được một ít tiền rồi và không muốn cản trở hạnh phúc

của cô ấy, nên tôi đã không đến quán cô ấy nữa. Phụ nữ, đặc biệt các bà góa, thường khéo léo, rồi thì cô ấy cũng sẽ tự lo lấy được. Nói cho cùng, tôi không nghĩ là cô ấy không hợp với ông chủ nhà; họ sẽ xứng đôi, tôi đã tưởng tượng được cảnh họ hòa thuận, cùng ngồi ăn uống với nhau vào ngày chủ nhật. Anh thấy là tôi không phải là người giả tạo lừa dối cô ấy, và cũng không phải tôi không có cảm tình với cô ấy, mặc dù tôi không viết nhiều về cô ấy. Nhưng... tôi làm được cái gì cho cô ấy? Vâng, vấn đề là ở chỗ ấy!

Tôi xin dừng bút và thành tâm chúc anh mọi sự tốt đẹp.

Bạn của anh.”

*Trích quyết định của Phó Thị trưởng đối với ông Ondřej Dílec, chủ ngôi nhà số 1213-I, về việc kháng cáo quyết định của Tòa thị chính.*

“... không thể xét đến những lý do kể trên được, vì theo luật, không được phép nuôi lợn ở Praha. Còn việc ông Thị trưởng nuôi hai con ngựa và phân ngựa gây ra bẩn thỉu thế nào thì cũng hoàn toàn không có liên quan gì đến trường hợp này. Ông Ondřej Dílec sẽ phải nộp phạt năm *zlatý* tiền Áo, đồng thời trong vòng ba ngày phải giết lợn, hoặc đưa chúng ra khỏi Praha, nếu không thì chính quyền sẽ tiến hành các biện pháp chính thức để giết lợn, hoặc chuyển chúng đi nơi khác.

Praha ngày 14 tháng 9 năm 1858.”

*Thư riêng của bà Helenka Velebová, chủ quán,  
gửi em gái là Aloisie Trousilová, giáo viên tại Chrudim.*

“Em yêu quý!

Em nói đúng, em thấy đấy, chị xin công nhận rằng cái này là do em thông minh và học được ở chồng em, còn chị thì chỉ là mụ đàn bà góa ngu ngốc. Nhưng cũng đừng trách chị vì chuyện với tay Kalhotka nữa, việc cũng đã qua rồi, hắn đã bỏ trốn, em cũng biết là cả gia đình hắn đều là những người như vậy và mẹ không bao giờ thích họ, nhưng chị không phải là

người có lỗi, hẳn nói nhiều, nói mãi, em biết đấy, chúng mình đều là phụ nữ, đều có lòng tốt. Với ông Dílec thì em cũng đúng, và chỉ cần chị muốn ông ấy, nhưng mà bây giờ chị không biết làm thế nào. Ông ấy gầy đi em ạ! Xem ra ông ấy cũng có dần vật, nhưng ông ấy cứng đầu cứng cổ lắm và cứ nghĩ rằng, có trời biết được thế là gì, khi mà ông ấy là chủ nhà thì muốn gì được nấy, dù rằng đúng là ông ấy không nợ nần gì, và về cơ bản, ông ấy là người tốt. Một lần, chị chơi với đứa con trai nhỏ của ông ấy, nó là thằng bé dễ thương em ạ, nó có đôi mắt xanh to, hai cái má dễ thương đến muốn véo, nó chỉ ít tuổi hơn Toníček nhà chị có nửa năm thôi, chúng nó lại chơi với nhau rồi, Toníček cũng đến chơi nhà ông ấy ở tầng trên. Lần ấy ông Dílec về nhà, đi qua sân, nhưng chị làm như không nhìn thấy, chị hôn thằng bé, ông ấy đứng lại, không nói gì, rồi đi tiếp, nhưng cũng không gọi con trai về như mọi khi khác. Chị cảm ơn em mua bơ hộ chị, nó không rẻ hơn bơ mua ngoài chợ ở Praha, nhưng ngon hơn. Còn năm tuần nữa mới đến ngày lễ Thánh Kateřina, nhưng ngày mai chị sẽ đến gặp ông Dílec để trả tiền nhà, nhưng em ạ, chị sẽ xấu hổ, dù sao thì ông ấy cũng tốt, không giục chị nộp. Cháu Toníček gửi em nhiều cái hôn và nhắn đi gửi cái gì cho cháu. Hôn vợ chồng em. Chị gái trung thành suốt đời của em. Helenka.

T.B. Chị viết vội.”

*Nhật ký của ông Ondřej Dílec, trang thứ ba mươi mốt.*

“... Chưa bao giờ mình có dịp nào ăn lễ Noel vui như lần này. Helenka là người nội trợ đảm đang, nấu ăn giỏi và rất yêu mình, cô ấy không khó tính xấc xược như mình đã nghĩ, cô ấy nhất nhất nghe lời và gần như tốt hơn người vợ thứ nhất đã qua đời của mình, xin trời cho bà ấy yên nghỉ bình an. Bây giờ thì mình hoàn toàn tin là cô ấy không yêu cậu sinh viên ấy một chút nào, đàn bà cư xử thật lạ, nhất là khi họ muốn trừng phạt người nào mà họ thực sự yêu. Nếu cứ như thế này mãi, chắc cô ấy sẽ như thế mãi, mình tin như vậy, thì cô ấy sẽ không phải ân hận gì, cô ấy sẽ thấy là mình là người bố tốt của con cô ấy, là mình sẽ không bao giờ quên mẹ con cô ấy, kể cả nếu mà hôm nay hay ngày mai mình phải chết thì sang xuân, mình cũng sẽ cho quét

vội toàn bộ ngôi nhà, ở ngoài vườn thì chúng ta sẽ mở cửa hàng ăn có ca nhạc, bây giờ có thể làm ăn được, chứ khi chỉ có hai bàn tay trắng thì chẳng làm được gì. Chắc là mình cũng sẽ được yên thân với các vụ kiện tụng, hôm nay có hai ông đến gặp, các ông ấy nói là mình đã gửi kháng cáo đến Viên - mình đã quên mất việc này nên cứ nhìn hai ông ấy mà không hiểu họ nói về cái gì - vì thế có lệnh gửi từ Viên đến yêu cầu phải xét xử lại thật kỹ lưỡng vụ việc đó. Nhưng sẽ xét xử thế nào nữa, khi mà bữa sáng hôm nay mình đã ăn nốt cái dồi gan lợn cuối cùng! Helenka cười rũ rượi như người điên, vì cô ấy đang còn nhiều mỡ rán dồi ở trong bếp. Nhưng bây giờ thì mình không biết ai là người đã có thể thắng kiện, và...”

## **XII. NĂM PHÚT SAU BUỔI CA NHẠC**

Giọng hát yếu ớt kiểu giọng nữ cao của đứa trẻ lên đến độ cao kinh khủng, Valinka nắm chặt bản nhạc, nhạc sĩ đệm đàn chơi tiếp mấy hợp âm cuối cùng, nụ cười tươi được tập sẵn và cái cúi đầu chào báo hiệu buổi ca nhạc đã kết thúc.

“Ôi thật là sung sướng... cháu sẽ là nghệ sĩ... ông Eber ạ, ông quả là người may mắn!” Bà Baurová vui mừng, và với niềm vui thật sự, bà ngừng vỗ tay đứng dậy ôm chặt Valinka. Mọi người khác đứng ngay sau lưng bà; tất cả khoảng hai chục người, họ đã ngồi ở hai hàng ghế trong phòng. Những lời khen ngợi, những cái hôn tới tấp như mưa làm Valinka gần nghẹt thở, cô bé gọi mẹ: “Ấy, tóc của con... mẹ ơi!”

Suốt buổi ca nhạc, ông Eber đứng không động đậy ở chỗ giữa cột nhà và cửa sổ. Bây giờ ông cố nén xúc động, chớp chớp mắt và tự kiềm chế để khỏi run rẩy: “Vâng, chúng tôi cũng phải để cháu tập khoảng hai năm nữa, rồi sau đó thì cháu đi đâu cũng được. Cháu mới chỉ chưa đầy 14 tuổi và mọi người sẽ ngạc nhiên, nhưng mà có gì lạ đâu, cháu rõ ràng có năng khiếu như

vậy. Thưa bà Baurová, bà có tin là cháu nó mới chỉ học hai mươi bài tiếng Pháp mà đã có tiến bộ đến mức nói chuyện được khá trôi chảy với thầy giáo không?”

Bà Baurová chập tay ngạc nhiên: “Thật ư? Valinka, thật không cháu?”

“*O ouj, madame!*” Valinka khẳng định.

“Đấy, bà thấy đấy! Tôi cũng ngạc nhiên lắm. Nhưng một phần cũng là do có thầy giỏi. Đặc biệt thầy dạy hát là thầy rất giỏi. Thầy ấy có phương pháp rất hay, để ý đến từng cái nhỏ, thầy lấy ngón tay chọc vào miệng, nếu cháu mở miệng không đúng. Nhưng mà tôi sẽ không để cháu ở Praha đâu!”

“Vâng, nếu để ở Praha thì thật là sai lầm!” Bà Baurová khẳng định và trở về chỗ ngồi bên cạnh con gái mình.

Khi buổi ca nhạc kết thúc, cô Marie tháo cả hai chiếc găng tay để có thể vỗ tay thật to. Ngồi bên tay trái cô là ông thượng úy Kořínek, vị hôn phu của bạn gái cô. Ông Kořínek, người đàn ông vóc dáng nhỏ bé, vẻ mặt ốm yếu, với nụ cười như hóa đá trên cái miệng móm mém không còn răng, cũng đang vỗ tay cùng cô Marie.

“Tôi vỗ tay nóng cả người,” cô Marie ngừng tay, dịu dàng nói với người ngồi cạnh mình vẫn còn đang cố gắng vỗ. “Chị em chúng tôi không có chút sức lực nào cả. Em bé hát rất hay, phải không ạ?”

“Vâng, đúng vậy!” Ông thượng úy khẳng định. “Đặc biệt nốt Đô kết thúc rất hay.”

“Nhưng mà đấy chắc là nốt Fa chứ ạ?” Cô Marie nói.

“Không, đấy là nốt Đô, trước đó cũng có một nốt Đô; khi mà giọng lên cao như thế thì bao giờ cũng là nốt Đô!”

Khuôn mặt cô Marie như bị kéo dài ra và đánh lại. “Ông cũng là người am hiểu âm nhạc ạ?” Cô hỏi, chỉ để nói một cái gì đó.

“Tôi ư? Không, người ta nói là tôi không có năng khiếu âm nhạc. Nhưng anh trai tôi biết chơi cả theo nốt nhạc, và bài nào cũng chơi lần nào

cũng như lần nào.”

“Tôi cũng có một người em trai như vậy,” cô thở dài, “tội nghiệp, cậu ấy mất rồi. Cậu ấy có giọng nam cao tuyệt vời! Từ nốt Đô cao, như ông đã nói, xuống đến tận nốt La, vâng ông ạ, xuống đến tận nốt La!”

“Chắc chắn phải hay lắm!”

“Ông là người rất yêu âm nhạc ạ?”

“Tất nhiên rồi!”

“Chắc là ông thường đi xem opera ạ?”

“Tôi ấy ư? Không, không! Cái đó đắt tiền, mà con người ta thì chỉ có hai tai. Có một lần tôi nghe một vở opera, tôi thấy thích nó - tên của vở ấy là gì nhỉ - tôi quên mất rồi - nhưng tôi thích. Còn thì tôi không thích opera, tôi là con nhà lính và tôi thường lấy làm bực mình khi nhìn thấy gã đàn ông khỏe mạnh có thể đánh trống được, mà lại đi chơi violon. Tôi cũng không thấy thích, khi cô ca sĩ thay đổi giọng lúc lên lúc xuống, hay còn gọi cái đó là cái gì...”

Cô Marie đột ngột quay sang mẹ mình.

“Chuyện trò với ông ấy ra sao?” Bà mẹ hỏi thăm.

“Cũng được - con nghĩ là ông ấy không nhận ra các que diêm, nếu đặt chúng lộn ngược đầu xuống dưới!”

“Thì có sao!”

“Tất nhiên là chẳng sao,” cô Marie nói nhỏ, rồi quay lại người ngồi cạnh mình.

“Kể ra thì chỉ việc ông bà ấy cho con gái đi học hát thế cũng tốt rồi. Nhất là khi chính ông bà ấy cũng chẳng có gì. Họ mắc nợ đến kinh khủng, chúng tôi có vốn ở cái nhà này, tôi vẫn bảo mẹ tôi phải cẩn thận, nhưng mẹ tôi quá tốt bụng!”

Điều đó chắc hẳn làm ông Kořínek giật mình, chắc ông muốn nói một cái gì đó, muốn hỏi một cái gì đó, nhưng vừa đúng lúc ấy có tiếng ồn ào nổi lên, báo hiệu là mọi người muốn chia tay ra về. Cô Marie và bà Baurová cũng đứng dậy.

“Đường về nhà thì xa, mà chúng tôi lại chỉ có hai mẹ con,” cô Marie than phiền với ông thượng úy. “Tôi chưa bao giờ có quan hệ với ai, và lại đàn ông thật sự ga lăng thì quá ít!”

“Giá mà tôi được phép...”, ông thượng úy nở nụ cười lịch sự và sẵn sàng.

“Ôi, thế thì hay quá! Mẹ ơi, thượng úy sẽ đi tiễn mẹ con mình!”

“Đường xa lắm đấy! Nhưng mà sau đó thì ông có thể ở lại dùng cơm chiều với chúng tôi, chắc chắn là sẽ vui lắm!”

Bà chủ nhà lần lượt chia tay với khách. Cô Matylđa cũng phải tạm rời ông Kořínek một lúc để có thể nói chuyện lịch sự với khách. Đúng lúc cô đang hôn khách thì bà chủ nhà ghé sang cô nói thầm một cái gì đó. Cô Matylđa đến gần ông thượng úy và nói nhỏ với ông:

“Anh ở lại đây nhé, mẹ mời anh ở lại ăn chút thịt hun...”

“Tôi... tôi đã...”

“Ôi, chị Matylđa của em,” cô Marie tiến đến gần và nồng nhiệt ôm bạn gái, “Hôm nay vui quá! Đáng tiếc là buổi ca nhạc không dài hơn, bởi vì chúng tôi sẽ không phải tự đi về nhà, nên không phải sợ gì. Ông Kořínek hứa là sẽ đi tiễn chúng tôi, vì chúng tôi ở xa mà! Thôi, xin chào thiên thần của em nhé, thơm em một cái nữa nào! Thế nhé, chào cô chủ nhé!”

Cô Matylđa ngây người ra, mặt cô tái đi.

“Con tiễn cô Marie đi chứ,” bà chủ nhà giục con gái, “con làm sao vậy? Ôi trời...”, bà không nén được cái thở dài, khi trông thấy ông thượng úy chuẩn bị đi cùng với mẹ con bà Baurová.

“Tạm biệt thiên thần nhé!” Cô Marie gật đầu chào rồi lướt nhẹ ra cửa.

Cô Matylđa đứng im tại chỗ như trời trồng.

### XIII. TRÚNG THƯỜNG XỔ SỐ

Bà Bavorová ngồi rất khoan khoái ở sau quầy, bởi vì vào ngày thứ sáu, trước lúc có vài người khách đến mua hàng vào buổi chiều, thường không có việc gì phải làm. Chồng bà đang bận việc buôn bán ở đâu đấy trong thành phố, còn Vác-lav, con trai bà, thì ít khi có mặt ở nhà. Vậy là bà Bavorová ngồi ở đó một mình, tự giải trí bằng sách giải mã giấc mơ, bằng các tờ giấy có ghi đặc những con số... Bà giải trí thoải mái, dù thỉnh thoảng có ngáp, nhưng bà đang rất hài lòng, hai má bà hồng lên, đôi mắt sáng long lanh sau cặp kính.

Bất chợt, bà nhìn ra cửa vì thấy có người xuất hiện ở đấy. Người đó là bà chủ quán ăn. Bà Bavorová làm như không để ý thấy bà ta và tiếp tục xem các con số của mình. Việc xảy ra trong đám tang bà Žanýnka vẫn còn để lại dư âm xấu cho đến hôm nay, chúng ta không thể mảy may nghi ngờ gì được về điều đó.

Bà chủ quán bước tiếp vào cửa hàng. “Lạy Chúa tôi,” bà chào.

“Lạy Chúa tôi,” bà Bavorová trả lời, nhưng không ngẩng đầu lên.

“Thế nào, chúng ta có trúng được gì không?” Bà chủ quán ăn bắt chuyện.

“Chả được mấy, kể từ ngày ta chơi chung,” bà Bavorová lạnh nhạt trả lời, cố ý nhấn mạnh vào hai từ cuối cùng.

“Chơi chung... ừ... phải đấy, nhưng khách hàng của tôi lại kể rằng bà đã gieo cả dãy số ấy nữa, nhưng mà là dãy số bà đã nói với tôi trước khi chúng ta thay đổi nó, rằng bà đã trúng giải ba số.” Lời nào của bà chủ quán cũng sắc như dao, đầy vẻ dò la.

“Vâng, bao giờ tôi cũng làm đúng nếu tôi nghe theo cái đầu óc già nua của mình.”

“Vậy tôi cũng được chia phần ở giải ấy chứ?”

“Tôi muốn biết vì lẽ gì mà đi chia giải ấy cho bà!”

“Nhưng mà thế thì không công bằng!”

Bà Bavorová giận tái mặt. Nhưng vẫn không ngẩng đầu lên, bà chậm rãi trả lời, giọng lạnh tanh:

“Bà có đưa cho tôi đồng nào khi tôi mua bộ số ấy không? Bà bảo chúng ta đổi số, rồi bà góp tiền mua bộ hai số đã đổi, và bà được chia một nửa giải thưởng. Như thế vẫn còn chưa sòng phẳng hay sao?”

Cái lạnh lùng cố ý của bà Bavorová gây ấn tượng mạnh cho bà chủ quán. Bà ta cũng cố ý nói với giọng nhẹ nhàng:

“Gớm thôi, chẳng phải giận dữ nhau làm gì về chuyện ấy nữa, bà chị ạ. Ai được trời ban cho cái gì thì tôi mừng cho người ấy cái đó... tại sao mà tôi lại không mừng cho bà chị. Nhất là khi cậu Václav nhà bà chị với con Mária nhà tôi... xem ra chúng nó thích nhau.”

“Chẳng đi đâu mà phải vội... chúng nó còn trẻ, bắt buộc chúng nó làm gì! Hơn nữa, tôi cũng không thích lên mặt khoe khoang. Con trai tôi chỉ là con nhà buôn bán, sau này nó làm được gì thì nên thế. Vậy đấy thôi!”

“Ồ, chắc hẳn bà không nghĩ là tôi phải tự đi dâng của! Tôi không cần phải thế, con gái tôi là con nhà thị dân, cái đó không ai lấy của nó đi được!”

“Gớm, thì mài ra mà ăn!” Bà Bavorová mĩa mai rồi bỏ kính xuống.

“Danh dự là danh dự, ai không có thì chẳng lấy ở đâu ra được,” bà chủ quán tuôn ra một tràng, “tôi có thể đến bất kỳ đâu, vào được bất kỳ chỗ nào. Còn hạng dân nhà quê thì có trát vàng vào đi nữa cũng không thành người sang trọng được. Tôi cho là như vậy đấy, chứ chả cần phải nói thêm gì nữa - thôi, chào bà!” Nói đoạn, bà ta quay ngoắt đi.

“Vâng ạ, xin kính chào quý bà thị dân ạ,” bà Bavorová gọi với theo rồi lúc ấy mới ngẩng đầu lên.

Bà Bavorová nhìn ra bên ngoài, khuôn mặt bà lại hồng hào như trước, đôi mắt lại sáng long lanh. “Đừng có tưởng bắt nạt được bà nhé!” Bà nói to một mình. Xem ra, bà có vẻ tự hài lòng là đã không để bị khiêu khích mà nổi nóng một cách không cần thiết.

Bà Bavorová lại đeo kính và lại xem sách giải mã giấc mơ lô đề, xem các con số đề. Làm vậy, bởi lẽ bà ấy là người chơi xổ số bằng cả tâm hồn lẫn thể xác, là người chơi xổ số kiểu cao siêu nhất, một kiểu chơi có khoa học, và về mặt này, bà ấy là người có tiếng tăm nhất trong toàn quận. Nhưng nếu muốn đứng vững được ở vị trí cao ấy, người chơi xổ số thực thụ không bao giờ hoàn tất được công việc của mình, và phải tận dụng từng lúc rảnh rỗi.

Để có thể chỉ một lần duy nhất mua số đề mà chắc chắn trúng được giải, không ai có thể tin được là cần phải chuẩn bị nhiều đến thế nào! Con số tốt không phải là kết quả của sự tính toán khô khan, nó cũng không đến nhanh như tia chớp, trừ trường hợp nó đến một cách tình cờ, nhưng người nào thận trọng cân nhắc thì sẽ không để ý tới sự tình cờ ấy. Con số tốt không phải là con số toán học, không phải là một cái gì vô hình, nó không sinh ra từ trí khôn, cũng chẳng sinh ra từ óc tưởng tượng. Tôi so sánh nó với bông hoa, hay đúng hơn, với thạch anh. Tinh thể thạch anh cần có thời gian để hình thành và phát triển. Thạch anh cũng cần có chỗ đứng vững vàng trong đất. Và chỗ đứng vững vàng của con số lô đề là trái tim con người. Vâng, trái tim là quê hương của con số. Trái tim con người có liên quan với toàn thể giới, ngay cả ngôi sao xa xôi nhất cũng có sức hút tác động lên nó. Tương tự như vậy, con số cũng có liên quan đến cả thế giới. Vì cái gốc gác ấy của mình mà con số trở thành tài sản không thể phủ nhận được của nữ giới. Một khi nam giới can thiệp vào đó thì con số bị đứng ngay ở chỗ ngã ba đường, bị nhột nhạt đi và lún sâu trong bùn lầy của sự tính toán bằng trí óc.

Bà Bavorová hoàn toàn ý thức được điều đó, mặc dù có thể bà không biết diễn đạt hay như chúng ta. Bà chăm sóc các con số lô đề giống như người làm vườn gieo hạt để trồng hoa, bà không ưa cái trò chơi ngẫu nhiên của những người buôn bán, cũng như không thích sự tính toán rắc rối của những kẻ không hiểu biết. Cơ sở mọi suy tính kỹ lưỡng của bà là cuốn sách giải mã các giấc mơ lô đề, còn gọi là “kumbrlík”.

Dứt khoát đó là cái tên thần thoại, chỉ riêng lời mở đầu truyền thống của cuốn sách quý giá đó đã là một cái gì thần thoại rồi. Nó được viết thế này: “Giải mã nguyên nhân của những hiện tượng thấy trong giấc mơ, chuyển mã chúng thành các con số có thể gieo xổ số được.” Ở phần mở đầu, sách trích dẫn lời của các bậc hiền nhân, viết về Aristotle và người vợ của Hector, về Sever và thân mẫu của Vergilius, về cái thang của Jacob, cả về những con bò của Pharaon, về giấc mơ của Ba Vua ở phương Đông và giấc mơ của Nabuchodonosor ở Babylon. Và tất cả những cái đó được viết bằng phong cách mạch lạc rõ ràng, giống như ở đầu đề, bằng phong cách mà trí óc không thấu được, nhưng tình cảm thì hiểu nó.

Giải mã đúng các giấc mơ là điều cơ bản của việc chơi xổ số, và “kumbrlík” là công cụ phục vụ đắc lực cho việc giải mã đó. Nhưng không phải giấc mơ nào cũng là giấc mơ thích hợp để giải mã. Tất nhiên, có những tháng có ít ngày thật sự may mắn. Người phụ nữ có kinh nghiệm nào cũng biết những ngày ấy, bởi đó là những ngày “được đánh dấu bởi các nhà chiêm tinh, được khẳng định bởi đấng tối cao của tất cả các hành tinh”. Nhưng ngày may mắn cũng chưa hẳn mang đến may mắn, bởi lẽ chỉ người không có kinh nghiệm mới không biết là các giấc mơ được phân chia thành tám “loại” khác nhau, trong đó chỉ loại thứ năm mới là loại tốt. Khi phân tích để chọn con số lô đề thì trước hết cần loại trừ tất cả các giấc mơ về ma quỷ (loại thứ tám), cũng như các giấc mơ về hiển hiện của thần thánh (loại thứ bảy). Các giấc mơ có “nguồn gốc bệnh tật”, như nóng tiết, nóng đầu, hay có nước ở gan hoặc ở phổi, cũng là những giấc mơ không có ý nghĩa gì. Các giấc mơ loại thứ năm thường đến với những người “ăn ít, hoặc không ăn gì vào ban đêm mà vẫn khỏe khoắn và thoải mái về tinh thần”. Chính vì các

loại giấc mơ ấy mà người phụ nữ chơi xổ số mình hẳn phải có phong cách sống đặc biệt. Và bà Bavorová đã tạo cho mình một lối sống đặc biệt.

Sách giải mã giấc mơ “kumbrlík” có phần thiết yếu giải thích các con số lô đề (mặc dù còn có nhiều sách giải mã giấc mơ khác, quyển nào cũng có giá trị của nó, nhưng “kumbrlík” trội hơn hẳn, giống như đỉnh Sněžka<sup>[9]</sup> cao hơn so với những ngọn núi khác). Các con số được lựa chọn như thế này tuy chưa phải là những con số hoàn toàn tin cậy được, nhưng khi đưa chúng vào đợt quay xổ số gần nhất thì có thể có sự thay đổi. Nếu trúng giải ngay thì tốt, nếu không trúng cũng không sao; phải cất giữ tờ vé cẩn thận chứ không được vứt đi. Lý do là phụ nữ chơi xổ số thường chia thời gian có các giấc mơ thành bốn khoảng, mỗi khoảng dài ba tiếng đồng hồ; bảy giờ tối là giờ đầu tiên của họ, điều này xem ra hơi cũ một tí. Nhưng dựa vào thời điểm có giấc mơ thuộc khoảng thời gian nào mà người ta có thể hi vọng vào việc trúng giải, nếu sau đó tám ngày, hay đến đợt quay số lần thứ ba, hoặc ba tháng sau, ba năm sau, vâng, có thể đến tận mười hai năm sau. Vì thế, điều quan trọng là phải giữ cẩn thận các vé số đã quay.

Nhưng làm như vậy vẫn chưa phải là xong việc. Bà Bavorová không quan tâm đến những chuyện ngớ ngẩn - chẳng hạn chuyện có người đã cắt chín mươi con số, bỏ chúng vào cốc thủy tinh rồi thả vào cốc một con nhện lớn, sau đó chờ nhện chằng lưới kéo các con số - bà ấy đủ trí khôn để không làm chuyện lẩn thẩn đó. Nhưng bà ấy có một cái túi vải dài đựng chín mươi hòn bi có đánh số. Hàng ngày, bà lấy ra ba hòn bi bằng tay phải và ba hòn bi bằng tay trái. Bà cẩn thận ghi lại những con số ấy, kể cả ngày tháng, vào các tờ giấy, bên cạnh đó ghi chú thích “tôi”, bởi vì ngày nào bà cũng còn để chồng và con trai mình, hoặc người nào bà có cảm tình, chọn lấy các hòn bi từ túi đó. Bà ghi lại tất cả những con số họ chọn, kể cả tên của họ. Các con số trúng giải của từng đợt quay xổ số thì bà ghi riêng ra tờ giấy khác, bởi danh sách những con số này có cái quan trọng riêng của nó. Tuy không thể quy thành luật một cách chắc chắn về việc lặp lại của những con số đã trúng giải, nhưng có những lúc xem lại danh sách các con số ấy, ta giật mình vì một dãy số nào đó. Và đó là cái thúc giục gây cảm hứng cho ta.

Và cuối cùng thì thời điểm chín muồi đã đến, khi giấc mơ thuộc loại tốt xảy ra vào ngày may mắn, đồng thời cũng vào lúc đó, tay phải và tay trái đều lấy ra khỏi túi những con số giống nhau, thêm vào đó là cái thôi thúc “đi mua vé đi, vì không còn một điều nghi ngờ nào nữa về việc trúng giải”. Bà Bavorová đã làm theo tất cả những điều đó. Bà mua số đề với dãy số không thay đổi của mình và đã trúng giải.

Tôi đã nói là người chơi xổ số thực thụ không bao giờ hoàn tất được công việc của mình; nếu muốn duy trì mức độ thì phải tận dụng mọi lúc rảnh rỗi. Bà ấy không muốn chỉ vì đã trúng một giải ba số mà làm cái gì khác đi, chơi xổ số là nhu cầu sống của bà, là sự khích lệ của tâm hồn bà, là niềm an ủi của trái tim bà. Vì vậy, ta lại thấy bà cần cù làm việc.

Václav bước vào phòng đúng lúc bà Bavorová đang viết, ghi chép lại, và sắp xếp các con số. Cậu cất tiếng chào mẹ và dừng lại ở trước quầy.

Bà Bavorová gật đầu chào lại, nhưng vẫn tiếp tục làm việc. Một lúc sau, bà lấy cái túi vải đựng các hòn bi, xóc xóc túi rồi đưa nó cho Václav.

“Hôm nay con vẫn chưa bốc,... bằng tay phải trước chứ! Này, con có biết là hôm nay con đã bị đuổi khỏi công sở không?” Bà nói với giọng hoàn toàn bình thản.

“Sao cơ?” Václav kêu lên và giương mắt nhìn mẹ. Giọng nói bình thản của bà làm cậu bối rối.

“Lạ thật, con đã bốc một số giống như mẹ, cứ lòi ra mãi số ba mươi! - Ủ, ông chủ nhà đến đây hẳn con như vậy. Này, hôm qua còn có việc gì với thợ uốn tóc đấy? Lúc trưa, cô con gái điên điên của ông bà chủ nhà gửi lời cảm ơn, rằng con đã giúp cô ấy rất nhiều.”

“Có gì đâu ạ! Hôm qua ông bà chủ nhà tổ chức buổi ca nhạc tại nhà, mời ông thợ đến uốn tóc cho cô chủ. Nhưng ông ấy bị ngã ở cổng, con đã nâng ông ấy dậy. Márinka lúc ấy cũng ở đấy.”

“Này mẹ bảo nhé, thôi con bé Márinka đi,... đừng có hỏi vì sao, mẹ không muốn nó, thế thôi. Mẹ nó không hiền lành, mà cũng chẳng là người

thằng thẩn,” bà Bavorová vừa ghi các con số Václav lấy ra từ túi, vừa nói bằng giọng nghiêm hơn. “Thế!... Bây giờ thì bốc bằng tay trái đi! Mà cô nàng con gái ông bà chủ nhà cứ quanh quẩn ở đây suốt! Rằng xin con hãy tha lỗi vì hôm qua họ không mời con đến nghe hát... rằng cô ấy ngượng. Gớm, cô ấy mà ngượng! Còn bà chủ nhà thì nghe bảo quên không mời con, bây giờ thì rất lấy làm tiếc. Nhưng mẹ biết họ muốn gì; họ đang nợ lút đầu không biết xoay xử thế nào ấy mà! Ngày hôm nay chắc là đã nghe tay lái buôn ba hoa nói chuyện rồi. À, con vẫn chưa biết là mẹ mới trúng giải ba số nhỉ?”

“Ồi, giải ba số!” Václav kêu lên.

“Ừ... giải ba số... cũng được mấy nghìn.”

“Mẹ ơi, có thật không hở mẹ?” Václav vỗ tay vui mừng.

“Mẹ đã nói dối mà bao giờ chưa hả?”

Václav cuống quýt chạy đến sau quầy và ôm hôn mẹ.

“Thôi... thôi, thằng điên ạ, mà chẳng bao giờ khôn lên được,” bà Bavorová gạt con ra. “Mẹ đã biết là có ngày nó phải đến! Còn con, bây giờ thì cố gắng mà học cho xong đi!”

Mắt Václav sáng lên. Cậu nhảy cẫng lên, rồi với lấy chùm chìa khóa treo trên tường.

“Lại đi đâu thế hả?”

“Con lên tầng mái.”

“Lên làm cái gì ở trên ấy?”

“Làm kế hoạch cuộc đời!”

## **XIV. MỘT CẢNH GIA ĐÌNH ÊM ẨM**

Ông chủ nhà đi đi lại lại trong phòng. Trên người, ông mới chỉ mặc bộ đồ đơn giản nhất với cái quần còn chưa có dây treo. Ngực ông phanh ra, mái tóc chưa chải rồi bù tung sang mọi phía. Trên khuôn mặt sắc cạnh của ông hiện rõ vẻ bối rối, đôi tay ông lắc lư quanh người một cách không chủ ý theo bước đi.

Cũng mặc bộ đồ rất đơn giản, bà chủ nhà đang đứng gần hòm đựng quần áo, trong tay cầm cái giẻ lau. Bà làm như đang lau bụi, nhưng mỗi một cử động của bà đều chứng tỏ bà cũng đang bối rối.

Nguyên nhân của sự bối rối ấy của hai người là người thứ ba đang ngồi ở bên bàn. Ai có hiểu biết một chút thì có thể đoán ra tình hình ngay tức khắc. Cứ theo khuôn mặt thì người lạ đó chắc chắn là thành viên của một dân tộc mà cho đến bây giờ, chúng ta mới chỉ biết duy nhất một nhân vật của dân tộc ấy. Đây ních tiền, nhân vật đó lại trở về; đó là Giuđa, nhân vật trong Kinh Thánh. Người lạ mặt chắc chắn không phải là người lạ ở nhà ông bà chủ nhà, bởi lẽ ông ta cư xử như đang ở nhà mình vậy. Ông ta liên tục đặt chiếc mũ cũ kĩ lên cái đầu hói lưa thưa vài sợi tóc bạc, để rồi lại bỏ nó xuống ngay. Ông ta gõ gõ ngón tay đánh nhịp lên mặt bàn và khắc nhổ ra sàn nhà rất tự nhiên. Cái vẻ thống trị có ý thức hiển hiện trong mắt ông ta. Đôi môi trễ nở một nụ cười ngạo mạn mà chính ông ta cũng cảm thấy thích thú.

Bất chợt, ông ta chống tay lên bàn và đứng dậy.

“Tôi nghĩ là tôi đã mất tiền,” ông ta cất giọng vang vang, “nhưng mà bây giờ thì tôi phải nghĩ đến bản thân, tôi sẽ không bỏ ra thêm một xu nào nữa!”

Bà chủ nhà quay sang ông ta và cố gượng cười: “Thưa ông Menke, xin ông cho vay năm mươi *zlatý* nữa thôi, xin ông giúp cho, chúng tôi sẽ đội ơn ông ạ!”

“Thế nào là ‘đội ơn’, hả?” Người Do Thái nhếch mép cười. “Tôi cũng sẽ đội ơn, nếu có ai đem cho tôi năm chục *zlatý*.”

“Nhưng thưa ông Menke, chúng tôi đáng được ông giúp đỡ mà, ở đây còn cái nhà của chúng tôi, còn...”

“Nhà với cửa gì! Ở Praha có nhiều nhà và cũng có nhiều chủ nhà, tôi biết; nhưng ông bà có biết ai mới đích thực là chủ cái nhà này của ông bà không? Tôi có giấy hẹn trả nợ của ông bà đây, hừ, nó chẳng có giá trị gì, khi mà tôi không đòi được đồng nào! Nhưng nếu đến thứ ba này mà ông bà không trả lãi cho tôi thì tôi đến gặp ông giám đốc cho mà xem!” Nói đoạn, ông ta đi ra cửa.

“Thưa ông Menke...”

“Không thưa gì hết! Tôi cũng có con và không thể để mất tiền được. Chào ông bà!” Ông ta bỏ đi, để mặc cửa mở toang.

Ông chủ nhà vung vẩy tay và mấp máy môi như muốn nói gì đó. Bà chủ nhà giận dữ ra đóng sầm cửa lại. Cửa thông với phòng bên còn bỏ ngỏ, bây giờ được mở rộng ra, cô Matylđa bước ra, trên người chỉ có bộ váy lót. Cô ngáp ngáp dài và hờ hững nhìn quanh phòng.

“Con chả hiểu tại sao bố mẹ lại nói chuyện với một người như thế,” cô nhẹ nhàng cất tiếng, “phải con thì con đuổi hẳn đi rồi.”

Ông Eber đứng chải đầu ở trước gương. Lời nói của cô con gái làm ông nổi cáu. Ông quay ngoắt về phía cô. “Im đi! Mà không hiểu được việc ấy!” Ông gắt con.

“Tất nhiên rồi!” Cô Matylđa thản nhiên trả lời. Cô đi đến bên cửa sổ và khoan khoái ngáp để đón chào buổi sáng đẹp trời. Bà chủ nhà im lặng. Bà chăm chú lau bụi ở tủ đựng quần áo, lau mạnh đến mức cái tủ cũng phải xuýt xoa.

Cái im lặng vẫn kéo dài, ông Eber mặc quần áo và bà vợ ông chạy đi chạy lại trong phòng, nhắc lên đặt xuống đủ mọi thứ. Ông Eber biết rằng không thể kéo dài mãi được tình huống này, và tự lên tiếng trước.

“Mẹ nó pha cà phê cho tôi đi chứ, tôi sắp phải đến công sở rồi!” Ông cố gắng nói một cách bình tĩnh.

“Chưa hâm lại được,” bà chủ nhà trả lời bằng giọng tỉnh khô, rồi mở cánh cửa tủ đứng đựng quần áo.

“Hâm lại... chẳng lẽ bà định cho tôi uống cà phê còn thừa từ hôm qua ư? Không thể thế được!”

“Sao mà lại không được! Ông kiếm được nhiều tiền để có cái mà nấu nướng cả ngày chắc! Làm ra tiền đi đã rồi khắc có cà phê mới!”

Cô Matylida rời cửa sổ, ngồi xuống ghế và khoanh tay lại. Cô đưa mắt nhìn bố, rồi lại nhìn sang mẹ, xem ra cô có vẻ bắt đầu cảm thấy thích thú. Ông Eber biết rất rõ vợ mình nên ông lảng sang chuyện khác vì không muốn cãi nhau với bà vào lúc này.

“Trưa nay nhà mình ăn gì?” Ông hỏi và bỏ qua chuyện ăn sáng.

“Bánh hấp với sữa cải ngựa,” bà gật gù.

Bánh hấp với sữa cải ngựa là món ăn ông Eber đã chán ngấy. Ông cảm thấy bà cố tình làm thế, và ông lại nổi cáu.

“Thế tôi xin hỏi bà vì sao mà lại nấu cái thứ chết tiệt ấy đúng vào ngày hôm nay?” Ông nói một cách khó khăn.

“Vì thế đấy! Hôm nay phải dọn dẹp cả ngày, mà bao giờ dọn dẹp thì cũng chỉ nấu thứ ấy!” Bà chủ nhà tìm cái gì đó ở trong tủ quần áo. Vì không tìm thấy được ngay, bà hùng hổ lôi tất cả mọi thứ ra quăng xuống sàn nhà.

“À ra thế... dọn dẹp cả ngày! Thế thì hôm nay tôi phải đi đâu?”

“Muốn đi đâu thì đi! Ông cũng còn là ông bố mẫu mực nữa, cả năm chẳng được một lần cho con đi chơi. Bây giờ đem con Valinka đi đâu chơi nửa ngày đi!”

“Có còn việc gì nữa không?” Ông chồng cáu đến nghẹn thở.

“Còn! Ra đứng góc nào ở ngoài đường mà xin ăn chẳng hạn!” Vừa nói, bà vợ vừa đứng hẫng vào tủ để có thể với tay lên cao. “Cứ theo cái khôn ngoan của ông thì chẳng mấy chốc mà đến nước ấy. Rồi ông thấy là tôi cũng chết luôn! Bây giờ thì tôi với Matylida còn phải đi chấp vá hàn gắn lại đây, mà cũng còn chưa biết có được không, chưa biết cậu Václav có yêu thích nó không đây! Ai bắt ông đuổi cậu ấy ra khỏi công sở, hả? Ông cứ làm như ông là người chức vụ cao to lắm, thực ra ông chả là cái gì cả...” Bà chưa nói hết câu, chưa tiếp tục lên mặt trấn áp nữa thì ông Eber bất ngờ xông đến, đẩy bà sâu vào trong tủ, đóng sầm cửa lại và vặn chìa khóa.

Cô Matylida vỗ tay khoái chí.

Tiếng gầm thét vang lên trong tủ, rồi tiếng đập thành thành, cái tủ lung lay ngất ngưỡng. Ông Eber với tay lấy cái cốc và ném nó lên chiếc tủ. Cái cốc vỡ tan. Cô Matylida lại vỗ tay thích thú.

Tiếng gầm trong tủ vang to hơn. Ông Eber nhanh chóng mặc áo khoác, cầm cái mũ, nhưng rồi lưỡng lự. Chắc ông không biết có nên mở tủ ra không.

Cô Matylida thấy bố lúng túng liền bảo: “Bố cứ để mẹ ở đấy! Gớm, lớn miệng quá, sao mà không im đi chứ!”

“Con nói phải! Đợi bố ra đến ngoài đường rồi hãy mở. Bố đi đây!”

Và ông đi. Đúng lúc ấy, cô Matylida chợt nghĩ ra một điều. Cô chạy đến mở cửa tủ. Bà mẹ vội bước ra, mặt tím tái vì giận dữ. Cô bảo mẹ: “Bố đang chạy đấy... nhanh lên!” Không cần phải giục giã “nhanh lên”, bà chủ nhà nhảy bố ra cửa. Cô con gái theo sát gót mẹ để được chứng kiến mọi chuyện.

Bà chủ nhà vợ vội cái chổi ở trong bếp rồi phóng thẳng ra ngoài hành lang. Ông chồng bà đang đi xuống cầu thang, qua chỗ người làm thuê đang rửa bậc thang. Bà chủ nhà thét lên: “Cô đổ cái xô nước ấy vào hãnh đi!” Ông chồng vội vàng bước nhanh hơn, hấp tấp đến suýt ngã. Vừa lúc chạy ra tới sân, ông nghe thấy tiếng cái chổi bay vù bên tai. Rất may là nó không rơi trúng vào ông. Trông thấy thế, bà chủ nhà lột cả chiếc mũ vải đang đội trên

đầu và ném theo ông chồng đang chạy. Bà gào lên, tiếng gào vang dội cả ngôi nhà. “Đồ giết người, đồ ăn cướp, đồ...! Cứ ra đánh, nhưng không có mấy lớp vải dày cộm ấy thì ra đánh với ai, hả đồ khốn kiếp kia! Chồng ời là chồng! Kiếm cả năm mới được ba trăm bạc mà cứ làm ông lớn. Rõ tầm chưa! Này, đi đâu thì xéo đi cả tuần cho tôi nhờ, đừng có vác mặt về đây nữa!”

Ông Eber không nghe thấy lời khuyên của vợ, vì lúc ấy ông đã ra đến cổng.

Màn kịch ấy kết thúc nhanh đến mức mà khi tất cả mọi người trong nhà vội vàng chạy được đến cửa sổ để xem, thì chỉ trông thấy cô Matylida đang vui vẻ ôm hôn mẹ ở cửa ra vào.

## XV. HẾT TUẦN

Mặc dù đám cưới của Josefinka được tổ chức rất sớm vào sáng ngày chủ nhật, ở dưới sân và ngoài cổng cũng vẫn có rất nhiều người đàn bà hàng xóm tò mò đến xem, cả ở trước nhà cũng có một đám đông. Họ chăm chú theo dõi mọi việc và cho rằng đó là “đám cưới nhột nhột”.

Họ không nghĩ rằng cái “nhột nhột” đó là ở sự đơn giản, bởi lẽ chú rể đã lo toan chu đáo, may cho cô dâu bộ váy áo cưới bằng lụa rất đẹp, cả xe ngựa cũng có rất nhiều. Nhưng các bà hàng xóm nói đúng ở chỗ là, tất cả những gương mặt quen thuộc trong đám cưới ấy đều nhột nhột, cứ như thế trước đó có gì không hay xảy ra vậy. Cô dâu nhột nhột thì đã đành, họ không lấy làm ngạc nhiên, vì “cô dâu nhột nhột sẽ là người vợ vui vẻ”, nhưng mà chú rể cũng cảm động đến nhột người, rồi trên khuôn mặt cô Klára, làm phù dâu, cũng chẳng có chút hồng hào, rồi tất cả những người khác cũng thế. Kể cả khuôn mặt tròn trĩnh của ông luật sư, là người làm chứng, cũng vậy. Thường ngày, khuôn mặt ông rạng rỡ, nhưng ngày hôm nay trông cứ lạ lạ.

Chỉ có cậu Václav, phù rể, là vui vẻ đùa cợt như mọi ngày. Nhưng mà ai cũng biết là với cậu ấy thì chả có cái gì được coi là nghiêm trang.

Sau buổi trưa, ông luật sư đứng ở trước nhà, tay mang găng tay, liên tục ngó vào cổng, có vẻ ông đang chờ ai đó. Rồi thấy Václav ăn mặc chỉnh tề đi từ cửa hàng ra đến chỗ ông đứng.

“Chú đi dạo ạ?”

“Vâng... vào công viên Stromovka.”<sup>[10]</sup>

“Chú đi một mình ạ?”

“Vâng... à không, bà Lakmusová cũng cùng đi!”

“À, cả cô Klára! Sáng nay trông cô ấy rất đẹp.”

Ông luật sư nhìn nhanh xuống đường. “Thế còn cậu, cậu đi đâu vậy?”

“Cháu đi Šárka.”<sup>[11]</sup>

“Chắc chắn là đi cùng với ai,... với Márinka hả?”

“Dạ, không,” Václav cười, “cháu đi với bà chủ nhà và cô Matylda ạ.”

Có tiếng phụ nữ vang lên ở cổng; mẹ con bà Lakmusová và mẹ con bà chủ nhà gặp nhau ở đầu cổng.

“Đi chơi với mẹ con bà chủ nhà ư?” Ông luật sư ngạc nhiên. “Chẳng lẽ cậu muốn vướng mắc vào tròng thật sao? Cậu thật là...”

“Thì có sao hả chú? Cháu biết cháu làm gì mà... cháu chỉ muốn trả thù cho nam giới chúng ta. Còn chú, chắc chú cũng trả thù, có phải không ạ?”

Vẻ lúng túng hiện ra trong đôi mắt ông luật sư. Ông mở miệng như muốn trả lời, nhưng mím môi lại không nói lời nào. Ông khẽ ho rồi bảo: “Nói khe khẽ thôi, họ đang đến kia kìa”.

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# HAI NGƯỜI TÌNH ĐỊCH

## I.

Thật là nực cười, nếu tôi nghi ngờ là trong số độc giả của tôi có người không biết quán U Štajniců ở Malá Strana. Đó là một quán ăn thượng hạng. Nó ở trong ngôi nhà thứ nhất phía bên tay trái, đằng sau tháp Mostecká<sup>[12]</sup>, ở góc đường Mostecká và Lázeňská, với cửa sổ lớn và cửa ra vào rộng bằng kính. Đó là quán ăn duy nhất đứng mạnh dạn ở con phố nhiều người qua lại nhất, lại còn có cửa mở ngay ra vỉa hè nữa. Tất cả các cửa hàng ăn khác, với cái khiêm tốn thực sự của khu Malá Strana, đều hoặc ở các phố nhỏ bên cạnh, hoặc có lối vào qua nhà, hoặc ít ra có vòm hiên phía trước. Bởi vậy mà dân Malá Strana thực thụ, sống ở các đường phố yên tĩnh, kín đáo với nhiều ngõ ngách thơ mộng, thì không đi quán U Štajniců. Khách của quán vì vậy thường chỉ là các công chức cấp cao, các giáo sư và các sĩ quan. Họ tình cờ tới đó, rồi lại đi. Thêm vào đó, cũng còn cả mấy người đã về hưu, một số ông chủ nhà giàu có đã chuyển tay nghề cho người khác từ lâu, chỉ thế thôi. Tức là khách của quán toàn là hạng công chức, quý tộc.

Ngay từ trước đây, khi tôi còn là cậu học sinh trung học, khách của quán U Štajniců đã thuộc hạng đặc biệt như vậy, nhưng dầu sao thì về mặt nào đó, nó cũng có cái khác. Nói cho ngắn gọn thì quán là đỉnh Olympus của Malá Strana, là nơi gặp gỡ của các vị thần của Malá Strana. Đó là bằng chứng lịch sử chứng minh sự thật là các vị thần đều xuất thân trực tiếp từ dân chúng. Đấng Jehovah là vị thần cau có, hung dữ và hay thù oán, tàn nhẫn và khát máu. Các vị thần Hy Lạp đều tao nhã, có tinh thần, đẹp đẽ và vui vẻ, hoàn toàn mang tính cách Hellen. Còn các vị thần Slovan... xin lỗi,

người Slovan chúng ta đã không có đủ sức mạnh dẻo dai để thành lập các nhà nước lớn, để sáng tạo ra các vị thần cụ thể. Ngày nay, mặc dù có những hình ảnh trong các tác phẩm của Erben và Kostomarov<sup>[13]</sup>, nhưng các vị thần trước đây của chúng ta vẫn chỉ là một nhóm mờ mờ, mềm yếu, không rõ ràng. Có thể là một lúc nào đó tôi sẽ viết riêng một bài, tất nhiên là cố ý khôi hài, về sự so sánh cái quan hệ giữa thần và người ấy. Nhưng bây giờ, tôi chỉ muốn nói rằng các vị thần ở quán U Štajniců là những vị thần Malá Strana thực sự mà không phải nghi ngờ gì cả. Nói về nhà cửa và cư dân thì Malá Strana có một cái gì đó yên tĩnh, trang nghiêm, cổ kính, cả một chút hơi ngái ngủ nữa. Và trong “cái gì đó”, cả trong cái “ngái ngủ” ấy cũng có cả các vị thần ấy. Tất nhiên, họ cũng là các công chức, sĩ quan, giáo sư và người hưu trí như ngày nay, nhưng hồi đó vẫn chưa có chuyện luân chuyển đổi công sở và quân đội từ chỗ này sang chỗ khác, ông bố đưa con trai đến học ở Praha, rồi giúp con vào công sở nào đó, rồi bao che giữ nó ở đấy suốt. Vì vậy, ai đi qua quán thấy khách cùng đứng với nhau ở ngoài vỉa hè cũng chào, bởi vì ai cũng biết họ.

Nhưng đối với lũ học sinh trung học chúng tôi, đỉnh Olympus ở quán U Štajniců còn Olympus gấp bội, bởi vì ở đó cũng có tất cả các thầy giáo già của chúng tôi. Già! Mà sao lại gọi là già nhỉ! Tôi biết rõ các thầy, những vị thần của Malá Strana thân yêu của chúng tôi, và tôi luôn luôn có cảm giác là không một ai trong các thầy đã từng trẻ trung, mà họ có vẻ đã có tuổi như vậy ngay từ khi còn là trẻ em, chỉ có điều là họ đã chỉ hơi nhỏ hơn một chút thôi.

Tôi như thấy các vị thần ở ngay trước mắt mình, giống ngày hôm nay! Trước nhất, đó là ông ủy viên kháng cáo. Ông là một người cao, gầy gò và vô cùng trang nghiêm. Ông vẫn còn đi làm ở công sở, nhưng chưa bao giờ tôi đoán được ông làm việc gì. Khi chúng tôi tan học lúc 10 giờ sáng thì ông mới bắt đầu ra khỏi nhà mình ở phố Karmelitánská, rồi trịnh trọng đi sang phố Ostruhová, vào quán rượu Čarda. Vào buổi chiều ngày thứ năm, khi chúng tôi được nghỉ học và thường đùa nghịch với nhau ở tường thành Marian thì ông đi dạo vườn ở đó. Lúc 5 giờ chiều ông đã đến quán U

Štajniců. Tôi cương quyết tự nhủ rằng tôi cũng sẽ trở thành ủy viên kháng cáo như ông, nhưng rồi sau đó không biết thế nào mà tôi quên mất chuyện đó.

Một người nữa là ngài bá tước chột mắt. Ở Malá Strana bao giờ cũng có bá tước, nhưng có lẽ ngài bá tước chột mắt này là người duy nhất đi ăn quán, ít ra là hồi đó. Ông ấy cao lớn, người xương xương, da dẻ hồng hào, tóc trắng cắt ngắn, mắt trái đeo băng đen. Ông ấy thường đứng trước quán U Štajniců có khi hàng hai tiếng đồng hồ, và khi phải đi qua chỗ ấy, tôi đã hay đi vòng. Trời phú cho các nhà quý tộc cái gọi là vóc dáng quý tộc, nó làm họ trở nên rất giống các loài chim dữ. Quả thật tôi thấy ông ấy giống một con chim ưng, ngày ngày cứ vào mười hai giờ trưa là tha con chim bồ câu đã bắt được, bay lên đậu trên tháp của nhà thờ Thánh Mikuláš, để rồi giăng xé con mồi một cách vô cùng tàn nhẫn, đến mức lông bồ câu bay xuống tận quảng trường. Vì thế mà tôi tránh xa ông ấy, tôi sợ rằng ông ấy sẽ mổ vào đầu tôi.

Tiếp theo là ông bác sĩ quân y, mặc dù chưa quá già, nhưng đã về hưu. Người ta kể rằng khi có một quan chức rất cao đến kiểm tra bệnh viện ở Praha và khiển trách rất nhiều, thì bác sĩ đã bảo viên quan chức ấy rằng ông ta chẳng hiểu gì cả. Thế là bác sĩ phải về hưu, nhưng đồng thời ông chiếm được cảm tình của chúng tôi, bởi vì lũ con trai chúng tôi coi ông bác sĩ béo ấy như là một nhà cách mạng thực sự. Ông ấy là người thân thiện và nhanh nhẩu. Khi gặp một đứa con trai nào mà ông mến - cũng có thể là một đứa con gái - ông dừng lại, vuốt má nó rồi bảo: “Cho bác gửi lời chào bố,” cho dù không biết bố nó là ai.

Rồi nữa... nhưng mà thôi! Tất cả mọi người già bỗng già đi nhiều hơn, rồi mất đi, nhưng thôi, đừng gọi bóng đen ra khỏi mồ làm gì. Tôi sung sướng nhớ lại những khoảng khắc đáng tự hào tôi đã trải qua cùng họ, nhớ lại cái cảm giác độc lập, cái sức trai tráng, vâng, cái vĩ đại khi tôi, lúc đó đã là sinh viên đại học, lần đầu tiên vào quán U Štajniců mà không thấy sợ các giáo sư của mình, để ngồi giữa những người cao siêu ấy. Họ không để ý nhiều đến tôi, thật vậy. Tôi nghĩ là hầu như họ không để ý đến tôi. Chỉ có một lần, sau mấy tuần, có xảy ra một việc. Ông bác sĩ quân y rời bàn để về,

khi qua bàn tôi ngồi đã nói về phía tôi: “Vâng, thế đấy, anh bạn trẻ ạ, mặc cho bọn kia nói gì thì nói, chứ bia hôm nay uống không ra cái gì cả!” Vừa nói, ông vừa khinh bỉ hất đầu ngược về phía những người ông vừa ngồi cùng bàn. Một Brutus thật sự! Tôi dám quả quyết rằng ông có đủ can đảm nói thẳng vào mặt cả chính hoàng đế Caesar rằng hoàng đế không có am hiểu gì về bia.

Nhưng tôi thì để ý đến họ. Tôi không nghe được nhiều cái họ nói, nhưng quan sát được nhiều. Tôi chỉ coi mình là phiên bản nghèo khó của họ, thế nhưng bất kỳ cái gì cao thượng ở mình, tôi cũng có từ họ. Hơn hết cả, trong tâm trí của tôi có hai người tôi không thể nào quên được, họ đã khắc sâu trong tim tôi. Hai người ấy là ông Ryšánek và ông Schlegl.

Hai ông này rất ghét nhau. Nhưng tôi lại phải xin lỗi, tốt hơn hết tôi sẽ kể về họ bằng cách khác.

Nếu vào quán U Štajniců qua lối từ phố Mostecká thì ta thấy ở phòng lớn phía trước, nơi đặt bàn bi-da, có ba cái cửa sổ trông ra phố Lázeňská. Bên cạnh mỗi cửa sổ có kê một cái bàn nhỏ và một cái ghế dài hình móng ngựa. Ở mỗi bàn bao giờ cũng có ba người ngồi, một người ngồi quay lưng về cửa sổ, hai người còn lại ngồi ở hai đầu ghế đối diện nhau, hoặc nếu những người này cũng muốn ngồi quay lưng về cửa sổ thì họ đều hướng mặt về bàn bi-da và giải trí bằng cách xem người khác chơi bi-da.

Ngày nào ở cái bàn bên cạnh cửa sổ thứ ba phía bên phải cửa ra vào cũng có hai người công dân đáng kính trọng ngồi, đó là ông Ryšánek và ông Schlegl; bao giờ họ cũng ngồi ở đấy từ sáu giờ chiều đến tám giờ tối. Chỗ của họ bao giờ cũng để trống; không một người nào lại dám mạo muội ngồi vào chỗ ngồi quen của người khác, đây là một trong những điều mà cư dân thực sự đạo đức của Malá Strana coi là hoàn toàn không thể chấp nhận được, bởi lẽ, vâng, bởi lẽ đó là điều không thể tưởng tượng được. Chỗ ngồi cạnh cửa sổ thì bao giờ cũng trống, ông Schlegl ngồi ở đầu ghế móng ngựa gần cửa ra vào, còn ông Ryšánek ngồi đầu ghế phía đối diện, hai người cách nhau khoảng sáu mươi phân. Cả hai luôn ngồi quay lưng ra cửa sổ, tức là

quay một nửa khỏi bàn và khỏi người thứ hai, và cùng xem chơi bi-da. Chỉ khi nào muốn uống, hoặc nhồi tẩu thì họ mới quay vào bàn. Đã mười một năm qua, ngày nào họ cũng ngồi như thế. Và suốt mười một năm trời, họ không hề nói với nhau một lời, thậm chí chẳng ai để ý đến ai.

Cả khu Malá Strana đều biết cái ác cảm ghê gớm của họ đối với nhau. Mỗi thù địch không đội trời chung giữa họ đã có từ lâu và nguyên nhân thì ai cũng biết. Nguồn gốc của mọi cái xấu xa ấy là người đàn bà. Cả hai cùng yêu một người. Đầu tiên, bà ấy cảm tình với ông Ryšánek, lúc đó ông đã là nhà kinh doanh tự lập từ lâu, sau đó không ngờ bà ta quay ngoắt và đột ngột rơi vào vòng tay ôm của ông Schlegl. Có thể là do ông Schlegl trẻ hơn gần chục tuổi. Thế là bà ta trở thành bà Schleglová.

Tôi không biết có phải bà Schleglová là người đẹp đặc biệt đến mức cái đó thanh minh được cho nỗi đau triền miên của ông Ryšánek, cũng như cho việc sau đó ông ở vậy suốt đời hay không. Bà ấy là người thiên cổ đã lâu rồi, bà mất ngay sau khi sinh lần đầu và để lại một cô con gái, cô Schleglová. Cô ấy giống mẹ như đúc. Vào thời điểm mà tôi nói đến thì cô Schleglová tròn 25 tuổi. Tôi biết cô Schleglová, vì cô ấy thường đến tầng bên trên căn hộ của chúng tôi để thăm cô Poldýnka, con gái ông đại đội trưởng, cái cô mà đi ngoài đường cứ được hai chục bước là lại một lần vấp. Người ta nói rằng cô Schleglová là người đẹp. Có thể như vậy, nhưng là đẹp đối với kiến trúc sư thôi, tất cả mọi thứ đều ở đúng chỗ, mọi kích thước đều rất đúng tầm cỡ và tất cả cái gì cũng rõ ràng. Nhưng đối với ai không phải là kiến trúc sư thì đó thật là điều tuyệt vọng. Mặt cô ấy ít cử động, quả giống như mặt tường ngoài của một cung điện. Mắt cô ấy sáng loáng như cửa sổ mới lau nhưng chẳng mang ý gì. Miệng cô ấy, xinh như nét trang trí kiểu arabesque<sup>[14]</sup>, mở ra chậm chạp như cánh cổng để rồi cứ mở toang, hoặc là đóng lại cũng bằng một cách chậm chạp. Thêm vào đó, nước da cô ấy luôn trắng như tường mới quét vôi. Có thể là bây giờ, nếu còn sống, thì cô ấy không còn đẹp như thế nữa, mà duyên dáng hơn: tương tự như các ngôi nhà, chúng chỉ duyên dáng hơn khi đã cũ đi.

Đáng tiếc là tôi không thể kể được cho bạn đọc nghe về chuyện tại sao mà ông Ryšánek và ông Schlegl lại ngồi cùng nhau ở cái bàn cạnh cửa sổ thứ ba ấy. Lỗi lầm ở đây là sự tình cờ định mệnh đáng nguyên rủa nào đó, ngày này qua ngày khác muốn gây cay đắng cho hai ông già. Khi sự tình cờ lạ lùng ấy đã đưa họ đến ngồi ở đấy thì lần đầu họ ngồi chắc do sĩ diện đàn ông. Lần thứ hai có thể là bởi sự ngoan cố. Rồi sau đó họ ngồi để chứng tỏ mình cứng rắn và để không ai bàn tán vào được. Đã từ lâu rồi, ai ở quán U Štajniců cũng thấy là đối với cả hai ông thì việc đó đã trở thành vấn đề danh dự đàn ông và không một người nào có thể lùi bước được.

Họ đến quán vào lúc sáu giờ chiều, hôm nay người này đến sớm một phút, hôm sau thì người kia. Họ lịch sự cúi chào mọi phía và chào từng người, chỉ không chào nhau. Vào mùa hè, họ trao cho người hầu bàn mũ vành và ba toong, vào mùa đông thì mũ lông rậm và áo khoác ngoài, để người này treo lên đinh trên tường sau chỗ ngồi. Sau đó, họ lúc lắc nửa người trên như chim bồ câu - người già thường tỏ vẻ gật gù như vậy khi muốn ngồi xuống, rồi chống một tay xuống góc bàn của mình (ông Ryšánek chống tay trái còn ông Schlegl chống tay phải), họ chậm chạp ngồi xuống, lưng quay về cửa sổ, mặt hướng về bàn bi-da. Ông chủ quán, thường xuyên tươi cười và nói luôn mồm, tới bàn họ để mời họ liều thuốc lá bột đầu tiên, nhưng phải đến tận từng người, gõ vào vào hộp thuốc và nói là hôm nay đẹp trời. Còn người kia thì không lấy thuốc và cũng không nghe nói trời đẹp. Chưa bao giờ có ai có thể nói chuyện được với cả hai người cùng một lúc. Cho bằng bất kỳ giá nào họ cũng không bao giờ để ý đến nhau. Cái kẻ ngồi cùng bàn hoàn toàn bị coi như không tồn tại.

Người hầu bàn đặt trước mặt họ hai cốc bia. Sau một lúc - nhưng không bao giờ cùng một lúc, họ theo dõi nhau, bất chấp cả sự không quan tâm - họ quay mặt về bàn, rút từ túi ngực cái tẩu lớn bằng đá bọt biển có viền bạc, lôi từ túi bên một gói đựng thuốc lá rời, nhồi tẩu, châm lửa rồi lại xoay lưng về phía cửa sổ. Họ cứ ngồi như thế suốt hai tiếng đồng hồ, uống ba cốc bia, rồi đứng lên, một người hôm nay đứng dậy trước một phút, kẻ kia thì hôm sau. Họ nhét tẩu vào túi, cất bọc thuốc lá, người hầu bàn giúp từng người mặc áo

khoác, mặc xong rồi thì chào chia tay với tất cả, chỉ không chào người đã ngồi cùng bàn với mình.

Tôi cố ý ngồi ở cái bàn gần lò sưởi. Từ đó tôi nhìn thẳng được tới mặt ông Ryšánek và ông Schlegl, và có thể theo dõi họ một cách thuận tiện, kín đáo.

Trước đây, ông Ryšánek bán hàng vải, còn ông Schlegl bán hàng sắt. Bây giờ cả hai đã giàu có và đã thôi buôn bán, nhưng khuôn mặt họ vẫn như còn gợi lại nghề xưa. Khuôn mặt ông Ryšánek luôn khiến tôi nghĩ đến tấm vải có sọc trắng đỏ, còn ông Schlegl thì tôi thấy giống một cái cối cũ. Ông Ryšánek cao hơn, gầy hơn và nhiều tuổi hơn. Ông không còn khỏe mạnh nữa, thường hay mỏi mệt, hàm dưới đã trể xuống. Đôi mắt xám có đeo kính gọng đen. Đầu ông mang một bộ tóc giả sáng màu và theo cặp lông mày còn chưa xám hẳn có thể đoán trước đây ông là người tóc trắng. Đôi má sâu hoắm của ông nhợt nhạt tới mức mà cái mũi dài trở nên đỏ như son, ở đầu mũi thường có giọt nước mũi chảy ra. Tôi phải nói rằng có lúc ông Ryšánek không kịp lau, khi nhớ ra thì nước mũi ông đã nhỏ giọt xuống cằm. Ông Schlegl là người béo mập, tôi nghĩ là ông ấy không có cổ. Cái đầu ông giống như đầu cọp; mái tóc đen đã bạc nhiều; mặt ông chỗ nào đã cạo râu thì có màu xanh đen, chỗ nào không có râu thì hồng hào, chỗ sáng chỗ tối giống như bức chân dung tối tăm của Rembrandt<sup>[15]</sup>.

Tôi rất kính trọng hai người anh hùng ấy, vâng, tôi khâm phục họ. Bởi cách họ ngồi ở đây, ngày này qua ngày khác trong cuộc chiến vĩ đại và gay gắt dữ dội. Họ chiến đấu với nhau bằng vũ khí của mình, đó là sự im lặng độc địa và khinh bỉ cực kỳ. Và cuộc chiến ấy luôn luôn không phân thắng bại. Nhưng cuối cùng thì nào biết ai thắng ai! Ông Schlegl khỏe mạnh hơn, cái gì ở ông ấy cũng ngắn gọn, cộc lốc, khi ông nói thì nghe như tiếng sấm vậy. Ông Ryšánek thì nói năng nhẹ nhàng, chậm rãi; tuy ốm yếu, nhưng ông im lặng và căm thù một cách dữ dội.

## II.

Có một việc đã xảy ra.

Hôm thứ tư, trước ngày chủ nhật thứ ba sau lễ Phục sinh, ông Schlegl đến quán và ngồi vào chỗ mình. Ông ấy ngồi xuống, nhồi tẩu rồi nhả khói, hết như đám khói bốc từ đồng lửa. Ông chủ quán vào và đến thẳng chỗ ông Schlegl. Ông gõ vào hộp đựng thuốc lá bột và đưa cho ông Schlegl một liều. Khi đóng hộp lại rồi lắc lắc, ông chủ quán nhìn ra phía cửa và bảo:

“VẬY là hôm nay ông Ryšánek không đến được.”

Ông Schlegl không trả lời, chỉ nhìn về phía trước, thờ ơ và lạnh như tiền. Ông chủ quán đứng quay lưng về phía cửa ra vào và nói tiếp:

“Bác sĩ quân y đã bảo,” ông ngoảnh lại nhìn qua mặt ông Schlegl “buổi sáng, ông ấy dậy như thường ngày, nhưng tự nhiên thấy rét quá, thành ra lại phải vào giường, thế là phải vội đi gọi bác sĩ. Sưng phổi mà. Hôm nay bác sĩ đã đến đây ba lần rồi. Ờ, tuổi già, nhưng may là có bác sĩ tốt. Chắc là khỏi thôi.”

Ông Schlegl mím môi âm ừ. Không nói lấy một câu, không chuyển hướng nhìn. Ông chủ quán đi sang bàn bên cạnh. Tôi chăm chú nhìn mặt ông Schlegl. Nó không hề tỏ ra xúc động, chỉ có đôi môi mở ra để nhả khói thuốc, cái cán tẩu thỉnh thoảng được chuyển từ mép bên này sang mép bên kia. Có một người quen đi đến chỗ ông và nói chuyện gì đó. Ông Schlegl mấy lần cất tiếng cười to. Tôi thấy khó chịu vì tiếng cười ấy của ông.

Hôm nay ông Schlegl xử sự hoàn toàn khác mọi khi. Thường thường thì ông ấy ngồi dính ở chỗ mình, giống như người lính canh đứng ở chòi canh vậy, nhưng hôm nay ông ấy đứng ngồi không yên, lảng xảng chỗ này chỗ kia. Ông ấy còn chơi bi-da với ông lái buôn Kohler. Lượt chơi nào ông ấy cũng gặp may, và thú thật, tôi mong cho ông ấy không kết thúc được ván chơi nào để cho ông Kohler có thể theo kịp.

Sau đó, ông Schlegl lại ngồi xuống, lại uống và hút thuốc. Khi có người nào đi đến thì ông ấy lại nói to hơn, nói câu dài hơn so với mọi khi. Tôi nhận

thấy cả thay đổi nhỏ nhất của ông ấy, tôi thấy rõ ràng ông ấy đang khoái cảm trong lòng, ông ấy không hề có lấy một chút thương cảm bình thường nhất đối với kẻ thù đang bị ốm của mình, và với tôi, ông ấy trở nên đáng ghét. Vài lần, ông ấy liếc nhanh về phía tủ đựng chén, nơi ông bác sĩ quân y đang ngồi. Chắc chắn là ông ấy sẽ bắt tay bác sĩ, nếu bác sĩ tỏ ra không cố gắng bần bịu nhiều với ông Ryšánek. Ông Schlegl thật là một con người độc ác, rất độc ác.

Lúc tám giờ, ông bác sĩ quân y đứng lên đi về. Ông ấy dừng lại ở bàn thứ ba.

“Chúc ông ngủ ngon nhé,” bác sĩ chào, “bây giờ tôi còn phải đến ông Ryšánek một lần nữa. Cần phải thận trọng để ý ông ấy.”

“Chúc ông ngủ ngon,” ông Schlege lạnh nhạt đáp lời.

Hôm nay ông Schlegl uống bốn cốc bia và ở quán cho đến tám rưỡi.

Nhiều ngày qua đi, nhiều tuần qua đi. Tháng tư lạnh giá ít nắng cũng qua đi, tháng năm ấm áp đã tới, năm ấy mùa xuân đẹp tuyệt vời. Vào tháng năm, khi trời đẹp thì Malá Strana là thiên đường. Hoa nở phủ trắng đồi Petřín như sữa chảy, cả khu Malá Strana chìm trong hương thơm ngây ngất của hoa cơm cháy. Ông Ryšánek đã qua cơn nguy kịch. Mùa xuân như mang nhựa dưỡng đến cho ông. Tôi đã gặp ông đi dạo trong công viên. Ông chống gậy, đi lại chậm chạp. Vốn đã gầy gò, bây giờ ông còn gầy hơn nữa, hàm dưới của ông vẫn xệ xuống. Ông đã đến mức để người ta quần khăn dưới cằm, vuốt đôi mắt lơ lơ rồi đặt vào quan tài. Vậy mà ông đã dần dần bình phục, chỉ không thấy ông đến quán U Štajniců. Thế là ông Schlegl cứ làm vương làm tướng một mình ở cái bàn thứ ba, muốn quay đi quay lại và ngồi thế nào cũng được.

Nhưng cuối tháng sáu, vào ngày lễ các Thánh Peter và Pavel, tôi bỗng thấy ông Ryšánek và ông Schlegl lại ngồi cùng nhau. Ông Schlegl lại ngồi đóng đinh ở chỗ của mình và cả hai đều ngồi xoay lưng về phía cửa sổ. Khách ở các bàn lân cận và người quen đến bắt tay ông Ryšánek. Mọi người chào đón ông rất thật lòng, ông run run vì xúc động, mỉm cười, nói rất nhẹ

nhàng, và rưng rưng cảm động. Ông Schlegl ngồi hút thuốc và nhìn chăm chăm vào bàn bi-da.

Vào những lúc không có người đến, ông Ryšánek lại nhìn sang tủ cốc chén, nơi bác sĩ của ông đang ngồi. Thật là một tấm lòng biết ơn. Khi ông Ryšánek hướng mắt sang phía đó, ông Schlegel nghiêng đầu rất nhanh sang một bên. Ông chậm rãi nhìn từ chân ông Ryšánek nhìn lên, qua hai đầu gối nhọn hoắt đến bàn tay chỉ còn da bọc xương đang nằm ở góc bàn; ông quan sát bàn tay ấy một lúc, sau đó ngược lên tận cái hàm trễ, liếc nhìn khuôn mặt tàn tạ ấy, rồi vội vàng đảo mắt đi và giữ thẳng đầu lại như trước.

“A, ông đã khỏe rồi, mừng quá!” Ông chủ quán vừa ở bếp hay ở tầng hầm ra, trông thấy ông Ryšánek, bèn vội vàng đến: “Thế là nhờ trời ông lại khỏe rồi, lại đến với chúng tôi rồi.”

“Vâng, nhờ trời, nhờ trời,” ông Ryšánek cười, “lần này tôi thoát chết đấy. Tôi cảm thấy khoan khoái rồi.”

“Nhưng thấy ông không hút, hay là vẫn chưa thèm thuốc?”

“Ấy, hôm nay là ngày đầu tiên tôi thấy thèm đấy, tôi sẽ hút.”

“Có thể chứ, vậy là tốt rồi,” ông chủ quán đóng hộp thuốc lá bột, lắc lắc, rồi lại đưa một liều cho ông Schlegl, nói một câu gì đó và đi.

Ông Ryšánek rút tẩu ra, lần vào túi áo để lấy gói thuốc sợi. Ông lắc đầu, thọc tay vào túi lần thứ hai, lần thứ ba, rồi gọi cậu hầu bàn lại: “Cháu chạy sang bác, có biết nhà bác ở đâu không? Ủ, ở góc đường này. Cháu bảo người nhà đưa cho bác cái túi thuốc, chắc nó phải ở trên bàn.” Cậu hầu bàn chạy đi.

Lúc ấy ông Schlegl hơi động đậy. Ông ấy chậm chạp giơ tay phải với lấy túi thuốc đang mở và đẩy dịch nó lại gần trước mặt ông Ryšánek. “Cứ tự nhiên - Ba vua màu đỏ đấy!” Ông ấy nói cộc lốc như thường lệ rồi hàm hừ trong miệng. Ông Ryšánek không trả lời. Cũng không nhìn sang. Đầu ông vẫn ngoảnh đi, thờ ơ lạnh lùng như mười một năm đã qua. Mấy lần, tay ông run lên, miệng ông mím chặt. Bàn tay phải của ông Schlegl như bị dính trên

túi thuốc, mắt dán xuống đất, ông ấy hít một hơi thuốc, rồi hằm hừ trong họng.

Nhưng cậu hầu bàn đã quay trở lại.

“Cám ơn, túi thuốc của tôi đây rồi,” mãi bấy giờ ông Ryšánek mới cảm ơn ông Schlegl, nhưng không quay lại. Một lúc sau ông nói thêm, tựa như cảm thấy phải nói thêm cái gì đó: “Tôi cũng hút thuốc Ba vua màu đỏ.” Ông Ryšánek nhồi thuốc, châm lửa và bập bập hút.

“Ngon không?” Ông Schlegl hỏi, cốc lốc gấp trăm lần lúc bình thường.

“Ngon,... nhờ trời.”

“Ờ, nhờ trời,” ông Schlegl nhắc lại. Xung quanh mép ông ấy hằn vết nhăn như các tia chớp trên bầu trời đen, ông ấy nói nhanh: “Chúng tôi ở đây đã lo lắng về ông.”

Mãi lúc này, ông Ryšánek mới chậm chạp quay đầu sang phía ông Schlegl. Ánh mắt họ gặp nhau.

Từ đấy, ở cái bàn thứ ba ấy, hai ông nói chuyện với nhau.

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# ĐÃY ĂN MÀY ĐẾN CHỖ CHẾT

Tôi muốn viết lên câu chuyện buồn thảm, nhưng sao cái bộ mặt vui vui của lão Vojtíšek cứ nhìn chăm chăm vào tôi, khiến cho những lời đầu tiên lại có vẻ bông đùa. Nét mặt lão sáng sủa, mạnh khỏe và đỏ rục như miếng thịt quay tẩm thêm bơ ngày chủ nhật. Lão thường chỉ cạo râu vào trưa chủ nhật, cho nên cứ đến chiều thứ bảy, chòm râu trắng xóa của lão đã lại mọc tua tủa kín cằm, giống như một lớp bột sữa phủ đặc, và như thế trông lão, tôi cảm thấy còn đẹp hơn mọi ngày. Tóc lão cũng đã bạc, chỉ có lưa thưa mấy sợi trên chóp đầu, ngày này qua ngày khác, cứ bạc dần từ dưới lên, nhưng không ngả màu trắng mà cứ vàng dần, óng ánh như những sợi tơ, nhẹ nhẹ lất phất trên đầu.

Lão Vojtíšek có cái mũi lưỡi trai, nhưng suốt ngày chỉ cầm trong tay, trừ khi nào nắng chói lăm lão mới đội lên một lúc. Tôi rất thích lão, tôi yêu đôi mắt xanh của lão luôn luôn ánh lên một vẻ thật thà. Trên cả bộ mặt của lão chỉ nổi lên có đôi mắt tròn và chân thành.

Lão Vojtíšek là một lão hành khất. Trước đó lão làm gì tôi không rõ. Chỉ biết lão đi ăn mày đã lâu lắm, vì nhân dân cả khu phố Malá Strana không ai còn lạ mặt lão. Mà cứ tầm vóc vạm vỡ của lão, thì lão còn có thể làm cái nghề ăn xin này đến mấy chục năm nữa. Tôi biết lão từ khi lão bắt đầu đến khu phố này ăn xin. Một lần, tôi thấy lão khập khiễng đi từng bước ngắn, ngược dốc Svatojanský lên phố Ostruhová, đến trước viên cảnh sát Šimr, lúc ấy đang đứng tựa thoải mái vào tay vịn để sưởi nắng. Šimr là tên gã cảnh sát béo phì, khắp phố ai cũng biết, béo đến nỗi cái áo khoác màu xám của y cứ ngày một rạn dần như muốn bật tung ra. Cổ của y nhìn từ phía sau lại - xin các bạn tha lỗi - tựa như một râu dôi lộn cẳng rướn mỡ.

Đầu y to tướng, nhưng hể hơi động một tí là cái mũ sắt bóng nhoáng của y lại lúc lắc muốn rơi. Cho nên mỗi lúc y chạy đuổi theo hành khách qua đường không theo đúng luật lệ, đi qua phố mà mồm vẫn ngang nhiên ngậm tẩu thuốc lá phì phèo, thì y lại phải vội vàng giữ khư khư chiếc mũ trong tay. Bọn trẻ con chúng tôi khoái chí cười theo, nhảy nhót, song hể thấy y trợn mắt ngoái lại, là bỗng nhiên im bật, lờ đi như không có chuyện gì xảy ra. Šimr vốn người Đức, quê ở Šlukov. Cho đến nay, giá y còn sống, tôi xin cam đoan y nói tiếng Tiệp vẫn dở lắm. Nhưng y vẫn thường khen lấy khen để: “Đấy, các ngài xem, tôi mới học một năm,...”

Lần ấy, lão Vojtíšek kẹp chiếc mũ vải bên nách trái, tay phải thọc sâu vào túi chiếc áo màu xám và dài thượt. Tận đằng xa, lão đã cúi chào Šimr và, theo thói quen, lão nói trước: “Lạy chúa lòng thành!” Šimr giơ tay chào lại.

Lão Vojtíšek rút trong túi áo ra cái ống thuốc làm bằng vỏ cây phơi khô, kéo móc da để mở nắp rồi đưa mời viên cảnh sát Šimr. Y hít một liều thuốc rồi bảo:

“Lão chắc cũng già rồi nhỉ? Bao nhiêu rồi?”

“À,” ông Vojtíšek mỉm cười, “đúng ra thì cũng sắp 80 năm rồi kể từ ngày cha tôi lấy làm vui mà sinh ra tôi.”

Bạn đọc nào theo dõi kỹ chắc sẽ ngạc nhiên, tại sao ăn mày lại dám nói năng với cảnh sát những lời suồng sã như vậy mà cảnh sát lại để yên. Giá người khác ở nhà quê lên, hoặc những người không quen biết, thì đừng hòng y bỏ qua cho. Đó là chưa kể đến oai phong quyền thế của cảnh sát thời bấy giờ! Họ đâu có phải như những người khác mà bảo suồng sã sao cũng được. Họ là ông Novák, ông Šimr, ông Kedlický, và ông Weisse; hàng ngày họ thay phiên nhau kiểm soát đường phố. Ông Novák người Slabec, tầm vóc nhỏ nhắn thường hay đứng trước các cửa hàng vì thích rượu mạn; ông Šimr béo phì; ông Kedlický ở Vyšehrad, hay cau có, khó tính nhưng lại tốt bụng; và cuối cùng ông Weisse người Rožmitál, dáng to cao, đồng dạc, có bộ răng vàng khè. Có thể nói là nhân dân khu phố biết rõ lai lịch từng người: quê

quán ở đâu, làm cảnh sát mấy năm, ở nhà có bao nhiêu con cái... Lũ trẻ con “láng giềng” chúng tôi cứ hay lân la với các ông ấy; nhờ thế họ đã nhẵn mặt từng đứa, thuộc lòng tên từng người trong phố, bất kể đàn ông hay đàn bà. Giá các mẹ muốn biết con họ hiện đang chơi chỗ nào, làm gì, các ông ấy có thể kể rõ từng kẽ tóc chân tơ. Nạn cháy bất ngờ xảy ra năm 1844 tại Renthauze, ông Weisse bị chết, cả phố Ostrhová đi đưa tang ông.

Còn lão Vojtíšek cũng không phải loại hành khất bình thường. Trông bề ngoài khó mà bảo lão là ăn mày. Nước da lão sạch sẽ, nếu không được cả ngày thì ít ra cũng buổi sáng. Cái khăn quàng cổ bao giờ cũng quần gọn ghề phân minh. Chiếc áo của lão tuy có đôi chỗ vá, nhưng những mảnh vá trông không đến nỗi lố lằng, thô bỉ như những miếng tôn đắp lên, mà cũng không phải bằng một thứ vải màu quá sặc sỡ. Bao giờ cũng vậy, cứ cuối tuần lão đi xin hết lượt phố Malá Strana từ đầu chí cuối. Nhà nào lão cũng mò vào, và hễ các bà nội trợ nhận ra giọng nói dịu dàng của lão là đã cầm sẵn ba xu; ba xu hồi đó là khá nhiều. Lão bắt đầu đi xin từ sáng tinh mơ cho tới trưa rồi sau đó lão ghé vào nhà thờ Thánh Mikuláš. Điều đáng chú ý lão chẳng xin trước cửa nhà thờ bao giờ, thậm chí không bao giờ để ý đến những người đàn bà ăn mày đang quỳ ở đó. Rồi lão đi ăn ở một chỗ nào đấy, lão biết là ở đó người ta để dành cho lão một bát đầy thức ăn từ bữa trưa. Trong cả cuộc đời cũng như trong việc làm của lão như có một cái gì bình thản và phóng khoáng khiến cho Storm đã có lần nói lên bằng một câu khôi hài và cảm động:

*“Ach koennt’ ich betteln geh’n ueber die braune Haid!”<sup>[16]</sup>*

Chỉ riêng mỗi tên chủ quán Herzl trong nhà chúng tôi ở suốt đời chẳng cho lão được lấy một đồng ba xu. Người hơi cao, tính tình bủn xỉn, hắn ta có một cách đối xử đặc biệt. Mỗi lần gặp lão, để khỏi mất tiền, hắn xẻ từ hộp thuốc của mình cho lão một chút thuốc lá. Thường thường cứ đến chiều thứ bảy, thế nào lão cũng gặp hắn trước cửa tiệm ăn, hai người lại chuyện trò rối rít, nhưng nội dung câu chuyện thì lần nào cũng chỉ nhắc đi nhắc lại mấy câu:

“Ông Vojtíšek ạ, ta sống phải cái thời buổi khó khăn.”

“Đúng thế, nhưng mà chừng nào tượng sư tử chưa xuống đánh đu ở Lâu đài thượng thì còn là khổn khó, đấy bác xem có thật không?”<sup>[17]</sup>

Ý lão muốn nói đến pho tượng sư tử ở trên tháp nhà thờ Thánh Vít. Nhưng câu nói của lão làm tôi nghĩ mãi mới hiểu ra, tuy thế tôi vẫn cảm thấy bối rối. Hồi ấy, tôi lên tám, tuy đã có chút ít hiểu biết của một cậu thiếu niên lanh lợi, nhưng dù sao qua câu nói của lão tôi không thể không liên tưởng một cách ngây thơ đến chiếc đu đến tận bên kia cầu đá, dọc lối đi lên Lâu đài thượng; mỗi khi trời hội mùa xuân tôi thường lên đến đấy đánh đu. Còn cái lão ý bảo chừng nào sư tử chưa xuống đánh đu thì thực tình khó quá, tôi chưa hiểu nổi.

Một ngày tháng sáu tuyệt đẹp. Lão Vojtíšek đi từ trong nhà thờ Thánh Mikuláš ra, lão chụp chiếc mũ lưỡi trai lên đầu cho ánh mặt trời đỡ rọi vào mắt. Lão bước dừng đỉnh từng bước qua chỗ mà bây giờ gọi là Quảng trường Štěpán. Tới pho tượng Ba Ngôi, lão dừng lại và buông mình ngồi bệt xuống bệ đá. Phía sau lưng, nước ở đài phun nước róc rách chảy, mặt trời sưởi ấm, không khí lúc này dễ chịu làm sao! Chắc là hôm nay lão ăn trưa ở nơi nào có bữa mãi sau 12 giờ.

Lão vừa kịp ngồi xuống, thì một trong số những mục đàn bà cũng nghề ăn xin như lão thông thả bước từ phía cửa nhà thờ lại gần lão. Mục này được người ta gọi là “mục Triệu”. Mọi người đàn bà ăn mày khác thường cảm ơn là trời sẽ đền đáp người bố thí tới một trăm nghìn lần quà cho, nhưng mục này thì luôn nói “hàng triệu lần và hàng triệu lần” vì thế mà bà viên chức Hermannova, người chuyên đi các nơi bán đấu giá ở Praha, chỉ bố thí cho mục thôi. Mục Triệu thật khéo giả vờ, lúc thì hai chân đi khập khiễng ra về què quặt, lúc lại lon xon chẳng khác gì con gái, nghĩa là mục muốn sao thì được thế. Giờ đây mục ngay ngắn bước lại chỗ lão Vojtíšek ngồi. Chiếc váy đụp của mục dài lê thê quét đất, bọc lấy bộ xương hom khô cằn của mục; chiếc khăn xanh rũ xuống trước trán, bay lất phất trước khuôn mặt của mục trông rất kỳ dị. Đặc biệt là mục có một vết nhăn, nhỏ như sợi bún, kéo dài suốt từ

trán qua chiếc sống mũi nhọn hoắt của mẹ, rồi thẳng xuống tận mồm. Đôi mắt của mẹ màu xanh đục lẫn màu vàng, giống hệt như mắt mèo.

Mẹ tiến lại sát hẳn bên lão Vojtíšek, nhọn mồm nói một giọng ngọt xớt:

“Lạy Chúa!”

Lão Vojtíšek gật đầu, tỏ vẻ bằng lòng với lời chào cầu nguyện của mẹ.

Mẹ thong thả ngồi xuống một góc thềm đá cạnh lối lên xuống, trách nhẹ một câu:

“Trời gì mà cứ nắng mãi thế này, tối về lại ngạt mũi thôi.”

Lão Vojtíšek vẫn ngồi yên.

Mẹ Triệu từ từ kéo chiếc khăn tịt xuống sau lưng, bây giờ có thể trông thấy rõ cả gương mặt của mẹ. Đôi mắt lim dim như mắt mèo sưởi nắng, và đôi lúc nhắm tịt lại chỉ còn như hai hạt cườm màu xanh đục. Mồm mẹ lúc nào cũng mấp máy, mỗi lúc mở ra chỉ thấy độc một chiếc răng hàm trên đen sì.

“Này ông Vojtíšek, ông có thuận tôi mới nói,” - mẹ bắt chuyện.

Lão Vojtíšek vẫn lặng yên, quay người về phía mẹ và nhìn chăm chăm vào mồm mẹ:

“Tôi nghĩ, ở đây chỉ có ông, ước gì ông chỉ bảo cho tìm đâu cho ra những người tử tế.”

Lão Vojtíšek không đáp.

“Sao ông cứ nhìn chăm chăm vào tôi thế?” - Mẹ hỏi. “Có gì lạ mà ông nhìn?”

“Tôi nhìn cái răng! Sao, mẹ chỉ có mỗi cái răng thôi à?”

“À, ra chiếc răng - tưởng cái gì”, mẹ thở dài một hơi nhẹ nhõm, lại nói tiếp, “ông có biết ở đời rụng một chiếc răng là mất một người bạn tốt không? Bậu bạn thân thiết đã xuống lỗ cả rồi, chẳng còn ai. Còn một chiếc răng là còn một người. Nhưng nào biết người ấy ở đâu! Lạy Chúa, Chúa

thương cho những kẻ cô đơn, Chúa cho tôi biết người bạn hiền trong quãng đời còn lại của tôi bây giờ ở đâu. Lạy Chúa, thân tôi sao mà cô đơn thế này!”

Lão Vojtíšek nhìn về phía trước, vẫn lặng yên.

Câu nói của mẹ như có một nụ cười, một niềm vui dội vào lòng kẻ hành khất, nhưng bên cạnh đó có cái gì xấu xa, khó cảm. Mồm mẹ bấu ra dài thượt, mỗi khi nói, da mặt của mẹ co rúm lại, dồn vào đôi môi trông tựa như một cái núm quả.

“Ông Vojtíšek! Ông Vojtíšek, hai ta còn có thể chung vui được kia mà. Tôi cứ ngày đêm mơ tưởng đến ông, và tôi nghĩ, Chúa cũng muốn như thế. Mà sao ông cứ ở một mình mãi, đi sớm về khuya, không ai trông nom đỡ đần. Chỗ nào ông cũng có bè bạn quen biết, đi đến đâu ông cũng gặp toàn người tốt. Chao, giá mà ông thương đến tôi... tôi còn một mảnh chăn bông...”

Trong khi đó lão Vojtíšek từ từ đứng dậy. Lão nắn lại cái vành da trên cái mũ lưỡi trai rồi đáp:

“Bước đi cho rồi!” Nói xong lão quay đi, không thèm chào mẹ.

Lão lại thông thả trở về phố Ostruhová. Cặp mắt xanh lè của mẹ long lên như hai ngọn đèn pha đuổi theo lão, cho mãi tới khi lão rẽ ngang mới thôi.

Mẹ Triệu kéo lại chiếc khăn trùm kín mặt rồi ngồi đó một hồi lâu, không động đậy. Có lẽ mẹ đã thiếp đi.

Bỗng nhiên bao câu chuyện vô căn cứ bắt đầu truyền đi khắp khu phố Malá Strana. Và người nào nghe đến tai, cũng đều thốt ra một câu mai mỉa: “À, ra cái lão Vojtíšek ghê thật!” Câu chuyện về lão cứ truyền đi hết người này qua người nọ, và chốc chốc lại nghe người ta nhắc: “Lão Vojtíšek ghê thật!”.

Chẳng bao lâu, tôi truy ra đầu đuôi câu chuyện. Người ta đồn rằng lão Vojtíšek có hai ngôi nhà riêng ở phố František tận phía bên kia sông, còn câu chuyện mà xưa nay người ta vẫn tin, bảo là lão ở Bruska đều là dối trá cả. À, ra lão Vojtíšek đã lợi dụng lòng tốt của bà con làng xóm. Mà đâu có phải chỉ trong chốc lát!

Người ta bực mình với lão. Cả giới đàn ông ở khu phố Malá Strana đều cảm thấy mình quá dễ dãi, quá nhẹ dạ tin người.

“Đồ xỏ lá!” Một người nói.

“Mà đúng thế”, một người khác phân giải tỉ mỉ hơn, “có ai thấy y đi ăn mày ngày chủ nhật không nào? Chủ nhật y ngồi nhà: lầu cao cửa rộng, phè phồn, thịch quay có người bưng đến tận mồm!”

Các bà phụ nữ hãy còn chưa tin lắm. Họ còn ngờ vực, thấy trên vẻ mặt của lão Vojtíšek có cái gì chân thực quá, lẽ nào lại làm những điều gian dối như vậy.

Người ta còn đồn bao nhiêu chuyện khác về lão, đầu lão có hai cô con gái và cô nào cũng kiêu kỳ. Một cô lấy chồng trung úy, còn cô kia sắp vào làm trong rạp hát. Tay lúc nào cũng đeo găng và ngày ngày vẫn thường lên Stromovka dạo mát.

Nghe đến đây, trong đám phụ nữ không còn ai phải ngờ vực nữa, hình như câu chuyện đã rõ như ban ngày. Và chỉ trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, cuộc đời của lão Vojtíšek đã hoàn toàn khác trước. Rồi cũng từ giờ phút ấy, bất cứ nhà nào, hễ thấy lão mò đến cửa là người ta đều khép cửa lại và bảo với lão: “Bữa nay không có gì ăn cả” hoặc “Bây giờ, thời buổi khó khăn, chúng tôi nghèo lắm! Ngày hai bữa ăn đậu, làm gì có của thừa, mà ông thì ăn đâu những thứ ấy!”

Bọn trẻ con khu phố cũng bắt đầu chế nhạo lão; hễ gặp lão, là chúng nhảy nhót reo hò ầm ĩ:

“Ông chủ nhà! A, ông chủ nhà!”

Một hôm vào ngày thứ bảy, trong lúc tôi đang đứng trước cửa, thấy lão Vojtíšek từ từ bước lại! Chủ quán Hezl vẫn ăn mặc như thường lệ, y khoác trước ngực một cái tạp dề vải trắng và đứng dựa vào khung cửa đá. Như có một điểm quái gở gì báo trước, tôi bỗng hoảng sợ bỏ chạy nấp vào phía sau cổng. Tôi hé nhìn thấy rõ ràng lão Vojtíšek đang đi lại gần.

Chiếc mũ lưỡi trai run lên trong bàn tay của lão. Hôm nay lão không còn nụ cười tươi tỉnh như mọi khi nữa. Đầu lão rũ xuống, mấy sợi tóc vàng nhạt của lão rối tung. Lão chào bằng một giọng bình thường: “Giê-xu!”. Lúc này đầu lão ngẩng lên một tí, để lộ ra bộ mặt tái ngắt, đôi mắt trông ủ rũ như trong cơn ngái ngủ.

“Ôi, may quá, ông đến thật đúng lúc.” - Hezl hăm hở chào lão - “Ông Vojtíšek này, ông liệu có cho tôi vay tạm hai mươi nghìn được không? Ông đừng sợ mất, cũng như ông để dành ấy thôi mà. Tôi định tậu một ngôi nhà ở cạnh nhà *Bên con Thiên nga* ấy mà.”

Y chưa nói hết lời, thì bỗng nhiên hai mắt lão đã ứa đầy lệ, lão nghẹn ngào:

“Cả đời người... tôi... có nói dối ai bao giờ!”

Lão từ từ tạt qua phía bên kia đường tới gần một góc phố, rồi ngồi gục xuống vỉa hè cạnh tường. Lão úp mặt xuống hai đầu gối và khóc lên nức nở...

Lão Vojtíšek không bao giờ trở lại ăn mày ở khu phố Malá Strana nữa. Qua bên kia sông lão không quen ai, và cảnh sát bên ấy cũng không quen mặt lão thì làm sao mà lần mò vào nhà người ta được. Hàng tuần, cứ chiều thứ năm khi sang Phố Cổ để xem sách mới trưng bày ở các hiệu sách, tôi thường gặp lão ngồi thờ thẩn ở góc phố Křižovnická, ngay trước mặt đồn cảnh sát đầu cầu. Chiếc mũ lưỡi trai của lão nằm ngửa dưới đất, thân hình lão tiều tụy, đầu gục xuống, tay cầm tràng hạt mân côì và lão cũng không để ý đến người qua lại. Nước da, khuôn mặt, cho đến bàn tay của lão, không còn hồng hào như xưa nữa; tất cả đã ngả màu vàng nhợt nhạt và trên thân thể của lão toàn những vẩy ghét bám chằng chịt... Hàng tuần, cứ chiều thứ

năm, mỗi lần đi qua trước mặt lão, tôi chỉ khẽ lén lại gần, quăng cho lão một hai xu vào mũ, rồi lập tức lại phải lánh xa ngay.

Sau đó, tôi còn gặp lão một lần nữa trên cầu. Đó là lúc lính cảnh sát đưa lão về khu phố Malá Strana. Và cũng là lần cuối cùng, tôi không bao giờ trông thấy mặt lão nữa.

Một buổi sáng tháng hai lạnh giá. Ngoài trời hãy còn tờ mờ; trên các ô cửa kính nước kết thành những tinh thể như những bông hoa; ánh lửa từ các lò sưởi rọi vào trông lấp lánh đỏ rực. Ngoài đường nghe có tiếng bánh xe lạo xạo, tiếng chó sủa.

“Con chạy ra mua cho mẹ hai gù sữa, nhưng nhớ quàng kín cổ lại nghe!” Mẹ sai tôi đi mua sữa.

Một thiếu phụ đứng trên xe bán sữa. Sau xe là ông Kedlický. Ngọn nến trong chiếc đèn kính hình vuông đã gần cháy hết.

“Có chuyện gì thế hả ông? Chao ôi, lão Vojtíšek chết rồi à?” Thiếu phụ hoảng hốt hỏi ông Kedlický, trong khi đó chị dừng tay không khuấy chiếc thìa gỗ vào thùng sữa nữa. Cái nghề bán sữa, tuy luật lệ cấm không được làm như vậy, song cảnh sát Kedlický có trông thấy cũng chẳng sao, tôi đã bảo, lão này hiền lắm.

“Chứ còn ai nữa”, ông Kedlický trả lời thiếu phụ. “Chúng tôi tìm thấy xác lão hồi nửa đêm ở Oujezd, lối rẽ qua trại lính. Lão chết rét, chúng tôi phải đưa xác lão vào khu nghĩa địa gần Karmelitán. Lão mặc độc một chiếc áo ngoài rách tả tơi và một chiếc quần cũ, áo lót cũng chẳng có.”

DƯƠNG TẤT TỬ dịch

# NGƯỜI ĐÀN BÀ HAY MỦ LÒNG

Ông Velš Josef là một trong những người buôn bán giàu có nhất ở Malá Strana. Tôi nghĩ cửa hàng của ông có đủ mọi thứ hàng sản xuất ở Ấn Độ và châu Phi, từ quế thơm hay xương voi thiêu làm kem đánh giày, cho đến vàng bột. Vì thế mà cửa hàng của ông ở ngoài quảng trường suốt ngày đông khách. Ông Velš ở đó cả ngày, trừ các buổi lễ lớn ở Thánh đường Thánh Vít vào ngày chủ nhật, hay những buổi diễu binh lớn của quân đoàn thị dân Praha. Ông là tay súng thiện xạ, thuộc đại đội một, nhóm thứ nhất, là người bao giờ cũng đứng thứ ba phía tay phải trung úy Nedomy. Mặc dù có hai thanh niên trẻ giúp việc và cả hai thanh niên đang học nghề, nhưng bao giờ ông cũng muốn tự bán hàng cho khách. Nếu không bán thì ông chào họ, gật gù, mỉm cười. Nói cho đúng thì ông Velš lúc nào cũng cười, ở trong cửa hàng, ở ngoài đường, ở trong nhà thờ, ở tất tạt mọi nơi. Nụ cười thường trực của người buôn bán đã làm căng hai bên má ông và không thể bỏ nó đi được. Ông có thân hình dễ ưa, beo béo, không cao, cái đầu nhỏ của ông luôn lắc lắc khi cười. Lúc ở cửa hàng, ông đội cái mũ bẹp, mang cái tạp dề bằng da. Khi ra đường, ông mặc chiếc áo khoác màu xanh dài lê thê có bộ cúc vàng, đầu đội cái mũ hình trụ tròn. Tôi có tưởng tượng chút ít về ông Velš. Khi ông còn sống, tôi chưa hề đến nhà ông, nhưng bất kỳ khi nào hình dung ông ở nhà như thế nào thì bao giờ tôi cũng thấy hình ảnh ông ngồi ở bàn, đầu không đội mũ, trên mình mang chiếc tạp dề, trước mặt ông là đĩa xúp nóng bốc hơi nghi ngút, ông chống khuỷu lên bàn, cái thìa xúp cầm trong tay nâng đến khoảng giữa đĩa xúp và nụ cười trên miệng. Và ông cứ ngồi thế như bức tượng, cái thìa cũng ở nguyên chỗ như thế. Vâng, tôi biết đó là một tưởng tượng ngốc nghếch.

Nhưng khi truyện của chúng ta bắt đầu - lúc bốn giờ chiều ngày mùng ba tháng 5 năm 184\* -, thì ông Velš đã qua đời. Ông nằm ở tầng hai bên trên cửa hàng, tại phòng khách của mình, trong một cái quan tài rất đẹp. Quan tài vẫn còn chưa đóng nắp - ông nằm đó, đôi mắt được vuốt đã nhắm lại, nhưng nụ cười vẫn còn đọng trên môi.

Đám tang được bắt đầu vào lúc bốn giờ chiều. Xe tang đã chờ sẵn trước ngôi nhà ở quảng trường. Cả trung đội thiện xạ thị dân và ban nhạc cũng đã sẵn sàng.

Phòng khách hầu như đầy người, toàn những người sang trọng của Malá Strana. Linh mục của nhà thờ Thánh Mikuláš cùng những người giúp việc sẽ tới muộn một chút, cũng giống như thói quen của mỗi người láng giềng đáng kính, để khỏi mang tiếng là vội vã chia tay với người quá cố. Không khí trong phòng bí đến nghẹt thở. Ánh mặt trời buổi chiều chiếu vào phòng, chiếu cả lên những tấm gương lớn; những ngọn nến to xung quanh quan tài tỏa ánh sáng màu vàng và khói; bầu không khí nóng nực tràn ngập mùi khói, mùi hắc của lớp sơn mới ở chiếc quan tài màu đen, ở lớp lót bên dưới xác người chết, có thể là cả mùi hôi của xác chết nữa. Cả phòng yên lặng, mọi người chỉ nói thầm với nhau. Không một ai khóc. Ông Velš không còn ai là họ hàng gần, và những người họ xa thì đều nói: “Giá mà tôi có thể khóc được - tôi đau đớn đến xé ruột xé gan, nhưng không còn nước mắt để mà khóc”... “Vâng, vâng, vì thế mà còn đau đớn hơn.”

Lúc này, một người đàn bà tên là Ruska bước vào phòng. Bà ấy là vợ góa của ông Rus, chủ quán ăn ở vườn Gráfovská, nơi thường có tổ chức các buổi khiêu vũ đẹp nhất của lính pháo thủ. Bởi vì việc bà Ruska góa chồng như thế nào chẳng bận đến ai, nên tôi chỉ xin kể ngoài lề về chuyện ấy thôi. Hồi đó, mỗi một trung đoàn pháo binh đều có một đại đội pháo thủ đặc biệt, toàn những chàng lính trẻ trung và béo tốt. Nghe nói ông Rus ghét cay ghét đắng lính của đại đội này, cũng nghe nói là vì vợ ông ấy. Bởi vậy, có một lần ông bị họ đánh cho một trận tơi bời. Nhưng mà, như tôi đã nói, điều này chẳng bận gì đến ai. Bà Ruska hưởng lương quả phụ đã hai mươi năm năm

nay, bà không có con, bà sống tại nhà riêng ở phố chợ Nông trại. Nếu có ai hỏi bà làm nghề gì, thì bà sẽ trả lời là đi viếng các đám tang.

Bà Ruska len qua đám đông để đến sát tận quan tài. Bà là người phụ nữ ở tuổi năm mươi, có vóc người to lớn và độ cao trên trung bình. Trên vai bà là chiếc khăn lụa màu đen. Cái mũ đen có viền dải lụa màu xanh lá cây nhạt đội trên đầu làm nổi lên khuôn mặt tròn trịa và trung thực của bà. Cặp mắt màu nâu của bà nhìn vào mặt người quá cố. Mặt bà rúm lại, mếu máo, hai dòng nước mắt tuôn ra. Bà nước nở khóc.

Bà Ruska lau nhanh mắt và miệng bằng một chiếc khăn màu trắng. Rồi bà quay sang phải sang trái nhìn những người phụ nữ đứng quanh. Phía bên tay trái là bà hàng nển Hirtová. Bà ấy đang tụng kinh theo Kinh Thánh. Phía bên tay phải là một người phụ nữ ăn mặc lịch sự, nhưng bà Ruska không biết người ấy. Nếu là người Praha thì người phụ nữ ấy chắc hẳn phải sống ở nơi nào đó bên kia sông. Bà lên tiếng nói với người phụ nữ ấy, tất nhiên là nói bằng tiếng Đức, bởi lẽ về phương diện dân tộc mà nói thì thời đó Malá Strana thực sự là Praha cánh tả.

“Xin trời phù hộ cho ông ấy,” bà Ruska nói, “ông ấy nằm đây mà vẫn mỉm cười như người còn sống vậy,” bà lại lau nước mắt. “Ông ấy ra đi, bỏ lại chúng ta ở đây... bỏ lại cái giàu có ở đây... cái chết thật bất công, vâng, thật bất công.”

Người phụ nữ lạ mặt không trả lời.

“Có một lần tôi đến một đám tang người Do Thái,” bà Ruska lại thầm thì, “nhưng tôi thấy họ làm rất dở. Họ che tất cả mọi cái gương, nghe bảo để dù từ góc nào cũng không ai trông thấy được người chết. Nhưng làm như thế này tốt hơn, người quá cố nằm trong quan tài, nhìn từ phía nào cũng thấy được - tôi đoán là cái quan tài này phải có giá ít nhất hai mươi *zlatý*, đẹp quá! Nhưng ông ấy xứng đáng có cái quan tài như thế, nhìn qua gương mà cũng thấy như là ông ấy đang cười với chúng ta. Cái chết chẳng làm ông ấy thay đổi gì, họa chẳng làm ông xanh xao đi một chút thôi... nhưng trông ông ấy vẫn như lúc còn sống, phải không bà?”

“Tôi không biết ông Velš lúc ông còn sống,” người phụ nữ lạ mặt trả lời.

“Không ư? Ôi chao, tôi thì lại rất biết ông ấy! Tôi biết ông ấy từ ngày ông ấy còn son trẻ, cả vợ ông ấy tôi cũng biết từ ngày bà ấy chưa lấy chồng, lạy trời cho bà ấy được lên thiên đường! Tôi còn nhớ như in ngày cưới của họ - bà ấy khóc từ sáng sớm - vâng ạ, khóc suốt một ngày, ấy là họ đã biết nhau tới 9 năm trời rồi đấy! Bà bảo thế có dở hơi không? Ông ấy đã chờ bà ấy 9 năm, nhưng giá mà ông ấy đã có thể chờ 9 lần 9 năm nữa. Bà ấy ghê lắm cơ! Vâng, bà ấy là người rất đáng ghét! Bà ấy đã nghĩ rằng bà ấy là người khôn ngoan nhất, đẹp nhất, rằng không một người đàn bà nào khác hiểu công việc nội trợ như bà ấy. Gớm, ra chợ thì mặc cả hàng giờ để tiết kiệm từng xu, ở nhà thì luôn luôn bớt nước của thợ giặt, mấy cô phụ việc chẳng bao giờ được ăn no. Còn ông Velš thì khổ vì bà ấy lắm lắm! Tôi đã thuê hai cô phụ việc trước làm ở nhà ấy nên tôi biết hết mọi chuyện. Ông ấy chẳng bao giờ được yên lấy một phút. Nghe bảo chính vì thế nên ông ấy rất cẩn thận gọn gàng, vì ông ấy rất sợ bà ấy, nghe nói ông ấy không bao giờ cãi lại, vì sợ bà ấy lại tức giận thêm. Bà ạ, chúng tôi vẫn nói là bà ấy thuộc loại người mơ mộng, và bà ấy muốn được cả thế giới thương hại. Bà ấy còn luôn kêu ca là bị chồng hành hạ. Giá chồng bà ấy vì giận dữ mà đầu độc bà ấy, thì bà ấy phải lấy đó làm điều sung sướng. Và giá ông ấy tự treo cổ thì cũng vậy, ít ra thế giới cũng thương hại bà ấy.”

Bà Ruska lại liếc mắt nhìn người phụ nữ lạ mặt, nhưng người ấy đã không còn đứng ở bên bà nữa. Vì mãi nói mà bà Ruska không để ý thấy mặt người phụ nữ lạ đứng cạnh bà mỗi lúc một nóng lên, và người ấy bỏ đi giữa lúc bà đang nói. Bây giờ thì người ấy đứng ở cuối phòng và đang nói gì đó với ông Uhmühl, nhân viên phòng kế toán của ủy ban nhân dân, người có họ với ông Velš.

Bà Ruska lại nhìn vào khuôn mặt người quá cố, lại mếu máo và lại tuôn nước mắt. “Tội nghiệp ông ấy,” bà quay sang nói to với bà Hirtová, “nhưng mà trời có mắt bà ạ, vâng, trời sẽ trừng phạt mọi tội lỗi. Mà ông Velš cũng chẳng phải là người lương thiện gì cho cam, nhưng mà thôi, chả nói đến làm

gì nữa! Giá mà ngày ấy ông ấy cưới cô Tonda, cô ấy tuy nghèo thật, nhưng một khi ông ấy đã có con với cô ấy...”

“Mụ phù thủy đã lại đến đây rồi hả?” Một giọng khàn khàn vang lên sau lưng bà Ruska và cánh tay đàn ông xương xương đặt lên vai bà. Tất cả mọi người giật mình quay nhìn bà và ông Uhmühl, lúc này đã tiến đến đứng trước mặt bà ấy. Ông giơ tay chỉ về phía cửa, nói bằng giọng khàn nhưng rõ ràng: “Ra kia ngay!”

“Cái gì thế hả?” Từ cửa, em trai ông Uhmühl cất tiếng hỏi. Ông ấy là cảnh sát trưởng, cũng là người gầy gò xương xẩu giống hệt anh trai.

“Mụ phù thủy này len vào đây nói xấu người quá cố. Mụ có cái lưỡi sắc như dao cạo ấy.”

“Thế thì cạo cho mụ ấy một trận!”

“Đám tang nào mụ ấy cũng làm thế,” có mấy người nói xen vào.

“Mụ ấy làm âm ỉ cả ở chỗ linh thiêng!”

“Nào, ra đi, nhanh lên,” ông cảnh sát trưởng ra lệnh và kéo tay bà Ruska. Bà ấy đi ra, nhưng vẫn nức nở như đứa trẻ.

“Thật là xấu xa - làm lôi thôi như vậy ở đám tang trang nghiêm như thế này,” mọi người nhận xét.

“Bây giờ thì im đi!” Ông cảnh sát trưởng lại nói, khi họ ra đến phòng ngoài, vì đúng lúc đó linh mục cùng phụ tá tới. Ông cảnh sát trưởng đưa bà Ruska đến chân cầu thang. Bà ấy cố gắng nói một điều gì đó, nhưng ông cương quyết kéo bà ra đến tận trước cửa nhà. Rồi ông bảo viên cảnh sát tuần tra: “Anh đưa bà ấy về tận nhà, kéo lại gây chuyện xấu hổ ở đám tang!”

Mặt bà Ruska đỏ rực, bà cũng chẳng ý thức được cái gì đang xảy ra xung quanh bà.

“Thật là bôi bác quá, lại đúng ở đám tang đẹp như thế!” Bây giờ thì cả ở ngoài quảng trường cũng có tiếng ồn ào.

Hai anh em ông Uhmühl đều là những người đàn ông nghiêm khắc. Giá mà Malá Strana bao trùm cả thế giới - tôi sinh ra ở đây nên cũng muốn như thế - thì sự khó chịu ngày hôm nay của Malá Strana đối với bà Ruska quá thật lên tới tầm cỡ quốc tế.

Ngày hôm sau, người ta cho triệu bà Ruska lên trạm cảnh sát ở phố Mostecká. Ở đó bao giờ cũng ồn ào. Vào mùa hè, cảnh sát thường mở cửa sổ khi làm việc, tiếng họ nói vang đi khắp cả phố. Với ai họ cũng quát tháo ầm ĩ, hồi đó không hề có chuyện cảnh sát phải đối xử lịch sự như bây giờ, hiện nay thì cái lịch sự quả là tôn thêm cho các hoạt động của họ, làm cho chúng đẹp hơn. Ông Josef, người chơi đàn hạc cầm, một nhà cách mạng danh tiếng của Malá Strana, thường đứng ở vỉa hè dưới cửa sổ trạm cảnh sát. Mỗi khi có người nào trong đám trai trẻ chúng tôi đi qua đó thì ông Josef lại nháy mắt, trở ngón tay cái lên phía trên, mỉm cười và nói: “Họ đang sửa đây.” Tôi hi vọng là câu nói ấy không biểu thị cái gì khinh thường, mà ông Josef chỉ muốn dùng lời lẽ sống động nhất để diễn đạt tình hình thôi.

Vào buổi trưa ngày mùng 4 tháng 5 năm 184\*, quàng khăn choàng và đội chiếc mũ viền dải lụa màu xanh, bà Ruska đứng đối diện với ông cảnh sát trưởng nghiêm khắc. Bà ấy trông rất đau khổ, bà nhìn chăm chăm xuống đất và không nói năng gì. Sau khi nghiêm khắc chỉ trích, ông cảnh sát trưởng bảo:

“Từ nay trở đi bà không bao giờ được đến một đám tang nào nữa, nghe chưa? Thôi, bây giờ thì bà về đi!”

Thế là bà ấy đi về. Tất nhiên, lẽ ra lần ấy ông cảnh sát trưởng phải cấm cái chết để khỏi phải cấm người đi đến đám tang.

Khi bà Ruska ra khỏi trạm, ông cảnh sát trưởng quay sang cười và nói với người cấp dưới:

“Thì cái đó cũng chẳng phải lỗi ở bà ấy. Bà ấy giống như cái cửa ấy mà, đặt dưới nó cái gì thì nó cửa cái ấy!”

“Đúng ra bà ấy phải đóng thuế vì ích lợi của người câm điếc!” Người cấp dưới nói.

Cả hai cười ầm, họ đều lại thấy vui vẻ.

Chỉ có bà Ruska là suốt một thời gian dài không làm sao trở lại vui vẻ được. Nhưng cuối cùng thì bà cũng tìm thấy lại niềm vui.

Bởi vì một nửa năm sau, bà chuyển nhà. Bà đã thuê một căn hộ ở gần cổng Oujezd. Bất kỳ một đám tang nào cũng phải đi qua nơi này. Và bất kỳ một đám tang nào đi qua, bà Ruska cũng ra đứng trước cửa nhà rồi nức nở khóc.

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# CHUYỆN PHIẾM BAN ĐÊM

Đó là một đêm tháng sáu đẹp đẽ và ấm áp. Trời đầy sao lung linh, ánh trăng sáng như bạc tràn ngập cả không gian. Tôi nghĩ ánh trăng rạng rỡ từng bừng nhất là ánh trăng trên các mái nhà ở phố Ostruhová, nhất là ở trên mái nhà yên tĩnh của hai ngôi nhà kề giáp nhau; ngôi nhà thứ nhất mang tên *Hai mặt trời*<sup>[18]</sup>, ngôi thứ hai mang tên *Tầng hầm sâu*. Đó là hai mái nhà lạ lùng, ta có thể leo dễ dàng từ mái này sang mái kia, trên đó toàn là góc ngách và máng xối. Ngôi nhà *Hai mặt trời* có mái nhà bố trí đặc biệt, gọi là mái nhà kiểu yên ngựa có hai nóc, với hai đầu hồi nhìn ra đường và hai đầu hồi ngoảnh vào sân. Nằm giữa hai nóc nhà là cái máng xối rộng, ở khoảng giữa máng có lối đi nhỏ dẫn xuống gác xép dưới mái nhà. Tất nhiên là bên trên lối xuống gác xép còn có một cái mái che nhỏ. Giống như toàn bộ mái nhà, cái mái nhỏ ấy được lợp bằng ngói kiểu sóng. Các đường sọc của ngói tạo thành hàng trăm máng xối nhỏ trên cả mái nhà. Lối đi nhỏ ấy dẫn đến hai cái cửa sổ lớn nhìn ra máng xối rộng. Cái máng xối chạy dọc suốt nhà, giống như đường ngôi chải rẽ ở giữa mái đầu của một người Praha thanh lịch.

Đột nhiên, như có tiếng chuột chít chít ở đâu đấy gần cửa sổ.

Rồi lại thế. Đồng thời, một cái đầu và cái ngực nam giới hiện ra ở cửa sổ hướng về phía vườn. Người ấy nhẹ nhàng nhảy ra ngoài và đứng ở máng xối. Đó là chàng trai khoảng hai mươi tuổi với khuôn mặt xương xương, nước da rám nắng, mái tóc đen, một chút lông tơ trên mép, cái mũi cao kết tua đội trên đầu và cái tẩu có cán đen cầm trong tay. Cậu ấy mặc cái áo khoác ngắn màu xám, áo vét màu xám và cái quần cũng màu xám. Xin thưa, đó là Jan Hovora, sinh viên ngành triết học.

“Mình giả chuột gọi, vậy mà ở đây vẫn chưa có ai,” cậu lầu bầu. Rồi cậu đi đến tận ống khói. Có một nửa tờ giấy được dán ở đó. Hovora dụi mắt ghé gần lại nhìn.

“Có ai đã ở đây, có ai đã đổi...”, cậu lại lầu bầu, “không... không đổi, đây vẫn là mảnh giấy của mình. Nhưng mà...”, cậu nhìn sát lại hơn nữa, rồi đập tay lên trán. “Mặt trời hút mất bài thơ của mình. Tội nghiệp Kupka, ngày mai là ngày tên thánh của cậu ấy, thế mà hôm nay chẳng được ai chúc mừng. Thế mà mình đã có sáng kiến tuyệt vời như vậy, chính Đức Thánh Antonín đã gợi ý cho mình!” Cậu giật mảnh giấy, vo viên rồi ném qua mái nhà.

Cậu ngồi xuống, nhồi tấu và châm lửa hút rồi nằm ngả người trên lớp ngói còn ấm, tựa chân vào máng xối.

Lại có tiếng chút chút giả tiếng chuột, Hovora chút chút đáp lại, nhưng không ngoảnh đầu lại. Một thanh niên xuất hiện trên máng xối. Đó là một chàng trai có vóc dáng nhỏ bé, da nhợt, tóc sáng màu, đầu đội cái mũ màu xanh của quân đoàn sinh viên năm 1848, trên người mặc áo khoác, quần sáng màu, miệng ngậm điếu xì gà đang cháy.

“Chào Hovora!”

“Chào Kupka!”

“Cậu làm gì vậy?” Kỹ sư tương lai Kupka chậm rãi ngả người xuống bên cạnh Hovora.

“Làm gì đâu. Tớ vừa ăn khoai tây nghiền, bây giờ nằm chờ xem lúc nào bắt đầu cảm thấy ấm ách đây. Còn cậu, đã ăn chiều với gì?”

“Tớ đã ăn chiều như ông trời.”

“Thế ông trời ăn chiều với gì?”

“Chẳng với gì.”

“À vậy! Mà sao cậu cứ ngó ngoáy mãi thế?”

“Ấy, tớ muốn cởi giày. Chúng mình cần có cái đôn giày ở đây. Ít ra thì phải có đồ vật đó.”

“Cái đôn giày không phải là đồ vật, nó là thành viên trong gia đình!” Hovora lười biếng quay đầu sang phía Kupka. “Ôi trời,” Hovora tiếp tục, “cậu hút cái gì thế hả? Thuốc rê tiền hả? Hay là chính cậu còn rê hơn nó đấy?”

“Dù sao thì tớ cũng rất thích cái không gian này của chúng mình... nó thật là đẹp.” Kupka nói.

“Lại rê nữa!”

“Ừ, phòng càng lớn thì càng rê. Ông trời có không gian lớn nhất thành ra không phải trả gì cả.”

“Này, trước ngày ăn mừng lễ tên thánh, xem ra cậu có vẻ ngoan đạo đấy.”

“Mái nhà, mái nhà... tình yêu của tôi!” Kupka nói và vung cái tẩu trong không khí. “Giá mà thợ thông ống khói không nhìn cuộc sống bằng cái nhìn một chiều màu đen thì chắc là tớ phải phát ghen với họ.”

Xen giữa những lúc im lặng, hai người cứ thăm thì nói chuyện băng quơ như thế. Thật là lạ, khi ở trong rừng sâu, trên núi cao, hay lúc có một mình, người ta thường tự nhiên nói bằng giọng thăm thì như vậy.

“Đêm hôm nay tuyệt quá,” Kupka lại khen. “Im ắng vô cùng!... Chỉ có tiếng nước ào ào chảy qua đập dưới sông và tiếng chim họa mi thánh thót vui vẻ trên đồi Petřín! Cậu có nghe thấy không?”

“Ờ, ba ngày nữa là hết nửa đầu tháng sáu, hết cả tiếng họa mi. - Chúng hót mới hay làm sao! - Có các vàng thì tớ cũng chẳng thèm ở bên Thành phố Cổ!”<sup>[19]</sup>

“Đúng thế! Ở bên ấy có đi hàng dặm đường cũng chẳng gặp được con chim nào. Giá mà thỉnh thoảng không mua đùi ngỗng quay ở chợ thì chắc chẳng ai biết con chim có hình dáng thế nào.”

“Đến bây giờ mà mới chỉ có hai người thôi ư?” Có tiếng nói giọng nam trung vang lên ở bên cửa sổ.

“A, anh Novomlýnský... xin chào anh!” Kupka và Hovora đồng thanh.

Novomlýnský, người đàn ông ngoài ba mươi tuổi, từ từ bò ra khỏi cửa sổ đến máng xối.

“Quý tha ma bắt các cậu!” Người ấy chậm chạp đứng lên và lầu bầu, “trèo leo cái kiểu này tớ chịu, không quen được.” Novomlýnský là người khá béo có tầm cao trên trung bình, có khuôn mặt rám nắng tròn trặn, đôi mắt xanh luôn cười cười và bộ râu rậm. Anh mặc chiếc áo khoác màu đen, cái quần sáng màu, và cũng đội mũ tua.

“Này, tớ mặc áo khoác, không thể nằm lên mái ngói như các cậu được đâu... ngồi dậy cho tử tế đi!”

Kupka và Hovora ngồi dậy, họ nhoẻn cười và nhìn Novomlýnský một cách quý mến. Rõ ràng Novomlýnský là người già dặn hơn và chỉ huy họ. Anh ngồi bên mái ngói đối diện với họ và đốt điếu xì gà.

“Các cậu đang làm gì vậy?”

“Em đang ca ngợi Malá Strana ạ,” Hovora trả lời.

“Còn em đang ngắm trăng,” Kupka nói, “ngắm người đàn ông đã chết với trái tim còn đập...”

“Bây giờ thì ai cũng mơ mộng ngắm trăng,” Novomlýnský toe toét cười. “Cứ thử bắt các cậu đến công sở làm việc tính toán như tớ mà xem!” Trong tiếng nói vang của anh ấy hoàn toàn không có chút gì gượng ép, không có chút gì lo sợ. Giá có ở trong rừng sâu, nơi vắng vẻ hay trên núi thì chắc anh ấy cũng cứ sẽ nói bằng giọng thẳng thắn y hệt như vậy. “Thế nào, có gì mới không?... Này, nghe bảo hôm qua cậu Jakl suýt chết đuối ở gần guồng nước, có đúng không?” Trên khuôn mặt anh ấy lại rạng rỡ nụ cười.

“Đúng thế,” Hovora gật đầu cười, “nó bơi nặng nề như bị cột đá ở chân. Vừa đến gần chỗ em thì nó bị trượt xuống,... nước ùng ục ghê lắm, rồi

nổi bọt... chúng mình đã phải kéo nó lên, Kupka nhỉ! Em hỏi nó đã nghĩ gì khi bị chìm xuống nước, nó bảo là nó đã bật cười, vì thế mà có tiếng nước ùng ục.”

Cả ba cùng cười, tiếng cười của Novomlýnský vang như tiếng chuông.

“Thế hôm nay có gì ồn ào ở nhà bà giáo đấy?” Novomlýnský lại hỏi. “Cậu đã ở đó, phải không Hovora?”

“Chuyện rất thú vị,” Hovora nói và nhoẻn cười. “Cô giáo phát hiện ra là chồng cô có một bức thư giấu trong ngăn kéo bàn. Một bức thư đầy tình yêu nồng nhiệt do chính tay cô viết. Cô đã gửi cách đây hai chục năm, vậy mà hôm nay cô tìm thấy nó vẫn còn niêm phong chưa mở. Anh thử tưởng tượng xem cô đã tự ái đến mức nào!”

“Vở hài kịch một màn,” Novomlýnský bật cười. Anh đuổi chân ra rồi gọi Kupka. Trong khi Novomlýnský nói chuyện với Hovora thì Kupka đi ra đến cuối máng xối, hơi nghiêng người để nhìn xuống chỗ nào đó dưới sân. Bây giờ thì cậu ấy trở về chỗ ngồi, có vẻ hài lòng về chuyến đi thám hiểm của mình.

“Ma lực nào cứ kéo cậu ra chỗ ấy, hả? Cậu nhìn cái gì ở dưới đó? Không khéo rồi lại ngã xuống lần nữa cho mà xem!”

“Nhìn cái gì ư? Em nhìn ông thợ sách. Anh không biết thôi, chứ ông ấy đã hai chục năm nay tối nào cũng ngồi đọc tiểu sử của ông Jan Hus<sup>[20]</sup>, lần nào cũng vừa đọc vừa khóc. Em ra đấy xem tối nay ông ấy đã khóc chưa, nhưng ông ấy vẫn chưa khóc!”.

“Rõ dở hơi, giá mà các cậu để ý đến cái gì khác ông thợ sách.” Novomlýnský búng ngón tay. “Các cậu đã thấy cô vú em mới ở bên nhà ông thợ gốm chưa? Rất trẻ trung tươi mát nhé! Nhưng mà cô ấy thì cũng như con bướm, đậu rồi lại bay thôi.”

“Anh Novomlýnský giống như bà nội trợ đảm đang, cái lo lắng lớn nhất là lo lắng về các cô giúp việc.”

“Ừ, lo lắng chứ, thậm chí còn thiếu ngủ nữa. Buổi sáng mới 5 giờ đã phải ra phố rồi, những cô giúp việc xinh đẹp nhất đều đi lấy nước rất sớm, để không ai trông thấy họ xách nước.”

“Các cậu im đi. Tớ dễ ngủ nên dậy sớm được. Vả lại,” Novomlýnský chậm rãi gạt tàn xì gà vào mái ngói và khoe khoang, “qua rồi, cái thời ấy qua rồi! Nhưng trước đây tớ là người hết sức lịch thiệp. Ừ, quả thật đến bây giờ, vấn đề của tớ là tớ luôn luôn gặp may ở lũ con gái. Tớ rất đẹp trai, nhưng cái đó đâu phải là lỗi của tớ? Giá mà lũ chó con các cậu được nhìn thấy tớ như thế nào! Khi mà tớ tỏ tình thì trông tớ rất ghê. Nhưng mà thôi,” anh ấy nói nhanh hơn, “các cậu làm cái gì cho tớ vui đi! Hôm nay đến lượt ai đưa ra chủ đề?”

“Cậu Jakl ạ.”

“Thế thì cậu ấy chắc sẽ không đến,” Novomlýnský nói một cách chắc chắn. “Một dạo, chúng tớ có một hội thường đi ăn chiều cùng nhau, mỗi bữa một người trả tiền. Nhưng có một cậu khi đến lượt trả tiền thì không bao giờ đến.” Anh ấy ngẩng đầu nhìn sang nóc nhà đối diện. “Ồi, người chết đuối đến rồi kìa!” Anh ấy giả bộ kinh hoàng. Kupka và Hovora quay nhanh sang nhìn.

Trên nóc bên kia, một cái chòm mũ nhô lên, dưới mũ là gương mặt đỏ với nụ cười rộng đến mang tai.

“A, Jakl! Xuống đây, xuống đây nhanh lên!” Tất cả mọi người cùng gọi.

Jakl từ từ leo lên nóc. Hai vai hiện ra, rồi ngực, rồi cái bụng. “Gớm, leo mãi mà vẫn không thấy hết người,” Novomlýnský lẩm bẩm, “cậu này là người hiện ra từng đoạn.”

Bây giờ thì cái chân bên phải được vắt sang nóc, sau đó là chân trái, rồi cả người Jakl trượt đánh sầm từ mái ngói xuống đến máng xối, chỗ các bạn đang ngồi. Mọi người phá lên cười. Hình như cả cái mái nhà cũng cười, thậm chí cả mặt trăng trên trời cao kia cũng vậy.

Nhưng người cười nhiều nhất lại chính là Jakl. Cậu ấy nằm sấp, đập đập cả hai mũi giày vào lòng máng xối.

Mọi người phải đập, phải kéo mãi Jakl mới ngồi dậy. Cậu ấy ngồi dậy rất chậm rãi, vuốt ngay ngắn chỉnh tề cái áo khoác mùa hè màu vàng vàng của mình. “May không bị một vết sồn nào,” cậu ấy hài lòng nói, rồi ngồi xuống bên cạnh Novomlýnský.

“Thế nào, cậu nghĩ ra được trò chơi gì cho tối nay đây?”

Jakl kéo tay ra đến giữa hai đầu gối, gập người về phía trước rồi lại ngả về phía sau và thông thả nói “Em nghĩ là mỗi người chúng ta sẽ nói về kỷ niệm xa xưa nhất trong cuộc đời mình. Các cậu ạ, kỷ niệm mà...”

“Tớ biết ngay là hẳn sẽ nghĩ ra chuyện ngớ ngẩn,” Novomlýnský chêm vào. “Ồi trời, sinh viên tốt nghiệp trường Luật, đã qua đến mấy kỳ thi nghiệp vụ, ấy thế mà...”

“Thì cả anh cũng đâu có khôn ngoan ngay từ lúc lọt lòng,” Jakl cự lại.

“Tớ ấy à? Tớ nằm trong bụng mẹ mười sáu tháng, khi chào đời là tớ đã biết nói rồi. Tớ đã theo học hai mươi tư trường La-tinh, mỗi một từ tớ nói bố tớ phải trả bằng giá hai mươi xu đấy!”

“Này, tớ cho là ý nghĩ ấy chắc không phải là ngớ ngẩn đâu,” Holora nói và gõ tàn thuốc, “chúng mình thử chơi đi xem nào! Jakl này, hẳn là cậu đã nhớ ra kỷ niệm xa xưa nhất của mình rồi chứ?”

“Tớ ư? Tất nhiên rồi,” Jakl khẳng định và tiếp tục dùng đưa người một cách bình thản. “Tớ nhớ một việc xảy ra khi tớ chưa đầy hai tuổi. Khi ấy bố tớ không có nhà, mẹ tớ có việc phải sang bên kia đường nhưng không mang tớ đi theo được. Thế là tớ ở nhà một mình, nhà lại chẳng có cô giúp việc nào. Để tới khỏi buồn, mẹ tớ đã mang vào phòng cho tớ một con ngỗng nhà đang nuôi. Ở nhà một mình sợ quá, tớ đã ôm chặt cổ con ngỗng mà khóc, còn nó thì cũng sợ nên cứ quàng quạc kêu - một cảnh đẹp, có phải không?”

“Ồ, rất đẹp,” Novomlýnský nói to.

Lúc đó, tất cả đều im lặng suy nghĩ. Hovora đánh diêm ba lần để hút thuốc, nhưng lần nào cũng chỉ đặt que diêm đang cháy vào tẩu, rồi lại để nó cháy hết mà quên không hút. Bây giờ thì tự nhiên cậu ấy hút một hơi dài rồi nói: “Tớ cũng đã nhớ ra một kỉ niệm rồi! Tớ cùng với bố vào tu viện dòng nữ thánh Ursula. Các nữ tu sĩ đã đặt tớ ngồi lên đùi mình và hôn tớ.”

“Cái đó còn đẹp hơn cả con ngỗng,” Novomlýnský lại nói. “Còn cậu, có gì hay như vậy không, hả Kupka?”

Kupka bật cười. “Ông nội tớ trước đây là người chuyên đi rung chuông nhà thờ ở Rakovník. Hồi đó, ông đã rất già rồi. Một hôm, ông nghĩ là sẽ tự rung chuông báo cái chết của mình, sau đó ông đi về nhà, nằm xuống giường rồi chết. Cả nhà đưa tớ đến chỗ ông nằm. Lúc này ông đã được thay quần áo, chân mang đôi tất trắng. Tớ tới để hôn vào ngón chân cái của ông, cũng chẳng biết thế là tục gì. Rồi tớ ngồi chơi ở chỗ ông thợ đóng quan tài, ông ấy ở cùng nhà và đang đóng quan tài.”

“Thật là kỉ niệm tuyệt vời!” Jakl vui vẻ nói. “Còn bây giờ thì đến lượt anh Novomlýnský!”

Novomlýnský nhăn nhó im lặng, nhưng cuối cùng thì cũng cất tiếng. “Tớ... tớ không có một kỉ niệm xa xưa nào cả. À, có lẽ có hai kỉ niệm, nhưng mà... nhưng mà tớ chẳng biết kỉ niệm nào cũ hơn. Tớ nhớ là ngày ấy gia đình tớ dọn nhà, chỉ đến khi mọi người chuyển cái nôi của tớ ra ngoài thì tớ mới chịu rời nhà cũ. Một lần khác, tớ đã nói với em gái một từ bậy... các cậu phải biết đó là một từ rất bậy. Tớ bị mẹ cho một cái tát, rồi bị phạt đứng phía sau đàn piano. Đúng ra thì trẻ con là những sinh linh đặc biệt... chúng là hình ảnh buồn cười của người lớn! Chúng ngốc nghếch, chúng thờ ơ với những hậu quả của hành động và bao giờ cũng thật sự tin vào thiên thần hộ mệnh. Quyển kinh thánh đầu tiên của tớ là quyển viết bằng tiếng Đức. Nhưng mà ngày ấy tớ đâu có biết một từ tiếng Đức nào... cả năm tớ cứ theo quyển ấy để cầu nguyện, *Gebet für schwangere Frauen*<sup>[21]</sup>... ấy vậy mà chẳng có cái gì xảy ra với tớ cả.”

Jakl lại đập đập chân vào máng xối. Novomlýnský hài lòng nhìn cậu ấy. “Các cậu thấy chưa? Tớ thích Jakl ở chỗ ấy. Cứ pha một câu đùa là thấy ngay hiệu quả ở cậu ấy.”

“Không, em đâu cười câu pha trò của anh.” Jakl bào chữa. “Em đã nghĩ ra một cái rất ngớ ngẩn! Đây, người La Mã cổ đại cũng có con, phải không?”

“Dĩ nhiên rồi.”

“Chắc là những đứa trẻ ấy ngay lúc nhỏ cũng không biết nói như nhà triết gia và hùng biện Cicero, chắc chúng cũng bập bẹ học nói như trẻ con của chúng ta, phải không? Các cậu thử tưởng tượng tiếng La-tinh cổ bập bẹ mà xem. *Hanibaj ante pojtas! Hanibaj ante pojtas*<sup>[22]</sup>... ôi trời đất ời, he he, hô hô!”

Jakl đập đập chân vào máng xối dữ dội hơn. Tất cả lại phá ra cười, cả mái nhà, cả mặt trăng và các ngôi sao trên trời cũng như đang khanh khách cười: “*Hanibaj ante pojtas.*”

“Jakl hôm nay xem ra rất vui vẻ,” Hovora nói.

“Đúng thế đấy,” Kupka ngồi bên cạnh khẳng định, “vì sao vậy nhỉ?”

Jakl đã trấn tĩnh lại. Cậu ấy ngồi thẳng người lên, nhìn thẳng vào Kupka.

“Ờ, vì sao ư? Mà vì sao lại không nói để các cậu biết... chẳng gì thì tớ cũng thấy phải nói... mà đúng thế, tớ sẽ nói! Tớ đang yêu... à, đúng ra tớ không yêu nữa... nhưng mà tớ sẽ lấy vợ... mà cũng không phải... quả là tớ không biết nói thế nào cho nhanh gọn.”

“Có đẹp không?” Kupka hỏi nhanh.

“Chẳng lẽ cậu ấy lại làm việc tội lỗi đối với các bạn tốt nhất của mình là đi lấy vợ xấu ư?” Hovora bênh bạn.

“Lấy vợ... e hèm! Tớ thì cũng muốn cuộc sống gia đình, nhưng ở đâu tớ cũng gặp chướng ngại vật là các ông chồng,” Novomlýnský lại nói. “Vì tiền

ư?”

“Tiền bạc gì! Tớ không nói đến tiền, cũng chẳng hỏi về của hồi môn. Chỉ cần vài năm không kiếm ra tiền là mất hết vào ăn uống thôi mà.”

“Vẫn còn trẻ thế mà đã cao thượng thế!”

“Nhưng cô ấy là ai vậy?” Tất cả đồng thanh hỏi.

“Lizinka.”

“Lizinka nào?”

“Con gái ông thợ may Perálek ở phố Senovážná... các cậu có biết không?”

“Biết chứ!” Hovora khẳng định. “Nhà ấy có ba cô con gái. Cô lớn nhất là Marie... tớ không thích cô ấy một tí nào. Bao giờ nhìn, tớ cũng thấy cô ấy đang ngáp. Tiếp theo là Lizinka, rồi Karla là cái cô gầy khô.”

“Khô đến nỗi mà khi muốn mím môi lại thì phải nhấm hàm răng bằng nước bọt đã. Ấy thế mà cô nàng lại đi lấy chồng sớm nhất,” Kupka lấy làm ngạc nhiên.

Novomlýnsky, người có kinh nghiệm, giơ ngón tay giảng giải:

“Các cậu hãy nhớ là nhà nào có ba chị em thì bao giờ cô xấu nhất cũng đi lấy chồng trước nhất!”

“Lắm lời quá, các cậu lắm lời quá!” Jakl lầu bầu. “Cái tớ ghét nhất là khi người nào đó nói nhiều, làm tớ chẳng có cơ hội để nói!... Ừ, Lizinka đẹp.”

“Tớ cũng nghĩ thế!”

“Thế yêu nhau bao nhiêu lâu rồi?”

“Để tớ tính... đến năm nay là mười tám năm.” Trên gương mặt Jakl thoáng vẻ đùa cợt châm biếm. “Tớ dạo ấy học lớp hai, cô bé học lớp một ở lớp bên cạnh. Tớ làm quen với cô ấy vào dịp mùa đông và yêu ngay lập tức... yêu suốt đời! Đó là cô bé rất đáng yêu! Bé có đầu óc rất thông minh,

mái tóc dài bện đôi, hai má tựa như hoa hồng. Bé đội cái mũ lụa xanh, mặc chiếc áo khoác màu xanh vàng. Ở cặp sách của bé có thêm một con chó nhỏ màu trắng trên bầu trời xanh... trời đất à, một con cún con! Bé cũng không nghĩ ngợi lâu về tình cảm của tớ đối với bé. Một lần, tớ lấy can đảm tấn công, tớ nắm tuyết thành từng nắm rồi ném bé, và khi bé bỏ chạy thì tớ đuổi theo, giật cái mũ của bé. Từ đấy bé luôn cười với tớ và hiểu tớ. Tất nhiên, tớ vẫn không dám nói gì với bé, nhưng ném tuyết vào bé thì tớ hay ném.

Hai năm sau, tớ đã dạy thêm cho một thằng bé lớp dưới, nhà nó ở ngay cuối phố Senovážná. Ngày nào tớ cũng đi qua nhà ông Perálek, Lizinka thường đứng ở trước cửa nhà. Mái tóc sáng màu buông xõa, không mang áo khoác, trong lúc ấy, bé mới sinh làm sao! Đôi mắt xanh trong sạch ngây thơ của bé luôn vui vẻ nhìn tớ; và không biết làm sao, lần nào tớ cũng đỏ mặt. Tớ và bé dần dần thân nhau hơn. Một lần đi qua, thấy Lizinka đứng đó và ăn bánh mì phết bơ, tớ thu hết can đảm dừng lại. “Cho xin một miếng nào,” tớ nói. “Này đây!” Lizinka nói và bẻ cho tớ một mẫu bánh. “Cho miếng to hơn kia,” tớ trêu. - “Thế thì hết mất! Em đang đói!” Lizinka cười duyên dáng. Tớ sung sướng đi tiếp, rồi từ chỗ xa, tớ giơ miếng bánh được cho để Lizinka nhìn thấy. Đáng tiếc là ngay sau đó, bố mẹ thằng bé tìm một thầy phụ đạo khác cho nó, họ viện lý lẽ ngốc nghếch là tớ và nó chỉ chơi thôi chứ chẳng học hành gì.

Thế là băng đi mất mười lăm năm, tớ và Lizinka không gặp nhau. Cho đến tận năm nay. Hôm ấy là chủ nhật, ngày mừng một tháng năm; tự nhiên tớ thấy phải đi chơi chỗ nào đó ở bên ngoài trung tâm. Tớ cũng chẳng biết vì lý do gì, bởi vì đối với tớ thì tất cả mọi cổng thành của trung tâm có đóng cửa cả năm cũng chẳng sao, nhưng lần ấy có lẽ là vì sức hút của trái tim! Hôm ấy, tớ đi ra đồi Šárka. Tớ thấy ông bà Perálek đang ngồi ở đó cùng cô Marie và Lizinka. Cô ấy như đóa hồng đang hé nở! Đôi bờ vai đẹp một cách yếu điệu. Ánh mắt vẫn ngây thơ trong sạch như thuở còn trẻ con cách đây mười tám năm trời.

Ở bàn cạnh chỗ tớ ngồi, người ta đang nói xấu ông Perálek. - “Khi nói, hẳn cứ chỉ tay lên đầu, để cho mọi người tưởng là hẳn đang suy nghĩ, thật là

đồ gỗ, sao mà ghét thế!” Một người nói. - “Nghe bảo hẳn tất mấy đứa con gái hẳn, khi mà không có ai đến mời chúng khiêu vũ,” một người khác thêm vào. Tó đứng dậy. Tội nghiệp Lizinka! Bên cạnh đó, mấy đôi nam nữ đang khiêu vũ. Các cậu biết đấy, tó đâu có thích khiêu vũ. Tó hơi lêu nghêu, làm sao mà nhẹ nhàng uyển chuyển được. Nhưng mà kệ, muốn ra sao thì ra! Ngồi cùng bàn với gia đình ông Perálek là một ông già... ờ, cái ông thuyền trưởng đã về hưu ấy tên là gì nhỉ? À, phải rồi, tên là Vítek! Ông ấy đang nói chuyện rất sôi nổi với cô Marie. Chúng tôi có quen biết nhau. Tó đi đến bàn ấy, chào gia đình ông bà Perálek. Lizinka mỉm cười rồi đỏ mặt. Một lúc sau, tó mời cô ấy khiêu vũ. Cô ấy nhìn bà mẹ và hứa với tó là sẽ cùng tó nhảy điệu cadri, nhưng sẽ không nhảy vòng quanh. Đó là điều may cho tó. Suốt lúc nhảy, chúng tó đã lặng im, nhưng sau đó, khi đi dạo dọc bờ suối, chúng tó đã nói chuyện. Tó hỏi cô ấy có còn biết tó là ai không. Cô ấy nghiêng đầu sang một bên, rồi cứ thế đưa con mắt ngây thơ trong trắng nhìn tó. Lập tức, tó lại thấy mình như đứa trẻ ngày nào, tó đã nói về những năm tuyết, về con cún con, về miếng bánh mì được bé cho. Tó có cảm giác chắc chắn cô ấy cũng cảm thấy như vậy. Rồi tó tiễn họ về nhà. Lizinka mệt mỏi bước, tó đã dìu cô ấy đi. - “Thế, thế, người trẻ đi với người trẻ,” ông Vítek nói. Sao tó thấy ông ấy khó chịu đến thế! Quả thật, khi mà người ta yêu, người ta thường thấy tự ái cả vì lời nói tốt đẹp.

Mấy hôm sau, tó nhận được thư của Lizinka. Thư viết bằng tiếng Đức, cô ấy hẹn gặp tó vào lúc ba giờ ở nhà thờ Thánh Mikuláš. Tó run cả người vì sung sướng. Chúng tó đã đi từ nhà thờ sang vườn Valdštýnská. Ở đấy, chúng tó đã thề là sẽ mãi mãi yêu nhau. Tó hứa với cô ấy là đến tháng tám tó sẽ tốt nghiệp, rồi hai năm nữa thì sẽ cưới cô ấy. Sau đó, cô ấy đưa tó về nhà giới thiệu với bố mẹ. Tó nhận thấy ông Perálek là người rất dễ chịu và bà Perálek là người đàn bà khôn ngoan, tó chỉ không thích cô Marie, cô ấy cứ nhìn tó bằng con mắt là lạ thế nào ấy.

Ngay sau đó, tính đến nay thì cũng đã được bốn tuần rồi, Lizinka phải vội đi Klatovy để đến với bà cô đang sắp chết.

Ngày hôm qua, bạn của tớ là anh Bureš, sinh viên trường Y, đến chơi. Anh ấy hỏi tớ: “Cậu có biết cô Lizinka Perálková không?”. “Biết chứ!” - “Hôm nay cô ấy sinh con trai ở nhà hộ sinh.”

Mặc dù cho đến lúc này, ba người bạn đều hồi hộp nghe kể chuyện, nhưng câu cuối cùng họ hầu như không nghe nữa, cả ba chợt giật mình nhìn về phía cửa sổ.

“Rồi buổi trưa, ông thuyền trưởng già Vítek đã lên trên nhà để hỏi thăm sức khỏe cô ấy, để hỏi xem cô ấy sinh con trai gái,” Jakl nói thêm.

“Suyt! Mấy đứa con gái giúp việc đang nghe trộm chúng mình đấy... chúng đang khúc khích cười đấy,” Novomlýnský đột nhiên nói thầm. Anh ấy đứng dậy, chạy hết sức nhanh về phía cửa sổ, rồi biến mất. Kupka và Hovora chạy liền sau anh ấy.

Mặt trắng như nhồi xuống lắng nghe, hình như là chị Hằng cũng nghe thấy ở dưới mái nhà tiếng rên nhỏ nhẹ của đám con gái, rồi tiếng chút môi.

Có lẽ Jakl cũng nghe thấy tiếng gì đó tương tự. Cậu ấy lại lặng lẽ thu hai cánh tay dài vào giữa hai đầu gối, đu đưa người về phía trước rồi lại về phía sau và lẩm bẩm: “Ăn trộm vào ban đêm thì tội còn nặng hơn.”

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# BÁC SĨ HẠI ĐỜI

Không phải bao giờ người ta cũng gọi ông ấy như vậy, mãi cho đến khi xảy ra một việc. Nhưng việc ấy lại là việc lạ lùng đến mức mà báo chí đã viết về nó. Ông ấy có cái tên rất khác thường, nhưng bây giờ tôi không nhớ ra, chỉ biết họ của ông là Heribert. Ông Heribert là bác sĩ, nhưng đúng ra thì ông chỉ là người đã tốt nghiệp trường Y, chứ ông chưa hề chữa bệnh cho ai và chữa cái gì. Có lẽ chính ông hẳn cũng phải tự thú rằng, kể từ sau khi là sinh viên phải đi thực tập ở bệnh viện cho đến nay, ông chưa chạm tay vào một người ốm nào. Chắc hẳn ông sẽ tự thú về điều đó, giá mà ông đã nói chuyện với ai. Nhưng ông ấy lại là một người hết sức lạ lùng.

Bác sĩ Heribert là con trai của một thầy thuốc rất được ưa chuộng ở Malá Strana. Mẹ của bác sĩ Heribert mất sớm; trước ngày bác sĩ Heribert tốt nghiệp không lâu, cha của ông cũng qua đời. Cha của bác sĩ Heribert để lại cho ông ngôi nhà hai tầng ở phố Oujezd, có lẽ cũng để lại cả một số tiền, nhưng không nhiều. Bác sĩ Heribert sống ở ngôi nhà ấy. Hai cửa hàng ở tầng một hướng trông ra đường và căn hộ cho thuê ở tầng hai mang lại cho bác sĩ một chút tiền nhà. Bản thân ông ở tầng hai phía trông ra sân. Một cái cầu thang dẫn từ sân lên phòng ông, nhìn nó đặc biệt vì không được che dẫy gì, chỉ có một bức rào mắt cáo bằng gỗ chắn ở phía dưới. Tôi không biết phòng của ông thế nào, nhưng tôi biết là ông sống rất đơn giản. Vợ của ông chủ cửa hàng tạp hóa dưới tầng một là người giúp việc của bác sĩ, và Jozífek, con trai bà ấy, là bạn của tôi. Nhưng mà đã từ lâu rồi, chúng tôi không còn là bạn của nhau nữa, bởi vì Jozífek được làm người đánh xe ngựa cho Tổng giám mục và trở nên rất kiêu ngạo. Jozífek đã kể cho tôi nghe là bác sĩ Heribert thường tự chuẩn bị bữa ăn sáng, buổi trưa thì đi ăn một quán ăn rẻ tiền nào đó trong Thành phố Cổ, còn bữa chiều thì ăn uống rất qua loa.

Giá mà muốn thì bác sĩ Herbert đã có thể giành được nhiều cảm tình của mọi người ở Malá Strana. Sau khi cha ông mất, tất cả các bệnh nhân của cha đều chuyển sang tin cậy ông, nhưng ông không nhận chữa cho một ai, bất kể đó là bệnh nhân giàu hay nghèo, ông cũng chẳng đi khám bệnh ở đâu cả. Dĩ nhiên là dần dần người ta thôi không tin tưởng gì vào ông nữa, họ bắt đầu coi ông như một người mà họ gọi là “sinh viên hư hỏng”, sau đó họ cười nhạo báng ông: “Ôi chao, bác sĩ gì người ấy... con mèo nhà tôi mà có ốm thì tôi cũng chẳng để ông ấy chữa đâu!” Tất nhiên, bác sĩ Heribert không lấy điều đó làm tự ái chút nào. Xem ra, ông chẳng hề quan tâm đến ai. Ông không chào hỏi ai, cũng không đáp lại ai khi được người ta chào. Khi đi ngoài đường, ông tựa như chiếc lá khô bị gió thổi, lăn lóc từ chỗ này sang chỗ kia. Ông có vóc người bé nhỏ, chỉ khoảng mét rưỡi, bao giờ ông cũng cố gắng đi cách xa mọi người ít nhất là hai bước. Ấy là nói về cách đi lại của ông. Còn về hình dạng thì ông có đôi mắt xanh đầy vẻ nhút nhát sợ hãi, giống như cặp mắt của con chó bị đá. Ông có bộ râu màu nâu sáng rậm rạp che kín má. Theo con mắt nhìn thời đó thì để râu ria xồm xoàm như vậy là không đứng đắn chút nào. Vào mùa đông, khi mặc chiếc áo khoác màu xám kiểu áo lao động của thợ xay bột mì, cái đầu nhỏ đội mũ trùm tai của ông lọt thỏm xuống vành cổ áo giả lông thú. Vào mùa hè, khi mặc bộ quần áo màu xám hay áo kẻ ô nhẹ, hay mặc bộ đồ vải lanh mỏng hơn, cái đầu ông lại lắc lư như được cắm trên cái núm quả mướp đắng. Cũng vào mùa hè, cứ bốn giờ sáng là ông đã cắp sách đi vào vườn cây ở sau tường thành Marian, đến một cái ghế dài ở góc xa nhất để ngồi đọc. Có lần, có một người hàng xóm xởi lởi ở Malá Strana đến ngồi cạnh ông và bắt chuyện, nhưng bác sĩ Heribert liền đứng lên, gập sách lại rồi bỏ đi mà không đáp lại một lời. Thế là dần dần người ta bỏ mặc ông. Vâng, cách cư xử của bác sĩ Heribert đã đi đến mức mà cho dù ông mới chỉ khoảng bốn mươi, nhưng chẳng một cô gái nào ở Malá Strana còn để ý đến ông nữa.

Thế nhưng có một việc đã xảy ra, như tôi đã nói là thậm chí sự kiện ấy được đưa lên báo! Tôi muốn kể về chuyện đó.

Hôm đó là một ngày tháng sáu tuyệt đẹp. Đẹp đến mức ta có cảm giác là nụ cười của sự hài lòng tuyệt đỉnh đang nở rộng ở trên trời, ở dưới đất và trên môi của tất cả mọi người. Buổi chiều hôm đó, có một đám tang rất đẹp đi từ phố Oujezd ra tới cổng thành. Người ta tiễn đưa ông Schepeler, viên chức của sở kế toán thành phố. Xin trời tha tội, nhưng quả thật tôi có cảm giác là nụ cười hài lòng kia cũng có mặt cả ở đám tang này. Tất nhiên là không thể nhìn thấy mặt người quá cố, bởi chúng ta không có tục như các dân tộc ở phía nam. Ở đó, người ta đưa người quá cố ra nghĩa trang trong quan tài để ngỏ, có thể là để trước khi vào mộ, người quá cố còn được sưởi nắng lần cuối cùng. Nhưng nếu bỏ qua cái nghi thức tang lễ trang nghiêm cần có, ta không thể không nhìn thấy vẻ mãn nguyện của những người đưa đám, vẻ mãn nguyện thể hiện trên từng bộ phận cơ thể họ, trong cái đẹp tuyệt vời của ngày hôm ấy!

Người hài lòng nhất là các thực tập viên của tòa thị chính, họ được khênh kiệu mang quan tài ông Schepeler. Họ tranh nhau để được làm việc đó. Hai ngày trước khi đưa tang, họ bồn chồn náo nức chạy đi chạy lại ở công sở. Bây giờ thì họ hãnh diện bước dưới kiệu, ai cũng tin tưởng rằng ánh mắt của cả thế giới đang tập trung vào mình, và cả thế giới đang tự nhủ: “Đây là những thực tập viên của tòa thị chính!” Người hài lòng nữa bác sĩ Link, một người cao lênh khênh. Chỉ sau tám ngày chăm sóc ông Schepeler ốm, bác sĩ lấy tiền công của bà quả phụ Schepelerová tới hai mươi *zlatý*, cả khu Malá Strana đã biết về điều đó. Bây giờ ông ấy đi đưa tang, đầu hơi cúi xuống như đang suy nghĩ mông lung. Người hài lòng tiếp theo tên là anh Ostrohradský, người sản xuất dây thắt lưng, là hàng xóm và người có họ gần nhất với ông Schepeler. Tuy khi còn sống, ông chú Schepeler không quan tâm chăm sóc gì đến cháu, nhưng bây giờ thì anh Ostrohradský đã được biết là trong di chúc của ông chú có ghi là anh được kế thừa năm nghìn *zlatý*. Đã mấy lần anh quay sang ông thợ nấu bia Kejřík để nói rằng “Ông ấy vậy mà có lòng tốt.” Anh Ostrohradský đi ngay sau quan tài, bên cạnh ông Kejřík. Ông Kejřík là một người đàn ông béo tốt, khỏe mạnh, bạn tốt nhất và thân nhất của người quá cố. Đi liền sau hai người là các ông Kdojek, Muřík và Homann, tất cả đều là nhân viên sở kế toán, nhưng có tuổi nghề ít hơn ông

Schepeler; rõ ràng là họ cũng mãi nguyên. Thậm chí, chúng ta phải đau xót mà nói rằng, đến ngay cả bà quả phụ Marie Schepelerová, lúc này đang ngồi một mình trong chiếc xe ngựa đi đầu đám tang, cũng không cưỡng lại được sự hài lòng, nhưng mà than ôi, nó không phải là sự hài lòng do ngày tháng sáu đẹp để trực tiếp mang lại. Con người tốt bụng ấy chẳng gì cũng là đàn bà, mà đã ba ngày nay bà ấy được trở thành trung tâm của sự thương cảm nồng nàn của bằng ấy người, thì hài lòng là phải. Sau nữa, bộ váy áo tang màu đen trông rất xinh xắn và hợp với dáng người mảnh mai của bà ấy, khuôn mặt luôn nhợt nhạt của bà nổi bật lên, đẹp một cách đặc biệt qua mảnh voan che mặt màu đen.

Chỉ có ông Kejřík là người duy nhất thấy đau buồn vì cái chết của ông Schepeler và không thể nào nguôi được. Ông Kejřík là người đàn ông chưa vợ, người mà tôi đã nói rằng là người bạn tốt nhất và thân nhất của ông Schepeler. Ngày hôm qua, bà quả phụ trẻ đã tỏ rõ cho ông ấy biết là bà ấy chờ đợi sự đền đáp xứng đáng của ông ấy, bởi vì bà ấy đã chung thủy đến thế với ông ấy trong suốt thời gian chồng bà còn sống. Khi người hàng xóm Ostrohradský nói với ông lần đầu “Ông ấy vậy mà có lòng tốt” thì ông Kejřík buồn bã trả lời: “Kể cả không có lòng tốt đi, nhưng vẫn có thể sống lâu hơn.” Từ lúc ấy trở đi, ông không nói gì thêm với anh Ostrohradský nữa.

Đám tang từ từ ra tới cổng thành. Ngày đó, cổng thành không mỏng mảnh gió thổi bay như bây giờ mà có tường thành dày, phía sau có hai đường hầm dài tối tăm dẫn đến nghĩa trang.

Xe tang vượt lên và dừng lại ở cổng thành. Các linh mục đứng quay mặt lại, những người khênh kiệu từ từ đặt kiệu với quan tài xuống đất, rồi các cha vẩy nước thánh. Những người đánh xe ngựa kéo một tấm ván từ xe ra để các thanh niên nâng quan tài lên đưa vào xe. Đúng vào lúc ấy thì việc đó xảy ra! Có thể là do một bên nâng mạnh quá, hay là cả hai bên đều không khéo tay, bởi vì chiếc quan tài đột ngột trượt đánh thành xuống đất và nắp quan bị bật tung ra. Thế là người quá cố tuy còn nằm trong quan, nhưng cả người hơi trượt xuống phía chân, cánh tay phải của ông ấy văng ra ngoài áo quan.

Tất cả mọi người rú lên kinh hoàng. Rồi im lặng. Im đến mức có thể nghe thấy tiếng tích tắc của đồng hồ trong túi người đứng bên cạnh. Ánh mắt mọi người chăm chăm hướng vào khuôn mặt cứng đờ của người quá cố. Lúc đó, bác sĩ Heribert đứng cạnh quan tài. Ông vừa đi dạo về qua cổng thành. Ông lách qua đám đông, nhưng phải dừng lại phía sau các linh mục. Bây giờ thì cái áo khoác màu xám của ông chạm vào bộ quần áo màu đen của người quá cố.

Việc đó xảy ra trong chớp mắt. Ông Heribert nắm tay người quá cố đang giơ lên, chắc là để đưa lại vào quan tài. Nhưng không, ông giữ lại nó trong tay mình, các ngón tay ông cử động không yên, mắt ông nhìn vào mặt người chết. Rồi ông đưa tay mở mi mắt bên phải của người ấy.

“Này, làm cái gì thế hả?” Anh Ostrohradský quát lên. “Sao không ai sửa lại đi? Để chúng tôi đứng ở đây mãi sao?”

Mấy thanh niên giơ tay ra.

“Khoan đã!” Ông Heribert bé nhỏ kêu lên, tiếng ông vang to đến không ngờ. “Ông ấy chưa chết đâu!”

“Vô lý! Ông điên à?” Bác sĩ Link gầm lên.

“Cảnh sát đâu?” Anh Ostrohradský chêm vào.

Tất cả đều cực kỳ bối rối. Chỉ có ông thợ nấu bia Kejřík đi nhanh đến ông Heribert, lúc đó đang bình tĩnh.

“Thế là thế nào?” Ông hỏi một cách mong mỏi, hi vọng “Ông ấy... quả thật ông ấy chưa chết ư?”

“Chưa. Ông ấy chỉ bị cứng người thôi. Bây giờ các ông hãy đưa nhanh ông ấy vào một nhà nào đấy để ta thử cứu xem.”

“Ông này thật điên rồ!” Bác sĩ Link kêu lên. “Nếu mà ông ấy chưa chết thì...”

“Ông này là ai vậy?” Anh Ostrovský hỏi.

“Nghe bảo là bác sĩ...”

“Bác sĩ Hại đời thì có!... Cảnh sát đâu?” Anh thợ làm dây thắt lưng quát, và đột nhiên nhớ đến năm nghìn *zlatý*.

“Bác sĩ Hại đời,” các ông viên chức Kdojek và Mužík lặp lại.

Nhưng người bạn tận tụy Kejřík cùng với một số thanh niên đã cẩn thận khênh quan tài vào quán U Vápenice ở ngay cạnh đó.

Cả phố ồn ào náo động. Xe tang rời đi, những người đánh xe ngựa cũng quay đi. Ông viên chức Kdojek gọi mọi người:

“Ta vào đi, thế nào cũng biết được hết mọi việc!” Nhưng không một ai biết phải làm cái gì.

“Tốt quá, ông cảnh sát đã đến rồi!” Anh Ostrohradský chào viên cảnh sát. “Đang có chuyện trái phép lôi thôi lắm ông ạ... làm nhục người quá cố giữa thanh thiên bạch nhật... cả một nửa Praha đã trông thấy...” Nói đoạn, anh ta theo cảnh sát đi vào quán. Bác sĩ Link lĩnh đi đâu mất. Một lúc sau, anh Ostrohradský quay ra, sau anh ta là viên cảnh sát. Ông này nói với đám đông:

“Các ông các bà giải tán đi chứ! Không ai được vào trong ấy đâu! Bác sĩ Heribert nói là sẽ làm cho ông Schepeler tỉnh lại.”

Bà vợ ông Schepeler muốn ra khỏi xe, nhưng bị ngất đi. Sự sung sướng nhiều khi có thể giết người. Lúc này ông Kejřík vội vã đi ra và tới gần chiếc xe ngựa. Mấy người đàn bà đang xúm quanh bà Schepelerová. Ông bảo họ:

“Các bà đưa bà ấy về nhà đi, rồi bà ấy sẽ tỉnh.” Rồi ông tự nhủ: “Bà ấy trông mới dễ chịu làm sao...!” Ông quay lại, lên xe ngựa và đi ra chỗ bác sĩ Heribert đã bảo ông đến.

Xe đi khỏi, những người đưa đám cũng tản đi. Nhưng ở cổng thành vẫn còn đầy người và cảnh sát phải đứng trước quán để giữ trật tự. Người ta tụ tập thành từng nhóm, bàn tán đủ chuyện lạ đời. Có nhóm thì nói xấu bác sĩ Link, kể đủ thứ xấu xa về ông ấy, có nhóm thì chế giễu ông Heribert. Ông

Kejřík thì chạy ra chạy vào; với vẻ mặt rạng rỡ, lúc đầu ông báo tin: “Rất có nhiều khả năng!”, sau đó lại bảo: “Chính tôi cũng thấy mạch đập rồi. Bác sĩ quả là người thần!”. Rồi ông cuống quýt kêu: “Thở được rồi! Thở được rồi!” và chạy vội ra xe ngựa để đi báo tin vui cho bà Schepelerová.

Cuối cùng, mãi đến khoảng 10 giờ tối, người ta khênh một cái cáng trùm kín ra khỏi quán Vápenice. Bác sĩ Heribert và ông Kejřík đi một bên, viên cảnh sát đi phía bên kia.

Tất cả mọi quán ăn ở Malá Strana đều đông chật người đến tận quá nửa đêm. Người ta không nói về cái gì khác ngoài chuyện ông Schepeler sống lại và về bác sĩ Heribert, người ta bàn tán chuyện trò rất hào hứng.

“Ông ấy biết nhiều hơn cả sách vở!”

“Cứ chỉ nhìn ông ấy là đủ thấy! Cha ông ấy vốn đã là bác sĩ giỏi đấy! Cha truyền con nối mà!”

“Ông ấy không muốn chữa bệnh à? Tất nhiên là ông ấy phải là bác sĩ rất đắt!”

“Chắc là ông ấy có tiền, thế đấy thôi!”

“Tại sao mà người ta lại gọi ông ấy là bác sĩ Hại đời nhỉ?”

“Hại đời ư? Tôi chẳng nghe thấy bao giờ.”

“Hôm nay tôi nghe thấy có đến hàng trăm lần”...

Hai tháng sau, ông Schepeler lại đi làm ở công sở như trước. “Ở trên kia có ông trời, ở dưới đất này có bác sĩ Heribert!” Ông nói vậy. Có lúc ông lại bảo “Anh Kejřík là vàng!”

Cả thành phố nói về bác sĩ Heribert. Chắc hẳn báo chí ở khắp nơi trên thế giới cũng đều viết về ông. Tất nhiên là cả khu Malá Strana tự hào hãnh diện vì ông. Người ta kể cho nhau nghe nhiều chuyện lạ. Nào là các công tước, bá tước, các nhà quý tộc quyền quý, ai ai cũng muốn mời bác sĩ Heribert làm bác sĩ riêng cho mình. Nào là nhà vua Ý đã dự tính thuê bác sĩ bằng một khoản tiền lớn chưa từng thấy. Nói chung, những người tha thiết

mời bác sĩ chăm sóc cho mình đều là những người mà cái chết của họ có thể mang lại sung sướng cho nhiều người khác. Nhưng bác sĩ Heribert hoàn toàn không để ý đến ai. Thậm chí, người ta còn kể rằng bà vợ ông Schepeler đã mang đến cả một túi tiền, nhưng chưa lần nào được ông tiếp. Nghe bảo lần cuối cùng bà đến, ông đã đổ nước từ hành lang xuống người bà.

Vậy là lại thấy ông chẳng quan tâm gì đến ai. Người ta chào ông, nhưng ông không hề chào lại. Ông lại thất thểu đi trên đường phố như trước, cái đầu nhỏ bé gầy gò và nhợt nhạt của ông luôn luôn run rẩy. Không bao giờ ông nhận chữa cho ai. Nhưng người ta vẫn cứ gọi ông là bác sĩ Hại đời, cái tên ấy đến với ông một cách tự nhiên như từ trên trời rơi xuống vậy.

Phải đến chục năm nay tôi không trông thấy ông. Tôi cũng không biết ông có còn sống không. Nhưng ngôi nhà nhỏ của ông ở phố Oujezd vẫn còn đó, có lẽ có ngày tôi phải đến hỏi xem sao.

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# THỦY THẦN

Bao giờ ông Rybář cũng cầm cái mũ trong tay. Ngay cả khi trời rét căm căm hay nắng chói chang, cùng lắm thì ông cũng chỉ nâng chiếc mũ trụ rộng vành lên trên đỉnh đầu như nâng một cái ô. Mái tóc bạc trắng của ông được chải phía sau, bện chặt và buộc lại, chắc đến mức cứng không vung vẩy được. Đó là một trong những cái đuôi tóc bện cuối cùng ở Praha, ngay ngày ấy cũng chỉ còn hai, hoặc ba người tết tóc như vậy thôi. Ông mặc cái áo khoác màu xanh lá cây có cúc vàng. Áo có hai vạt trước ngắn cùn nhưng lại có vạt sau dài lê thê, thành thử ông vốn nhỏ bé trông càng như choắt lại. Cái áo sơ mi trắng che kín bộ ngực lép của ông, cái quần đen có ống chỉ dài quá đầu gối một tí, ở hai gấu quần có hai cái mặt khóa bằng bạc, rồi đôi tất trắng dài đến đầu gối, cũng có đôi mặt khóa bạc, cuối cùng là đôi giày to. Tôi không biết đôi giày ấy có được sửa chữa bao giờ không, nhưng lớp da của nó lúc nào cũng rạn nứt và có vẻ cũ kĩ.

Trên khuôn mặt dài nhọn và gầy gò của ông Rybář luôn luôn rạn rờ một nụ cười. Khi ông đi ngoài đường, trông ông rất đặc biệt. Cứ đi được khoảng hai chục bước là ông lại dừng lại rồi ngó nghiêng sang phải sang trái. Như thế những suy nghĩ của ông không ở trong ông, mà đi sau ông một bước, và chúng luôn mang đến cho ông những ý nghĩ vui vẻ, vì vậy ông phải cười và thỉnh thoảng lại nhìn ngó một cách tinh nghịch. Khi chào một người nào đó, ông chỉ nâng tay phải, giơ ngón trỏ lên cao rồi huýt nhẹ. Bao giờ ông cũng huýt nhẹ như thế khi bắt đầu cất tiếng nói, và thường bắt đầu bằng từ “ờ”, với nghĩa đồng ý chấp nhận.

Nhà ông Rybář ở đường Hluboká, ngay phía dưới bên tay trái, có mặt tiền hướng sang đồi Petřín. Nhưng cho dù đã đứng ở trước cửa nhà mình, cứ hễ trông thấy những người nước ngoài nào rẽ tay phải đi sang khu

Hradčany<sup>[23]</sup>, bao giờ ông cũng đi theo họ. Khi họ dừng lại ở các điểm tham quan để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Praha, ông thường đứng cạnh họ, giơ ngón tay và huýt nhẹ: “Ờ, biển! Tại sao chúng tôi không có biển nhỉ!” Rồi ông đi cùng họ vào Lâu đài Praha. Khi thấy khách du lịch chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những bức bình phong có chạm đá quý, ông huýt sáo một lần nữa: “Thế đấy, thế đấy! Ở Séc, nếu đứa trẻ chăn dê có lấy đá ném theo đàn dê thì hòn đá ấy thường quý hơn và có giá trị hơn đàn dê!” Chưa bao giờ ông nói với họ về cái gì khác những điều đó.

Bởi vì cái tên có nghĩa là Người Đánh Cá của ông, bởi cái áo khoác màu xanh lá cây ông mặc, bởi cái từ “biển” mà ông hay nói, chúng tôi gọi ông Rybář là Thủy thần. Nhưng bất kể người già con trẻ, tất cả chúng tôi đều kính nể ông. Ông quê ở vùng Turnov, là luật sư đã về hưu. Tại Praha, ông ở cùng với một cô cháu họ gần, còn trẻ, có chồng là viên chức nhỏ và có hai hay ba đứa con. Người ta kể rằng ông Rybář là một người cực kỳ giàu có. Không hẳn là vì nhiều tiền, mà là do ông có nhiều đá quý. Họ kể là trong căn phòng nhỏ của mình, ông có một cái tủ cao màu đen, trong tủ có rất nhiều cái hộp to và thấp cạnh, sơn màu đen. Mỗi một chiếc hộp được chia bằng các dải băng dính màu trắng thành các ô nhỏ, trong ô nào cũng có một viên đá quý sáng bóng đặt trên lớp bông. Có người đã tận mắt trông thấy nó. Nghe nói tất cả những viên đá quý ấy đều do ông tìm thấy ở núi Kozákov. Bọn trẻ con chúng tôi thì thường kể cho nhau nghe về chuyện ở nhà cô Šajvl, tức là ở nhà người cháu họ của ông Rybář, rằng ở nhà ấy có rất nhiều đường kính. Vì vậy mà chúng tôi vô cùng ghen tị với các con của cô. Một lần, tôi ngồi ở trên trên bờ lũy ở cổng thành Bruska, gần ông Rybář. Cứ khi nào đẹp trời là ông lại ra đó khoảng một tiếng, ông ngồi thoải mái trên bãi cỏ và hút tẩu. Lần ấy có hai sinh viên lớn tuổi đi qua, một anh nhạo ông: “Ông này đang hút bông lót váy của mẹ!” Từ đó, tôi cho việc “hút bông lót váy của mẹ” là một cái gì khác thường mà chỉ những người giàu có mới có thể làm được.

Cứ như vậy, “Thủy thần” thường đi dạo ở khu cổng thành Bruska. Nhưng mà có lẽ không nên gọi ông là Thủy thần nữa, vì chúng tôi đâu còn là

trẻ con! Các kinh sĩ cũng thường đi dạo ở đó. Bao giờ gặp ai, ông cũng nhẹ nhàng nói vài lời. Tôi nhớ hồi đó, tôi rất thích nghe người lớn nói chuyện. Một lần, tôi nghe thấy ông đứng nói chuyện với hai người kinh sĩ ngồi ở một chiếc ghế dài. Họ nói về “Frankreich”, về sự “tự do”, toàn là những chuyện lạ tai. Đột nhiên, ông Rybář giơ cao ngón tay và huýt một tiếng: “Ờ, tôi cứ theo Rosenau. Ông Rosenau đã nói là sự tự do giống như thức ăn ngon và rượu mạnh. Nó nuôi sống người nào mạnh mẽ và làm cho người ta mạnh hơn, nhưng nó làm mệt, làm say, nó hủy hoại người yếu đuối.” Nói đoạn, ông nhấc mũ lên chào rồi bỏ đi.

Ông kinh sĩ to béo suy nghĩ: “Ông ấy bao giờ cũng nói đến Rosenau là nghĩa sao?” Ông thứ hai, cũng béo, nhưng nhỏ người hơn, trả lời: “Nhà văn, chắc là nhà văn.”

Nhưng tôi nhớ đến nội dung của câu ấy với tất cả những điều thông thái chứa trong nó. Tôi có ấn tượng cao đẹp về Rosenau, tương tự như về ông Rybář. Sau này, khi lớn lên và tự mình đọc được đủ các loại sách, tôi mới nhận ra rằng hồi đó ông Rybář đã trích dẫn khá đúng. Cái khác duy nhất là câu đó không phải do một Rosenau nào viết, mà chính là Roussenau<sup>[24]</sup> với hai chữ “s” trong tên. Chắc hẳn đó chỉ là một điều ngẫu nhiên dẫn đến cách phát âm sai như vậy của ông, nhưng hoàn toàn không vì thế mà làm giảm sự kính nể của tôi đối với ông. Quả thật, ông là một người vô cùng tốt!

Lúc đó là khoảng ba giờ chiều của một ngày tháng tám đầy nắng. Người nào đang đi ở phố Ostruhová cũng dừng lại; người nào đang đứng ở trước cửa nhà thì vội gọi ai đó ở trong nhà; mọi người từ các cửa hàng đều chạy ra đường. Tất cả đứng nhìn theo ông Rybář đang đi xuống dốc. “Ông ấy đi khoe của đấy,” ông Herzl, chủ quán bia ở nhà *Hai mặt trời*, bảo vậy. Tôi cũng muốn nói là theo ngôn ngữ của Malá Strana thì “hai mặt trời” quả đúng là hai mặt trời.

“Ấy, thế đấy!” Ông Vitouš ở cửa hàng chỗ góc phố kêu lên, “Chắc là bí lắm mới mang đi bán!” Tôi lấy làm tiếc, nhưng phải nói rằng ông Vitouš không được lảng giềng tôn trọng lắm. Người ta kể rằng đã có lần ông ấy

suýt bị phá sản. Và cho tới bây giờ, những người tử tế ở Malá Strana nhìn “người bị phá sản” bằng con mắt khác hẳn so với người ở nơi khác.

Ông Rybář vẫn bình thản đi tiếp, hơi nhanh hơn một chút so với lệ thường. Nách trái ông kẹp một trong những chiếc hộp màu đen mà người ta thường kể nhiều về chúng. Ông kẹp cái hộp vào mình, chặt đến mức mà cái mũ cầm trong tay như dính vào chân. Trong tay phải ông là chiếc ba toong có tay cầm bằng ngà voi. Cứ theo đó thì thấy là ông đang đi chơi thăm ai, vì những lúc khác không bao giờ ông mang ba toong. Khi có người chào, ông nhắc gậy chào lại và huýt sáo to hơn mọi ngày.

Ông đi hết phố Ostruhová, qua quảng trường Thánh Mikuláš rồi bước vào nhà ông Žambecký, lên tầng ba gặp ông Mühlwezel, giáo sư trường trung học, nhà toán học và khoa học tự nhiên. Ngày đó, người có kiến thức như vậy là người khác thường. Nhưng ông Rybář đã không dừng lâu ở đó. Giáo sư Mühlwenzel lúc đó đang vui vẻ thoải mái. Cơ thể to béo của ông vừa được nghỉ ngơi sau giấc ngủ trưa. Những sợi tóc bạc dài của ông vén quanh đầu, tỏa ra mọi phía. Cặp mắt xanh đầy sức sống và thiện cảm của ông sáng lên. Đôi má vốn hồng hào của ông nóng rực. Trên đôi má to và hiền hậu ấy có đầy nốt rỗ vì thủy đậu, và đó là điều mà giáo sư thường đem ra để pha trò. “Chuyện đời là vậy,” ông nói, “khi cô gái cười mà có một lúm đồng tiền thì người ta bảo là đẹp, nhưng khi tôi cười, tôi có tới hàng trăm lúm đồng tiền mà người ta lại bảo là xấu!”

Giáo sư mời ông Rybář ngồi vào ghế bành rồi hỏi: “Nào, tôi có thể giúp ông được cái gì?”

Ông Rybář thận trọng đặt chiếc hộp lên bàn rồi mở ra. Các viên đá sáng loáng lộ ra. “Tôi muốn... tôi chỉ muốn biết... cái này... đáng giá bao nhiêu.” Ông lấp bắp rồi ngồi xuống, chống cằm vào tay cầm của chiếc ba toong.

Giáo sư Mühlwenzel xem các viên đá. Sau đó, ông lấy ra một viên tối màu, để trong tay và chìa ra chỗ sáng ngấm ngấm.

“Đây là đá moldavite,” ông nói.

“Đá gì ạ?”

“Moldavite.”

“Ồ, moldavite,” ông Rybář huýt sáo. Nét mặt ông hơi tỏ ra rằng đây là lần đầu tiên trong đời ông nghe thấy từ ấy.

“Viên này có thể bổ sung cho bộ sưu tầm của trường tôi, loại này bây giờ cũng hiếm rồi. Ông có thể bán cho chúng tôi.”

“Vâng, để xem đã... Khoảng bao nhiêu ạ?”

“Ba *zlatý*. Được không ông?”

“Ba *zlatý*!” Ông Rybář huýt một tiếng nhẹ. Ông nhắc cầm lên, rồi lại chống vào ba toong. “Thế các viên khác thì sao?” Một lúc sau ông hỏi, giọng nghẹn trong cổ.

“Mã não, ngọc bích, thạch anh tím, thạch anh khói, cũng chả đáng giá gì.”

Chỉ một lúc sau, ông Rybář đã ra đến góc phố Ostruhová. Ông chậm rãi bước lên dốc. Lần đầu tiên, người trong phố thấy ông đội chiếc mũ. Cái vành mũ rộng trùm kín trán ông. Chiếc ba toong kéo lê thê theo người, gõ lanh canh trên đá lát đường. Ông không để ý đến ai, cũng chẳng hề một lần huýt sáo. Chắc chắn là hôm nay, không có một suy nghĩ nào tinh nghịch đuổi theo ông, tất cả đều dừng ở trong người, ở tận nơi sâu thẳm của tâm hồn ông.

Hôm ấy, ông không ra đường một lần nào nữa, cũng không ra cổng thành Bruska. Mà trời thì đẹp đến thế. Đã gần nửa đêm, nhưng bầu trời vẫn trong xanh như vào buổi sáng. Mặt trăng huyền ảo tỏa sáng, trời lấp lánh sao. Làn sương bạc trắng mờ tuyệt đẹp như phủ kín đồi Petřín, đổ tràn xuống cả Praha.

Qua hai cánh cửa sổ mở toang, ánh trăng vui vẻ tràn vào căn phòng nhỏ của ông Rybář. Ông đang đứng bên cửa sổ, người ngay đờ như bức tượng. Từ xa, tiếng nước sông Vltava<sup>[25]</sup> xối xả đổ ầm ầm qua đập chắn. Nhưng ông

có nghe thấy tiếng nước ồn ào ấy không? Ông đột nhiên bừng tỉnh. “Biển!... Sao ở đây không có biển!”, ông thầm thì, đôi môi ông mấp máy run run. Cái luyến tiếc nhớ nhung cồn lên trong ông, ồn ã như sóng biển.

“Ôi chao!” Ông rùng mình rồi quay lại phòng. Trên sàn nhà có đầy những chiếc hộp đã được mở tung, ánh mắt ông dừng lại ở chúng. Ông chậm chạp với tay đến cái hộp gần nhất, lấy các viên đá ra và giữ chúng trong tay. “Này thì sỏi này!” Nói đoạn, ông vung tay ném chúng ra ngoài cửa sổ.

Phía dưới có tiếng thủy tinh vỡ loảng xoảng. Ông quên mất là dưới vườn có nhà kính.

“Chú ơi, chú làm gì vậy ạ?” Có tiếng nhẹ nhàng của một người đàn ông từ cửa sổ phòng bên cạnh. Bất giác, ông lùi lại một bước. Cửa phòng cọt kẹt mở, anh Šajvl bước vào. Chắc đêm đẹp trời làm anh ấy đứng lâu ở cửa sổ. Chắc anh để ý thấy nét mặt ông chú vợ hôm nay không yên khác thường và liên tục nghe thấy tiếng động từ phòng ông, chắc anh nghe thấy tiếng thở dài của ông vọng ra từ cửa sổ. “Thưa chú, chú định vứt tất cả những viên đá đẹp như thế ra ngoài kia hay sao?”

Ông già giật mình. Rồi, mắt vẫn chăm chăm nhìn sang đồi Petřín, ông nói khẽ:

“Chẳng có giá trị gì... chúng chỉ là những hòn sỏi...”

“Vâng, con biết là chúng không đáng giá cao, chính con cũng biết như vậy. Nhưng mà đối với chúng con, đối với chú, nó có giá trị chứ! Chú đã mất bao nhiêu công tìm ra chúng mà! Con xin chú giữ lại tất cả cho mấy đứa nhỏ nhà con. Chúng nó sẽ học để nhận biết các loại đá, chú sẽ dạy chúng nó...”

“Chắc vợ chồng anh tưởng là,” ông già lại mết mội lên tiếng nói khẽ, “tưởng là chú giàu, chú quả thật...”

“Chú ơi,” anh Šajvl cầm tay ông chú rồi nói bằng giọng dứt khoát, nhưng nhẹ nhàng, “chú chẳng là thứ giàu có của chúng con sao? Không có chú thì tụi trẻ như không có ông, nhà con như không có cha. Chính chú cũng

thấy là có chú, chúng con hạnh phúc như thế nào! Chú là niềm vui, là sự che chở của chúng con ở nhà này.”

Ông già đột ngột đi ra đến tận cửa sổ. Môi ông run run, mắt ông cay cay rưng rưng. Ông nhìn ra bên ngoài. Ông không trông thấy một cái gì cụ thể, tất cả mọi thứ đều lấp lánh như những hạt kim cương, tất cả mọi thứ đều như những con sóng vỗ đến tận cửa sổ ông đứng, tràn đến tận mắt ông. Ôi biển... biển!

Tôi xin ngừng kể ở đây vì tôi không biết tiếp tục thế nào nữa.

BÌNH SLAVICKÁ *dịch*

# CÁI TẤU BỌT BIỂN

Ngày 16 tháng hai năm một nghìn tám trăm bốn mươi, anh Vorel khai trương cửa hàng bột mì của mình ở ngôi nhà mang tên “Thiên thần xanh”. Bà vợ ông đại úy bảo cô con gái, lúc này đã đứng ở ngoài hành lang để chuẩn bị đi chợ: “Poldýnka ơi, con vào cửa hàng mới mua một gói bột thô nhé, ta ăn thử xem sao.”

Nhiều người nhẹ dạ có thể nói rằng mở một cửa hàng bột mì mới thì có gì là đặc biệt. Nhưng có lẽ tôi sẽ bảo kẻ nhẹ dạ đó: “Này, anh chả hiểu gì cả!”, hoặc chỉ nhún vai mà không nói gì. Thời đó, khi một người nhà quê nào cách hàng hai chục năm mới lên Praha, đi qua cổng thành Strahov đến tận phố Ostruhová, thì vẫn tìm thấy người bán hàng ở đúng góc phố như cách đó hai chục năm, vẫn thấy cửa hàng bánh mì với cái biển như xưa, vẫn thấy cửa hàng tạp hóa ở đúng ngôi nhà như trước. Thời đó, tất cả mọi thứ đều có chỗ cố định của nó. Vì thế, việc tự nhiên mở cửa hàng bán bột mì ở chỗ trước đó là cửa hàng tạp hóa chẳng hạn, là việc thuộc về những hành động đại dột ngu xuẩn đến mức không ai dám nghĩ tới. Cửa hàng là thứ cha truyền con nối, và giả sử nó được chuyển vào tay một người nào đó từ khu khác của Praha đến, hay người từ nhà quê lên, thì người đó cũng không bị cư dân địa phương coi hằn là người lạ, bởi người đó đã tuân theo cái trật tự thành nếp ở đây mà không gây rắc rối bằng những cái mới lạ. Nhưng anh Vorel không những chỉ là người hoàn toàn xa lạ, mà lại còn đi mở cửa hàng bán bột mì ở trong ngôi nhà Thiên thần xanh là nơi từ trước đến nay chưa từng bao giờ có một cửa hàng nào. Vì cái cửa hàng mới ấy mà anh cho phá bức tường ở phía trông ra đường của căn hộ ở tầng mặt đất. Chỗ đó trước đây có cửa sổ uốn tròn. Ngày ngày, từ sáng đến chiều, ai đi qua cũng thấy bên cửa sổ ấy có một người đàn bà tuổi đã nhiều mang cái che mắt màu

xanh ngồi trước quầy Kinh Thánh. Đó là bà quả phụ Stanková, bà đã mất cách đây ba tháng. Nhưng mà mở cửa hàng bột ở chỗ đó để làm gì?! Ở phố Ostruhová đã có một cửa hàng bột rồi, tuy nó ở tận cuối phố. Vậy thì mở cửa hàng thứ hai để làm gì?! Ngày đó, người ta vẫn còn nhiều tiền, phần lớn họ mua bột dự trữ ngay từ nhà xay bột. Có lẽ anh Vorel nghĩ là rồi sẽ buôn bán được. Có lẽ anh ấy nghĩ một cách tự phụ rằng anh ấy trẻ, đẹp trai, có khuôn mặt đầy đặn, có đôi mắt xanh mơ mộng và thân hình mảnh dẻ như thiếu nữ, hơn nữa còn chưa có gia đình, thì các bà nội trợ hẳn sẽ đến mua bột của anh. Nhưng mà trên đời này có nhiều chuyện lạ lùng!

Anh Vorel chuyển đến phố Ostruhová được khoảng ba tháng nay. Anh ấy là người nhà quê, ở đâu đấy không rõ. Người ta chỉ biết rằng anh là con trai một ông thợ xay bột, ngoài ra không biết gì hơn về anh. Có lẽ anh cũng tự nói cho họ biết về mình nhiều hơn, và sẵn sàng nói, nhưng mà có ai hỏi anh cái gì đâu. Với tất cả cái kiêu hãnh của cư dân địa phương, người ta tỏ ra chống đối anh, tỏ ra cho anh thấy rằng anh là người xa lạ đối với họ. Buổi tối đi uống bia ở quán Nhà vàng, anh ngồi một mình, chỉ một mình, ở góc cạnh lò sưởi. Những người khách khác chẳng hề để ý đến anh, nếu có thì cũng chỉ gật đầu khi anh chào họ. Người nào vào quán sau anh thì nhìn anh như thể anh là người lạ lần đầu tiên đến quán. Nếu anh vào quán khi mọi người đã ngồi ở đó rồi, thì đã có lần lập tức họ ngừng nói chuyện với nhau. Kể cả ngày hôm qua cũng không người nào để ý đến anh, mặc dù ở quán đã có một cuộc vui rất thân mật. Số là ông Jarmárka, nhân viên bưu điện, đã kỉ niệm đám cưới bạc, tức là kỉ niệm hai mươi năm năm ngày cưới của mình. Mặc dù cho đến nay, ông Jarmárka vẫn là người chưa vợ, nhưng ngày mười tám tháng hai là ngày mà cách đây hai mươi năm năm, chỉ một li nữa là ông lấy vợ. Một ngày trước khi cưới, người vợ tương lai của ông qua đời. Ông giữ lòng chung thủy với cô dâu của mình và không bao giờ nghĩ đến chuyện lấy vợ nữa. Ngày hôm qua, ông coi việc kỉ niệm đám cưới bạc là điều thật sự nghiêm chỉnh. Tất cả cư dân địa phương, toàn là người tốt, đều cho việc đó là chuyện không có gì khác thường. Vì thế, sau khi uống bia như thường lệ, ông Jarmárka lấy ra ba chai rượu vang thì tất cả đều chân thành chạm cốc chúc mừng. Bởi bà chủ quán bia chỉ có hai cái ly để uống rượu

vang, người ta chuyển ly rượu cho nhau. Ấy thế mà không một lần nào ly rượu đi tới tay anh Vorel; cho dù hôm ấy, anh ngồi hút một cái tẩu mới bằng đá bọt biển có nạm bạc, và anh sắm nó cũng chỉ cốt để cho có vẻ là một người dân địa phương.

Vậy là vào sáu giờ sáng ngày mười sáu tháng hai, anh Vorel mở cửa hàng bột mì của mình ở ngôi nhà mang tên Thiên thần xanh. Ngay từ hôm trước, hết thảy mọi thứ đã được chuẩn bị kỹ càng, cửa hàng bóng nhoáng lên, mới mẻ với tường sơn trắng bóc. Bột mì trắng xóa trên các giá để hàng và trong các gói bột để ngỏ, còn trắng hơn cả màu trắng của tường mới quét sơn. Đậu Hà Lan khô vàng ươm, vàng hơn cả màu vàng da cam của bàn tử xung quanh. Đàn ông đàn bà trong phố đi qua đều nhìn vào cửa hàng, có người còn lùi lại vài bước để ngắm nghía. Nhưng không một ai bước vào trong.

“Rồi họ sẽ đến,” anh Vorel, trên người mặc bộ quần áo màu xám với ống quần ngắn đến đầu gối, tự nhủ vào lúc bảy giờ sáng. “Giá mà mình đã có người mua mở hàng rồi,” anh nói vậy vào lúc tám giờ rồi châm lửa hút cái tẩu đá bọt biển mới.

Lúc chín giờ, anh ra đứng ở gần cửa, sốt ruột nhìn ra ngoài đường để xem liệu có ai đến mua mở hàng cho không. Vào lúc đó, cô Poldýnka, con gái ông bà đại úy, đang đi lên dốc. Cô Poldýnka là một cô gái đầy đà khoảng hai mươi tuổi; cô thấp người nhưng có đôi vai và cái hông rộng bè bè. Người ta đã đồn đại đến ba bốn lần rằng cô sẽ lấy chồng. Trong đôi mắt sáng màu của cô đã có vẻ thờ ơ, đúng hơn là vẻ mệt mỏi, cái vẻ thường thấy ở các quý cô, quý bà mãi chưa lấy được chồng. Bước chân đi của cô giống cách đi chập chững của trẻ nhỏ, nhưng có cái riêng đặc biệt. Cứ đi được một đoạn, cô lại vấp. Vào những lúc ấy, bao giờ cô cũng hơi kéo váy lên, như thể cô đã giẫm phải nó. Bước đi của cô làm tôi liên tưởng đến bài thơ dài với nhiều khổ thơ có số nhịp giống nhau.

Anh Vorel trông thấy cô Poldýnka.

Cô Poldýnka mang cái làn trong tay đi tới tận cửa hàng. Cô ngược mắt nhìn lên, như vẻ ngạc nhiên về cái gì đó, rồi vấp chân vào bậc thềm nhà, cô lên đứng giữa cửa ra vào. Cô vẫn chưa bước vào hẳn trong cửa hàng mà đã vội kéo khăn lên bịt mũi. Anh Vorel chờ khách hàng quá lâu nên đã hút thuốc rất nhiều, trong cửa hàng vì thế đầy khói thuốc.

“Xin chào cô ạ. Thưa, cô cần gì ạ?” Anh ân cần hỏi, lùi lại hai bước và đặt cái tàu lên quầy.

“Hai bơ bột thô,” cô Poldýnka nói và quay nửa người ra phía ngoài cửa.

Anh Vorel đong hai bơ bột, đong thêm vào đó nửa bơ nữa rồi đổ vào chiếc túi giấy. Anh thấy là phải nói một cái gì đó.

“Tôi hi vọng là... là quý cô sẽ... hài lòng,” anh lắp bắp. “Bột đây, thưa cô!”

“Bao nhiêu?” Cô Poldýnka hỏi, cô nín thở rồi ho vào cái khăn.

“Xin cô bốn *krejcar* ạ. Vâng, xin cảm ơn cô ạ. Được cô gái xinh đẹp mua mở hàng, tôi sẽ gặp may đây!”

Cô Poldýnka tròn mắt lạnh lùng nhìn anh Vorel. Một kẻ bán bột xa lạ ở đâu đến! Rõ dơ chưa, người này giá mà lấy được con bé Anuše tóc đỏ nhà ông bán xà phòng thì vẫn còn là may mắn cho hẳn lắm, vậy mà hẳn dám mạo muội thế này với cô. Cô lặng thinh không trả lời và đi ra ngoài.

Anh Vorel xoa xoa tay hài lòng. Anh lại nhìn ra đường, và trông thấy lão Vojtíšek, một người ăn mày. Chỉ trong nháy mắt, lão đã đứng ở cửa, cái mũ xanh cầm trong tay. “Một *krejcar* đây ông ạ,” anh Vorel nói bằng giọng tử tế, “cứ vào ngày thứ tư thì ông lại đến mà lấy nhé!” Ông lão ăn mày mỉm cười, cảm ơn rồi đi tiếp. Anh Vorel lại xoa xoa tay và tự nhủ: “Xem ra có vẻ nếu mình cứ chăm chăm nhìn vào ai thì người ấy phải vào đây. Rồi chắc hẳn sẽ bán được hàng!”

Thế nhưng ở trước ngôi nhà mang tên Tầng hầm sâu, cô Poldýnka đang đứng nói chuyện với bà Kdojeková, vợ ông nhân viên sổ kế toán: “Khiếp

quá, cửa hàng của anh ta đặc khói thuốc đến mức mà mọi thứ đều như bị hun khói.” Buổi trưa, khi ăn xúp nấu bằng bột thô đã mua, cô khẳng định một cách chắc chắn rằng xúp có mùi khói thuốc và đặt thìa xuống không ăn nữa.

Chỉ đến chiều ngày hôm đó, tất cả dân phố đã biết là mọi thứ ở cửa hàng của anh Vorel đều ám khói, rằng bột mịn thì như bị rang cháy và bột thô thì như bị hun khói. Và người ta đã không gọi anh Vorel bằng cái tên nào khác, ngoài danh hiệu “thợ bột hun khói”. Số phận của anh thế là đã được định đoạt.

Anh Vorel hoàn toàn không linh cảm được điều đó. Ừ, ngày đầu tiên mở cửa hàng không bán được, không sao! Ngày thứ hai, ngày thứ ba không bán được, anh bảo nhưng rồi sẽ khá hơn! Cho đến tận cuối tuần, anh vẫn chẳng bán được lấy hai đồng tiền vàng... xem ra có cái gì không ổn đây!

Ngày lại ngày, sự tình cứ tiếp tục như thế mãi. Không một người dân nào ở đây đặt chân đến cửa hàng của anh, họa hoằn lắm mới có người nhà quê nào đó lạc đường vào mua, chỉ có lão ăn mày Vojtíček là thường xuyên tới. Cái tẩu bằng đá bọt biến trở thành người bạn an ủi duy nhất của anh. Nỗi buồn phiền rầu rĩ của anh càng đây bao nhiêu thì khói thuốc anh nhả ra càng dày bấy nhiêu. Mặt anh nhợt nhạt đi, cái trán nhăn lại, nhưng chiếc tẩu thì càng ngày càng đỏ hơn và bóng nhoáng lên vì được hút nhiều. Cảnh sát ở phố Ostruhová nhìn vào kẻ hút thuốc không biết mệt mỏi ấy ở trong cửa hàng bằng con mắt độc địa. Giá mà anh ta cứ ngậm tẩu mà bước qua ngưỡng cửa ra đường, ít ra chỉ một lần thôi, ta sẽ phạt ngay! Một trong những viên cảnh sát ấy là ông Novák, người có vóc dáng bé nhỏ. Ông tuyên bố sẵn sàng mất cái gì cũng được, miễn là có thể giật được cái tẩu ra khỏi miệng anh Vorel. Vì thế mà tự nhiên, ông Novák chia sẻ cái không thiện cảm của người địa phương đối với kẻ xa lạ ấy. Nhưng anh Vorel thì lại cứ rầu rĩ, cứ ngồi không hề nhúc nhích ở sau quầy!

Cửa hàng của anh trở nên trống trải buồn thênh. Năm tháng sau, người ta bắt đầu thấy có mấy người có vẻ đáng ngờ vực đến gặp anh. Đó là những

người Do Thái. Lần nào họ đến, anh cũng đóng tấm cửa kính lại. Người dân địa phương bàn tán với nhau rằng chắc chắn ở Malá Strana sẽ có người bị phá sản. “Đây đưa với người Do Thái là dễ có chuyện.”

Vào dịp ngày Thánh Havel giữa tháng mười, người ta đồn rằng anh Vorel sẽ chuyển đi nơi khác, và ông chủ nhà sẽ sửa cửa hàng lại thành căn hộ. Cuối cùng thì trước khi chuyển nhà một ngày, cửa hàng bột của anh đã vĩnh viễn đóng cửa.

Nhưng ngày hôm sau, liên tục từ chín giờ sáng đến tận chiều tối, ở phía trước cửa hàng đã đóng cửa của anh Vorel lúc nào cũng đông người. Người ta kể cho nhau rằng khi không tìm thấy anh Vorel ở đâu, ông chủ nhà đã cho phá cửa để vào.

Khi cánh cửa được mở, một cái ghế gỗ đổ văng ra đường. Phía trên là thân thể người bán bột tội nghiệp đang treo lủng lẳng bằng sợi dây móc vào cái móc trên trần nhà. Anh ấy đã thắt cổ tự tử.

Lúc mười giờ sáng, người của cơ quan pháp y đến cửa hàng. Họ cho cắt dây đỡ anh Vorel xuống. Ông Uhmühl, cảnh sát trưởng của Malá Strana, đã giúp họ. Ông cho tay vào túi quần của anh Vorel và lấy ra cái tẩu. Ông đưa cái tẩu ra ánh sáng để ngắm nghía, rồi khẳng định:

“Chưa từng bao giờ tôi trông thấy cái tẩu nào được hút cẩn thận kĩ càng như cái này. Đây, các ông xem này!”

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# TIỆM CÀ PHÊ BÊN BA BÔNG HUỆ

Tôi tưởng lúc bấy giờ có thể phát điên lên được. Các mạch máu trong người tôi lúc ấy đều rạo rực và bồn chồn khắp cơ thể.

Một đêm mùa hè trời ẩm áp nhưng tối đen như mực. Bầu không khí ngột ngạt như chết của những ngày gần đây tụ thành những đám mây đen sạm. Một luồng gió lốc thổi đêm qua, mang theo khí lạnh, khiến trời nổi cơn dông lớn, rồi lại mưa như trút nước và cứ thế kéo dài mãi tới đêm khuya.

Tôi ngồi dưới mái hiên lợp ván của tiệm cà phê “Bên ba bông huệ”, nằm kề bên Cổng Strahov. Tiệm này nhỏ thôi và khách cũng thường chỉ qua lại ngày chủ nhật, vì vào những buổi chiều này, ngoài cây đàn dương cầm hoạt động còn có các sĩ quan dự bị và lính tráng cũng đến tham gia khiêu vũ. Hôm nay đúng vào ngày chủ nhật. Tôi ngồi một mình cạnh chiếc bàn dưới mái hành lang kề ngay cửa sổ. Tiếng sấm bên ngoài ran lên từng hồi dữ dội, nước mưa đổ xuống các mái nhà gần như làm vỡ được ngói, rồi lại từ mái nhà tuôn xuống mặt đất như những mạch suối nhỏ. Tiếng dương cầm trong phòng chỉ tắt đi một lát vào những lúc giải lao ngắn ngủi, rồi liền sau đó lại vang lên từng nhịp liên hồi. Chốc chốc, tôi ngoảnh xem các đôi trai gái đang vui cười và quay tròn trong điệu nhạc, rồi lại nhìn ra vườn, một màu đen dày đặc. Mỗi lúc có chớp lóe sáng tôi lại trông thấy rõ hơn bức tường bao quanh khu vườn, và phía cuối hiên, lộ ra những đống xương người trắng hếu. Trước kia đây là một nghĩa địa nhỏ; tuần lễ vừa qua người ta mới đào lên để chuyển hài cốt đi nơi khác. Các mô đất lô nhô bên cạnh những nấm mồ cuốc nham nhở hầy còn há hốc mồm ra như thần đói.

Tôi cố ngồi yên bên cạnh bàn nhưng chỉ được một lát. Thỉnh thoảng tôi cứ phải nhồm lên, ghé sát người vào ô cửa sổ, nhìn vào gian trong, để có thể

trông thấy các cặp trai gái được gần hơn. Một thiếu nữ xinh xinh, khoảng chừng mười tám tuổi, đã lôi cuốn tôi cả đêm hôm đó. Tầm vóc nhỏ nhắn, thanh thanh, phát triển vừa độ; nước da nàng ấm áp, dịu dàng, phía sau gáy là một mớ tóc đen buông xõa, nét mặt nàng mịn màng, đôi mắt tinh nhanh một cách yêu kiều khác thường; nói tóm lại, nàng rất xinh!

Cặp mắt nàng hấp dẫn tôi làm sao! Nó sắc như nước, long lanh như mặt hồ buổi rạng đông, như một cái gì có đủ sức hấp dẫn người ta đến vô tận, khiến tôi nhớ ngay đến câu nói của người xưa truyền lại: “Lửa còn no vì củi rừng, biển còn no vì nước, chứ thiếu nữ mắt đẹp có bao giờ làm no được lòng thanh niên”.

Nàng khiêu vũ luôn chân và hầu như không lúc nào nghỉ. Nhưng rất may mắn là chính nàng cũng để ý đến cặp mắt của tôi đã dõi theo nàng suốt buổi tối. Mỗi lúc nàng qua phía cửa chỗ tôi đứng, nàng thường liếc mắt nhìn lại tôi rất dăm chiêu, thế rồi khi nàng xa dần, xa dần, tôi thấy và cảm thấy trong từng bước đi, từng nhịp quay của nàng như đều có mang theo hình ảnh tôi trong đó. Tôi chú ý nhưng chẳng thấy nàng trò chuyện với ai một câu.

Tôi vẫn đứng nguyên chỗ cũ. Mặc dầu nàng đứng ở tận hàng cuối nhưng hai cặp mắt của tôi và nàng vẫn luôn luôn gặp nhau. Một điệu vũ nhịp bốn gần kết thúc, hồi nhạc thứ năm của chương trình khiêu vũ cũng vừa hết. Bỗng nhiên, một cô bé từ ngoài sân chạy lao vào trong phòng nhảy, quần áo ướt đầm. Cô bé cố tìm đến nàng thiếu nữ mắt xinh. Âm nhạc bắt đầu nổi lên hồi sáu. Cô bé thầm nói với nàng một câu gì đó. Nàng khẽ gật đầu, rồi em bé lặng lẽ bước ra ngoài. Hồi nhạc thứ sáu hơi dài hơn mọi lần trước, một sĩ quan có dáng người thanh nhã dẫn nàng về chỗ. Tiếng nhạc vừa tắt, thiếu nữ mắt xinh còn liếc nhìn lại phòng nhảy một cách kín đáo và luyến tiếc, sau đó nàng mới tiến thẳng ra cửa trước, đi về. Tôi còn trông thấy nàng lấy chiếc áo ngoài phủ lên đầu, rồi từ từ biến mất.

Tôi đứng dậy quay về chỗ ngồi. Cơn dông lại bắt đầu diễn ra một lần nữa dữ dội hơn, như muốn trút hết những gì còn lại trong bầu trời đen tối. Gió rít lên từng hồi, chớp giật sáng lòe. Đầy cảm xúc, tôi lắng nghe tất cả

những âm thanh đang dồn dập bên tai, nhưng bụng dạ tôi lúc này vẫn chỉ nghĩ về nàng, về cặp mắt xinh xinh đầy kỳ ảo của nàng. Tôi hoàn toàn không nghĩ đến chuyện bỏ nơi ấy về nhà.

Mười lăm phút sau, tôi lại nhìn ra cửa phòng khách của tiệm cà phê. Thiếu nữ mắt xinh đã đứng đó. Nàng đang lau khô mái tóc và vuốt lại quần áo cho phẳng phiu. Cạnh nàng có một thiếu phụ hơn tuổi đang giúp đỡ nàng.

“Sao cô lại ra đi giữa lúc mưa to thế?” Người thiếu phụ hỏi.

“Cô em tới gọi tôi về.”

Lần đầu tiên tôi được nghe tiếng nói của nàng. Giọng nàng êm dịu như tiếng tơ lanh lảnh một cách dễ thương.

“Nhà có chuyện gì xảy ra sao?”

“Mẹ tôi vừa mới mất.”

Tôi giật nảy người.

Thiếu nữ mắt xinh thong thả quay đi rồi lần ra ngoài một mình. Nàng đã tìm đến đứng cạnh tôi lúc nào không biết, đôi mắt nàng lúc này bám sát lấy tôi. Bất chợt, tôi cảm thấy hai bàn tay của nàng bên cạnh bàn tay run rẩy của tôi. Tôi nắm chặt lấy, chao ôi, đôi bàn tay của nàng mềm mại làm sao!

Trong giây phút trầm lặng, tôi kéo nàng dần dần vào mái hiên của tiệm nháy; nàng buông mình để mặc theo ý muốn của tôi.

Cơn dông bão đã đến lúc dồn hết tốc lực về cuối. Một luồng gió thổi tạt ngang như một dòng nước cuốn bầu trời và mặt đất rung chuyển, trên đầu chỉ nghe tiếng sấm rền và xung quanh nghe như tiếng gào thét rừng rợn của những người quá cố vọt lên từ dưới mộ.

Nàng siết chặt lấy người tôi. Bộ quần áo ướt đầm của nàng như dính sát vào ngực tôi, cơ thể nàng mềm nhũn, ấm áp, hơi thở nàng êm dịu. Tôi có cảm giác như chính tôi đang phải uống cạn cả cái tâm hồn u uất đang tụ đọng trong người nàng!

DƯƠNG TẤT TỪ *dịch*

# BUỔI THÁNH LỄ ĐẶC BIỆT

Tôi ngồi ở chân cầu thang dẫn lên gác đàn và cố nén thở. Qua cánh cửa mắt cáo khép lại, tôi nhìn thấy rõ nội thất của Thánh đường; về phía tay phải trông tới tận lăng chạm bạc của Thánh John Baptist, nhìn ngang sang bên kia thì tới tận phòng Thánh. Lễ ban phước lành buổi chiều đã qua từ lâu, Thánh đường mang tên Thánh Vít<sup>[26]</sup> lúc này vắng tanh. Chỉ còn mẹ tôi, một người đàn bà ngoan đạo, đang quỳ gối và đắm chìm trong cầu nguyện bên lăng Thánh John Baptist, và một người nữa là ông già coi nhà thờ. Ông đi từ phía điện thờ Đức Thánh Václav<sup>[27]</sup> ra để làm vòng kiểm tra cuối cùng trong ngày. Ông lướt qua chỗ tôi ngồi, cách tôi khoảng ba bước, rồi rẽ sang cửa ra vào bên dưới cung nguyện Hoàng gia. Ông lắc xùng xoảng chùm chìa khóa, khóa cửa lại, còn ấn vào tay nắm cửa nữa để kiểm tra cho chắc chắn. Rồi ông đi tiếp. Lúc đó, mẹ tôi cũng đứng dậy, làm dấu thánh giá rồi rảo bước cạnh ông. Hai người đi khuất sau lăng Thánh John Baptist, tôi chỉ còn nghe thấy tiếng chân bước và tiếng nói chuyện của họ, rồi cả hai xuất hiện ở phía bên đối diện, bên cạnh hậu cung. Ông già coi nhà thờ đóng sầm cửa, tra chìa vào ổ khóa và khóa cửa lại, rồi đi cùng mẹ tôi đến cửa ra vào bên phải. Thêm hai tiếng cài then cửa sắt nữa và tôi bỗng nhiên ở lại một mình trong Thánh đường đã khóa cửa. Một cảm giác kì lạ làm tôi rùng mình, tôi thấy lưng tôi nóng lên, nhưng cảm giác ấy không phải là không thoải mái.

Tôi đứng bật dậy, rút ở túi ra một cái khăn mùi xoa để buộc chặt tấm cửa mắt cáo, vì nó chỉ được cài bằng chốt cửa. Sau đó, tôi bước nhanh lên cầu thang tới chiếu nghỉ, nép người vào tường rồi ngồi xuống bậc thang. Tôi làm như vậy vì muốn cẩn thận. Tôi đã tin chắc rằng cửa vào Thánh đường sẽ được mở ra lần nữa, rồi sẽ có những con chó, chuyên làm chó canh ban đêm của nhà thờ, phóng vào. Các lễ sinh chúng tôi chưa bao giờ trông thấy các

con chó ấy, cũng không bao giờ nghe thấy chúng sủa ở đâu, nhưng chúng tôi kể cho nhau rằng chúng là ba con chó đốm to lớn, hung dữ, trông giống như con chó của Thánh Václav ở bức tranh treo trên bàn thờ chính. Việc chúng không bao giờ sủa là biểu hiện của sự dữ tợn nham hiểm của loài chó.

Tôi biết là những con chó lớn biết tự mở cửa, vì vậy tôi đã dùng khăn mùi xoa buộc chặt cửa phía dưới chân cầu thang. Tôi cho là làm như vậy thì những con chó ấy không thể đi lên gác đàn được. Và sáng hôm sau, khi người coi nhà thờ dẫn chúng đi, thì tôi lại có thể đi xuống một cách an toàn. Vâng, tôi sẽ ngủ qua đêm ở Thánh đường Vít. Tất nhiên đó là điều bí mật, nhưng rất quan trọng. Lũ con trai chúng tôi biết chắc chắn là hàng ngày, nhất là vào lúc nửa đêm, Thánh Václav làm chủ tế thánh lễ ở trong điện của mình. Tôi phải thú nhận rằng chuyện ấy do tôi loan báo cho các bạn mình. Tôi đã được biết chuyện ấy từ một nguồn tin tốt và đáng tin cậy. Ông già coi nhà thờ tên là Havel, nhưng vì cái mũi dài khác thường của ông mà người ta gọi ông là Havel Gà Tây. Chính ông đã kể chuyện ấy cho bố mẹ tôi nghe, đồng thời trong lúc kể, ông đưa mắt nhìn tôi một cách khác lạ. Lập tức, tôi hiểu rằng ông không muốn tôi biết chuyện ấy. Tôi đem chuyện kể cho hai đứa bạn thân nhất của mình. Chúng tôi thống nhất với nhau là sẽ đi xem buổi lễ thánh vào nửa đêm, bởi Đức Thánh Václav là thần tượng của chúng tôi. Tất nhiên là tôi được ưu tiên, và thế là hôm nay, là người đầu tiên trong bộ ba, tôi ngồi một mình ở gác đàn, bị đóng cửa và bị ngăn cách với toàn bộ thế giới bên ngoài.

Tôi biết là hôm nay, ở nhà sẽ không ai tìm tôi. Tôi đã nói dối mẹ, nói dối khéo đến mức mà đứa con trai chín tuổi tài năng nào cũng phải lấy làm tự hào, rằng cô chúng tôi ở bên Thành phố Cổ muốn tôi chiều nay sang bên nhà cô. Dĩ nhiên là tôi sẽ ngủ lại ở đó, nhưng sáng hôm sau tôi sẽ lại đi cầu nguyện sớm và sẽ giúp lễ theo đúng phận sự của lễ sinh. Nếu sau này mà có tiết lộ bí mật, thì bao giờ tôi cũng có thể kể về việc thấy Đức Thánh Václav làm chủ tế lễ thánh như thế nào! Tôi nghĩ tôi sẽ trở thành người đặc biệt, gần giống như bà Wimmrová, mẹ của anh Wimmr, thợ mộc ở Hradčany. Vào thời có dịch tả, nghe bảo bà ấy tận mắt trông thấy nữ tu sĩ dòng Capuchin,

cô Maria, mặc áo choàng bằng vàng, đi trên quảng trường Loretán vào ban đêm và vẩy nước thánh vào các ngôi nhà ở đó. Thuở ấy, mọi người đều hi vọng là sẽ tránh khỏi dịch bệnh, ai ngờ chính ở những ngôi nhà ấy, bệnh còn hoành hành dữ tợn hơn trước. Rồi sau đó, người ta mới giải thích việc đó là tại cô Maria đã vẩy nước thánh vào những ai sẽ lên thiên đường gặp cô.

Có lẽ bất kì ai trong chúng ta, dù chỉ trong khoảng khắc, cũng có lần ở trong điện thờ một mình và biết cái không gian rộng lớn, yên tĩnh trang nghiêm ấy tác động mạnh mẽ lên cảm giác như thế nào. Tất nhiên, đối với một đứa trẻ giàu trí tưởng tượng luôn chờ đợi những sự việc hoàn toàn không bình thường, thì ấn tượng đó càng được tăng lên gấp bội. Tôi đã chờ một lúc, đồng hồ điểm mười lăm phút, nửa giờ, tiếng đồng hồ vọng vào nhà thờ rõ mồn một, nhưng ở phía cửa hoàn toàn không thấy có động tĩnh gì. Hay là hôm nay người ta cho rằng không cần phải canh nhà thờ chẳng? Hay là phải đến lúc tối hẳn người ta mới thả chó ư?

Tôi đứng dậy và từ từ thẳng người lại. Ánh sáng ban ngày đã mờ nhạt chiếu qua cửa sổ lớn chỗ gần tôi nhất. Bây giờ là cuối tháng mười một, sau lễ thánh Katerina, ngày đang rút ngắn lại. Có ít tiếng động từ bên ngoài vọng vào, nhưng mà khi đã có thì chúng đều vang lên rất to. Vào buổi tối, ở đây im ắng buồn thênh. Có lúc tôi nghe thấy bước chân đi nặng nề của ai đó. Một lúc sau, tôi nghe thấy nhiều bước chân hơn và tiếng nói to ồn ồn của hai người đàn ông đi qua. Rồi có tiếng ầm sâu trầm từ xa vọng tới. Một cỗ xe nặng đi ở phía cổng dẫn vào Lâu đài. Tiếng ầm nghe rõ hơn, chắc xe đã đi qua cổng và đang tới khu lân cận nhà thờ. Tiếng xe lăn mỗi lúc một gần hơn, lớn hơn, rồi tiếng lộp cộp của vó ngựa, tiếng loảng xoảng của dây xích nặng, tiếng lộc cộc của bánh xe lớn, chắc hẳn đó là xe quân sự đang đi vào doanh trại hoàng gia. Tiếng xe lăn ầm ầm, mạnh đến mức làm rung cả cửa sổ nhà thờ; ở một chỗ nào đó bên trên gác đàn vang lên tiếng chíp chíp không yên của chim sẻ. Tôi thở phào khi nghe thấy tiếng chim. Cảm giác là ở chỗ nào đó trong nhà thờ có con vật sống làm tôi nhẹ nhõm.

Đúng ra thì tôi không thể nói rằng tôi sợ hãi khi ở một mình trong nhà thờ. Vì tại sao mà sợ chứ? Mặc dù nhận thức được cái bất thường của việc

đang làm, nhưng tôi không nghĩ tôi làm gì sai trái. Không một cảm giác có tội nào giày vò tâm hồn tôi, trái lại, tôi cảm thấy phấn chấn, thấy đó là điều cao siêu. Cái hào hứng sốt sắng về tín ngưỡng như làm tôi trở thành sinh linh đặc biệt và cao thượng. Trước đó, và thú thật cả sau này, không bao giờ tôi cảm thấy mình hoàn hảo như thế, đáng được mọi người ghen tị như thế. Giá mà một đứa trẻ có khả năng tự mãn ngu ngốc như người lớn thường xử sự thì tôi đã có thể nghiêng mình tự khâm phục mình. Ở những nơi khác, vào những lúc khác, có thể tôi sợ ma chẳng hạn, nhưng mà ở trong nhà thờ thì ma quỷ không thể có một quyền lực nào cả! Còn linh hồn của các vị thánh yên nghỉ ở đây thì sao? Hôm nay tôi chỉ có việc với Đức Thánh Václav thôi. Chắc hẳn Ngài sẽ lấy làm mừng vì tôi, rằng tôi bạo dạn đến thế này cũng chỉ để được nhìn thấy sự linh thiêng của Ngài, nhìn thấy Ngài làm thánh lễ thờ trời. Nếu Đức Thánh muốn, tôi sẽ sẵn sàng giúp lễ biết nhường nào, tôi sẽ chú ý đến nhường nào khi nâng Kinh Thánh, cũng như khi lắc chuông để không lắc nhiều hơn mức cần thiết, dù chỉ duy nhất một lần! Tôi cũng muốn kéo ống thổi ở đàn phong cầm và sẽ hát, sẽ hát bằng giọng cao thánh thót, hay đến mức Thánh Václav phải bật khóc, sẽ đặt hai bàn tay lên đầu tôi mà nói: “Con là đứa trẻ ngoan ngoãn!”

Đồng hồ điểm năm giờ chiều, tiếng điểm giờ vang to làm ngắt quãng dòng suy nghĩ lan man của tôi. Tôi rút quyển sách từ túi sách đeo ở vai, đặt lên lan can và bắt đầu đọc. Mặc dù trong nhà thờ đã tối mờ, nhưng vẫn còn đủ cho mắt người trẻ đọc sách. Chỉ có điều là bất kì một tiếng động nào, dù là nhỏ nhất, vọng đến từ bên ngoài cũng đều gây rối tôi. Nó làm tôi ngừng đọc cho đến tận lúc ngoài đó lại hoàn toàn im lặng. Tự nhiên, tôi nghe thấy tiếng những bước chân ngăn ngui vội vàng tiến tới gần, rồi dừng lại ở bên cửa sổ. Ngay lập tức, tôi vui mừng nhận thấy bên ngoài là hai đứa bạn của tôi. Một tiếng huýt sáo đặc biệt, dấu hiệu ưa thích của chúng tôi, vang lên ngoài cửa sổ. Tôi run người sung sướng thấy bạn bè vẫn nghĩ đến tôi. Vậy là chúng nó đã lại đến đây. Khổ thân chúng nó, có thể vì thế mà khi về nhà chúng nó sẽ bị ăn đòn! Đồng thời, tôi cũng run người vì tự hào, rằng chắc bây giờ các bạn tôi đang rất khâm phục tôi, rằng chúng nó chắc rất muốn được ở vào địa vị của tôi, dù chỉ trong một tiếng đồng hồ... rồi cả đêm chúng

sẽ không ngủ được! Còn tôi, tôi muốn biết bao, nếu được để chúng vào đây với tôi một tiếng đồng hồ!

Bây giờ có tiếng huýt sáo của Fricek. Vâng chính nó rồi, con trai ông thợ giày, làm sao mà tôi chẳng nhận ra! Tôi rất quý Fricek. Tội nghiệp, cả ngày hôm nay nó chẳng gặp may mắn gì cả. Ngay từ buổi lễ thánh đầu tiên lúc sáng sớm, nó đánh đổ nước lên giày của cha cố, vì nó cứ luôn nhìn ngó đầu đầu khắp nhà thờ, chứ không nhìn vào cha. Buổi chiều, nó lại bị thầy giáo bắt quả tang lúc đang hôn cái Anynka, con gái thầy hiệu trưởng và trao thư cho Anynka. Tất cả ba đứa chúng tôi đều thích Anynka và Anynka thì cũng thích cả ba. Tôi nghe thấy tiếng huýt sáo nữa, lần này thì là tiếng huýt của Kubíček. He he, Kubíček! Giá mà tôi cũng được huýt sáo, hoặc nói to một tiếng để trả lời chúng nó, nhưng mà không được, vì tôi đang ở trong nhà thờ. Hai đứa bạn tôi cố ý nói chuyện to để tôi nghe được, có lúc chúng nó hét lên, nhưng tôi chỉ nghe lồm bồm được mấy từ: “Mày ở đó hả?”... “Này, có ở đấy không?”... “Có sợ không?” “Tao đây! Không sợ!”, tôi nói thầm. Khi có người nào đi qua, cả hai đứa đều chạy khỏi đó một đoạn, rồi lại quay lại. Tôi có cảm giác như nhìn xuyên được qua tường, trông thấy được mọi cử động của chúng nó, và miệng tôi luôn nở nụ cười. Bất chợt, một tiếng đập đánh cốp ở cửa sổ làm tôi giật mình! Chắc hẳn hai đứa ném viên đá vào cửa sổ. Rồi lại tiếng nữa! Vào lúc đó, ở gần đấy có tiếng người đàn ông nói to. Tôi nghe thấy tiếng quát tháo của ông ấy và tiếng các bạn tôi bỏ chạy. Hai đứa không quay trở lại nữa, còn tôi cứ ngong ngóng chờ, vô vọng...

Lần đầu tiên, tôi run người vì một cảm giác nhớ nhung. Tôi nhét quyển sách vào cặp, đi sang lan can ở phía đối diện và nhìn xuống phía dưới nhà thờ. Tôi có cảm tưởng là nó buồn hơn trước đây, chính nó buồn chứ không phải là do trời đã tối. Tôi nhận ra được tất cả mọi thứ xung quanh, dù cho có tối hơn nữa tôi cũng nhận ra được, vì tôi biết tất cả. Nhưng tôi như thấy ở các cột và cả ở các bàn thờ đều có phủ các tấm vải dài màu xanh dùng vào mùa thương khó. Chúng bao phủ lên mọi thứ một bằng một màu gì đơn điệu hay là cái gì không màu sắc. Tôi nghiêng người qua lan can. Ở bên phải, phía dưới phòng nguyện Hoàng gia, có ngọn đèn vĩnh cửu không bao giờ

tắt. Ngọn đèn ấy nằm trong tay bức tượng người nữ thợ mỏ bằng đá gắn trên cột, với quần áo mang màu sắc giống như thật. Ngọn lửa nhỏ bé chiếu thăm lặng như ngôi sao nhỏ yên tĩnh nhất trên bầu trời, và chẳng hề lay động. Bên dưới ánh sáng ấy, tôi thấy nền nhà thờ được chia ra thành từng ô, thấy một dãy ghế bóng màu nâu tối phía đối diện, thấy mờ mờ một dải băng vàng trên tấm áo của bức tượng gỗ một vị thánh ở trên bàn thờ gần nhất. Tôi không sao nhớ ra được bức tượng ấy hình thù ra sao trong ánh sáng ban ngày. Mắt tôi quay trở lại bức tượng người thợ mỏ. Từ phía dưới, ngọn lửa nhỏ hắt ánh sáng lên đôi má tròn của tượng, khiến nó giống như một quả cầu màu đỏ nhem nhuốc và không hoàn thiện. May mà tôi không trông thấy đôi mắt lồi của bức tượng, đôi mắt mà chúng tôi sợ cả vào ban ngày. Xa xa một chút là lăng Thánh John. Ánh sáng tối dần trên lăng làm tôi không nhìn thấy rõ được cái gì. Rồi mắt tôi lại quay trở về bức tượng người thợ mỏ. Tự nhiên, tôi có cảm giác rằng cái đầu của bức tượng như cố tình ngả về phía sau, như thể đang cười một cách tinh nghịch ranh mãnh, và cái màu đỏ trên má cũng là do cười, một nụ cười đầy bí ẩn. Có thể là bức tượng đang nheo mắt nhìn tôi và cười tôi nữa. Rồi tôi sợ. Tôi nhắm mắt lại và tụng kinh. Ngay lập tức, tôi lại thấy trong người nhẹ nhõm hơn. Tôi đứng dậy và lại mạnh dạn nhìn pho tượng thợ mỏ. Ngọn lửa nhỏ tiếp tục yên lặng tỏa sáng. Đồng hồ trên tháp điểm bảy giờ tối.

Nhưng lúc này, tôi có một cảm giác khó chịu khác. Tôi rùng mình vì rét. Bên ngoài, trời giá lạnh và khô, tất nhiên bên trong nhà thờ rất rét. Mặc dù tôi đã mặc nhiều quần áo, nhưng cũng không phải là quá nhiều để đủ chống rét. Thêm vào đó, tôi bắt đầu thấy đói. Giờ ăn chiều thường lệ đã qua rồi, và tôi đã hoàn toàn quên không mang theo cái gì để ăn cả. Tôi quyết định sẽ chống lại cái đói một cách dũng cảm. Tôi coi đó là sự chuẩn bị xứng đáng cho niềm sung sướng hạnh phúc tôi sẽ có lúc nửa đêm. Nhưng mà cái rét căm căm cứ ngấm dần vào da thịt, không thể chống lại nó chỉ bằng ý nghĩ được. Tôi cần phải cử động để cho ấm người lên một chút. Tôi đi đi lại lại ở góc đàn và đi đến tận cái đại phong cầm. Phía sau nó là cầu thang dẫn lên gác đàn chính. Vì biết những chỗ này rất rõ, tôi bước lên cầu thang. Bậc thang đầu tiên cọt kẹt làm tôi ngại ngùng. Nhưng tôi vẫn tiếp tục đi lên, từ từ

và thận trọng, giống như chúng tôi vẫn thường làm vào những ngày lễ. Bao giờ chúng tôi cũng cố đi thật nhẹ nhàng để người phục vụ ống thổi đàn phong cầm không nghe thấy tiếng, rồi trước khi ông ấy kịp đuổi, chúng tôi lẩn nhanh vào giữa các nhạc công.

Tôi leo lên đến gác đàn chính. Thận trọng bước từng bước một, tôi đi ra phía trước. Tại đây, nơi mà thường ngày chúng tôi chỉ dám lên một cách lén lút sợ sệt và luôn cảm thấy cái bồi hồi thơ mộng, bây giờ tôi đứng một mình, chỉ một mình, không bị ai theo dõi, không bị ai canh giữ. Ở hai bên đàn đại phong cầm có các hàng ghế ngồi xếp thành bậc từ thấp đến cao, trông như những bậc ghế ở đấu trường La Mã. Tôi ngồi xuống bậc thấp nhất, ngay bên cạnh những chiếc trống kim loại. Bây giờ, giá mà tôi gõ mấy cái trống có vẻ đẹp quyến rũ hùng hồn này, thì ai có thể ngăn cản tôi được? Tôi nhẹ nhàng chạm ngón tay vào mặt chiếc trống ngay bên cạnh mình, nhẹ đến mức như thể không muốn chạm đến lớp bụi phủ trên nó. Rồi tôi lại chạm vào lần nữa, nhưng mạnh hơn một chút. Và tôi nghe thấy tiếng chạm tay ấy, mặc dù đó là âm thanh hầu như không nhận ra được. Thế là tôi thôi không động tay vào trống nữa. Tôi có cảm giác rằng mình đã làm một việc gì tội lỗi.

Những pho sách Thánh Vịnh đặt trên giá sách ở lan can trước mặt tôi đang mờ dần đi. Tôi cũng có thể chạm vào những quyển sách ấy, cũng có thể thử xem có nhấc lên được không. Vào ban ngày thì chắc chắn tôi không cưỡng lại được điều đó. Đối với chúng tôi, những pho Thánh Vịnh khổng lồ ấy bao giờ cũng mang đầy vẻ bí ẩn. Các cuốn sách ấy có bìa viền bằng đồng nặng, những tấm bìa cứng đã bị rạn nứt, những trang sách bằng vải da, được lật bằng các que gỗ, đã bị bẩn ở các góc do sờ mó, nhưng nổi bật lên ở đó là các chữ viết hoa được dát vàng, có màu sắc rực rỡ, những hàng chữ kiểu cổ viết bằng mực đen và các nốt nhạc đen và màu viết trên khuôn nhạc rộng. Các nốt nhạc ấy to đến mức mà từ trên bậc ghế cao nhất chúng tôi cũng nhìn thấy rất rõ. Một quyển Thánh Vịnh như thế phải nặng vô cùng, chính vì vậy mà ông ca sĩ gầy gò hát giọng nam cao không thể nhúc nhích sách được. Lũ con trai chúng tôi vì thế đã coi thường ông ta. Khi cần di dịch sách, bao giờ ông ca sĩ giọng trầm với vóc người to béo và khuôn mặt đỏ cũng phải đảm

đương, và ngay cả ông cũng làm việc đó một cách nặng nhọc. Chúng tôi rất quý ông, cái giọng hát trầm của ông làm chúng tôi rung động, như thấm truyền vào người chúng tôi. Khi có đám rước, bao giờ chúng tôi cũng cố đi gần ông. Vào những ngày lễ lớn, ông thường đứng ở phía trước tôi, cạnh ông là hai người khác hát giọng trầm, nhưng không hát tốt như ông. Cả ba cùng nhìn chung vào một bản nhạc. Phía bên trái có hai người hát giọng cao, nhưng chúng tôi đâu để ý nhiều đến giọng hát cao, mặc dù chúng tôi kính nể một trong hai người đó. Ông ấy cũng gõ trống nữa. Đối với chúng tôi, giây phút trang trọng nhất là khi ông cầm dùi trống trong tay và người đứng cạnh ông nâng cái kèn trombone. Người đó là thương gia Rojko, ông chủ ngôi nhà mang tên Con chim đá. Xa hơn nữa về phía tay trái là ca đoàn bè nam, cùng với họ là người ca trưởng nghiêm khắc. Tôi như nghe thấy tiếng nhắc nhở của ông trước buổi lễ thánh, tiếng sột soạt của các bản nhạc có lời được phát cho mọi người, tiếng chuông lớn vang rộn rã ở bên ngoài. Bây giờ thì như có tiếng giật chuông nhỏ ở cửa phòng Thánh, tiếng đàn đại phong cầm chơi khúc dạo đầu, những nốt nhạc trầm kéo dài như rung chuyển cả nhà thờ, người ca trưởng ngoái cổ nhìn xuống bàn thờ chính, rồi quay lại vẫy nhanh dũa nhịp. Làn điệu tuyệt đẹp và trang trọng của kinh Kyrie vang lên, tràn đầy nhà thờ, bay lên đến tận các vòm mái trên cao. Tôi như nghe thấy tiếng hát của ca đoàn, tiếng nhạc của các nhạc công, tôi mơ màng cho đến tận bản phúc âm cuối lễ. Chưa từng bao giờ có một buổi thánh lễ nào đẹp như buổi lễ này trong tâm hồn tôi. Ôi, những nốt nhạc trầm quyến với tiếng trống và tiếng kèn trombone hùng hồn! Tôi không biết buổi thánh lễ ấy kéo dài trong tâm trí tôi bao lâu, nhưng tôi có cảm tưởng rằng trong thời gian đó, đã mấy lần tôi nghe thấy tiếng điểm giờ ở tháp. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy cái lạnh buốt xuyên qua người, rồi tôi từ từ đứng dậy.

Làn ánh sáng màu bạc nhẹ nhàng như đang bay lượn ở nhịp chính của nội thất Thánh đường. Ánh sáng của bầu trời đầy sao bên ngoài, có thể là cả ánh trăng, chiếu qua các tấm cửa sổ. Tôi bước lên bục bên dưới lan can và nghiêng người nhìn xuống Thánh đường. Tôi thở thật sâu và hít vào phổi một thứ mùi đặc biệt của các nhà thờ, một thứ mùi do mùi thơm và mùi mốc quyến vào nhau. Đá cẩm thạch ở trên lăng lớn sáng lên. Gần bàn thờ chính,

ngọn đèn vĩnh cửu thứ hai ở phía đối diện đang lung linh tỏa sáng và trên các bức tường vàng ở bàn thờ như lấp lánh những đốm sáng nhỏ màu hồng. Tôi vẫn đang mơ màng rung động. Ôi, không biết buổi thánh lễ do thánh Václav chủ tế sẽ như thế nào nhỉ? Chắc là tiếng chuông đánh từ tháp chuông bên ngoài sẽ không làm át tiếng của thánh lễ, cả thế giới sẽ biết đến buổi thánh lễ và nó sẽ không còn bí ẩn thần kỳ hơn nữa. Nhưng chắc là tiếng chuông ở phòng Thánh sẽ vang lên, tiếng đại phong cầm sẽ nổi lên, đoàn rước chủ tế sẽ đi trong ánh sáng tuyệt đẹp qua bàn thờ chính và nhịp bên phải, rồi từ từ tiến đến điện thờ Đức Thánh Václav. Đoàn rước chắc sẽ đi theo thứ tự như bất kỳ đoàn rước nào trong buổi lễ thánh vào chiều ngày chủ nhật, tôi hoàn toàn không thể tượng tượng ra được một thứ tự nào khác.

Mang cây đèn kim loại sáng bóng có cán màu đỏ đi đầu đoàn rước chắc sẽ là các thiên thần, vì người nào khác có thể đảm đương được việc đó! Rồi ca đoàn sẽ là những ai nhỉ? Tôi tưởng tượng họ sẽ đi hàng đôi. Họ là những bức tượng đá có vẽ màu, đặt ở hành lang chạy quanh chính đường ở phía trên cao kia. Đó là tượng các vua và hoàng hậu Bohemia của nhà Luxembourg<sup>[28]</sup>, các vị Tổng giám mục, các kinh sĩ, những người đã xây dựng Thánh đường. Nhưng chắc chắn là các kinh sĩ hiện nay sẽ không được đi ở đó, bởi họ không xứng đáng, nhất là ông kinh sĩ Pesina! Ông này đã sỉ nhục tôi. Một lần, tôi rước cây đèn trong buổi thánh lễ, tôi chỉ cần nghiêng đèn có một tí thôi mà ông ấy đã cho tôi cái bạt tai. Một khi khác, người đánh chuông cho phép tôi lần đầu tiên được lên tháp chuông để đánh cái chuông mang tên Josef. Tôi đã ở trên tháp chuông một mình, hoàn toàn một mình với những chiếc chuông khổng lồ. Sau khi đánh chuông, tôi đi xuống và vẫn còn thấy trong người rạo rực tự hào. Đi tới chân cầu thang, tôi nghe thấy tiếng kinh sĩ Pesina hỏi người đánh chuông: “Thằng ngốc nào đã ở trên đó hả? Sao mà nó đánh vội vàng thế!”

Tôi như nhìn thấy tất cả các nhân vật ấy với những cặp mắt đá đi trong đoàn rước. Thật lạ lùng, tôi không tưởng tượng ra được thân hình và chân của họ; đó chỉ là những bức tượng nửa người, nhưng họ di chuyển y hệt như đang bước. Đi sau họ, tôi nghĩ chắc sẽ là các vị Tổng giám mục đang yên

ngủ ở điện Kinsky, tiếp theo là các thiên thần bạc của Đức Thánh John, rồi chính Thánh John mang trong tay cây Thập giá. Đi theo Đức Thánh John là hài cốt của Thánh Zikmund<sup>[29]</sup>, chỉ có mấy cái xương đặt trên chiếc gối màu đỏ, nhưng tôi trông thấy cái gối ấy cũng như đang bước đi. Rồi nhiều hiệp sĩ mặc áo giáp, đi sau họ là các nhà vua và các quận công đang yên nghỉ ở các lăng tẩm trong Thánh đường. Có người mang y phục sang trọng bằng cẩm thạch màu đỏ, có người lại mang y phục bằng cẩm thạch màu trắng, trong số đó có vua Jiří Poděbrad<sup>[30]</sup>. Đi sau cùng là Đức Thánh Václav, trong tay mang thánh chén có phủ khăn bạc. Đức Thánh có dáng người cao, vạm vỡ và trẻ trung. Trên đầu, Đức Thánh không đội mũ biretta, mà chỉ mang chiếc mũ giáp. Nhưng chiếc áo giáp lưới sắt phòng thân lại được phủ bằng áo lễ bằng lụa trắng. Mái tóc dày màu hạt dẻ của Đức Thánh uốn sóng, khuôn mặt hiền hậu, trầm tĩnh cao siêu. Một điều lạ là tôi có thể tưởng tượng ra được khuôn mặt của Đức thánh, với đôi mắt to màu xanh, với đôi má đầy sức sống, với bộ râu uốn mềm mại, nhưng đó lại không phải là khuôn mặt bằng xương bằng thịt, mà là khuôn mặt từ ánh sáng rực rỡ.

Trong khi hình dung ra một đám rước lễ như vậy, mắt tôi nhắm nghiền. Cái yên lặng trong Thánh đường, cái yếu ớt mệt mỏi và tâm trạng nửa tỉnh nửa mơ đầy tưởng tượng làm tôi thấy buồn ngủ, chân tôi mềm đi. Nhưng tôi nhanh chóng đứng thẳng người rồi đưa mắt nhìn khắp Thánh đường. Vẫn cái yên lặng như trong nhà mồ như trước, nhưng bây giờ tự nhiên nó tác động lên tôi hoàn toàn khác. Tôi cảm thấy tôi yếu ớt hơn, người tôi cứng lại vì rét, rồi tự nhiên tôi thấy sợ. Cái sợ không rõ ràng, không đầu không đuôi. Tôi không biết tôi sợ gì, nhưng tôi sợ, và tâm hồn trẻ con non nớt của tôi bỗng nhiên mất chỗ dựa.

Tôi ngồi sụp xuống bậc ghế và đau đớn bật khóc. Nước mắt tôi trào ra, ngực tôi thắt lại, và không sao cưỡng lại được, tôi nức nở khóc. Tiếng nức nở rưng rức mỗi lúc một lớn hơn, nó truyền đi khắp Thánh đường, tiếng vọng trở lại làm tăng thêm cái sợ hãi của tôi. Giá mà tôi không phải ở một mình, chỉ một mình, trong Thánh đường mênh mông này! Giá mà tôi không bị giam lại ở đây!

Tôi rên rĩ to hơn. Và đúng vào lúc đó, tôi chợt nghe thấy tiếng chim chíp chíp như trả lời tôi. Vâng, tôi đâu có ở đây một mình, mấy con chim sẽ cũng cùng ngủ qua đêm ở đây với tôi mà! Thế là tôi lần ra đến cái xà nơi chúng đậu. Tôi nín thở, đưa tay bắt và tóm gọn một chú sẻ trong lòng bàn tay. Nó giật mình chí chóc kêu rồi mổ mạnh vào ngón tay tôi, nhưng tôi không thả nó ra. Tôi nhận thấy trái tim bé nhỏ nóng bỏng của nó đập liên hồi và nỗi sợ hãi của tôi biến mất. Tôi không cảm thấy mình cô đơn nữa. Trong khoảng khắc, tôi thấy mình lấy lại can đảm, cũng bởi lẽ tôi là sinh linh mạnh hơn con sẻ.

Tôi quyết định giữ chú sẻ trong tay, có nó tôi sẽ không sợ nữa và cũng sẽ không ngủ thiếp đi được. Mà chắc cũng không còn lâu nữa là đến nửa đêm. Tôi sẽ chú ý để nghe thấy tiếng điểm giờ. Còn bây giờ, tôi sẽ ngả người xuống hai bậc thang này, tay giữ con sẻ đặt trên ngực, mặt quay về phía cửa sổ ở điện thờ Đức Thánh Václav để khi trong điện có ánh sáng của buổi lễ thánh màu nhiệm thì tôi sẽ nhận thấy được ngay.

Tôi ngả người nằm xuống và nhìn sang đó qua cửa sổ, ở đó lúc này đang tối mờ. Tôi không biết mình đã nhìn trong bao lâu, chỉ biết là bỗng nhiên tôi thấy cái tối mờ ở cửa sổ biến thành một màu xanh sáng, mỗi lúc một trong sáng hơn. Tôi có cảm giác như nhìn lên bầu trời xanh. Vào lúc đó, có tiếng điểm giờ trên tháp, tiếng nọ nổi tiếng kia, tưởng như không bao giờ dứt.

Cái đau ghê gớm đột ngột đánh thức tôi, vâng, cái đau do giá buốt. Người tôi rã rời như bị đánh. Mắt tôi như đang nhìn vào một cái lò lớn rực lửa đỏ. Tai tôi ù đi vì những tiếng rít tiếng hét kinh hoàng.

Tôi chợt bừng tỉnh. Tôi đang nằm trên hai bậc thang, tay đặt trên ngực, nhưng bàn tay đã mở, trống không. Phía bên đối diện, qua cửa sổ tôi nhìn thấy ánh sáng bên trong điện Đức Thánh Václav. Tôi nghe thấy tiếng đàn đại phong cầm và bài Thánh ca quen thuộc của buổi nguyện sáng sớm.

Đó là buổi lễ thánh của Đức thánh Václav chăng?

Tôi bối rối đứng dậy và lặng lẽ đi xuống phía cửa sổ ở góc đàn bên dưới. Qua cửa kính, tôi rụt rè nhìn xuống.

Linh mục đang hành lễ ở bàn thờ chính. Người giúp lễ là một trong những người coi nhà thờ, lúc này ông ấy lắc chuông vì linh mục đang làm lễ dâng bánh và rượu.

Tôi hốt hoảng nhìn xuống chỗ ngồi quen thuộc ở dãy ghế. Giống như mọi khi, mẹ tôi đang cúi đầu bái quỳ và đập tay vào ngực. Và bên cạnh mẹ là cô tôi, bà cô ở bên Thành phố Cổ.

Bây giờ thì mẹ tôi ngẩng đầu lên và tôi nhìn thấy những giọt lệ nổi nhau tuôn trên má mẹ.

Tôi đã ý thức được tất cả. Tôi cảm thấy xấu hổ vô cùng, thấy bất hạnh đau khổ đến tột cùng... Tôi chợt thấy đau đầu, rồi chóng mặt như bị lốc cuốn. Tôi đã làm mẹ đau đớn, làm mẹ sầu thảm khóc thương đứa con bị mất. Nỗi đau buồn của mẹ làm tim tôi thắt lại, làm tôi ghen thờ. Tôi muốn chạy xuống thật nhanh để đến đứng trước mẹ, nhưng chân tôi khụy xuống, tôi va đầu vào tường rồi nằm vật xuống sàn. Hầu như cùng lúc đó, tôi bật khóc. Những giọt nước mắt lúc đầu nóng rát như lửa đốt, nhưng rồi làm tôi ngùi ngùi dần.

Lễ Mùa vọng Rorate Coeli buổi sáng đã kết thúc, mọi người ra về khi vẫn còn đang tối, trời lâm thâm mưa lạnh. Không ai để ý đến người anh hùng đang đứng ở trước cửa Thánh đường. Người anh hùng ngoan đạo đó đang xấu hổ và thất vọng, và cũng chẳng hề để ý đến ai. Nhưng khi người mẹ cùng người cô ra khỏi cửa Thánh đường, bất chợt bà thấy một cặp môi nóng như lửa áp lên đôi tay nhăn nheo của mình.

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# CHIẾN TRANH ĐÁNH NƯỚC ÁO

Ngày 20 tháng 8 năm 1849, vào lúc 12 giờ rưỡi trưa, nhà nước Áo phải bị đánh đổ, theo đúng như điều đã được ghi trong sổ của “nhóm xạ thủ”. Tôi cũng không nhớ ngày đó nước Áo phạm tội gì, nhưng tôi không mảy may nghi ngờ gì về quyết định đã được suy nghĩ chín chắn đó. Không thể làm gì khác được, điều đó đã được quyết định, đã được tuyên thệ và việc thi hành được trao cho những người đáng tin cần là Jan Žižka, Prokop Holý, Prokůpek và Mikuláš<sup>[31]</sup>. Những người đó tức là tôi, rồi Josef - con trai ông hàng thịt, Frantík - con trai ông thợ giày và Antonín - người vùng Rakovník, được anh trai là nông dân nuôi cho ăn học. Việc ai trong chúng tôi đóng vai nhân vật lịch sử nào không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà hoàn toàn có lý do chính đáng. Thí dụ tôi đóng vai Žižka, bởi vì tôi có nước da đen nhất trong cả bọn, tôi nói năng dứt khoát nhất, và cũng bởi vì hôm đến buổi họp đầu tiên của nhóm (tổ chức tại tầng áp mái ở nhà của Josef) tôi đã đeo một chiếc băng đen bịt mắt bên trái như Žižka, làm cho mọi người ngạc nhiên khâm phục. Rồi sau đó, lần nào đến họp nhóm tôi cũng phải đeo cái băng bịt mắt ấy. Thú thật là đeo băng tôi thấy không được thoải mái lắm, nhưng tất nhiên là không thể làm sao khác được. Việc thủ vai các nhân vật khác của các bạn tôi cũng đã được quyết định như vậy.

Toàn bộ mọi việc được cân nhắc chuẩn bị một cách hết sức kỹ càng. Suốt cả năm, chúng tôi tranh thủ từng lúc đi chơi để cùng nhau tập bắn súng cao su. Frantík - trong vai Prokůpek - đã lo việc làm súng. Chúng tôi đã có thể bắn trúng được thân cây từ chỗ cách xa một trăm bước. Lẽ tất nhiên, chúng tôi không chỉ dừng lại ở đó. Suốt cả năm, chúng tôi cũng còn gom góp từng *krejcar* để gây quỹ chung, gọi là “quỹ xạ thủ”, bất kể đó là đồng tiền kiếm được chính đáng, hay là đồng tiền không lương thiện. Cuối cùng,

chúng tôi tập hợp được gần mười một *zlatý*. Cách đây một tuần, chúng tôi bỏ ra năm *zlatý* để mua một khẩu súng ở phố Příkopy. Theo như người bán hàng nói thì đó là một trong những khẩu súng nổi tiếng, sản xuất tại thành phố Lutych ở Bỉ. Lần nào họp mặt, chúng tôi cũng ngắm nó suốt buổi; dạo này đang là mùa hè, nghĩa là ngày nào chúng tôi cũng họp. Chúng tôi chuyền tay nhau khẩu súng để ngắm nghía, để khẳng định rằng đó chính là khẩu súng chính hiệu sản xuất ở Lutych. Cho đến nay, quả là chúng tôi vẫn chưa hề bắn một phát nào, thứ nhất là bởi vì chúng tôi không có thuốc súng, thứ hai là cho đến lúc này vẫn còn đang có tình trạng khẩn cấp, vì vậy chúng tôi phải cẩn thận. Chúng tôi rất thận trọng để khỏi bị lộ nên cũng không hề nhận thêm ai vào nhóm. Do đó, nhóm chỉ có bốn người “trên nguyên tắc” là chúng tôi, nhưng chúng tôi cho rằng như vậy là nhiều người rồi. Với sáu *zlatý* còn lại, chúng tôi cũng có thể mua thêm một khẩu súng nữa và làm tăng gấp đôi kho vũ khí của mình, nhưng chúng tôi đã dành số tiền đó vào việc mua thuốc súng. Chúng tôi cũng không rõ nó sẽ hết bao nhiêu tiền. Đối với kế hoạch chúng tôi đã lên thì một khẩu súng là hoàn toàn đủ. Tất nhiên, chúng tôi còn có một vật chung nữa, đó là chiếc tàu bằng sứ. Trong các cuộc họp bí mật, Frantík thường hút tàu, đại diện cho tất cả chúng tôi. Chiếc tàu ấy đẹp và có ý nghĩa, nhưng hiện nay thì chúng tôi hoàn toàn không cho là nó đóng vai trò gì đặc biệt. Chúng tôi cũng có một cái thiết bị điện đặc biệt làm từ đồng hai xu cũ, do anh trai của Josef, học trò nghề khóa, thiết kế. Nhưng nó không chạy được, thế là chúng tôi để ở nhà.

Tôi xin trình bày ở đây kế hoạch của chúng tôi, để ai cũng có thể khâm phục. Mục đích chính của kế hoạch là lật đổ nhà nước Áo. Điều cần thiết trước nhất là chiếm Praha. Phương tiện cần thiết là đánh chiếm pháo đài Belveder ở phía cuối tường thành Marian. Từ chỗ đó, chúng tôi sẽ làm chủ cả Praha. Ở chỗ đó thì chúng tôi sẽ không bị tấn công từ bất kì nơi nào. Chúng tôi đã tính toán tỉ mỉ là sẽ chiếm đóng pháo đài Belveder vào buổi trưa. Thông thường thì từ thời cổ xưa cho đến nay, các loại thành lũy bao giờ cũng bị đánh chiếm vào lúc nửa đêm. Nhưng mà lúc nửa đêm lại cũng chính là lúc lính canh cảnh giác nhất, tỉnh táo nhất. Nếu cứ xem như vậy thì phải công nhận là dự định đánh pháo đài Belveder vào buổi trưa của chúng tôi

quả là mưu kế cực kỳ khôn khéo. Vào lúc đó, pháo đài Belveder chỉ có một số lính canh giữ, khoảng sáu đến tám người. Một người lính đứng canh ngay ở cổng sắt dẫn vào sân. Cổng này bao giờ cũng được để ngỏ, từ bên ngoài chúng tôi nhìn thấy lính đi lại thoải mái trong sân. Người lính canh thứ hai đi lại ở chỗ đặt mấy khẩu đại bác, phía nhìn ra Praha. Bốn đứa chúng tôi và một người nữa sẽ đi một cách tự nhiên đến gần cửa sắt. Chúng tôi sẽ nhảy bổ vào lính canh, giết hắn và tước khẩu súng. Chúng tôi sẽ bắn súng cao su vào cửa sổ chòi canh, xông vào đánh gục các tên lính ở trong đó, rồi cũng tước súng của chúng. Chỉ còn lại tên lính canh thứ hai, nhưng chắc là hắn sẽ đầu hàng. Chúng tôi sẽ trói hắn lại và tước súng. Nếu hắn không muốn đầu hàng thì đó là việc của hắn, chúng tôi sẽ giết hắn. Lập tức sau đó, chúng tôi sẽ chuyển một khẩu đại bác đến cổng pháo đài, sẽ châm lửa đốt cái vòng báo hiệu treo ở cây sào, rồi chúng tôi sẽ hô hoán để người dân Praha biết là cách mạng đã bùng nổ. Tất nhiên là quân đội sẽ đưa trợ binh tới, nhưng không thể vượt qua tường thành để đánh chúng tôi được. Còn chúng tôi thì sẽ liên tục bất ngờ mở cổng pháo đài, bắn súng đại bác vào lính rồi lại đóng cổng lại. Chúng tôi sẽ giết hết đám lính đầu tiên ấy, số còn lại chắc là sẽ đầu hàng, vì lúc đó chắc chắn chúng sẽ bị các lực lượng cách mạng bủa vây. Nếu chúng không đầu hàng thì kệ chúng. Chúng tôi sẽ ra khỏi thành, kết hợp với dân chúng Praha và việc đầu tiên chúng tôi làm sẽ là việc giải phóng tất cả các tù nhân chính trị còn đang bị giam cầm ở Hradčany. Còn những việc khác thì tự nhiên nó sẽ đến. Chiến trận lớn thắng lợi đầu tiên của chúng tôi sẽ là trận đánh ở Německý Brod, chúng tôi sẽ lừa để kéo quân đội về đó. Chiến trận thứ hai chúng tôi sẽ đánh là chiến trận ở Morava. Tiếp đó, với sự giúp đỡ của người Hungari, chúng tôi sẽ đánh chiếm thành phố Viên và đánh đổ nhà nước Áo. Sau đó, chúng tôi sẽ tiêu diệt người Hungari. Kế hoạch của chúng tôi đáng được khâm phục như thế đấy!

Ngoài bốn chúng tôi, người đóng vai trò rất quan trọng ngay từ giai đoạn đầu của kế hoạch đẫm máu đó là nhân vật thứ năm. Cho đến phút cuối cùng, người đó không hề biết gì và không được phép biết gì về kế hoạch của chúng tôi. Vâng, người đó là một người bán hàng, tên ông ấy là Pohorák. Ông ấy là người ở gần Bílá Hora. Mỗi tuần, ông ấy đến Praha ba lần, mang

theo thịt gà và chim bồ câu trên một chiếc xe có chó kéo để bán. Josef, tướng quân sự của chúng tôi, đã nhớ đến ông Pohorák nhân việc chúng tôi cần mua thuốc súng. Thời đó, mua thuốc súng là việc vô cùng khó khăn. Người ta chỉ bán cho ai có giấy phép của nhà nước thôi. Ông Pohorák thường mua thịt hun khói ở cửa hàng của bố mẹ Josef. Và Josef cho chúng tôi biết là lần nào đến Praha, ông Pohorák cũng còn đi mua thuốc súng cho một người ở quê ông. Vì thế, Josef đã xin ông Pohorák mua thêm thuốc súng cho chúng tôi, tất nhiên là sẽ trả công xứng đáng, và ông Pohorák đã nhận lời. Ngày 19 tháng 8, Josef đưa tất cả sáu *zlatý* cho ông Pohorák, trong đó hai *zlatý* là tiền trả công hậu hĩnh cho ông và bốn *zlatý* còn lại là tiền mua thuốc súng. Ông Pohorák hứa là ngày hôm sau sẽ lại lên Praha bán thịt và sẽ khẩn trương đi mua thuốc súng. Ông hẹn là sẽ kéo xe đến cổng thành Bruska rồi trao thuốc súng cho Josef. Và ở đó, ông ấy mới được biết rằng chúng tôi là đội quân hùng hậu, ông ấy sẽ tháo con chó trắng khỏi xe, bỏ xe ở đường rồi gia nhập đội quân của chúng tôi. Không một ai ngờ vực gì về chuyện ông Pohorák sẽ đi với chúng tôi, ông ấy đã nhận được hai đồng tiền vàng rồi mà, hơn nữa, đó còn là vấn đề danh dự! Josef đã cho chúng tôi biết là ông Pohorák đã kể rằng vào dịp Lễ các Thánh năm ngoái, ông ấy đã làm cho một người lính bị ngã ngựa. Josef khẳng định rằng người ở Bílá Hora là những người hùng mạnh nhất của vùng Bohemia.

“Đúng vậy, cả người ở Rakovník cũng thế”, Antonín tuyên bố và giờ nắm tay dấm dấm vào không khí. Về phía mình, tôi phải nói rằng sự cộng tác của ông Pohorák là điều rất hay. Tôi dám đánh cược là các tướng lĩnh khác cũng có cảm giác tương tự. Khi lên kế hoạch tác chiến mà tôi đã kể tỉ mỉ ở trên, trước hết chúng tôi nghĩ đến tay lính canh ở cổng. Thêm vào đó là một việc xảy ra cách đây vài tháng, nhưng mà cho đến bây giờ vẫn còn hằn trong tâm trí chúng tôi. Lần ấy, bốn đứa chúng tôi chơi bóng ở dưới hào xung quanh Lâu đài. Chúng tôi chơi ở đó mấy tiếng đồng hồ. Quả bóng cao su nhỏ của chúng tôi vô cùng đẹp, tuy là nó chỉ có giá bốn mươi xu. Chúng tôi chắc đã chơi rất hay, vì một người lính mang lựu đạn đi qua đã dừng lại để xem chúng tôi chơi. Anh ta đứng ở đó rất lâu, rồi còn ngồi xuống cỏ để xem cho thoải mái. Bỗng nhiên, quả bóng lăn qua chỗ anh ta ngồi. Anh ta

lười biếng đưa tay với quả bóng và ngã dúi mặt xuống, nhưng tóm được nó. Anh ta chậm rãi đứng dậy, chậm đến mức chúng tôi tưởng thời gian kéo dài đến vô tận. Chúng tôi đứng đó, chờ xem cánh tay phải to lớn của anh ta sẽ ném quả bóng về phía nào. Thế nhưng không, anh ta thản nhiên nhét nó vào túi mình. Rồi cái thân hình to béo của anh ta chậm chạp leo lên bờ hào. Chúng tôi vây quanh anh ta, nài nỉ, kêu gào, đe dọa, và rốt cục thì Josef bị một cái bạt tai, Antonín cũng vậy. Chúng tôi ném sỏi vào anh ta, nhưng anh ta quay lại đuổi chúng tôi. Công bằng mà nói thì tất cả chúng tôi đã hèn nhát bỏ chạy.

“Các cậu phải công nhận là chúng mình đã xử sự khôn khéo, là chúng mình đã không đánh hấn,” sau đó, tôi đã nói với các bạn mình như vậy. “Các cậu đều biết là chúng mình có kế hoạch muốn làm gì, và ai mà biết được cái gì có thể xảy ra nếu đánh hấn! Khi có âm mưu làm gì thì người ta không bao giờ biết được cái gì có thể xảy ra, tớ biết như thế mà! Tớ đã run cả người và muốn tóm lấy hấn, nhưng mà tớ lại nghĩ: hãy chờ đã!”

Nhận xét rõ ràng về tình huống đã xảy ra được tất cả hài lòng hưởng ứng, ai cũng nói rằng đã run cả người và đã phải cố gắng lắm để có thể đứng vững được.

Trong những ngày đầu tháng tám, khi chúng tôi bắt đầu bàn tỉ mỉ chi tiết kế hoạch của mình, tôi chợt hỏi:

“Con chó của ông Pohorák có biết cắn không?”

“Có,” Josef khẳng định, “hôm qua nó đã cắn rách váy của con bé nhà ông hàng bánh.”

Thông tin về việc con chó của ông Pohorák biết cắn là thông tin rất quan trọng.

Buổi sáng của ngày đáng ghi nhớ ấy đã đến. Sử ký đã ghi lại rằng đó là buổi sáng ngày thứ hai.

Tôi thấy trời hơi xám, rồi xám nhạt đi, rồi đột nhiên sáng hơn, rõ hơn. Tôi thấy thời gian trôi đi vô cùng chậm chạp. Lòng tôi đang nung nấu một

ước vọng rất lạ lùng, tôi muốn trời không xám đi, cũng không sáng ra, muốn thời gian nhảy cóc qua ngày hôm ấy, vâng, chỉ một ngày thôi. Tôi biết là một cái gì tương tự như vậy nhất định sẽ phải xảy ra và tôi đã cầu nguyện, và thú thật, tôi cảm thấy hồi hộp nóng ruột đến phát điên phát cuồng.

Cả đêm, tôi trần trọc không ngủ được. Thịnh thoảng tôi mới lơ mơ chớp mắt được một lúc, nhưng ngay sau đó tôi lại giãy đạp trên chiếc giường phủ chăn ấm, tôi phải cố kìm để khỏi kêu thành tiếng.

“Con làm sao thế, sao mà thở ngắn thở dài mãi thế?” Mẹ tôi cất tiếng hỏi mấy lần.

Tôi giả bộ như đang ngủ.

Mẹ tôi ngồi dậy, bật đèn và đi đến giường tôi, nhưng tôi nhắm nghiền mắt. Mẹ đặt tay lên trán tôi. “Con nóng như lửa đây này. Bố nó lại đây mà xem, nó ồm hay sao đây này.”

“Để mặc nó,” bố tôi nói, “hôm qua lại nghịch ngợm ở đâu chứ gì, cứ như quỷ sứ ấy. Cái chuyện hội này hội kia là phải bãi hết, lúc nào cũng cặp kè với thằng Frantík, Josef, cả với thằng gì ở Rakovník nữa...”

“Nhưng mà bố nó biết là chúng nó cùng học với nhau thì học vào hơn.”

Thú thật, tôi thấy trong người vô cùng nôn nao khó chịu. Đúng ra thì tôi cảm thấy khó chịu từ mấy hôm nay rồi, càng gần tới ngày 20 tháng 8 bao nhiêu, tôi càng thấy khó chịu hơn bấy nhiêu. Tôi để ý thấy các “tướng lĩnh” trong nhóm cũng có cảm giác tương tự. Trong các cuộc họp gần đây nhất, nhiều lúc chúng nói năng có vẻ hơi lung tung. Trong thâm tâm, tôi nghĩ là bọn nó sợ. Ngày hôm kia, tôi đã cố gắng tự trấn tĩnh mình và đã đứng ra nói rất dứt khoát. Bọn nó hùng hổ cãi lại, chúng tôi nóng nảy tranh cãi, chưa bao giờ chúng tôi gắt gỏng với nhau nhiều như ngày hôm đó. Đêm hôm sau đó, tôi có ngủ, nhưng không ngon giấc tí nào. Vâng, giá mà tôi được thấy cái biểu hiện của sự hùng dũng hoàn toàn ở các bạn mình thì chắc chắn chính tôi cũng có cảm giác hoàn toàn khác.

Bằng bất kỳ giá nào, tôi cũng không thể được phép sợ hãi. Tôi không muốn lên án số phận, nhưng tôi cứ tự hỏi tại sao mà chính tôi lại phải mang cái nghĩa vụ nặng nề như thế. Tự nhiên, tôi thấy việc đánh đổ nhà nước Áo thật sự trở thành một nỗi khổ sở cay đắng cho tôi. Tôi muốn tha thiết cầu nguyện: “Xin Chúa gỡ bỏ cái khổ sở ấy đi cho con!”, nhưng tôi nhận thấy là không còn con đường nào khác. Tôi cũng chợt nhận ra rằng cái đỉnh cao vinh quang đã trở thành đỉnh đồi Golgota đau đớn. Những lời tuyên thệ đã ràng buộc tôi.

Ngày hôm sau, chúng tôi phải có mặt tại chỗ vào lúc mười giờ sáng, ông Pohorák phải tới lúc mười một giờ và chiến dịch phải được tiến hành lúc mười hai giờ rưỡi.

Tôi ra khỏi nhà lúc chín giờ sáng.

Làn gió hè man mát nhẹ vờn quanh thái dương tôi. Bầu trời xanh cười cười, giống như nụ cười của Mária, em gái của Josef, mỗi khi nó muốn bảo chúng tôi chơi một trò chơi tinh nghịch nào đó. Cũng phải nói thêm rằng Mária là tình yêu của tôi. Tôi nhớ đến Mária, nhớ đến sự tôn trọng ngưỡng mộ em vẫn dành cho tính cách anh hùng của tôi, và bỗng nhiên, tôi thấy nhẹ nhõm hơn, ngực tôi căng lên và tâm hồn tôi như bay bổng.

Một bước ngoặt thần kỳ đã xảy ra, bởi vì trên đường tới hào quanh Lâu đài, có hai lần tôi bất giác nhảy lò cò.

Tôi nhắm tính lại tất cả xem mọi việc đã đâu vào đấy chưa. Tôi thấy mọi việc đều hoàn thiện. Hai cái súng cao su nằm trong một bên túi áo, cái băng bị mất màu đen nằm trong túi thứ hai. Một quyển sách giáo khoa cặp dưới nách, tôi mang theo để ngụy trang. Tôi đi trên thành Marian, ngang qua chỗ các đơn vị lính đang tập luyện, nhưng tôi không mấy sợ hãi. Tôi biết rằng vào giờ chúng tôi khởi sự thì tất cả lính đều đã trở lại doanh trại rồi.

Vì còn nhiều thời gian nên tôi đã đi vòng quanh cả khu chiến trận. Tôi đi qua vườn Chotka, đến chỗ gần đường đi xuống phía dưới. Đó là chỗ

Frantík sẽ phải đứng. Tôi nhìn xuống Bruska, nơi Josef sẽ chờ ông Pohorák, rồi phải chạy nhanh từ đó lên trên để báo tin cho chúng tôi. Tôi đi đến tận pháo đài Belveder, đi qua lũy sang cổng thành Bruska. Hệ thống lũy chạy từ pháo đài Belveder đến cổng thành Bruska gồm có hai bờ lũy. Bờ thứ nhất cao, phía trên mặt lũy có một khoảng trống. Ngày xưa ở chỗ ấy có một cái ao nhỏ được xây bờ, xung quanh um tùm toàn cây sậy và các bụi cây. Chỗ ấy cũng là nơi chúng tôi rất thích ra chơi. Ở bên dưới một bụi cây chúng tôi có giấu một đồng sỏi làm đạn bắn súng cao su. Bờ lũy thứ hai có sườn dốc sâu hơn. Hiện nay ở đó là quán cà phê Panorama, nhưng ngày xưa chỗ ấy chỉ có các bụi cây um tùm. Cách đó mấy bước là cổng thành Bruska. Đó là nơi mà tôi, tổng chỉ huy quân sự, phải coi giữ.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế dài sau cổng thành và giở sách. Tôi hơi run run khắp người, thỉnh thoảng thấy lạnh sau lưng, nhưng tôi nghĩ đó không phải là cái sợ. Tôi cảm thấy khá thoải mái. Nguyên nhân chủ yếu làm tôi thoải mái là tôi không trông thấy một ai trong các đồng đội của mình. Tôi thầm hi vọng là họ sợ và sẽ không đến. Trái tim tôi bảo tôi nên vì thế mà đừng căng thẳng nữa, nên nghỉ, nên bỏ cuộc, nhưng linh tính lại bảo tôi đừng làm như vậy, vì có thể biết đâu tôi bỏ cuộc thì họ sẽ đến. Thế là tôi vẫn sẵn sàng.

Tiếng trống, tiếng kèn thay nhau vang lên từ chỗ luyện binh ở trên thành Marian và pháo đài Belveder. Người và xe cộ ra vào liên tục ở cổng thành. Lúc đầu, tôi không để ý gì đến họ, nhưng rồi cái mê tín làm tôi phải để ý. Tôi tự bảo, nếu người này đi tới cầu rồi ngoặt về phía Bubeneč thì việc của chúng tôi không thành, nếu người ấy rẽ tay trái đi về hướng Podbaba thì mọi việc sẽ tốt đẹp. Một, ba, bốn, năm, tất cả đều đi về phía Bubeneč. Tiếng kèn từ pháo đài Belveder vọng tới, nghe như tiếng kèn ra lệnh tấn công. Tôi đứng bật dậy.

Đồng hồ trên tháp Thánh Vít điểm mười giờ. Tôi nhìn quanh và thấy Antonín đang đi giữa hàng cây để lên vị trí của mình. Antonín quả là một người cao thượng và dũng cảm, là một chiến sĩ rất có khả năng. Hơn nữa, là một người biết hi sinh, dành cả những ngày nghỉ hè cho sự nghiệp lớn. Đúng

ra thì Antonín đã có thể về nhà anh trai được hai tuần rồi. Thế nhưng tôi lại cảm thấy hơi khó chịu khi trông thấy nó. Như vậy là tôi bắt buộc phải thực hiện nghĩa vụ quân sự là đi tuần tra xung quanh. Với quyển sách cầm trong tay, tôi đứng dậy và chậm chạp đi lại trên bờ lũy. Tôi hoàn toàn không thấy một bóng người nào qua lại trên đó.

Tôi đi tới ao và trông thấy Josef đang nằm trên bãi cỏ. Tôi bước những bước dài hơn, dứt khoát hơn, giống như bước chân nặng nề nện xuống đường của người đang mặc áo giáp.

Cũng cầm trong tay một quyển sách, Josef ngẩng nhìn tôi. Mắt nó đỏ hoe.

“Mọi việc ổn cả chứ?”

“Tất cả.”

“Cậu có không?”

“Có.”

“Có” ở đây nghĩa là nó có khẩu súng mà chúng tôi đã giao cho.

Tôi đưa mắt nhìn về bụi cây, nơi chúng tôi giấu đồng sỏi. Josef cũng thận trọng ngoái nhìn sang đó, có vẻ nó hơi mỉm cười, nhưng không thành. Vừa lúc đó, một người lính đi từ pháo đài ra. Anh ta mặc áo sơ mi, đội mũ, cầm trong tay một cái bình tưới cây. Đó là người lính hầu. Khi nghĩ chiến lược, chúng tôi đã quên không tính đến anh ta, nhưng mà không sao, thêm một người lính thì cũng có sao! Người đó chậm rãi tiến gần và dừng lại ở chỗ chúng tôi. Tim chúng tôi thắt lại.

“Các cậu có xì gà không?” Anh ta hỏi.

“Không, chúng tôi...”, tôi lên tiếng, nhưng ngừng lại. Chẳng lẽ tôi lại đi nói rằng ngoài Frantík ra thì chúng tôi vẫn còn chưa hút thuốc!

“Nhưng chắc chắn các cậu sẽ cho tôi hai *krejcar* để mua thuốc lào! Tôi đã ở đây từ khởi nghĩa năm ngoái” - chúng tôi lại giật mình hơn, lần này thì

như bị điện giật - “ngày nào ở đây cũng có người cho tôi tiền mua thuốc Lào.”

Tôi lấy ra hai *krejcar* và lấy bấy đưa cho anh ta. Hắn huýt sáo, nhấc cái bình tưới rồi bỏ đi mà chẳng hề cảm ơn.

Tôi giơ tay chào Josef và đi xuống đường. Tôi vào vườn Chotka, tiến gần đến Antonín đang ngồi trên ghế dài ở Điểm ngắm thành phố. Qua quyển sách, nó đang nhìn xuống bên dưới. Tôi lại bước những bước dài, dứt khoát, nặng nề như mang thiết giáp.

“Mọi việc ổn cả chứ?”

“Ổn cả,” Antonín hơi mỉm cười.

“Frantík đang ở đó chứ?”

“Ừ, đang hút thuốc.”

Phía bên dưới, Frantík đang ngồi trên lan can, dùng đưa hai chân và hút xì gà.

“Ngày mai tớ sẽ bắt đầu hút thuốc.”

“Tớ cũng thế.”

Tôi giơ tay chào Antonín rồi bỏ đi, cố nện gót chân thật mạnh.

Tôi trở về ngồi ở sau cổng thành. Các người lính đã tập binh xong và đang trở về doanh trại - tuyệt vời! Nhưng không biết làm sao, hôm nay tôi nhìn họ một cách chán chường. Bình thường, cứ thấy họ là tôi thấy bị khiêu khích, chỉ tiếng trống đánh thôi cũng đủ gọi cho tôi nhiều tưởng tượng. Tôi như bay bổng trong tiếng nhạc Thổ Nhĩ Kỳ vang dội, tôi thấy mình đang cưỡi ngựa trắng, đi đầu đoàn quân trở về sau một trận chiến đại thắng, sau tôi là các binh sĩ đang vui mừng hát bài ca hào hùng, xung quanh tôi là cả dân tộc đang phấn khởi mừng rỡ đón chào. Còn tôi, mặt tôi không hề cử động, thỉnh thoảng tôi mới hơi cúi đầu, nhưng chỉ thỉnh thoảng thôi.

Nhưng ngày hôm nay, trí tưởng tượng của tôi giống như bia uống dở đã hả hơi mà mẹ tôi thường cho vào xúp, và tôi rất ghét loại xúp ấy. Cái chính là hôm nay tôi hoàn toàn không muốn đi đến một chiến thắng nào cả, miệng lưỡi tôi như đang ngậm đất cát. Khi một chiến hữu nào tình cờ ngược mắt nhìn tôi thì tôi nhìn tránh sang chỗ khác.

Tôi nhìn ra xung quanh. Một cái yên tĩnh vui vẻ, như thể có những hạt vàng nhỏ xíu đang nhẹ nhàng rơi như mưa xuống các đỉnh đồi và thung lũng. Mặc dù vậy, xung quanh đây vẫn có một cái vẻ buồn lạ lùng. Tôi rùng mình, cho dù trời đang ấm.

Tôi ngược mắt nhìn lên bầu trời xanh và lại nhớ đến Mária, nhớ đến bé gái yêu quý của mình! Nhưng tôi có cảm giác là lúc này, tôi hơi sợ Mária. Tôi vội nghĩ sang cái khác. Vâng, chỉ với một nhóm người, Žižka đã đánh tan một trăm nghìn lính Thập tự chinh. Chỉ trong một tiếng đồng hồ, hiệp sĩ Pecival tiêu diệt một trăm lính mang vũ trang. Nhưng mà... có trời biết được tại sao... có những khi ngay cả lịch sử cũng không có sức thuyết phục... bia hả hơi, đất cát ngậm trong miệng...

Không, không thể thế được, không thể lùi bước được, dứt khoát phải làm!

Bây giờ người đi ra khỏi cổng thành nhiều hơn. Tôi thờ ơ nhìn họ. Nhưng tự nhiên, tôi lại mê tẩn và lại đếm họ, và cũng tự nhiên, tôi quyết định sẽ đếm khác đi. Tôi chỉ chọn những người mặc quần áo có vẻ nhà quê, để có nhiều khả năng là họ sẽ rẽ sang tay trái, đi về phía Podbaba.

Bỗng nhiên thấy lạnh, tôi đứng dậy một cách khó khăn.

Tốt hơn hết là lại đi tuần tra một vòng nữa! Chẳng gì thì đó cũng hoàn toàn là nghĩa vụ đang kêu gọi tôi.

Tôi cố cật lực gót giày bước đến gần Josef, nhưng tự tôi cũng nhận thấy là những bước chân ấy không lấy gì làm mạnh mẽ lắm. Vừa lúc đó, một sĩ quan giám sát đi vào pháo đài. Chúng tôi đành phải chờ đến lúc người ấy đi ra khỏi pháo đài.

Tôi nhìn thấy mặt Josef nhợt nhạt.

“Josef ơi, cậu đang sợ hả?” Tôi hỏi nó bằng giọng thông cảm thành thực.

Josef không trả lời. Nó đặt ngón trỏ tay phải vào mí dưới mắt phải rồi kéo mí xuống tận dưới, làm tôi trông thấy cả cái viền đỏ trong tròng mắt. Đó là cử chỉ không lời của thanh niên Praha, có nghĩa là hoàn toàn không.

Nhưng tại sao mà nó lại không nói ra là nó sợ kia chứ! Nước Áo có thể vẫn còn...

“Mười một... giờ,” Josef lập cập nói.

Tiếng chuông điểm mười một giờ chậm chạp đổ xuống trong bầu không khí nóng ẩm, các tiếng chuông gõ rung rất lâu trong tai. Bất giác, tôi nhìn lên trên, như thể muốn xem tiếng chuông có biến thành một cái gì có hình dạng nhìn thấy được không. Đó là những tiếng chuông rất mạnh, vang lên từ một trong những nơi cổ kính nhất và lớn nhất của châu Âu!

Tôi còn từ từ đi vòng quanh chỗ canh gác của Antonín, sau đó chậm rãi đi xuống chỗ của Frantík. Tôi nghĩ là tôi sẽ phải ra lệnh quân sự để nó chú ý hơn.

Frantík vẫn còn đang ngồi ở lan can, nhưng không hút xì gà nữa mà ôm trong tay cái mũ đựng đầy mận. Nó ăn mận rất ngon lành. Nó cẩn thận nhè hạt mận ra tay, đặt lên đầu ngón trỏ rồi búng đi bằng ngón cái. Con gà mái trong đàn gà ở bên kia đường bị hạt bắn trúng kêu ré lên. Cả đàn đã chạy tan tác đến khoảng cách an toàn, chỉ còn một con màu đen còn đang mãi tìm mồi ở chỗ gần đó. Đúng lúc Frantík đang nhắm búng hạt mận khác vào con gà đen thì tôi đi tới. Ngón tay búng bất ngờ bị chuyển hướng, lẽ ra hạt mận bắn vào con gà thì nó nhắm trúng cằm tôi. Hạt mận văng mạnh vào cằm, sắc buốt như bị roi quất. Khuôn mặt Frantík rạn rở vì thích thú.

“Làm cái gì thế hở? Mắt để vào đâu thế?”

“Tớ á? Cậu biết đấy, tớ không có mắt mà! Có ăn không?”

“Không đói. Mua hết bao nhiêu tiền vậy?”

“Tám *krejcar*. Ăn đi!”

“Tớ lấy bốn quả cho Josef thôi. Chú ý đây, ông ấy sắp đến rồi!”

Tôi lại đi lên phía trên. Cảm thấy đau nhói vì một hạt mận khác bay sạt mang tai, nhưng tôi không ngoảnh lại mà điềm tĩnh bước tiếp.

Tôi quay trở lại chỗ canh gác của Josef vào lúc mười một giờ rưỡi. Josef vẫn đang nằm trên cỏ.

“Mận cho cậu đây, Frantík gửi.”

Josef gạt tay tôi ra. Tôi đặt mấy quả mận gần nó, rồi cũng ngả lưng nằm xuống bên cạnh.

Trên trời không một gợn mây. Nhưng mà khi nhìn lên trời thế này, tự nhiên tôi hoa mắt, tôi có cảm giác là nhìn thấy ở trên không đầy những con gì bé nhỏ màu trắng đang vun vút bay. Không chỉ nhìn thấy chúng, tôi còn có cảm giác là chúng đang bò trên khắp người tôi, máu trong tôi rân rân, các cơ bắp giật liên hồi. Chúng như những giọt chì đang nhỏ giọt từ trên trời xuống.

Tôi xoay nghiêng người, quay mặt về phía Josef.

Đồng hồ điểm mười một giờ bốn lăm phút.

“Này,” Josef quay sang nhìn tôi, hai mắt nó trợn tròn, “tớ đang sợ ông Pohorák phản bội chúng mình!”

“Có lẽ nào...”, tôi lắp bắp. Nhưng chính tôi cũng thấy không yên nên đứng dậy rồi đi đi lại lại. Cái cảm giác kinh hoàng nhất về sự phản bội đen tối làm u mê đầu óc tôi.

Qua bụi cây, tôi trông thấy Frantík đang chạy từ dưới đường lên.

“Frantík!”... Và ý nghĩ đầu tiên là: chúng ta hãy chạy trốn!

Josef cũng đã đứng dậy. Từ phía đằng kia, Antonín vội vàng chạy tới, nó cũng nhìn thấy Frantík đang chạy.

Frantík thở không ra hơi. “Một người bán hàng... ở ngoài chợ... bị cảnh sát bắt! Những người đang uống rượu... ở quán dưới kia... nói thế!”

Không ai trong chúng tôi dám nói ra câu “Đó là ông Pohorák!” nhưng như đàn chim bị hòn đá to ném giữa đàn, ngay lập tức chúng tôi tản ra mọi phía.

Ba chân bốn cẳng, tôi lao xuống đường, đầu tôi ngả nghiêng. Chỉ trong khoảng khắc, tôi đã ở dưới phố Valdštyňská, nhưng một cái gì đó thúc tôi chạy mãi. Tôi ngoặt sang phố Senovážná, con đường rải đá lùn nhanh dưới chân tôi. Một loáng sau, tôi đã đến bên nhà thờ Thánh Tomáš. Tôi muốn chạy dọc theo đường che mái vòm xung quanh quảng trường để ngược lên. Tôi chạy qua cái cột thứ nhất, nhưng ngay lập tức tôi phải dừng lại và đứng nép vào chiếc cột thứ hai. Vì chính lúc đó, cảnh sát đang giải ông Pohorák đi, cả con chó và cái xe hàng của ông nữa. Tôi trông thấy rất rõ là ông Pohorák đang xúc động. Nỗi đau khổ không thể tả được in trên nét mặt ông.

Lịch sử loài người sẽ có một chỗ trống, nếu như tôi không kể ra đây cái gì đã xảy ra với ông Pohorák. Sáng ngày hôm ấy, ông Pohorák đi qua cổng thành Strahov muộn hơn mọi khi. Có thể nói là so với thói quen của những người bán hàng và tập quán của Praha thì ông đã đến rất muộn, mãi vào lúc bảy giờ. Ông kéo xe hàng vội vã đi, con chó trắng mừng rỡ vì không phải kéo nên chạy theo rất vui vẻ.

“Sao hôm nay ông đi muộn thế?” Ông thợ nướng bánh mì ở phố Hluboká hỏi. Ông ta đang đứng ở vỉa hè và thong thả hút thuốc.

“Ấy, phải dừng lại mấy chỗ,” ông Pohorák cười và dừng xe lại. Ông thò tay vào túi bên phải, lấy ra một chai rượu carum, đưa cho ông thợ bánh và nói: “Ta uống với nhau một ngụm chứ ông?”

“Cám ơn ông, lúc sáng tôi đã làm một hộp rồi.”

“Thì tôi cũng thế. Nhưng một hộp thì thấm thía gì!” Nói đoạn, ông Pohorák dốc ngược chai, uống cạn, nhét chai vào xe, giơ tay chào rồi đẩy xe đi tiếp.

Chợ Selský đã đông nghịt. Cảnh sát dẫn ông Pohorák đi hết chỗ này sang chỗ kia để tìm nơi đặt xe hàng. Ông Pohorák làu bàu với cảnh sát, nhưng cuối cùng thì họ cũng tìm được một chỗ trống. Tuy cũng có khi mang bán thịt thỏ, bơ và trứng, nhưng hôm nay ông Pohorák chỉ có thịt gà mái và chim bồ câu. Hàng bán chủ yếu của ông là thịt gia cầm, cũng do vậy mà người ông như thấm cái mùi đặc biệt, không thơm tho gì của gia cầm, chỉ đến gần ông mấy bước là đã ngửi thấy rồi.

Ông Pohorák đã gần sáu mươi. Ông không phải là người cao to béo khỏe gì, mà chỉ tầm trên trung bình, lưng hơi còng còng, dáng người xương xương. Khuôn mặt gầy gò của ông rõ chẳng chịt vì bệnh đậu mùa, người tốt bụng có lẽ muốn khuyên ông nên đi mài lát mặt cho nhẵn nhụi. Ông mặc cái áo khoác màu xanh xanh có kẻ ô nhỏ, nhưng ở một vài chỗ, nhất là ở phía lưng bên dưới cổ áo và ở vai bên trái thì không còn thấy ô kẻ nữa, mà trông như có lớp bùn khô. Ông cũng mặc một chiếc quần màu nâu nhàu nát, nhưng hai ống quần bao giờ cũng xắn cao gọn ghẽ, mặc dù đã bảy tám tuần nay không hề có mưa. Mùa hè cũng như mùa đông, bao giờ ông cũng đội cái mũ vải tối màu, ở vành mũ có giắt giấy nộp thuế.

Ông Pohorák trải một ít rơm bên dưới xe hàng cho con chó của ông chui vào cuộn mình nằm trong đó. Rồi ông sắp đặt hàng trên xe, đứng thẳng người lên và ngó nhìn xung quanh.

“Bà chị trông giùm tôi một lát nhé,” ông nói với bà bán hàng trạc sáu mươi ở bên cạnh, “tôi chỉ đi uống cốc sữa thôi, đi từ sáng đến giờ đói rồi.”

Ông sang quán cà phê gần đấy, uống cạn một cốc sữa. Ông đi tiếp ba bước đến hàng rượu, uống hai chén rượu lúa mạch đen và mua chai rượu nhỏ nhét vào túi. Sau đó ông đi mua hai cái bánh rắc hạt thuốc phiện, một cái cho mình, một cái cho con chó, rồi trở về xe hàng của mình.

“Đặt vào bên trái hay bên phải?” Người đàn bà cho thuê ghế ngồi đến hỏi. Ông Pohorák im lặng chỉ tay, đưa cho người đàn bà một *krejcar* rồi ngồi xuống ghế. Ông đưa tay vào túi bên trái áo khoác, lấy ra cái tẩu và gói

thuốc. Ông mở gói thuốc, nhồi tẩu, lấy bao diêm từ túi phải áo khoác, rồi châm lửa hút một cách ngon lành. Lúc này ông mới nhìn hàng của mình.

“Gà sẽ bán bốn mươi *krejcar*, chim bồ câu hai mươi *krejcar*,” ông tự nhủ và tiếp tục hút tẩu.

Một người đàn ông già to béo đi tới. Gọi là ông già, bà già, hay ông nấu bia, bà nấu bia, bởi có thể nhận ra họ một cách dễ dàng. Khi ra chợ thì họ có cô hầu đi theo sau, mang theo cái thùng có miệng nẹp đồng.

“Gà giá bao nhiêu đấy ông?”

“Bao nhiêu ư?” Ông Pohorák chuyển cái tẩu sang mép bên kia rồi chậm rãi trả lời. “Có là người gốc thì tôi mới bảo ông giá bao nhiêu. Nhưng tôi bán bốn chục *krejcar*.”

“Ôi trời, điên hay sao mà bán đắt thế! Băm hai nhé? Đồng ý thì tôi lấy sáu con.”

Ông Pohorák im lặng lắc đầu, ngồi xuống và tiếp tục hút thuốc. Ông già bỏ đi.

“Này ông ạ, hôm nay giá ấy không bán được đâu,” bà bán hàng ngồi bên cạnh nói. Đó là người mà ông Pohorák đã thân mật gọi bằng “bà chị”. “Tôi bảo đừng giữ giá ấy làm gì, chợ hôm nay nhiều gà lắm.”

“Thì việc gì đến nhà bà, hả mụ già gở mồm? Tôi thích bán thế nào thì tôi bán, bà cứ lo hàng của bà đi, chứ chả phải lên mặt dạy tôi bán hàng! Mà hôm nay có chẳng bán được gì thì tôi cũng đã kiếm được rồi!” Ông Pohorák nói thêm và rút mấy *zlatý* ra khỏi túi áo, giơ lên lắc lắc.

“Bà chị” lặng thinh không nói gì nữa. Ông Pohorák cũng vậy. Ông uống ngụm rượu để cho vợ nổi tức giận.

Một bà cùng một cô hầu đi đến.

“Gà này bao nhiêu?”

“Bốn chục.”

“Sao đắt thế! Băm năm có được không?”

Ông Pohorák im lặng.

“Nào, bán cho tôi đi.”

“Không được, không bán được. Tôi đã định thế là thế, không rẻ hơn được.”

“Thưa bà, ta đi chỗ khác đi,” cô hầu nói, “mà gà này trông còn có vẻ không tươi nữa bà ạ.”

“Mày nói sao hả? Không tươi à? Có mày không tươi thì có! Đồ phù thủy ạ! Gà của tao tươi đủ màu đây này,” ông Pohorák cầm chân mấy con gà rồi quay tròn chúng trên không.

“Hé hé! Hớ hớ!” Tất cả các “bà chị” ở xung quanh phá lên cười giòn giã. Ông Pohorák lại uống rượu để giải cơn giận dữ.

Chợ dần dần vắng người. Gà và chim bồ câu của ông Pohorák vẫn còn nguyên. Thỉnh thoảng, ông nhìn xe hàng tỏ vẻ khó hiểu, nhưng rồi lại lẩm bẩm: “Mình đã định thế thì làm sao khác được.”

Rượu bắt đầu ngấm.

Ông hàng xúc xích đến. “Xúc xích đây! Xúc Xích đây!”

“Đưa tôi một chiếc!” Ông Pohorák lấy một chiếc xúc xích ăn. Trong khi đó, ông hàng xúc xích đi bán cho các bà hàng ở gần đó. Ông ấy quay trở lại chỗ ông Pohorák.

“Xin ông cho ba *krejcar* tiền xúc xích ạ.”

“Xúc xích nào?”

“Cái xúc xích ông vừa ăn hết ấy!” Bà bán hàng phía đối diện nhắc.

“Tôi mà vừa ăn hết cái xúc xích á? Các ông các bà điên à?”

Họ cãi nhau. Ông Pohorák lớn tiếng chửi. Ông hàng xúc xích múa cái kẹp xúc xích trên không và gọi cảnh sát.

Cảnh sát hỏi: “Ông đã ăn xúc xích, phải không?”

“Đã.”

“Thế thì trả tiền đi!”

“Thì tất nhiên!... À, bây giờ thì tôi nhớ ra rồi. Ông cảnh sát ạ, ông cũng biết tôi già rồi, đầu óc lẫn lộn.”

Mọi người xung quanh lại khúc khích cười. Ông Pohorák ngồi xuống ghế, mặt mày ủ dột, ông than phiền: “Cái đầu tôi... ối cái đầu tôi.” Nói đoạn, ông uống cạn chai rượu.

Trời nắng chói chang. Ông Pohorák thấy trong mình khó chịu. Ông nhìn con chó đang ngủ ngon lành dưới bóng râm của xe hàng. Ông thu hết sức, chậm chạp kéo tấm bạt che đồng thịt gà và chim bồ câu, rồi cũng chui vào nằm dưới gầm xe.

Người mua hàng cuối cùng đã đi ra khỏi chợ. Các bà bán hàng bắt đầu thu dọn quầy. Người cảnh sát đi vòng quanh chợ và giục mọi người:

“Dọn hàng đi thôi!”

Bây giờ, ông ta đứng trước xe hàng của ông Pohorák.

“Dọn đi chứ! Xe của ai đây?” Nói đoạn, ông bèn lay chiếc xe. Có tiếng gầm gừ từ dưới xe. Người cảnh sát cúi nhìn xuống đó và trông thấy ông Pohorák đang nằm ngủ say sưa trên lớp rơm, cái mũ lót dưới đầu. “Này, ông Pohorák, dậy đi!”, và kéo chân ông ta.

Vừa lúc đó, con chó nhảy phóng ra, đẩy cái xe nghiêng sang một bên, bánh xe lăn qua tay ông Pohorák, nhưng ông ấy vẫn tiếp tục ngủ. Người cảnh sát bật cười.

Nhóm thợ quét dọn chợ đã bắt đầu làm việc. Người cảnh sát gọi một người trong nhóm: “Anh lại đây, té vào ông ấy một tí nước!” Người này lập tức giội lên đầu ông Pohorák một nửa thùng nước.

Ông Pohorák giật mình ngồi dậy dụi mắt.

“Đứng lên!”

Ông Pohorák chập chạp đứng dậy.

“Tôi nhọc quá... già rồi, chẳng làm lưng vất vả được nữa...”

“Vâng, bây giờ thì đi theo tôi, cụ già ạ. Về đồn mà ngủ cho đỡ giấc.”

“Ông ra lệnh thì tôi theo.” Ông Pohorák nắm lấy càng xe rồi đi theo người cảnh sát, trong lòng đầy nỗi u buồn.

Cuộc họp cảm động diễn ra trên tầng mái ở nhà Josef. Tất cả đều thề sẽ không bao giờ và không bao giờ phản bội nhau. Tôi - Žižka - đã kể lại cho các bạn mình: “Tớ đã trông thấy ông ấy, tớ hoảng quá, nhưng không thể giúp được ông ấy cái gì!” Chỉ Antonín không có mặt trong buổi họp, vì lúc này nó đã đang trên đường về Rakovník.

Cái sợ hãi khủng khiếp của chúng tôi kết thúc lúc sáu giờ chiều. Ông Pohorák khó nhọc kéo xe lên dốc, dừng lại ở trước cửa hàng của bố mẹ Josef. Sau cánh cửa kính ngăn cửa hàng với phòng ở, Josef đứng lắng nghe, trống ngực nó đập thình thịch.

“Tự nhiên tôi thấy khó chịu quá ông bà ạ, người ta phải dẫn tôi lên đồn cảnh sát, tôi đã chợp mắt ở đấy được một tí, nhưng tối nay thì tôi phải ngủ lại ở Pohořelec. Chợ búa hôm nay chán quá, chắc ngày mai khá hơn...”

Mấy hôm sau, người ta phát hiện ra một khẩu súng mới tinh ở một góc cạnh đài phun nước. Không ai biết nó từ đâu ra, và thế là mọi người bàn tán với nhau nhiều chuyện lạ lùng.

Phải mãi bốn tuần sau Josef mới tìm gặp ông Pohorák, vừa lúc ông ấy kéo chiếc xe đã bán hết hàng từ chợ ra. Nó hỏi ông ấy:

“Ông ơi, ông đã để sáu *zlatý* vào đâu rồi ạ?”

Ông Pohorák dừng xe lại:

“Sáu *zlatý* nào?”

“Tiền cháu đã đưa cho ông... để ông mua... để ông mua cho cháu một ít thuốc súng ấy mà.”

“Đưa cho tôi những sáu *zlatý* kia ư? Josef ạ, tôi nghĩ là cậu định thử lừa tôi... Này, lừa người già là tội lỗi đấy nhé!”

Nói rồi, ông ta nhấc tay phải, giơ ngón tay lên cảnh báo.

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# DỊP LỄ CÁC ĐẰNG LINH HỒN NĂM NAY

Tôi không biết cô ấy sẽ còn lại đến nghĩa trang Košĩr vào dịp Lễ các Đấng Linh hồn<sup>[32]</sup> bao nhiêu lần nữa, vì ít ra thì ngày hôm nay cô ấy đi lại đã nặng nhọc, chân cô ấy xem ra không còn khỏe nữa. Năm nay cũng lại giống như mọi năm. Khoảng mười một giờ trưa, cô ấy nặng nề xuống xe ngựa; người đánh xe lấy ra hai vòng hoa bọc trong vải trắng rồi bế một bé gái năm tuổi mặc quần áo ấm ra khỏi xe. Đã mười lăm năm nay, bé gái vẫn chỉ là đứa trẻ năm tuổi, bởi cô Máry luôn luôn mượn con của một nhà hàng xóm nào đó.

“Cháu ơi! Cháu thấy chưa, ở đây đông người nhỉ? Lại còn nhiều đèn nến, cả hoa nữa! Cháu cứ đi đi, đừng sợ, cứ đi trước đi, lối nào thích thì đi, cô sẽ theo cháu.”

Bé gái rụt rè đi lên phía trước. Cô Máry bước liền sau nó, cô giục nó đi, nhưng không nói về hướng nào. Họ cứ đi, rồi bỗng nhiên cô bảo: “Chờ cô!” và cầm tay bé gái, dắt nó tới ngôi mộ gần đó. Từ cây thập giá sắt, cô gỡ vòng hoa cũ đã sờn và bạc màu vì mưa gió rồi treo lên đó vòng hoa mới, tết bằng hoa giả màu trắng và màu đen. Cô đặt tay lên cây thập giá và bắt đầu cầu nguyện; cô không quỳ xuống, vì nó khó nhọc đối với cô. Lúc đầu, cô nhìn xuống đám cỏ khô héo trên nền đất nâu của ngôi mộ, sau đó đột ngột ngẩng đầu lên. Khuôn mặt cô to và dễ chịu, con mắt lớn màu xanh thành thật như nhìn vào đâu đó xa xăm, rồi như mờ đi, khóe miệng cô giật giật, đôi môi đang cầu nguyện mím lại run rẩy, nước mắt cô đầm đìa. Bé gái ngạc nhiên ngược mắt nhìn, nhưng cô Máry không trông thấy gì cả, không nghe thấy gì cả. Một lúc sau, như thể bị đánh, cô đột nhiên bừng tỉnh lại, nghẹn ngào thở dài, đau đớn mỉm cười với đứa trẻ và cất tiếng thầm thì hơi khô

khan: “Nào, lại đi tiếp đi cháu! Muốn đi lối nào cũng được, cô vẫn theo cháu.”

Thế là cô lại theo đứa trẻ đi từ chỗ này sang chỗ khác, để rồi lại đột nhiên bảo nó: “Cháu chờ cô!”, và đi tới một ngôi mộ khác. Cô lại làm đúng như ở ngôi mộ thứ nhất, tôi nghĩ cô không ở đó lâu hơn một chút nào so với lúc ở bên mộ ấy. Cô xếp cái vòng hoa cũ vào túi đựng có vòng thứ nhất, rồi cầm tay người dẫn đường nhỏ bé của mình và bảo nó: “Cháu rét rồi nhỉ? Thôi, đi về nhé, kéo cháu bị lạnh. Cháu muốn về rồi, phải không? Cô cháu mình lại lên xe ngựa về nhà nhé!” Cả hai chậm rãi ra xe ngựa, bé gái và các vòng hoa cũ được đặt trước lên xe, cô nặng nề lên sau. Người đánh xe thúc ngựa, quất nó hai ba roi, rồi xe chạy. Cứ như thế, năm này qua năm khác.

Nếu mà là nhà viết văn còn trẻ thì chắc đến đây tôi sẽ viết: “Bạn hỏi hai ngôi mộ ấy là của ai ư?” Nhưng tôi biết là bạn đọc không bao giờ hỏi cái gì cả. Người viết văn phải ép độc giả của mình, thế nhưng ở đây thì hơi khó. Cô Máry là người khó gần, cô ấy không bao giờ nói về mình và không bao giờ làm thân với ai, kể cả với hàng xóm gần cận nhất. Suốt từ hồi nhỏ cho đến bây giờ cô chỉ có duy nhất một người bạn gái, đó là cô Luize, trước đây xinh gái, nhưng bây giờ là người vợ góa héo hơn của ông Nocar, nguyên là phụ trách sở Hải quan. Chiều hôm nay, cả hai sẽ cùng ngồi với nhau ở nhà cô Nocarová. Không mấy khi cô Máry đến nhà bạn gái của mình ở phố Vlašská, nói chung cô ấy rất ít khi ra khỏi căn hộ tầng một của mình ở phố Janský Vršek. Chỉ trừ khi đi nhà thờ Thánh Mikuláš vào buổi sáng sớm ngày chủ nhật, còn thì hầu như không lúc nào khác cô ra khỏi nhà. Đã từ lâu nay, cô đi lại rất khó khăn bởi cô quá béo. Vì vậy mà bạn gái của cô không muốn cô vất vả, ngày nào cũng tới thăm cô. Tình bạn lâu năm và chân thật đã gắn bó họ với nhau.

Nhưng ngày hôm nay mà ở nhà thì cô Máry thấy buồn vô cùng. Cô cảm thấy trống trải hơn, cô đơn hơn mọi khi, thế là cô bỏ sang nhà bạn gái. Vì thế, đối với cô Nocarová ngày hôm nay là ngày hội. Không bao giờ cô rang cà phê cẩn thận như ngày hôm nay, không bao giờ cô trông coi lò nướng bánh kĩ lưỡng như ngày hôm nay, làm sao để cho cái bánh ga tô nở phồng

chứ không bị xẹp. Buổi gặp gỡ của họ mang không khí ngày hội và không ồn ào. Họ không nói nhiều, bất kỳ điều gì họ nói cũng có vẻ đơn điệu, nhưng vẫn có nhiều ý nghĩa. Chốc chốc họ lại ứa nước mắt và ôm nhau nhiều hơn mọi khi.

Họ ngồi bên nhau ở ghế sofa đã lâu, cuối cùng thì họ nói đến điều mà hàng năm họ vẫn nói.

“Chị ạ,” cô Nocarová nói, “trời phú cho chị em mình số phận gần giống nhau. Em đã có người chồng tốt bụng và hiền lành, nhưng về ở với nhau được hai năm thì anh ấy mất mà chẳng để lại cho em một mụn con nào làm vui. Thế là từ ấy em cũng ở một mình - em không biết cái gì khổ hơn cái gì: không bao giờ biết ai, hay là biết, rồi bị mất đi.”

“Vâng, chị cũng biết đấy, em bao giờ cũng tuân theo ý trời,” cô Máry trịnh trọng nói. “Em đã biết trước được số phận của mình mà. Em đã mơ thấy - vâng, em nằm mơ thấy là hồi hai mươi tuổi, em đã đi khiêu vũ - chị biết là em chưa hề đi khiêu vũ lần nào. Em và các bạn nhảy đi từng cặp với nhau trong tiếng nhạc, trong ánh sáng rực rỡ, nhưng có một điều lạ là phòng nhảy ở một chỗ giống như một tầng mái rộng thênh thang. Tự nhiên, các đôi bạn nhảy ở phía trước đi ra cầu thang để xuống tầng dưới, em ra sau cùng với một người đàn ông mà em không nhớ mặt. Khi chỉ còn lại vài người, tự nhiên em quay lại rồi nhìn thấy thần chết đang đi sau lưng. Hắn mặc áo khoác nhung, đầu đội mũ có cắm một cái lông trắng, tay cầm thanh kiếm. Em giục mọi người đi nhanh xuống, nhưng mà tất cả đã biến mất, cả bạn nhảy của em cũng biến mất. Bất ngờ, thần chết chộp tay em rồi lôi em đi. Em đã sống rất lâu ở một lâu đài và thần chết đã như là chồng của em. Hắn đối đãi với em rất tử tế, hắn yêu em, nhưng em ghét hắn. Mọi thứ xung quanh em và thần chết đều đẹp vô cùng, toàn là đồ pha lê, vàng bạc và nhung lụa, nhưng không cái gì làm em vui được. Em chỉ luôn luôn mong được trở về trần gian, một thần chết khác đã thường báo tin cho em về mọi việc ở đấy. Em biết là khát vọng của em làm chồng em đau buồn, nên em đã cảm thấy thương hại hắn. Ngay từ hồi đó, em đã biết là em sẽ không bao giờ đi lấy chồng, và thần chết là chú rể của em rồi. Chị Luizi ơi, chị thấy chưa,

các giấc mơ chẳng là ý trời thì là gì? Cái chết chẳng đã tách đời em khỏi đời mọi người sao?”

Mặc dù đã nghe kể về giấc mơ ấy không biết bao nhiêu lần rồi, nhưng cô Nocarová vẫn bật khóc. Tiếng khóc của người bạn gái như dòng nhựa thơm mát lạnh, thấm vào tâm hồn đau đớn của cô Máry.

Quả cũng lạ, là cô Máry không bao giờ đi lấy chồng. Cô mồ côi từ nhỏ, là người tự lực, là chủ nhân của ngôi nhà hai tầng ở đường Svatojánský. Cô cũng không xấu, cứ nhìn cô bây giờ thì thấy. Cô cao, ít người đàn bà quý phái nào có dáng người như cô, đôi mắt xanh của cô thật đẹp, đôi má tuy có hơi to một chút, nhưng đều đặn và dễ chịu, chỉ có điều ngay từ nhỏ, cô khá đầy đặn nên bị mang cái tên là “Máry béo”. Chính vì khổ người như vậy nên cô hơi lười, chẳng đi chơi với những đứa trẻ khác, sau này cô cũng không đi lại chơi bởi ở đâu, hàng ngày duy nhất một lần cô ra khỏi nhà để đi dạo ở khu tường thành Marián. Không thể nói là đã có khi nào một người nào đó của khu Malá Strana suy nghĩ về việc tại sao cô Máry không lấy chồng. Xã hội của Malá Strana là xã hội có những đặc thù nhất định, cô Máry thuộc người mang đặc thù nữ đồng trinh, và không một người nào lại nghĩ rằng điều đó có thể khác đi được. Nếu mà có một người phụ nữ nào đó khôn khéo dùng những lời lẽ thông thường của đàn bà để khơi chuyện về điều đó, thì cô Máry cũng trả lời với nụ cười bình thản: “Tôi nghĩ là con người ta, dù không lập gia đình thì cũng có thể phục vụ trời được, có đúng không?” Nếu ai hỏi cô Nocarové về chuyện đó, thì cô nhún đôi vai gầy của mình rồi trả lời: “Cô ấy có muốn đâu! Cô ấy có thể lấy chồng, mà lấy chỗ tử tế, có trời chứng giám! Bản thân tôi, tôi biết là có hai đám, toàn người rất tốt cả, nhưng mà cô ấy có muốn đâu!”

Nhưng mà tôi, trí nhớ của Malá Strana, thì tôi biết là cả hai đám ấy đều là hai kẻ lêu lổng và không ra gì cả! Họ có phải là ai khác đâu, đó là tay bán hàng tạp hóa, tên là Cibulka, và tay thợ khắc, tên là Rechner, hai kẻ mà bất kỳ ở đâu người ta cũng bảo là “Cái bọn rượu chè!” Tôi không cho rằng họ đến mức là kẻ tội lỗi, họ vẫn còn chưa đến nỗi ấy, nhưng mà họ cũng chẳng ra gì, không nền nếp, không an cư lập nghiệp, không thông minh. Tay

Rechner không bao giờ bắt đầu làm việc trước ngày thứ tư và từ trưa ngày thứ bảy đã lại nghỉ không làm việc nữa. Hẳn có thể kiếm được nhiều tiền, và hẳn rất khéo tay, ông Hermann, người làm nghề viết thuê và là đồng hương với mẹ tôi, thường khẳng định như vậy; nhưng mà hẳn đâu có thích làm việc! Còn tay bán hàng tạp hóa Cibulka thì ngồi trong quán rượu dưới vòm hiên nhiều hơn là ngồi ở trong cửa hàng của mình, bao giờ hẳn cũng ngủ cho đến sáng bạch, ấy vậy mà khi ra đứng ở quầy bán hàng thì lúc nào hẳn cũng còn ngái ngủ, cái miệng luôn lâu bầu. Nghe nói hẳn còn biết cả tiếng Pháp, nhưng hẳn chẳng chăm lo gì đến việc buôn bán, thành ra đưa giúp việc của hẳn cứ thả cửa muốn làm gì thì làm.

Cả hai gần như lúc nào cũng đi đôi với nhau; thi thoảng, giả sử mà trong trí óc người nào có nảy ra được một ý nghĩ gì cao thượng, thì người kia chắc hẳn dập ngay. Nhưng nếu có ai muốn đến ngồi cùng bàn với họ thì tất nhiên không có bạn chơi nào hóm hỉnh vui nhộn hơn họ. Nụ cười nhẹ luôn thoáng qua khuôn mặt sắc cạnh đã cạo râu, vênh ra phía trước của gã Rechner nhỏ bé, giống như mặt trời di chuyển từ bên này sang bên kia. Mái tóc dài màu hạt dẻ của hẳn chải lật về phía sau, bao giờ cũng để lộ rõ cái trán cao; và trên đôi môi mỏng nhợt nhạt luôn luôn thường trực cái vẻ nhạo báng. Cái thân hình gầy gò lúc nào cũng mặc bộ quần áo màu vàng ươm chuộng của hẳn liên tục ngo ngoáy, đôi vai hẳn co giật từng hồi.

Anh bạn Cibulka của hẳn thì lại luôn luôn mặc đồ đen, là người bình tĩnh hơn nhiều, nhưng chỉ là vẻ bề ngoài vậy thôi. Hẳn ta cũng ghét người như Rechner, nhưng cao lớn hơn một chút. Hẳn có cái đầu nhỏ và trán thấp vuông vuông, cặp lông mày rậm và đen, hơi nhô ra che cả hai con mắt sáng, bộ ria dài, đen và mềm mại như nhung rủ xuống cái miệng góc cạnh rõ ràng, qua đó lấp lánh hàm răng trắng như ngọc mỗi khi hẳn cười. Trên gương mặt của Cibulka có một cái gì đó vừa dữ tợn nhưng đồng thời cũng vừa tốt bụng hiền lành. Cibulka thường nén cười đến lúc không nhịn được nữa thì cười phá ra, để rồi lại cố tỏ ra bình thản. Họ hiểu nhau, chỉ cần đưa mắt một cái là họ hiểu hết mọi chuyện, kể cả lời bình luận. Thế nhưng ít người đến ngồi cùng bàn với họ. Mọi người thấy các câu đùa của cả hai có vẻ ăn chơi, quá

đáng và họ không hiểu được; họ cảm thấy là lời lẽ của hai người luôn luôn bất kính phạm thượng thế nào đó. Nhưng Cibulka và Rechner thì chẳng bận tâm gì đến xã hội cổ hủ ở Malá Strana. Vào buổi tối, cả hai thấy thích các quán nhỏ xa ở bên Thành phố Cổ hơn nhiều; họ lang thang khắp thành phố, thậm chí cứ hai ngày một lần họ còn đến cả khu František hẻo lánh. Vào khoảng nửa đêm về sáng, khi nào có tiếng cười vui vẻ ở ngoài phố của Malá Strana thì chắc chắn đó là lúc Rechner và Cibulka đi quán về.

Cả hai cùng lứa tuổi với cô Máry. Trước đây, họ cùng đi học với cô ở trường giáo xứ Mikuláš, nhưng rồi sau đó họ không quan tâm đến cô và cô cũng không quan tâm gì đến họ. Ba người chỉ gặp nhau ở ngoài đường và cái chào hững hờ là trao đổi duy nhất giữa họ.

Nhưng rồi một hôm, cô Máry bỗng nhận được một bức thư viết cẩn thận, nét chữ đẹp như thư pháp. Khi đọc xong, cô buông thông hai tay và lá thư rơi xuống đất.

Thư viết thế này:

*“Kính thưa quý cô!*

*Chắc hẳn quý cô sẽ rất ngạc nhiên là tôi viết thư cho quý cô, mà lại chính là tôi. Và cô sẽ còn ngạc nhiên hơn nữa vì những gì tôi viết. Chưa bao giờ tôi dám mạo muội đến gần cô, nhưng mà - để khỏi quanh co dài dòng - tôi yêu cô! Tôi đã yêu cô từ lâu rồi. Tôi cảm thấy rằng chỉ sống với cô, tôi mới là người hạnh phúc!*

*Thưa cô Máry! Có thể là cô sẽ ngạc nhiên và từ chối tôi. Có thể là những lời đồn đại sai trái đã làm tổn thương đến danh tiếng của tôi ở cô và cô sẽ nhún vai khinh thường. Nhưng tôi không thể làm gì khác được mà chỉ xin cô đừng vội vàng, xin cô suy nghĩ kĩ trước khi nói lời quyết định. Tôi chỉ muốn nói là cô có thể tìm thấy ở tôi một người chồng hết sức cố gắng làm cho cô hạnh phúc.*

*Một lần nữa, tôi xin cô hãy suy nghĩ kĩ càng. Tôi sẽ chờ lời quyết định của cô trong vòng bốn tuần kể từ ngày hôm nay, không sớm hơn và cũng*

*không muộn hơn.*

*Còn bây giờ - xin quý cô thứ lỗi cho.*

*“Kẻ trung thành và cuồng nhiệt khát vọng của cô, Vilém Cibulka”.*

Cô Máry choáng váng cả đầu óc. Cô đã xấp xỉ tuổi ba mươi và không ngờ lại đột nhiên nhận được lời tỏ tình đầu tiên. Vâng, thật sự đó là lời tỏ tình đầu tiên. Cô chưa bao giờ tự mình nghĩ đến tình yêu và cũng chưa bao giờ có ai thổ lộ tình yêu với cô.

Những tia chớp đỏ nóng bỏng vụt qua đầu cô, hai bên thái dương cô rần rật, cô gần như nghẹn thở. Cô không tài nào suy nghĩ được gì. Cô chỉ thấy trước mặt mình, ở giữa những tia chớp đỏ, có một bóng người đứng - đó là Cibulka với vẻ mặt u sầu.

Rồi cô nhặt bức thư lên, run rẩy đọc lại. - Thư viết mới hay làm sao! - Mới dịu dàng âu yếm làm sao!

Cô không biết phải làm gì, thế là cô mang bức thư đi đến nhà bạn gái, đến bà quả phụ Nocarová. Cô lặng lẽ đưa lá thư cho bạn.

“Đấy, thấy chưa,” một hồi lâu sau cô Nocarová mới lên tiếng. Trên mặt cô lộ rõ vẻ ngạc nhiên bối rối. “Thế chị tính sao?”

“Em không biết, chị Luizi ạ.”

“Thì chị cũng còn nhiều thời gian để suy nghĩ. Dù rằng cái đó bao giờ cũng có thể - chị đừng giận nhé - nhưng chị biết là bọn đàn ông thế nào rồi, có nhiều người đi lấy vợ chỉ vì tiền... nhưng mà... tại sao mà anh ấy lại không thể yêu chị thật sự chứ? Chị ạ, em sẽ đi thăm dò kỹ về anh ấy cho chị.” Cô Máry im lặng.

“Chị ạ, Cibulka đẹp trai đấy! Mắt anh ấy đen như hai hòn than, ria đen và hàm răng... hàm răng như ngọc ấy chị ạ. Anh ấy thật ra rất đẹp trai!” Và cô Nocarová nghiêng về phía người bạn gái đang im lặng rồi ôm bạn một cách âu yếm.

Cô Máry đỏ bừng lên như son.

Đúng một tuần sau đó, khi đi nhà thờ về, cô Máry nhận được một bức thư khác. Càng đọc, cô càng ngạc nhiên hơn:

*“Thưa cô!*

*Xin cô thứ lỗi cho tôi vì tôi dám bạo dạn viết thư cho cô. Đúng là thế, tôi quyết định lấy vợ, tôi cần một người nội trợ thật đảm đang cho việc nhà của tôi, nhưng mà tôi không quen biết ai, bởi vì công việc của tôi không cho phép tôi có thời gian vui chơi, dù có muốn tìm thế nào đi nữa, tôi vẫn càng ngày càng cảm thấy rằng dứt khoát chỉ cô mới có thể là người vợ tốt của tôi. Xin cô đừng nghĩ xấu về tôi, tôi là người tử tế, cô sẽ không sai lầm nếu lấy tôi, tôi có chút gia tài và biết làm việc, và nhờ trời chúng ta sẽ không thiếu thứ gì. Tôi ba mươi một tuổi rồi, cô biết tôi và tôi biết cô. Tôi cũng biết rằng cô là người giàu có, và như vậy thì cũng tốt. Tôi phải nói rằng gia cảnh của tôi bây giờ không thể thiếu người nội trợ được nữa, rằng tôi không thể chờ lâu được, vì thế tôi cũng xin cô vui lòng cho biết tin, muộn nhất là đến mười bốn ngày, nếu không thì tôi sẽ phải đi tìm chỗ khác. Tôi không phải là người mơ mộng, tôi không biết nói lời hoa mỹ, nhưng tôi biết yêu thương và trong vòng mười bốn ngày tôi sẽ là kẻ trung thành và biết trân trọng của cô.*

*Jan Rechner, thợ khắc.”*

“Anh ta viết chân thực như một người đơn giản,” buổi chiều hôm đó cô Nocarová nói thế. “Vậy là chị được lựa chọn đấy, Máry ạ - thế bây giờ chị sẽ làm gì?”

“Em sẽ làm gì ư?” cô Máry hỏi lại như trong mơ.

“Thế chị thích ai hơn nào? Chị nói thật đi... chị thích ai trong hai người?... Ai vậy?”

“Vilém” cô Máry đỏ ửng lên, nói thầm.

Vậy là Cibulka đã được cô Máry âu yếm gọi là “Vilém”<sup>[33]</sup> - dĩ nhiên thì Rechner bị loại khỏi vòng. Hai người thỏa thuận với nhau là cô Nocarová có

kinh nghiệm hơn sẽ tự mình thảo bức thư trả lời Rechner và cô Máry sẽ chép lại.

Chỉ chưa đầy một tuần sau, cô Máry lại đến nhà bạn gái, trong tay cầm lá thư mới. Gương mặt cô rạng rỡ hài lòng. Bức thư viết:

*“Thưa cô!*

*Xin cô đừng trách tôi, việc đó cũng tốt và không phải là lỗi của tôi. Giá mà tôi biết trước là bạn thân của tôi, anh Cibulka, muốn cầu hôn cô, thì tôi đã chẳng viết thư ấy cho cô, nhưng mà anh ấy không nói gì với tôi nên tôi đã không biết gì cả. Tôi đã nói tất cả với anh ấy rồi và tôi xin tự nguyện rút lui bởi vì anh ấy yêu cô, nhưng tôi xin cô đừng cười tôi, bởi vì như vậy thì chẳng hay gì và tôi còn có thể đi tìm hạnh phúc ở chỗ khác. Mặc dù đó là điều đáng tiếc cho tôi, nhưng không sao cả, và xin cô hãy quên đi việc tôi là kẻ trung thành và biết trân trọng của cô.*

*Jan Rechner, thợ khắc.”*

“Thế nhé, bây giờ thì chị không phải lưỡng lự gì nữa nhé!” Cô Nocarová nói.

“Nhờ trời!” Và cô Máry ngồi một mình, nhưng cô thấy cái cô đơn hôm nay thật là ngọt ngào. Mọi suy nghĩ của cô đều hướng về tương lai, đều đẹp đến mức cô cứ nghĩ mãi về nó mà không biết mệt mỏi. Các suy nghĩ dần dần có hình dáng cụ thể hơn và gắn lại với nhau thành một khối, làm thành bức tranh về một cuộc sống tốt đẹp và hạnh phúc.

Nhưng ngày hôm sau, cô Nocarová đến thì thấy cô Máry đang mệt. Cô ấy nằm ở ghế sofa, mặt nhợt nhạt, hai mắt lơ đãng và đỏ ngầu vì khóc. Cô Nocarová hốt hoảng không nói ra nổi câu hỏi. Cô Máry lại nhắm mắt rồi lặng lẽ chỉ tay về phía bàn. Trên đó có một bức thư. Cô Nocarová linh cảm đến một điều gì khủng khiếp. Quả thật, lời lẽ trong thư rất nghiêm trang:

*“Kính thưa quý cô!*

*Vậy là tôi không có điểm phúc được là người hạnh phúc! Giấc mơ thế là tan, nỗi đau giày xé lòng tôi.*

*Không, tôi không muốn đi trên con đường trải bằng những hi vọng bị dập tắt của người bạn tốt nhất, người bạn duy nhất của tôi! Ôi, người bạn đau khổ của tôi, đau khổ như chính tôi đang đau khổ!*

*Tất nhiên là cô vẫn chưa quyết định, nhưng mà ở đây làm sao có thể có lời quyết định nào được? Tôi không thể sống trong hạnh phúc khi thấy bạn tôi bất hạnh. Ngay cả khi cô có thực sự mang đến cho tôi khoái cảm yêu đương của cuộc đời đi nữa, tôi cũng không thể đón nhận nó được. Tôi đã quyết định từ bỏ tất cả.*

*Chỉ xin cô một điều duy nhất: ít ra, xin cô đừng nghĩ đến tôi với cái cười nhạo báng.*

*Kẻ trung thành của cô,*

*Vilém Cibulka”.*

“Rõ là buồn cười chưa,” cô Nocarová bật cười thành tiếng. Cô Máry ngạc nhiên và bối rối nhìn.

“Ừ, thế đấy!” Cô Nocarová ngẫm nghĩ “Họ là người cao cả, xem ra cả hai đều cao thượng. Nhưng Máry ạ, chị không biết cánh đàn ông! Cái cao cả như vậy không tồn tại lâu đâu, người đàn ông đột ngột vứt bỏ hết mọi quan tâm đến người khác để rồi lại chỉ nghĩ đến mình. Chị cứ mặc họ, thế nào rồi họ cũng quyết định! Rechner là người rất thực tế, nhưng Cibulka - xem ra yêu chị cuồng nhiệt. Anh ấy chắc chắn sẽ đến với chị!”

Tự nhiên, mắt cô Máry lại sáng lên, mơ màng. Cô tin bạn gái và bạn cô lại hoàn toàn tin là mình nói đúng. Cả hai đều là người tốt và lương thiện, họ không hề mảy may nghi ngờ gì. Bởi vì chỉ nguyên cái cảm giác rằng đó có thể là trò đùa ghê tởm và ác ý, cũng đủ làm họ khiếp đảm.

“Cứ chờ chị ạ, anh ấy sẽ đến, anh ấy sẽ quyết định!” Cô Nocarová an ủi bạn trước khi chia tay ra về.

Và cô Máry chờ, các suy nghĩ trước đây lại trở về với cô. Đúng là chúng không còn hoàn toàn đem lại ấn tượng vui sướng như trước, mà phảng phất một chút gì của bài ca bi tráng, cô có cảm giác rằng mặc dù chúng buồn, nhưng chính vì thế mà cô thấy chúng gần gũi thân thiết hơn.

Cô Máry chờ, và ngày tháng cứ trôi đi, tháng này sang tháng khác. Thịnh thoảng, khi đi dạo ở thành Marian, cô gặp cả hai người, bởi họ vẫn luôn luôn đi cùng nhau. Có thể là trước đây, khi hai người đối với cô còn là người dưng thì cô chẳng hề để ý đến những dịp gặp gỡ như vậy, nhưng bây giờ thì cô có cảm giác là cô gặp họ rất thường xuyên. “Họ muốn chiêm cảm tình của chị đấy, rồi chị sẽ thấy!”, cô Nocarová giảng giải. Ban đầu, khi gặp họ, cô Máry luôn cụp mắt nhìn xuống, nhưng rồi cô cũng bạo dạn hơn và ngược nhìn họ. Cả hai đi vòng qua cô, người nào cũng chào cô một cách trân trọng nhất rồi tỏ ra buồn rầu nhìn xuống đất. Đã có bao giờ họ nhìn thấy câu hỏi ngây thơ trong đôi mắt to của cô không? Còn cô, cô không trông thấy họ cần môi nín cười, tôi biết như vậy.

Một năm trôi qua. Trong thời gian ấy, cô Nocarová mang đến những thông tin lạ lùng, và ngại ngùng kể cho cô Máry. Nào nghe nói họ chơi bởi phóng đảng. Nào nghe nói người ta không gọi họ là gì khác ngoài cái tên “bọn rượu chè”. Rằng nghe nói ai cũng bảo là họ sẽ có kết thúc không ra gì.

Mỗi một tin như thế đều làm cô Máry rung động. Có phải đó cũng là do lỗi ở cô không? Bạn gái cô không biết làm sao; cái ngưỡng ngùng của đàn bà đã ràng buộc cô Máry, làm cô không tự đi bước đi quyết định. Mặc dù cô có cảm giác như mình là người tội lỗi.

Năm ảm đạm thứ hai trôi qua và người ta đưa Rechner đến nơi an nghỉ cuối cùng. Anh ta mất vì bệnh lao. Cô Máry đau đớn. Con người thực tế như Rechner, cô Nocarová thường khẳng định như vậy, thế mà khổ vậy ư?

Cô Nocarová thở dài rồi bảo: “Thế là việc ấy quyết định thay cho chị đấy! Bây giờ anh Cibulka còn trừ trừ một thời gian, nhưng rồi anh ấy sẽ đến

với chị.” Cô hôn lên trán cô Máry lúc đó đang run rẩy.

Cibulka không trù trừ lâu. Bốn tháng sau, cả anh ta cũng ra nghĩa trang Košíř. Bệnh sưng phổi đã cướp anh ta đi.

Cả hai nằm ở ngoài đó đã hơn mười sáu năm nay.

Cứ vào dịp Lễ các Đẳng Linh hồn, cho bằng bất kỳ giá nào trên đời, cô Máry cũng không tự quyết định sẽ đến ngôi mộ nào trước. Bé gái năm tuổi ngây thơ bao giờ cũng phải làm việc đó thay cô, và bé đến ngôi mộ nào đầu tiên thì cô sẽ đặt vòng hoa ở đó trước.

Ngoài hai ngôi mộ của Cibulka và Rechner, cô Máry còn mua thêm ngôi mộ thứ ba để lo hậu sự. Mọi người nghĩ rằng cô Máry đang có hứng mua mộ của những người xa lạ. Ngôi mộ thứ ba là nơi bà Majdalena Töpferová an nghỉ - vâng, bà ấy đã là người đàn bà sáng suốt. Người ta kể nhiều chuyện về bà ấy. Rằng khi hạ huyết ông lái buôn Velš, bà Töpferová nhìn thấy bà hàng nển Hirtová bước qua ngôi mộ bên cạnh và đã nói ngay, là bà Hirtová sẽ sinh ra đứa con đã chết. Quả đúng như vậy. Rồi lại có lần bà Töpferová sang thăm bà hàng xóm là thợ làm găng tay. Khi thấy bà hàng xóm đang gọt cà rốt, bà Töpferová cũng bảo luôn, rằng bà ấy sẽ đẻ con có nhiều tàn hương. Quả vậy, bà hàng xóm sinh ra cô Marina với mái tóc đỏ như gạch nung và người chi chút tàn hương đến phát sợ. Vâng, đó là người đàn bà sáng suốt, nhưng mà...

Như đã nói, đối với cô Máry, bà Töpferová là người hoàn toàn xa lạ. Nhưng mộ của bà ấy lại nằm ở khoảng giữa mộ của anh Cibulka và anh Rechner. Tôi sẽ làm bạn đọc tự ái nếu tôi bộc lộ linh cảm của mình là tại sao cô Máry lại mua ngôi mộ ấy, và cả việc sau này cô sẽ an nghỉ ở chỗ nào.

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# NHỮNG NGƯỜI HÀNG XÓM

*Trích từ nhật ký của luật sư tập sự*

Ngày hôm qua, tôi đã tròn ba mươi tuổi. Tôi cảm thấy mình thành một người khác hẳn. Bắt đầu từ ngày hôm qua, tôi mới thực sự là người đàn ông. Máu tôi chảy theo nhịp đập chính xác, mỗi dây thần kinh của tôi như một sợi dây thép, suy nghĩ nào của tôi cũng chín chắn. Thật là kỳ diệu, khi mà người đàn ông trưởng thành qua một đêm, thậm chí qua một khoảng khắc, và cái ý thức “Bây giờ anh ba mươi tuổi rồi” có sức mạnh đến nhường nào! Tôi thật sự thấy thích mình, tôi đã cảm thấy rằng tôi có thể làm được một cái gì đó và dứt khoát tôi sẽ làm. Tôi nhìn tất cả mọi thứ bằng một vẻ bình thản cao siêu. Bây giờ,...vâng, bây giờ tôi sẽ lại say mê viết nhật ký, để sau này tôi thấy mình được mô tả như thế nào, hình dạng tôi ra sao. Tôi biết là sau này tôi sẽ giở đọc lại các trang nhật ký của mình một cách tự hào. Người nào khác đọc nó sau khi tôi qua đời cũng sẽ thốt lên: Ôi, đây đúng là người đàn ông thực thụ!

Tôi đột ngột trở thành một người khác hẳn, khác đến mức mà tôi có cảm tưởng rằng chỉ ngày hôm kia thôi cũng đã là dĩ vãng xa xôi. Tôi cũng cảm thấy không thể hiểu được quá khứ của mình. Mặc dù hầu như ngày nào cũng có ghi chép, nhưng bây giờ khi đọc lại, tôi không hiểu hơn được chút nào những gì tôi đã viết. Tôi lắc đầu ngạc nhiên: vì sao tôi lại viết như thế kia chứ? - “Lý tưởng để làm cái gì? Chúng ta học về lý tưởng để làm gì?” - “Mặt trời nguội lạnh - đại dương băng đá” - “Tôi buồn, không phải là cái buồn đến chết, mà là cái buồn đến mức tự ti.” - “Đám mây bất hạnh lớn đe dọa, hay là cảm giác rằng thế giới đã sụp đổ.” - “Có thể là tôi đã nhầm.” - “Xung quanh nghĩa vụ cuộc đời; vấn đề buồn rầu chứ không phải là cảm giác sung sướng.” Thật đúng là những điều vô cùng ngu xuẩn! Cái cảm giác không lạnh mạnh! Qua đó, đủ thấy là tôi đã không có mục đích rõ ràng và ý

chí kiên cường, là tôi đã rơi vào vòng quay của một cuộc sống tầm thường nhất và của các thói quen mê muội. Nhưng bây giờ thì tự nhiên, tôi đứng vượt trên tất cả!

Bây giờ, điều trước hết là tôi phải thi cho xong kỳ kiểm tra kết thúc tập sự hành nghề luật sư, và tôi sẽ thi cực kỳ nhanh. Điều thứ hai là tôi sẽ hoàn toàn tập trung vào việc học thi. Tôi sẽ không đến văn phòng, chừng nào còn chưa thi xong. Sếp của tôi sẽ không gạch tên tôi khỏi danh sách nhân viên văn phòng, vì nếu gạch thì tôi sẽ mất đi một quãng thời gian của thời hạn bảy năm thực tập bắt buộc. Điều thứ ba là tôi sẽ chỉ ở trong phòng chứ không ra quán, kể cả buổi chiều cũng không ra; tôi đã đánh bài và thua biết bao nhiêu tiền, và đó là điều tội lỗi. Cả vào ngày chủ nhật tôi cũng sẽ không đến phố Příkopy, cũng không đi nhà hát, tôi sẽ không đi đâu cả, mặc cho cô Františka ngạc nhiên lắc đầu đến ngoẹo cổ! Cô ấy đã nói ở nhà ông bà Loukota, rằng trông tôi rất lười thôi luộm thuộm - nói năng cho cẩn thận đấy cô nhé!

Thật là một ý tưởng tuyệt vời! Tôi tự khâm phục mình. Vâng, tôi sẽ chuyển nhà sang Malá Strana, sang khu Malá Strana yên tĩnh và nên thơ, đến một góc phố hẻo lánh nào đó để sống giữa những người hàng xóm yên lặng và đáng yêu. Thậm chí, một chỗ ở nên thơ là hoàn toàn cần thiết cho trạng thái tinh thần cao siêu hiện nay của tôi. Ôi, tôi sẽ sung sướng biết bao! Một ngôi nhà yên tĩnh, một căn hộ rộng rãi thoáng mát với cửa sổ nhìn sang đồi Petrín đầy tư duy, với cửa sổ nhìn ra những cái vườn nhỏ yên tĩnh của các gia đình... ở đây nhà nào cũng phải có vườn, vì nó mang lại công việc và sự bình an. Tôi cảm thấy ngực mình nở căng ra.

Tôi bắt tay ngay vào việc tìm nhà. Bây giờ sắp là giữa tháng tư, sắp đến ngày Thánh Jiří rồi! Nếu nói là ở đồi Petrín có chim họa mi thì tôi có nhầm không nhỉ?

Rất may, tôi tìm được một căn hộ ở phố Oujezd yên tĩnh mà tôi chắc không thể cầu mong có được căn hộ nào tốt hơn. Tôi sẽ giấu mình như một đứa trẻ vào cái góc bí ẩn ấy và sẽ không ai biết về tôi, vâng, không một ai!

Chỉ nhìn bề ngoài, tôi đã thích ngôi nhà ba tầng ấy. Có điều tôi không thuê được cả căn hộ, mà chỉ thuê được phòng trọ trong một gia đình ở nhà ấy, nhưng có hề gì! Cô chủ căn hộ cho tôi thuê phòng là cô Vilhemová, vợ của anh Vilhem, một nhân viên đường sắt chuyên phục vụ trên tàu hỏa. Tôi vẫn chưa gặp chồng cô vì anh ấy hầu như đi suốt. Hai vợ chồng cô có căn hộ rất rộng trên tầng hai, nhưng họ ở không hết. Vì vậy, họ cho tôi thuê một phòng lớn nhìn ra đường, tiếp đó là phòng bếp, rồi hai phòng nhỏ ở cánh phía sau. Từ các phòng có ba cửa sổ trông ra sân, một cửa sổ của phòng nhỏ phía sau trông ra vườn và ra đồi Petřín. Cái vườn ấy khá xinh xắn, cô chủ hộ nói là ai cũng có thể ra đấy được. Không, tôi sẽ không ra đấy vì tôi sẽ học, nhưng tôi thấy cái vườn ấy trông rất thoải mái. Ngôi nhà ấy đứng dưới chân đồi Petřín nên sân và vườn ở độ cao như tầng hai, thành thử cửa sổ phòng tôi thấp gần như là ở tầng một. Khi đi đến bên cửa sổ, tôi nghe thấy tiếng chim sơn ca hót. Mới khoái làm sao! Tôi hỏi ở đồi Petřín có chim họa mi không. Cô nói có chứ!

Cô Vilhemová là người còn trẻ, mới hai mươi hai tuổi. Cô ấy đẹp, và đẹp một cách khỏe mạnh. Khuôn mặt tuy không đều đặn một cách cổ điển, cái cằm hơi rộng, nhưng đôi má hồng mịn như nhung và cặp mắt xanh đậm, mặc dù có hơi bị lồi một chút. Cô đã có con - một bé gái bảy tháng tuổi, tên là Kačenka - những người như cô thường kể ngay toàn bộ tiểu sử của mình khi gặp ai lần đầu. Kačenka trông rất buồn cười. Cái đầu nó tròn như quả cầu, hai con mắt lồi giống mẹ cứ nhìn chăm chăm và hết sức ngờ nghệch. Nhưng nếu được ai tỏ ra trù mến thì cái quả cầu ấy toét miệng cười, đôi mắt ngờ nghệch lập tức sáng lên, và tự nhiên trông rất đáng yêu, rất... (tôi sẽ viết sau, bây giờ không nghĩ ra được cái gì hay). Tôi vuốt má Kačenka và nói: “Cháu kháu khỉnh quá!” Khen trẻ con để lấy lòng các bà mẹ bao giờ cũng là chiến lược tốt. “Cháu ngoan lắm, hầu như không khóc bao giờ,” bà mẹ trẻ khen con gái. Tôi rất lấy làm phấn khởi, vì tôi cần yên tĩnh để học.

Khi tôi nói tôi là luật sư, cô chủ hộ tỏ ra rất hài lòng. Và khi tôi nói tên tôi là Krumlovský, cô thốt lên: “Ôi, cái tên đẹp quá!” Những người như cô bao giờ cũng nói ngay mọi chuyện một cách chân thành như vậy. Chúng tôi

thỏa thuận với nhau về tiền phòng, về việc dọn dẹp và bữa ăn sáng. Cô chủ hộ sẽ giặt quần áo, dọn dẹp phòng và chuẩn bị các bữa ăn sáng cho tôi. Ở tầng một, bên phải cửa chính vào nhà, có một quán ăn sạch sẽ, tôi sẽ mua cơm trưa và cơm chiều ở đó. “Lúc nào nhà tôi ở nhà thì chúng tôi cũng mua thức ăn ở đây; họ nấu món ăn bình dân mà!” Thế thì tuyệt vời, tôi yêu món ăn bình dân ngày thường. Tôi hoàn toàn không ưa thức ăn nêm đầy gia vị của cửa hàng ăn, tôi thấy bánh khoai tây, bánh hạt kê và mì sợi rưới nước bơ ngon gấp trăm lần thịt viên rán. Bên trái cửa chính là cửa hàng của ông thợ giày, ở tầng ba bên trên phòng tôi là căn hộ của một ông thợ may, tôi còn muốn gì hơn thế nữa? Tôi cũng phải nói thêm rằng cách nhà tôi trọ một đoạn là ngôi nhà nơi thi sĩ Mácha<sup>[34]</sup> chào đời. Nhưng thơ ca bác học là cái mà tôi hoàn toàn không quan tâm, tôi thấy thơ do cuộc đời viết nên còn đáng yêu gấp trăm lần, vì thế tôi cũng chỉ nhắc qua đến Mácha vậy thôi. Tôi chưa bao giờ làm thơ - à không, hồi còn là học sinh tôi có thử làm thơ. Có thể là tôi có năng khiếu. Ít ra thì tôi cũng còn nhớ một bài thơ khá hay tôi đã viết, đó là bài ballad, viết theo kiểu điệp vận<sup>[35]</sup> mẫu mực. Nhưng tôi không nhớ được nhiều, ngoài cái điệp vận ấy:

*Dọc bờ sông mát*

*chó sủa như hát ca*

*Cầu của cậu ca.*

Khi tôi đọc bài thơ ấy ở lớp, lũ bạn cùng học lăn ra cười chế nhạo. Tôi cãi lại và chỉ ra chỗ điệp vận, bọn nó lại càng cười nhiều hơn và từ đó, chúng luôn luôn nói “cầu của cậu ca” thay cho từ “điệp vận”. Thật là đồ con bò!

Trong khi tôi và cô chủ hộ còn đang thỏa thuận với nhau thì một người đàn ông miệng ngậm tẩu vào đến cửa bếp. Đó là người hàng xóm, anh ta mặc quần áo trong nhà. Anh ta dừng lại, đứng tựa vào khung cửa và hút thuốc.

“Đây là luật sư Krumlovský,” cô chủ hộ giới thiệu và cố ý nhấn mạnh vào từ “luật sư”.

Người đàn ông nhả khói. “Vâng, tôi rất hân hạnh. Xin chúc cho quan hệ láng giềng của chúng ta tốt đẹp, thừa luật sư!” Anh ta đưa bàn tay mập và mềm về phía tôi. Chúng tôi bắt tay nhau. Với láng giềng ta phải biết cư xử, chẳng gì thì chắc hẳn mọi người ở đây đều tốt bụng cả! Người đàn ông ấy có khuôn mặt đỏ béo tròn, đôi mắt xanh mọng như thể bơi trong nước mắt. Lại một đôi mắt trung thực! Nhưng mà cái trung thực trong cặp mắt mọng nước như thế cũng thường là biểu hiện của bia rượu - tôi am hiểu con người mà! Môi trên của anh ấy dày, kẻ nghiện rượu nào cũng có cái môi trên dày.

“Anh có chơi šístka<sup>[36]</sup> không?”

Tôi rất muốn nói là bây giờ đang học thi nên tôi không chơi gì cả, nhưng mà chẳng lẽ chưa chi đã làm tổn thương đến tình hàng xóm láng giềng. Thành ra tôi mỉm cười lịch sự:

“Có người Séc nào mà lại không biết chơi!”

“Thế thì hay, chúng ta sẽ làm một ván.”

(“sẽ làm một ván” là cách nói hoàn toàn kiểu tiếng Đức; tiếng Séc của chúng ta ở các thành phố đang bị mất trong sáng một cách khủng khiếp! Khi nói chuyện, tôi sẽ cố gắng kín đáo sửa lỗi cho họ).

“Nghệ sĩ chúng tôi rất quý mến người có học thức, vì có thể học hỏi được ở họ.”

Phải, chắc chắn họ sẽ học hỏi được nhiều ở tôi! Tuy vậy, tôi cảm thấy là đến lượt mình phải nói một cái gì ca ngợi một tí. Nhưng mà anh này là ai? Anh ta hẳn là nhạc công - đôi mắt mọng nước, má đỏ, tay mập - tôi đánh cuộc là anh ấy có chai tay ở đầu ngón tay, tuy tôi không trông thấy, nhưng chắc chắn anh ấy phải có chai ở đầu ngón tay, đích thị anh ấy chơi đàn contrabass - tôi am hiểu con người mà...

“À, là nghệ sĩ âm nhạc chắc anh không bao giờ rảnh rồi,” tôi nói.

“Ồi cô chủ ơi, cô có nghe anh ấy nói gì không?” Người đàn ông phá ra cười sảng sặc, đến nỗi cái vai đang tựa cửa của anh ta nhô lên tụt xuống,

giống như con tê giác cọ lưng vào cây. “Tôi là nhạc công điên điên giống như người kia kìa,” vừa nói, anh ta vừa chỉ ngón cái qua vai về phía sau, theo hướng đến cửa ở giữa hành lang, rồi từ cười chuyển sang ho rũ rượi.

“Anh Augusta là họa sĩ đấy,” vợ người nhân viên đường sắt nói.

Từ phía sau hành lang, một đứa bé trai cỡ tám tuổi chạy đến, chắc nó ra khỏi phòng vì nghe thấy tiếng cười và tiếng ho. Đứa trẻ đứng dựa vào người họa sĩ và chăm chú nhìn tôi.

“Đây là cháu nhà anh à?” Tôi hơi lúng túng hỏi.

“Vâng, Pepík của tôi đấy. Chúng tôi ở căn hộ phía bên phải sân, như anh ở chỗ này phía bên trái sân. Chúng ta sẽ nhìn thấy nhau qua cửa sổ.”

“Đây là ai thế?” Pepík hỏi và chỉ ngón tay về phía tôi. Tôi yêu cách nói năng đơn giản, không quanh co vòng vèo của trẻ con.

“Đây là luật sư Krumlovský, đồ vô lễ ạ.”

“Thế ông ấy sẽ ở đây à?”

“Này Pepík, cháu có muốn một đồng xu không?” Tôi hỏi và vuốt mái tóc sáng màu của nó.

Đứa trẻ lặng lẽ chìa tay.

Tôi nghĩ là tôi đã gây được ấn tượng tốt đối với mọi người.

Ngày hôm ấy là một ngày vất vả bận rộn! Chuyển nhà, mở đồ đạc rồi xếp đặt, nhiều việc đến chóng mặt. Tôi không hay chuyển nhà và không thích chuyển nhà; nhưng nghe nói có nhiều người ưa chuộng việc ấy... Cái đó thật là căn bệnh đặc biệt, họ chắc hẳn phải là những người không ổn định. Nhưng một điều không thể chối cãi được là ngay cả việc chuyển nhà cũng có cái nên thơ. Khi căn hộ cũ bắt đầu vội đồ đạc và trở nên trống trải thì tự nhiên ta cảm thấy nhớ nhung hồi tiếc, cảm thấy như mình rời một bến cảng bình an để rơi vào sóng dữ. Và căn hộ mới thì xa lạ, lạnh nhạt và chẳng có gì để nói với ta. Tôi cảm thấy mình như đứa trẻ nhỏ đứng nép vào mẹ trong một căn phòng không quen thuộc: “Mẹ ơi con sợ!” Nhưng sáng hôm

sau khi tỉnh dậy chắc chắn tôi sẽ nói: “Ở đây ngủ được.”... Mấy giờ rồi nhỉ? Mười rưỡi... Thế mà trong nhà đã im ắng như ở dưới giếng sâu. Ủ, ví von xem ra được đấy: “như ở dưới giếng” hay hơn nhiều so với “như ở trong nhà thờ”, ít ra thì nó cũng không sáo rỗng như vậy.

Tôi đã cười cô chủ hộ rất nhiều. Cái gì cô ấy cũng ngạc nhiên, cái gì cũng ngấm nghĩa sờ mó, tất nhiên cái tò mò ngây thơ như thế thường không làm ai phật ý. Cô ấy chăm chỉ giúp tôi, lập tức chuẩn bị giường và trải nệm. Cái mà cô ấy ngạc nhiên nhất là tấm đệm giường lớn bằng da nai và chiếc gối bọc da nai. Khi đã trải nệm xong, cô ấy không cưỡng được và nằm xuống giường, nói là nằm thử xem sao; rồi vừa nằm vừa mừng rỡ cười như nắc nẻ - tất nhiên, nếu mà con nắc nẻ biết cười. Sau đó, cô ấy đặt Kačenka lên giường rồi lại cười. Cô ấy có tiếng cười đặc biệt, nó như tiếng vang của cái chuông nhỏ. Khi đặt tấm lông cáo rậm có mép viền vải đỏ xuống nền nhà ngay cạnh thành giường, cô ấy lại có niềm vui mới, cô bảo rằng Kačenka sợ cái đầu cáo với hai con mắt bằng thủy tinh. “Khi nào Kačenka quấy thì tôi sẽ dọa nó!”. Chỉ cái con con như thế cũng đủ làm cho những người như cô ấy thấy vui sướng ngay.

Nhưng ngay sau đó tôi đã suýt nổi cáu. Khi mang một lô đồ đạc nữa lên đến phòng, qua cửa mở tôi trông thấy Pepík đang quỳ trên chiếc ghế cạnh bể cá cảnh, trong tay giữ con cá vàng mới bắt. Tôi nhảy bổ đến. “Ồi trời ơi!” Tôi chợt nghe thấy giọng phụ nữ lạ kêu lên từ phía sau lưng, và khi ngoảnh lại, tôi thấy một người đàn bà đang bỏ chạy ra phía cửa. Cô chủ hộ đứng bên cạnh giường rũ ra cười đến rung cả người. “Vợ anh họa sĩ đấy. Chị ấy đến nằm thử giường xem nó thế nào. Cả con gái ông chủ nhà cũng khen là giường này nằm tốt.” Tôi nghĩ bụng chắc cô ấy sẽ dẫn tất cả mọi người sống trong nhà này đến đây để nằm thử... Họ sẽ nằm ở đâu? Nhưng mà Pepík thì không được phép đến phòng tôi khi không có người coi, không thì có ngày nó làm lật bể cá cảnh của tôi mất. Kể ra thì nó là đứa trẻ kháu khinh với mái tóc vàng và đôi mắt lạnh lợi tròn như hai hòn bi - mắt nó không giống bố, chắc là giống mẹ.

Tôi cứ lắng nghe mãi xem chim họa mi có hót không, nhưng không nghe thấy gì cả, có thể là nó còn rất rét. Mùa xuân gì mà sang xuân đã được sáu tuần rồi nhưng vẫn còn phải mặc áo rét! Có thể là càng đến gần mùa hè thì trời càng rét hơn và chúng ta sẽ mặc áo lông mùa hè - hi hi, một ý nghĩ hay đấy: “áo lông mùa hè.”

Mà rét một tí thì chim họa mi có bị sao không nhỉ? - Tôi lắng nghe nhưng vẫn vô hiệu, không có một tiếng hót nào cả! Bỗng tôi nghe thấy tiếng chân đàn ông bước nặng nề đang tiến gần từ bên ngoài hành lang. Tiếng cửa cọt kẹt, - đấy là cái cửa bếp - rồi tiếng đàn bà, tiếng đàn ông, chắc người nhân viên đường sắt đi làm vừa về đến nhà. Tôi nhanh chóng tắt đèn và đi nằm, có thể cô chủ hộ sẽ đưa người ấy vào phòng tôi để thử xem giường nằm thế nào. Mà nhân viên đường sắt sau giờ làm việc về thì bận lắm!

Luật dân sự. Quy định về tiền tệ. Luật kinh doanh. Thủ tục tố tụng. Luật sáng chế. Nghị định về thủ tục thanh lý cổ phần. Nghị định về thủ tục tranh chấp hợp đồng. Luật khai thác. Luật hàng hải. Luật hình sự. Quy định tố tụng hình sự. Luật tố tụng về giải quyết tranh chấp. Thủ tục công chứng. Quy định thương mại. Quy chế xuất bản. Luật kiểm soát phân phối. Luật về hiệp hội. Luật săn bắn. Luật thuế và hải quan.

Thế! Cứ mỗi buổi sáng tôi sẽ xem danh sách này để thấy nó dài đến thế nào, để thấy cái gì tôi vẫn còn chưa biết và để không ngừng cố gắng. Tôi không ngừng cố gắng, vì bây giờ tôi là người hoàn toàn khác. Nhưng bất kỳ lúc nào nếu nảy ra được ý định gì tốt đẹp, thì bao giờ tôi cũng sẽ ghi lại, và ngày nào tôi cũng đọc, tôi sẽ đọc hàng ngày! Con người ta thường hay tự nhiên quên.

Bữa sáng ngon. Cà phê tinh khiết, bánh sừng bò nở. Cô chủ hộ mặc chiếc áo sơ mi buổi sáng màu trắng. Nhìn cô ấy rạng rỡ đủ thấy vợ chồng cô hạnh phúc.

“Cà phê ngon, rất ngon,” tôi khen để hoàn toàn lấy lòng cô ấy.

“Vâng, thế thì tôi rất vui, thưa luật sư, anh ăn ngon là tôi vui. Anh có cần gì nữa không ạ?”

Tôi chợt nhớ ra chồng cô. “Anh nhà đâu ạ? Tôi phải làm quen ngay với anh ấy chứ!”

“Nhà tôi ra ga có việc, đến bữa trưa mới về.” Rồi lại cười, cô ấy cười suốt. “Bây giờ tôi đi gấp chăn đệm và dọn dẹp một tí, tôi vừa tắm cho Kačenka, cháu đang ngủ,” và nói thêm “nếu thấy vương thì xin luật sư sang tạm phòng bên ạ.”

Tôi đi sang phòng bên cạnh và nhìn qua cửa sổ ra sân. Ở các bậc cửa sổ trên hai tầng phía đối diện đều có hoa. Tất nhiên là các loại hoa bình thường. Tôi có thể viết bài về Thực vật Séc loại đặc biệt trồng ở cửa sổ. Nào cây húng quế với lá to mỏng, nhưng nếu lá bị vò nhàu một chút là héo ngay - “một cô gái đáng yêu”. Nào cây bóng nước, tuy không có mùi thơm, nhưng lại nhiều hoa; người ta thường gieo bằng hạt lấy từ năm trước. Nào cây phong lữ thảo đứng đáng ghét với những cái lá dày u buồn và hoa màu đỏ chói. Nào cây chi mỗ hạc có lá như được cắt tỉa; lá ấy có vò một chút cũng không sao. Rồi cây phong lữ thảo rủ, và cây hương thảo, tất nhiên. Hương thảo là hoa cười, cũng là hoa tang. Mùi hương thảo là mùi của tình yêu; màu xanh mãi mãi của hương thảo là màu của sự thủy chung. Nghe nói hương thảo làm tăng cường trí nhớ, tôi sẽ phải mua mấy chậu. Người ta thả hương thảo theo dòng nước:

*Theo suối hoa trôi*

*Chắc hẳn Jan ời,*

*Năm nay vớt nó...*

Không, tôi sẽ chẳng vớt nó, có mà điên mới đi lấy vợ sớm!<sup>[37]</sup>

Khu vườn được sắp đặt rất gọn gàng. Ở đây có nhiều chòi vườn, có lẽ mỗi gia đình trong nhà này có một cái. Chắc là ở cạnh chòi sẽ có trồng cây cấm quỳ để Pepík có thể bứt quả, ở các luống rau sẽ có rau thìa là để nấu nước sốt ăn với bánh hấp.

“Phòng dọn xong rồi, luật sư ạ,” cô chủ hộ đứng cười bên cửa. Cô ấy đã mở tung cửa sổ. Tôi sẽ phải đóng lại, nhưng chờ cô ấy đi khỏi đây đã.

“Anh có cần gì nữa không ạ?” Một sự chu đáo thật sự mẫu mực, ít nhất tôi phải nói chuyện thân mật với cô ấy. Từ căn hộ của họa sĩ vọng đến tiếng hét của trẻ nhỏ và tiếng đàn bà với giọng soprano cao ngất ngưỡng chói tai.

“Họ có con nhỏ phải không?”

“Nó mới được một tuổi, gào thét suốt ngày.” (Mình sẽ ít khi mở cửa sổ nhìn ra sân.) “Cả vợ họa sĩ cũng hò hét suốt, cứ như ở ngoài chợ ấy.” (Mình sẽ không bao giờ mở cửa sổ nhìn ra sân.)

Tôi để ý thấy là cô chủ hộ nói năng không được lịch sự nhã nhặn cho lắm. Vâng, cô ấy có vẻ của một người đàn bà đơn giản. Nhưng xem ra thì khu Malá Strana có những ngạn ngữ đặc biệt của nó, tôi sẽ ghi lại, thí dụ ghi ngay câu về cái chợ. Thấy tôi viết, cô ấy hỏi:

“Tôi có làm phiên luật sư không? Chắc anh đang bận việc ạ?”

“À không... không sao...”, tôi trả lời. “Ai ở căn hộ bên trên căn hộ của họa sĩ hử chị?”

“Một người hăm hăm, chưa vợ. Ông ta tên là Provazník, nhưng tôi không biết ông ấy nghề nghiệp gì. Cả ngày không làm một việc gì cả, cũng không ra khỏi nhà, chỉ đứng nhìn từ cửa sổ như cú nhòm, hai con mắt độc địa cứ dòm ngó xem hàng xóm làm gì. Giá mà ít ra ông ta vượt lưng con mèo chẳng hạn.” Cô ấy cười. (Tôi ghi “vượt lưng mèo”.) “Ở tầng hai phía trông ra đường có căn hộ của ông chủ nhà và con gái ông, ở tầng ba phía trông ra đường có căn hộ của vợ chồng anh Vejrostka, cả nhà là viên chức công sở. Dứt khoát là họ mới cưới nhau, vì nhẫn cưới vàng còn mới nguyên. Ấy chết, tôi mãi chuyện, biết đâu Kačenka đã thức giấc rồi.” Cô cười và đi ra khỏi cửa.

Bây giờ thì tôi đã biết hết mọi chuyện rồi. Nhanh nhanh ra đóng cửa sổ vào rồi bắt đầu học.

Chín giờ sáng. Hôm nay là thứ ba, ngày tốt để bắt đầu học.

Giống như mọi người, tôi bắt đầu bằng luật dân sự. Tôi nghĩ là sẽ...

“Ấy, tôi quên mất không hỏi xem đêm đầu tiên ở đây luật sư ngủ có ngon giấc không,” lại có tiếng vui vẻ từ ngoài cửa. “Bé trông này, bác luật sư đấy! Con chào bác đi nào!” - Cô ấy nghiêng đứa bé - “Chào bác ạ! Chào bác ạ!” - cô ấy ngả đứa bé như thể vứt nó vào tôi - “Hắn là phải ngủ ngon chứ, cái giường như thế mà!” - Cô ấy đã lại đứng bên giường của tôi. “Bé nhìn này, nằm sướng không này!” - cô ấy đặt đứa trẻ lên giường. “Bé thấy chưa, giường ra giường nhé!” - Cô ấy nằm xuống giường bên cạnh Kačenka.

Người thiếu phụ trẻ đáng yêu, nhìn thấy thích mắt, nhưng mà...! Tôi nhìn chăm chăm vào bộ luật.

“Thôi mình đi con nhỉ, bác đang bận việc, mẹ con mình không được quấy rầy bác nhỉ.” Tiếng cười theo cô ra đến ngoài cửa.

Người đâu mà lại có người ngây thơ đến không tưởng tượng được như thế!

Thôi! Trước hết phải đọc cẩn thận từng điều luật. Hôm nay tạm bỏ qua Luật sáng chế. Phần mở đầu. Về luật...

Con mèo! Con mèo trắng! Nó đứng kêu ở cửa. Cho đến lúc này tôi vẫn chưa nhìn thấy nó ở đâu, có phải là con mèo của nhà này không nhỉ?... Phải làm gì với con mèo nhỉ? À, “meo meo!”. Nhưng mà nếu tôi “meo meo” thì có thể nó sẽ lại còn kêu nhiều hơn nữa!

Không được, nó còn ở đây thì tôi không thể học được! Tôi không thích mèo, chúng nó hung dữ, giả dối và lại còn bắt chuột nữa. Chúng cũng cào và cắn! Và khi ai đó ngủ thì nó nằm đè lên cổ và làm người ấy tắc thở. Lời tự hứa: tối nào trước khi đi nằm cũng gọi “meo meo!” Nghe nói mèo cũng hay nổi điên - lại còn thiếu nước ấy nữa - tôi sẽ phải hỏi khéo cô chủ hộ - có thể đó là mèo cưng của cô ấy - để cô ấy xem liệu có thấy con mèo này có biểu hiện gì là hơi bị đại không.

Con mèo lại kêu. Tôi hé cửa, nó chạy vụt ra ngoài. Cô chủ hộ hỏi tôi có muốn gì không. Tôi trả lời không. Nhưng mà thấy tôi mở cửa. Tôi mở cửa chỉ vì con mèo. À ra thế! - lại cười.

Phần mở đầu...

Có tiếng gõ cửa. Anh họa sĩ. Nói là không muốn làm phiền, nhưng mà lúc cửa sổ phòng tôi mở, anh ấy thấy trên tường có tranh treo, và anh ấy không thể không tới để xem được. Tôi có hai bức tranh bột màu của họa sĩ Navrátil. Bức thứ nhất: Biển trong bão tố, thể hiện cái ảm đạm. Bức thứ hai: Biển trong ánh mặt trời, thể hiện cái vui vẻ. Họa sĩ đứng trước hai bức tranh. Anh ấy đang mặc quần áo đạo phố, mang áo khoác đen dài, cầm gậy và đội mũ.

Anh ấy bảo tranh này dứt khoát phải là của Navrátil. “Vâng, đúng thế ạ.” Rằng có biết bao nhiêu tranh của những người như Navrátil mà anh ấy chưa được xem. Rồi hỏi tôi:

“À, thế bao giờ thì chúng ta làm một ván bài?”

“Vâng ạ, chắc chắn là sẽ chơi, chắc chắn!”

Anh ấy nói rằng chúng tôi có thể chơi tay ba cùng với ông chủ nhà, nhưng nếu tôi rủ được một người quen nào nữa thì chúng tôi sẽ chơi tay bốn. Rằng anh ấy phải nói để tôi biết là vợ anh ấy ngưỡng với tôi. Rằng hôm qua tôi làm cô ấy bất ngờ khi cô ấy nằm ở giường của tôi, nhưng mà khi mà cô chủ hộ Vilhelmová đã gọi đến năm thử... Tôi mỉm cười lịch sự:

“Không sao đâu, tôi sẽ an ủi để chị nhà yên tâm, không có gì hệ trọng đâu anh ạ.”

“Vâng, cái đám đàn bà mà!” Chúng tôi bắt tay nhau rồi anh ấy đi.

Cô chủ hộ của tôi hiện ra ở cửa. Cô ấy nói là sắp 10 giờ rồi, hỏi tôi có muốn mua món gì nóng ở dưới hiệu để ăn điểm tâm không.

“Cám ơn chị, tôi không bao giờ ăn điểm tâm bằng thức ăn nóng.”

Phần mở đầu... Nói chung về các luật dân sự. Định nghĩa quyền dân sự. Tôi cảm thấy thoải mái hào hứng. Thế là tôi chăm chú đọc các điều luật và hơi tiếc là phải dừng lại vì đã tới giờ ăn trưa. Món ăn cũng được, nhưng không nhiều, mà ăn nhiều không tốt, nhất là khi người ta chỉ ngồi.

“Anh uống cà phê đen nhé?”

“Cám ơn chị, không ạ. Từ giờ cho đến tối, đến 8 giờ tối, tôi sẽ không cần gì hết.”

“Thế cả xì gà cũng không à?”

“Không chị ạ, tôi không bao giờ hút ở nhà.”

Tuyệt vời! Tôi học, giống như dòng suối đưa con thuyền vội vã trôi và các vật trên bờ chạy lùi về phía sau. Điều luật này nối điều luật trước, giống như các hạt mân cô lần lượt đi qua các ngón tay. Tôi đã không dám nghĩ rằng tôi biết nhiều đến thế và học dễ vào đến thế. Tôi vui đầu học đến mức tôi không nghe thấy gì khác, không nhìn thấy gì khác. Tôi nghĩ cô Vihemová đã vào phòng đến sáu lần, hay là chục lần. Lần nào tôi cũng giật mình, giống như Kačenka bị mẹ mang con cáo lông ra dọa... Nếu cô ấy có nói gì với tôi, chắc chắn tôi đã không trả lời. Ít ra thì cô ấy cũng phải nhận thấy là không được làm phiền tôi.

Tôi rất hài lòng. Một trăm ba mươi lăm điều luật! Bây giờ thì đi ăn chiều, rồi lại học tiếp! Đừng ai bảo tôi rằng học thi không phải là khoái cảm! Tôi run người vì sung sướng.

Thịt bò hơi dai. Tôi nhớ mồm hơi chê món ăn. Tôi đã hoàn toàn quên người nhân viên đường sắt.

“Vâng, xin chị cho tôi một cốc bia nữa. Bây giờ tôi có thể nói chuyện với anh nhà được không? Để chúng tôi làm quen với nhau một chút chứ!”

“Nhà tôi đã ra ga, tàu chạy lúc 9 giờ tối. Tôi lại cô đơn rồi.” Và cô ấy cười. Có lẽ sẽ không bao giờ tôi có dịp được làm quen với chồng cô.

Mười rưỡi đêm. Tôi thấy mệt, cũng muốn học nữa, nhưng học không vào. - Luật dân sự có 1502 điều - sau 8 ngày tôi sẽ học xong. - Khoan đã, ta hãy thử tính xem sao! Tôi cộng tất cả các điều của những luật khác lại rồi làm phép chia đơn giản và thấy là chậm nhất là sau một tháng tôi sẽ học xong hoàn toàn! Dù vẫn còn thấy bồn chồn hồi hộp, tim đập mạnh và chưa

muốn ngủ ngay, nhưng tôi sẽ đi nằm để nghỉ ngơi. Tôi sẽ mang đèn và sổ ghi chép đến bàn ngủ bên cạnh giường. Tôi sẽ suy nghĩ.

Tôi bỗng giật nảy mình - khiếp! Tôi đi đến giường và thấy có cái gì nằm ở đó. Chỉ thấy hai cái hình tam giác nhỏ đang nhô lên - hai cái tai con mèo! Nó đang nằm, nhưng lúc này nó ngẩng đầu lên nhìn tôi.

Làm sao bây giờ? Giá mà tôi biết dọa mèo như thế nào. Không, tôi không muốn dọa nó, nhưng làm sao để đuổi nó đi được? - Xì, xì! - Chắc, chắc! Nó giương mắt nhìn tôi như thể không có chuyện gì xảy ra. Chíp, chíp - ấy xin lỗi, từ ấy chắc là để gọi chim! - Đi đi! - Có đi không hả? - Ra kia! - Xéo! Lúc này thì nó thôi không thèm nhìn tôi nữa mà gục đầu xuống ngủ tiếp. Làm sao đây?

Nghe nói thú dữ thường sợ lửa. Tôi bèn gài cái đèn lại gần, sát đến tận con mèo, nhưng nó chẳng hề nhúc nhích, chỉ hơi nheo mắt, tôi nghĩ là nó đang cảm thấy khó chịu.

Giày! Chiếc giày! Tôi ném không trúng con mèo, nhưng nó đã nhảy vọt xuống sàn và chạy ra gần cửa. Tôi mở hé cánh cửa, nó lách ngay ra ngoài. May quá, nhờ trời!

Bên ngoài cửa lại có tiếng hỏi tôi muốn gì. “Không.” Nhưng mà thấy tôi mở cửa. - “Tôi chỉ đuổi con mèo thôi!” Vậy cứ bảo nhé, nếu muốn gì. Rằng khi chỉ có một mình ở nhà thì cô ấy thấy khó ngủ và cảm thấy buồn buồn chán chán thế nào ấy. Tôi không trả lời. Bên ngoài vang lên tiếng cười bí ẩn.

Tôi nghe thấy tiếng chim họa mi. Trời ơi, sao mà tuyệt thế, mà hay thế! Ôi, chim họa mi! Tiếng hót mới ngọt ngào làm sao! Cái họng nhỏ bé của nó mới kỳ diệu làm sao! Ôi, nàng Philomela<sup>[38]</sup> thần thánh được hàng nghìn thi sĩ ngợi ca! Hỡi ca sĩ của mùa xuân, hỡi ca sĩ của tình yêu, hỡi ca sĩ của khoái cảm!

Người nào giam cầm và cướp tự do của những con chim như vậy là kẻ tàn bạo nhẫn tâm! Chỉ khi con chim hoàn toàn tự do, tiếng hót của nó mới

thánh thót tự nhiên. Tôi ca ngợi những luật... Ôi, tiếng hót của nó ngọt như mật vậy! Tôi ca ngợi những điều luật bảo vệ các loài chim biết hót.

Nhưng tôi chợt thấy con họa mi chuyển sang hót tiếng nghe hơi chối tai, - hót khác đi chứ, chim yêu quý! Nó không chuyển. Này, có im đi không! Hót gì mà làm người ta đình tai nhức óc thế!

Tôi lăn xuống sàn nhà. Thế này thì tôi phát điên mất - tôi run bắn cả người! À, nếu đóng cửa sổ ở phòng bên thì sẽ không nghe thấy tiếng nó... Vô hiệu! Con chim đáng nguyên rửa ấy dứt khoát phải đang đứng ở chỗ nào đó ngoài sân... Súng, khẩu súng! Giá mà có khẩu súng thì tôi sẽ bắn qua cửa sổ, mặc cho tất cả hàng xóm giật mình! Đem mà bắn cái của nợ đáng nguyên rửa ấy đi!

Ồi trời đất ơi! Ốc tôi muốn long ra! Không, tôi không chịu nổi được nữa rồi. Giá mà tôi biết nó đậu ở đâu thì tôi không ngại gì, tôi sẽ mặc quần áo để... A! Tôi nghĩ ra rồi! Tôi lôi cái áo khoác cũ từ trong tủ quần áo ra, xé lần vải lót, kéo bông đệm ra rồi nhét đầy tai. Bây giờ thì cho mày cứ sửa!

Nhưng vô hiệu! Tôi vẫn nghe thấy tiếng chim. Tôi kéo hết bông ra, nhồi vào tai, áp lên đầu rồi lấy khăn quàng dày quấn quanh đầu. Hoàn toàn không có hiệu quả gì, tiếng chim inh ỏi đình tai chắc chắn đủ xuyên qua tường dày của pháo đài!

Đêm nay chắc sẽ là đêm rất khủng khiếp đây!

Đã mười giờ sáng rồi mà bây giờ tôi mới dậy! Đầu tôi nặng trĩu. Không biết tôi đã thiếp đi vào lúc nào, có lẽ vào quãng gần ba giờ. Tôi chập chờn ngủ từ lúc hai giờ đến ba giờ sáng, con họa mi vẫn cứ hót inh tai. Họa mi ở bên Thành phố Cổ đâu có hót như vậy. Có lẽ tôi bị sổ mũi. Tôi thấy ngứa ngứa và đau trong mũi. Bầu trời tối đen, không khí lạnh khó chịu. Nhiều khi vào mùa hè mà ngay cả trời tháng bảy cũng giống như trời tháng mười một, có những cơn mưa lạnh, lá cây rơi và cái lạnh toát người.

Cô chủ hộ bảo tôi đi sang phòng bên vì cô ấy sẽ dọn dẹp. Cô ấy sẽ lại mở cửa sổ và tôi có thể bị sổ mũi nặng hơn - thế thì không thể được! Trong

lúc chờ, tôi sẽ sang nhà anh họa sĩ ở phía đối diện. Tôi có nghĩa vụ làm cho vợ anh họa sĩ không phải xấu hổ nữa, ai cũng phải có thể diện mà. Khi họa sĩ đã tới thăm tôi thì tôi cũng phải đến thăm anh ấy; tôi biết cách đối nhân xử thế mà!

“Hôm nay sang nhà vợ chồng anh Augusta được,” cô chủ hộ của tôi nhận xét, “hôm nay chị Augusta nói ngọng.”

Cái cô Vilhemová này nói chuyện mới lạ đời! Hôm nay “nói ngọng” là nói thế nào? Ai đã nói ngọng thì cứ ngọng mãi chứ!

Tôi gõ cửa. Lắng nghe. Không ai lên tiếng. Tôi lại gõ. Lại không. Tôi thận trọng cầm tay nắm cửa, nhưng cánh cửa đang hé mở. Cả gia đình đang ở ngay phòng ngoài.

“Tôi xin lỗi...”

Không ai để ý đến tôi. Anh họa sĩ ngồi bên giá vẽ, tay chống cằm, chị vợ đứng cúi đầu bên tủ ngăn kéo đựng quần áo, trong tay cầm mảnh giẻ lau. Chỉ có Pepík ngẩng lên nhìn tôi, thè lưỡi rồi lại quay sang nhìn từ bố đến mẹ. Tôi phải tỏ ra là mình không để ý gì đến cư xử hỗn láo của Pepík, chắc rồi tự nó sẽ phải thôi. Con chó nhỏ màu đen đến người người tôi; nó không sủa, chắc là còn bé quá.

“Tôi xin lỗi...”, tôi nói to hơn.

“À, anh hàng xóm - anh thứ lỗi cho, tôi cứ tưởng là bà giúp việc đến. Mẹ nó ời, anh luật sư bên nhà cô Vilhemová! Hôm nay chúng tôi nấu súp khoai tây - tôi có thể ăn xúp khoai tây ngày ba bữa được - chúng tôi đang nghĩ không biết có nên cho hạt yến mạch vào đó không. Mời anh ngồi.”

Tôi phải bắt đầu thật khéo léo:

“Ấy, tôi có phải là người lạ đâu ạ, tôi đã biết anh, biết cả cháu đây nữa, và chị thì tôi cũng đã nhìn thấy rồi. Thưa chị, xin được tự giới thiệu, tôi là luật sư Krumlovský.”

Người thiếu phụ tóc hoe với khuôn mặt gầy gầy nhàm chán vụng về cúi đầu. Trông chị ta như con rối gỗ có khớp, tự nhiên ngã nửa thân xuống. Chị ta lắp bắp:

“Vâng, vâng... nhà tôi đây bảo tôi... là anh hơi giận tôi - hé hé, hàng xóm với nhau thì thế có sao đâu!” Chị ta lại cúi xuống như thể bị gậy nửa người.

Họ mời tôi ngồi xuống và hỏi tôi có thích phòng trọ mới không. Tôi nói là rất thích, nhưng mà đêm hôm qua... và tôi kể về tiếng hót của con chim họa mi.

“Ừ, ừ, chim họa mi, nhưng tôi không nghe thấy!”

“Ngáy như sấm thì làm sao mà nghe thấy được!” Chị vợ nói chen vào bằng giọng soprano sắc như dao.

“Tôi á? Ừ, cũng có ngáy một tí...”

“Ồ, một tí! Thế còn cái này cũng là một tí hả? Luật sư ạ, anh xem này!” Chị Augusta vén tay áo, tôi trông thấy các vết tím bầm. “Tôi... tôi đã có thể tha... tha hồ chọn, bao nhiêu đàn ông điên... điên cuồng vì tôi, thế mà tôi lại đi lấy... cái đồ này!”

Vợ họa sĩ rõ ràng có cách cư xử của những người đàn bà bán hàng ngoài chợ. Tôi thấy bối rối, lúng túng. Nhưng tôi cũng để ý thấy là quả thật chị ta lú lẫm. Bây giờ thì chị ta tiếp tục lau bụi ở tủ, cứ như là không có tôi ở đây.

“Ấy, tôi đã lâm vào cảnh hơi khó xử, luật sư ạ,” anh họa sĩ phân trần và cố mỉm cười, nhưng có vẻ khó khăn. “Đúng là tôi đã có mặt ở sáu quán thật, nhưng mà ở quán nào tôi cũng chỉ uống có một cốc rồi đi ngay. Về mặt này thì tôi là người không được may mắn lắm. Tôi là người tốt, nhưng khi uống vào thì tôi thành người khác, người ấy uống tiếp rồi làm chuyện lung tung. Nhưng tôi nào có liên quan gì đến người ấy đâu, phải không luật sư?” Anh ta cười gượng gạo.

“Uống có khi không có hại, thỉnh thoảng còn tốt cho sức khỏe nữa, Luther nói là<sup>[39]</sup>...”, nhưng tôi chợt giật mình vì cái gì mình định nói nên ngừng lại. Tôi cũng cảm thấy là chỉ một li nữa thì cái giẻ lau bay đến đầu tôi. “Hôm qua con họa mi hót làm tôi khổ sở không ngủ được,” tôi thận trọng chuyển đề tài. Ở phía dưới chân, con chó con đang nhảy nhay ống quần tôi. Không muốn đá nó ra, nhưng tôi cũng không thể ngồi thoải mái được.

“Ấy, anh phải nghe tôi cơ... thì lúc ấy mới thật hay, Anna nhỉ?” Anna - vợ anh - im lặng. “Tôi biết gõ nhịp như tiếng chim họa mi. Có khi tôi gọi được đến năm sáu con tới cơ đấy, lúc ấy thì thật đúng là buổi hòa nhạc. Rồi anh sẽ thấy.”

Nếu lúc nào thấy anh ta tụ tập chim họa mi làm buổi hòa nhạc thì tôi sẽ bắn chết anh ta.

“Tôi tưởng anh vẽ phong cảnh, hóa ra anh vẽ người.” Tôi thấy một hình người ở bức tranh trên giá vẽ.

“Tôi phải vẽ tranh các Đức Thánh để kiếm sống. Ba loại lễ phục, hai màu xanh đỏ, một tí da thịt nữa là xong; nhưng cũng chẳng kiếm được là bao. Đúng ra thì tôi vẽ chân dung. Trước đây có rất nhiều việc, có hồi tôi còn vẽ cho tất cả dân ở Thành phố Do Thái. Thật ra cũng không kiếm được nhiều, vẽ chân dung cả người cho một người Do Thái cũng chỉ được hai mươi đồng tiền vàng thôi. Nhưng rồi có một gã người Đức cũng đến vẽ, thế là hắn cướp sạch hết khách của tôi. Á, tôi nghĩ ra rồi! Tôi đang phải vẽ tranh Đức Thánh Kryšpín, hay là luật sư ngồi làm mẫu cho tôi nhé! Trông anh có một cái gì đó hợp với việc làm người mẫu cho Thánh Kryšpín đấy!”

Tôi, “có cái gì đó” là cái gì nhỉ? Tôi chuyển sang chuyện khác, chuyển sang Pepík, tôi muốn chiếm cảm tình của nó.

“Pepík ơi, lại đây với chú!”

“Ừ, chú là người ngu!”

Pepík lĩnh luôn cái bạt tai của bố. Tôi cảm thấy đỏ mặt. Đứa trẻ gào lên khóc:

“Thế lúc sáng cô Wilhemová chẳng bảo mẹ là chú ấy ngu ngu thế nào ấy là gì! Phải không mẹ?”

“Mày có câm đi không hả?”

Sao cơ? Tôi mà ngu ư? “Ra đây với chú, Pepík, ra đây!”, nhưng giọng tôi tắc trong cổ. Thằng bé thôi khóc và đến đứng len giữa hai chân tôi. Nhanh lên, chơi với trẻ con như thế nào nhỉ? “Cháu đưa tay ra đây! - Ông này nấu - ông này rán - ông này nướng - ông này bảo: cho tôi một miếng! - ông này nói: cho miếng gì? - cho miếng gì? - cho miếng này!” Pepík không cười. “Đây là bố - đây là mẹ - đây là ông - đây là bà - đây là...”<sup>[40]</sup> Tôi không biết tiếp nữa là gì. Cái thằng bé này quả thật là một đứa trẻ khù khờ. “À, khoan đã, chú đỡ cháu một câu đỡ nhé!

Nó là cái gì: có màu xanh, nhưng không phải là cỏ; hói đầu, nhưng không phải linh mục; có màu vàng, nhưng không phải là sáp ong; có đuôi, nhưng không phải là con chó. Nó là cái gì hả Pepík?”

“Cháu không biết!”

Tôi muốn nói cho thằng bé biết, nhưng bây giờ thì chính tôi cũng không biết nó là cái gì. Tôi chỉ nhớ câu đố, nhưng không nhớ lời giải. “Thế thì chú nói thêm cái gì ngu ngu vậy,” Pepík gợi ý cho tôi.

Làm như không nghe thấy nó nói gì, tôi đứng dậy chia tay:

“Tôi phải về để học đây. Có lẽ cũng sắp mười hai giờ rồi.”

“Đã làm gì đến!” Anh họa sĩ nói. “Đồng hồ nhà này chắc chạy nhanh ít nhất nửa tiếng.”

“Làm gì có thể!”, cô Anna Augusta chát chúa, “hôm qua, khi đồng hồ ở trên tháp điểm giờ, tôi đã lấy cán chổi chỉnh lại rồi kia mà!”

Cả hai nói là họ rất lấy làm hân hạnh và bảo tôi hãy thường xuyên đến chơi. Rằng chắc chắn chúng tôi sẽ là những người hàng xóm tốt của nhau!

Nhưng bây giờ thì tôi muốn biết vì sao tôi ngu!

Ngoài hành lang, tôi gặp một người phụ nữ, có lẽ đó là cô con gái ông chủ nhà. Cũng có vẻ không còn trẻ.

“Thế nào, có ngọng không?” Cô Vilhemová hỏi tôi.

“Ngọng.”

“VẬY là hôm nay họ có tiền đấy! Chứ khi không có một xu nào thì nói năng bình thường, chẳng ngọng tí nào.” Xem ra, cô chủ hộ của tôi rõ ràng có cái mồm rất hay nói xấu. “Lúc luật sư đi dọc hành lang về đây, ông Provazník thò đầu ra ngoài cửa sổ để nhìn anh đấy.”

Tôi nhìn lên phía trên và có cảm giác là ngoài khuôn mặt mọng và vàng như sáp ong, tôi không nhìn thấy gì hơn. Cô Vilhemová hỏi tôi có muốn gì không. Tôi hơi cau có trả lời: “Không.” Cô ấy hỏi có thể để Kačenka ở phòng tôi một lát được không, rằng cô ấy phải đi ra cửa hàng, nhưng sẽ về ngay. Cô ấy muốn để Kačenka ở phòng tôi, vì nếu phải ở nhà một mình thì nó sẽ khóc.

“Nhưng tôi có biết bế trẻ con đâu!”

“Tôi chỉ đặt nó lên giường thôi.”

“Thế nếu nó khóc thì sao?”

“Ấy không đâu, nó không khóc, nếu nó thấy có người ở gần.”

“Thế nếu nó sẽ làm cái gì...?”

“Ôi giờ, tội nghiệp con bé!”

“Vâng, tội nghiệp con bé!”

Tôi rất lấy làm khó chịu.

Tôi tự hứa sẽ gây ảnh hưởng đạo đức tới Pepík.

Có một lần tôi đã đọc *Các suy nghĩ tốt của Burnand*. Nhưng những “lời tự hứa” của tôi là cái hoàn toàn khác hẳn, tôi không muốn bắt chước ông ấy.

Tôi đã không nghĩ là ngày hôm nay tôi sẽ lại học được như vậy, tôi thấy hài lòng, nhưng một kinh khủng - tôi sẽ đi ngủ. Không thấy con họa mi lên tiếng, chắc là nó bị rét cóng rồi. Nhờ trời!

Nhưng tôi vẫn muốn biết tại sao lại bảo tôi ngu.

Tôi nhận được thư của bạn học cũ. “Mình chúc mừng cậu trước nhé! Mình nghĩ là cậu sẽ tiếp thu lời khuyên bảo của bạn học cũ. Đúng vậy, mình có nghĩa vụ của người anh em, khi có kinh nghiệm gì tốt thì phải nói để cậu biết. Khi đi thi, trước hết là phải bình tĩnh! Kiến thức thì cậu có nhiều, mình tin như vậy, nhưng mình cho rằng cái bình tĩnh có giá trị gấp đôi tất cả các kiến thức. Các thầy thường hay ra các câu hỏi cần phải suy luận, và nếu cậu không nghĩ được ra cái gì để trả lời thì thầy sẽ hỏi: “Khi một người nào có vấn đề như vậy đến gặp anh, thì lúc đó là luật sư anh sẽ làm gì?” Cậu hãy trả lời nghiêm chỉnh: ‘Em sẽ yêu cầu ông ấy đưa tiền đặt cọc.’ Cậu hãy tin mình, thầy sẽ...”

Đồ ngu xuẩn! Tôi không thể chịu được việc một ai đó luôn luôn muốn làm người dí dỏm sắc sảo bằng các truyện cười cũ rích. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ hồi còn ở trường chúng tôi đã gọi hắn là Ba Hoa! Vâng, hắn rất ba hoa! Nhưng cái này hoàn toàn do lỗi ở tôi, tại sao mà tôi lại lẩn thẩn đi viết cho hắn về việc tôi đang chuẩn bị thi, và còn lịch sự viết thêm “Nếu cậu có lời khuyên tốt nào...” Tôi không cần lời khuyên của bất kỳ ai trên đời, nhất là lời khuyên của hắn thì lại càng không. Tôi sẽ không viết thư trả lời hắn!

Tôi bị sổ mũi nặng. Tôi thấy lạnh trong người, đầu rưng rức, nước mắt giàn giụa. Tôi lấy làm lạ là mặc dù vậy tôi vẫn còn học tốt và ăn vẫn thấy ngon.

Thôi, học tiếp đi thôi.

Ông chủ nhà đến gặp tôi. Đó là một người đặc biệt, cỡ tuổi sáu mươi. Người ông ấy mảnh, ngực lép và hai bờ vai rất trẻ, như thể mỗi tay xách một thùng nước, thành ra trông ông có vẻ nhỏ hơn so với thực tạng. Hai má gầy gò cạo nhẵn nhụi, đôi môi xẹp vì răng đã rụng, cái cằm nhỏ xíu, cái mũi bé

và bần, tóc đã bạc, nhưng hai con mắt đen thì sáng rực như trong cơn sốt. Đôi tay gầy đã nhăn nheo của ông hươu hươu không yên, có lúc làm co cả người lại. Khi nói thì gần như nói thầm. Ở bên cạnh ông ấy, người ta có cảm giác bất yên, như là có gì đó có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Ông nói là đến hỏi xem tôi đã báo địa chỉ mới cho cảnh sát chưa. Tất nhiên là tôi đã quên. Vậy thì tôi phải đi báo. Ông bảo rằng ông rất vui khi họa sĩ đã nói với ông về việc tôi sẽ chơi bài với họ. Tôi gật đầu khẳng định. Nhìn thấy tôi bị sổ mũi, ông ấy bảo: “Có nhiều người khi khỏe mạnh không biết sức khỏe là gì.” Nhận xét ấy xem ra không được sắc sảo cho lắm, tôi mỉm cười lịch sự và trả lời ngắn gọn: “Vâng!” Im lặng. Sau đó tôi nói tôi hi vọng rằng ông ấy luôn mạnh khỏe. Ông ấy trả lời không được khỏe lắm, hay bị đau họng và phải cẩn thận giữ gìn. Nói đoạn, ông húng hắng ho mấy tiếng và nhổ nước bọt xuống đúng vào giày tôi. May là ông ấy không để ý thấy, khỏi phải xin lỗi ngượng ngịu. Tôi giấu chân xuống gầm ghế. Ông ấy hỏi tôi có năng khiếu âm nhạc không. Không, tôi không có khiếu âm nhạc, nhưng khi còn bé tôi đã chơi đàn piano, có điều tôi không học được gì cả. Tôi mỉm cười và nói thêm, như thể nói về một điều hiển nhiên:

“Vâng, tôi nghĩ không có người Séc nào mà ít ra không biết một chút về âm nhạc.”

“Thế thì tốt, thế thì tốt! Chúng ta sẽ chơi bốn tay. Mùa hè nào tôi cũng đem ra vườn cái đàn spinet, nó cũ nhưng còn tốt. Chúng ta sẽ chơi giải trí ở đó. Thế thì tốt!”

Tôi cảm thấy mình phải lùi lại. “Piano ư? Không, tôi không chơi piano... tôi... violon.”

“Cây đàn của anh có tốt không?” Ông ấy đảo mắt nhìn lên tường tìm xem tôi treo đàn ở đâu. Tôi lại lùi bước nữa:

“Đã lâu rồi tôi không chơi... người ta thường bận bịu vì cuộc sống hàng ngày,... người ta...”

“Hoài của!”

Ông ấy đứng dậy, nói là không muốn làm bận tôi. Rằng ông ấy không thuộc loại những người chủ nhà không quan tâm đến quyền lợi của người thuê nhà. Nhưng ông ấy còn có một điều nữa muốn chia sẻ. Ông ấy hỏi tôi có nghĩ rằng ông Bismarck là nguyên nhân của mọi vấn đề ở Tây Ban Nha không. Ông ấy đứng sát tôi, trên mặt lộ rõ vẻ ranh mãnh. Tôi trả lời là hoạt động của các nhà ngoại giao thường khôn lường. “Đúng vậy,” ông chủ nhà gật gù, “không thể di dịch khúc gỗ giống như di dịch que diêm được.” Bây giờ thì ông ấy giẫm mạnh lên chân phải của tôi và nói thêm: “Tôi vẫn bảo là các nhà vua không bao giờ hài lòng với những cái gì họ có.” Tôi không phản đối gì cả, chỉ lịch sự mỉm cười. Ông ấy chia tay.

Một diễn giải ngây thơ - nhưng về thực chất thì đúng. Những người như ông ấy diễn tả lời hay ý đẹp và kinh nghiệm của mình qua các ngôn ngữ, chúng ta không nên khó chịu và đánh giá thấp những ngôn ngữ thể hiện ý kiến, dù là không lớn, của mỗi cá nhân. Tôi nghĩ một sưu tập “Ngôn ngữ cá nhân” có thể sẽ là sưu tập rất thú vị.

Nói chung, tôi thấy hài lòng về ngày hôm nay. Bây giờ tôi đi ngủ.

Chim họa mi có hót, nhưng ở chỗ nào đó xa xa. Ở đấy thì nó có sửa cũng được. Nhưng nếu anh họa sĩ mà gọi nó đến thì tôi sẽ làm ầm lên. Dĩ nhiên là làm ầm một cách lịch sự, chỉ cho mọi người thấy là không phải tôi chịu để ai muốn làm gì cũng được. Tôi hi vọng là họa sĩ đi quán đang vội trở về nhà, chẳng gì thì ngày hôm qua vợ anh đã nói ngọng.

Tôi có cảm tưởng là hôm nay cô chủ hộ Vilhemová đã không hỏi nhiều lần xem tôi có cần gì không. Tất cả mọi việc rồi sẽ đâu vào đấy thôi. Cũng có thể là tôi nghĩ nhầm, khi mà tôi mãi mê học!

Sổ mũi và học các bộ luật. Tôi vui đầu học đến mức hoàn toàn không biết về cái gì khác trên đời. Chỉ nhận thấy là cô chủ hộ ít hỏi hơn trước xem tôi có cần gì không. Hôm nay cô ấy bảo về bản chất tôi là người tốt bụng và chắc chắn trời sẽ phù hộ tôi. Chả là cô ấy đưa vào bếp một người đàn bà, nghe bảo là vợ góa của một ông thợ giày, mẹ của hai đứa trẻ; bà quả phụ ấy

than vãn về cái khổ của mình và tôi đã cho bà ấy một *zlatý*. Nhờ trời, trên đời này vẫn còn người tốt bụng! Trời phù hộ cho anh!

Con mèo cũng không đến chỗ tôi, kể cả khi cửa mở toang. Nó chỉ đứng meo meo ở bên cạnh. Rõ ràng là nó không tin tôi.

Tôi nhớ ra là cho đến bây giờ tôi vẫn chưa nhìn thấy chồng cô chủ hộ. Suốt thời gian ấy đã có lúc nào anh ấy ở nhà không?

Trong cà phê có trộn củ bồ công anh! Dứt khoát là tôi không nhầm, cà phê có trộn bồ công anh - kinh quá! Chắc chắn một cái gì đó đã phải xảy ra.

Tôi học phần cuối Luật dân sự vội vàng hơn, giống như con ngựa đua chạy gần tới đích.

Trong cà phê lại có bồ công anh, tôi nghĩ là nhiều hơn hôm qua, và cô chủ hộ không hỏi tôi một lần nào. Ít ra thì tôi được yên tĩnh. Ngày hôm qua cô ấy lại dẫn đến tôi một bà góa khác, nghe bảo cũng là quả phụ của ông thợ giày, có con. Bà ấy bảo rằng nghe nói tôi là người vô cùng tốt bụng. Thế là lại một *zlatý* nữa.

Pepík bị đánh rất đau, nó gào inh cả nhà. Tôi hỏi cô chủ hộ nó đã làm gì mà bị đòn.

“Có làm gì đâu, nó mua hạt hạnh nhân nhưng bố nó ăn hết. Không ai có thể tin được là hăn háu ăn đến mức nào!” Cô nói.

Pepík càu nhàu, thế là bố nó đánh. Tôi thương hại thằng bé.

“Thương với xót gì, thằng ấy là đồ vô tích sự.”

Nghe nói vào ngày Thứ Sáu Tuần Thánh năm ngoái nó dám lấy cắp tiền xu từ đĩa để trên mộ chúa ở nhà thờ Kajetán.

Vâng, tôi phải gây ảnh hưởng đạo đức đến Pepík! Lúc nào rảnh một chút là tôi làm ngay. Hoài của một đứa bé kháu khỉnh như nó, bố nó rõ ràng là người không bình thường, không đảm đương được nghĩa vụ dạy dỗ của người cha. Ngày còn bé, George Washington cũng chẳng phải là đứa trẻ mẫu mực gì, nhưng có được người cha thông thái. Ông trời đúng ra phải ban cho

trẻ nhỏ khả năng sớm nhận biết, xem cha của chúng có giống cha của ông George Washington không; trong trường hợp ngược lại thì chúng không nên bám giữ lâu ông bố không ra gì ấy làm gì, mà nên bỏ đi tìm nơi khác. (Đó là lời chỉ dẫn cho Mark Twain, người có cư xử giống George Washington và đã muốn nhả nhủ cha mình.)

Anh họa sĩ đến gặp tôi, nói là chỉ ghé qua một tí thôi. Anh ấy hỏi tôi có muốn ngồi làm mẫu để anh vẽ Thánh Kryspín không. Tôi trả lời bây giờ tôi phải ngồi học. Tôi nhận thấy tôi đang dần dần trở thành người dứt khoát hơn.

Tôi đã học xong Luật dân sự rồi! Ngày mai tôi sẽ bắt đầu học Quy định về tiền tệ. Tối nay chắc tôi sẽ ngủ rất ngon!

Sáng hôm sau, với ý thức là đã học xong Luật dân sự, tôi tự đặt cho mình câu hỏi. Nhưng tôi đã không trả lời được, tôi hoàn toàn không nhớ, không biết một tí gì! “Ôi trời đất ơi!”, tôi kinh hoàng kêu lên và ôm chặt lấy đầu. Tôi thấy mình đột nhiên nhột nhạt cả người.

Cô chủ hộ chạy vào hỏi tôi làm sao.

“Tôi chẳng biết cái gì cả!”, tôi nói một cách ngốc nghếch.

“Vâng, tôi cũng nghĩ thế,” cô ấy tuyên bố rồi phá lên cười và chạy ra ngoài.

Cô ấy thật là một người đàn bà vô cùng xác xược!

Nhưng bây giờ thì tôi bình tĩnh hơn. Vì theo kinh nghiệm học trước đây, tôi biết rằng bao giờ cũng vậy, những gì đã học rồi cũng phải chờ một chút mới thấm, mới nhớ được.

Mà cái đó có liên quan gì đến câu khẳng định hôm trước là tôi ngu không nhỉ? Không, đây không phải là cái ngây thơ nữa, đây hoàn toàn là sự xác xược!

Hai bà quả phụ của ông thợ giày - đúng ra thì một trong hai người ấy là quả phụ của ông thợ may. Xem ra cô chủ hộ muốn đưa đến tôi tất cả các bà

góa khóc chồng ở bờ bên trái sông Vltava!

Bước ngoặt! Bước ngoặt cực kì mà tôi đã không dám mong đợi. Bước ngoặt trong thiên nhiên và cả trong xã hội. Bước ngoặt thứ nhất là bắt đầu có những ngày đẹp, ấm áp và vui vẻ. Trời ấm áp đã làm tôi không sổ mũi nữa. Bước ngoặt thứ hai là tôi đã chán ngấy cà phê trộn củ bồ công anh của cô chủ hộ. Bây giờ tôi vừa uống xong cốc cà phê tôi tự pha trên bếp cồn. Từ nay trở đi tôi sẽ tự pha lấy cà phê. Tôi cũng thay đổi nhiều việc khác. Cô chủ hộ chỉ mang cơm trưa lên phòng cho tôi thôi, còn đến bữa chiều thì tôi xuống ăn ở quán. Tôi không cần ai thương tình giúp đỡ, mà cô chủ hộ thì bây giờ cũng hoàn toàn không còn sẵn sàng giúp nữa. Mặc kệ cô ta, như thế càng tốt. Tôi thấy ngồi học mãi cũng không được vì sẽ mụ cả người, rồi học sẽ chậm vào. Ngày nào cũng phải học nhiều như vậy thì chỉ nên học khi nào có hứng nhất, sau đó cũng phải nghỉ ngơi giải trí một chút. Nhưng tôi lại không thấy hứng thú lắm cái việc giải trí thư giãn giữa những người trầm lặng ở dưới quán! Tôi tự nhủ ngày nào cũng sẽ ra vườn, ít ra là một lúc. Hai ngày nay tôi đã thấy có người dạo chơi ở đó rồi. À, hay là buổi sáng dậy sớm rồi ra vườn học nhỉ? Như thế thì học sẽ rất thoải mái, tôi còn nhớ như in những năm tháng ở trường trung học.

Tôi tự hứa là sáng nào cũng dậy sớm, thật sớm.

Tôi vừa đuổi một bà quả phụ mới của ông thợ giày!

Tôi rất thích quán ăn như thế này! Nó không náo động ồn ào nhưng ta vẫn có thể thư giãn vui vẻ được, điều này rất phù hợp với những nhu cầu của tôi bây giờ. Không phải cố gắng tỏ ra thông minh sắc sảo, chỉ cần quan sát và lắng nghe mọi người. Họ là những người bình thường giản dị, nhưng đều có cá tính, có hiểu biết, hài hước hóm hỉnh rất tự nhiên và hài lòng cả với câu đùa chả có gì hài hước. Cái gì họ cũng cười một cách vô tư. Nhưng để chuyện trò vui vẻ lịch sự với họ thì ta phải là nhà tâm lý học, phải hiểu được từng cá tính. Tôi có năng khiếu về việc đó.

Quán ăn là một căn phòng sạch sẽ và thân thiện, chỉ hơi tối một chút. Ở phía sau, có một bàn bi-da đặt chính giữa, xung quanh có các bàn nhỏ kê sát

tường. Phía trước có một số bàn, trong đó ở bốn bàn đã có người ngồi. Suốt cả buổi tối, tôi thấy là thực khách của quán đều là khách thường xuyên, có lẽ hàng bao năm nay không thay đổi. Tôi nhận thấy điều đó ngay lập tức khi tôi bước vào quán. Tất cả mọi người đột nhiên im bật, mọi cặp mắt đều hướng về phía tôi.

Tôi cúi đầu chào về mọi phía rồi ngồi vào cái bàn lúc đó đã có một người đàn ông. Anh ấy lặng lẽ gật đầu chào lại. Ông chủ quán, người bé nhỏ và hay lời thôi, đến ngay chỗ chúng tôi.

“A, luật sư! Thế là rồi cuối cùng anh cũng xuống đây với chúng tôi, hân hạnh quá. Thế nào, anh có thấy vừa lòng với cơm nước ở đây không?” Tôi trả lời là hoàn toàn hài lòng; dĩ nhiên là tôi có thể chê trách nhiều thứ, nhưng có khi ta phải nói dối một chút để giành được cảm tình của mọi người.

“À, vậy thì tôi mừng, trên đời này tôi chỉ mong khách hài lòng, chứ chẳng mong gì hơn. Thế hai người chắc biết nhau rồi nhỉ?” Tôi ngược nhìn người đàn ông xa lạ với khuôn mặt xấu xí không động đậy đang chăm chăm về phía trước.

“Vẫn chưa ư? Nhưng các anh là hàng xóm với nhau, người ở tầng dưới, người ở tầng trên kia mà! Đây là luật sư Krumlovský, còn đây là anh Sempr, thợ may.”

“À ra vậy,” tôi nói và đưa tay về phía người đàn ông ngồi cùng bàn tên là Sempr. Người thợ may hơi ngẩng đầu, dịch ánh mắt ra thêm một khoảng nhỏ nữa trên bàn, rồi vụng về như con voi nhắc bàn chân của nó, anh đưa tay cho tôi. Một người lạ lùng!

Nhưng người hầu bàn đã tới. Tôi thích người hầu bàn là đàn ông, vì nữ hầu bàn bao giờ cũng có ít nhất một bạn trai, rồi họ cứ ngồi thủ thủ với nhau ở góc nào đấy, mặc cho thực khách gõ bàn gọi chán chê.

Trong lúc ăn chiều tôi không nhìn gì, không nghe gì cả. Nhưng khi đã ăn xong và châm xì gà hút thì tôi rất chăm chú để ý đến xung quanh. Ở bàn

đối diện có mấy ông đang sôi nổi nói chuyện. Cách đấy một bàn có hai người trẻ tuổi. Bàn phía bên trái chúng tôi có một ông, một bà, hai cô gái và một ông thượng úy không còn trẻ lắm, người hơi béo. Ở tất cả các bàn đều có tiếng cười to giòn giã, đặc biệt ở bàn phía bên trái. Cô trẻ hơn trong hai cô gái đang nhìn tôi. Cô ấy có hàm răng đẹp, đôi mắt vui vẻ, vậy thì cứ để cô ấy nhìn! Người bố của cô gái có cái đầu đặc biệt trông như cái hộp, mớ tóc bạc ở trên được buộc túm lại.

Chỉ ở bàn của chúng tôi là im lìm.

“Thế nào, công việc làm ăn có khó không anh?”, tôi gợi chuyện. Anh Sempr hơi cựa mình rồi buông miệng: “Ờ,... được.” Xem ra có vẻ là người không nhiều lời.

“Anh có nhiều thợ không?”

“Chỉ có hai... tại nhà... tôi thuê thợ ngoài.”

Thế chứ! Vậy là cũng nói được một chuỗi lời!

“Chắc hẳn anh có gia đình rồi.”

“Không.”

“À, thế anh chưa vợ ư?”

“Không.” Anh ấy ngáp ngừng rồi nói thêm: “Góa... ba năm rồi.”

“Hẳn anh đang nghĩ đến chị và các cháu.”

Lại ngáp ngừng mãi mới nói: “Tôi có con gái, 7 tuổi.”

“Anh cần phải lại lấy vợ.”

“Vâng.”

Ông chủ quán đến ngồi ở bàn chúng tôi.

“Hay quá, ông chủ có nhã ý đến đây,” tôi nói.

“Đó là nghĩa vụ nhà nghề của tôi. Chủ quán phải đến ngồi từng bàn, khách thích thế, và họ coi đó là vinh hạnh rất lớn.”

Tôi muốn cười như cười một câu nói đùa, nhưng tôi lại nhìn vào mắt ông ta - đôi mắt lim dim lười biếng không có một tia sáng trí tuệ nào - ông ấy có thật sự nghĩ như thế không? Xem ra ông ấy có vẻ ngốc. Nhưng đôi mắt! Chưa từng bao giờ tôi thấy đôi mắt nào xanh nhạt như vậy. Da ông ấy đỏ và bộ tóc cũng đỏ như vậy, thành ra ta có cảm tưởng đó chỉ là chỗ tiếp tục lờm xờm của làn da. Hể lùi lại một chút thì nhìn thấy đầu ông ta run run.

“Trời dạo này đang đẹp,” tôi nói để chuyện khỏi ngừng lại.

“Ôi chao, trời đẹp thì mọi người đi dạo chơi, quán lại vắng tanh. Chiều hôm nay tôi cũng ra phố, nhưng tôi lại về ngay. Lúc ấy nắng nóng đã chiếu vào lưng tôi, mà khi nắng nóng chiếu vào lưng tôi thì thế nào cũng có đông. Nhưng ngày hôm nay không có đông.”

“Đối với người đi dạo trong thành phố thì đông hoặc mưa không sao cả. Chỉ cần có cái ô là được.” Tôi căn môi.

“Tôi đã không mang theo ô.”

“Vậy thì phải về nhà nhanh hơn.”

“Nếu đi nhanh hơn thì không phải là đi dạo!”

“Thế thì đứng tránh mưa ở chỗ nào đó nếu trời mưa.”

“Nếu đứng ở chỗ nào đó thì cũng lại không phải là đi dạo!”

Trời đất ơi, quả thật là đồ ngốc! Bây giờ ông chủ quán ngáp dài.

“Ông mệt à?”

“Không, hôm qua tôi đã đi ngủ sớm. Ấy thế mà hôm nay đã lại ngáp sớm vậy.”

“Hôm qua chắc là có ít khách.”

“Không, họ đã ngồi đây lâu. Nhưng hôm qua bia dở quá, cả tôi uống cũng không thấy ngon, thế thì ngồi lâu mà làm gì?”

Một kiểu người độc đáo!

Ông thượng úy ở bàn bên trái đang sôi nổi nói chuyện: “Tôi vẫn bảo là trong một nghìn người thì có một người không biết có bao nhiêu loại bạch mã! Mười bảy loại, vâng, mười bảy! Phải nói là loại Atlas là loại hiếm nhất! Con ngựa tuyệt đẹp! Xung quanh mắt và mõm nó trắng hồng. Móng nó vàng nhạt...”

Vừa lúc ấy, một người khách mới bước vào quán. Cứ theo cái im bặt và ánh mắt nhìn của mọi người, tôi thấy người đó là khách lạ tình cờ. Người đó đi về phía những cái bàn ở phía sau và ngồi xuống. Mọi người lại tiếp tục nói chuyện. Ông thượng úy giảng giải “con bạch mã khi mới đẻ ra là ngựa ô”. Cô gái trẻ hơn vẫn cứ nhìn tôi - tôi là một con bạch mã hay sao mà nhìn mãi?

Tôi cạn cốc. Ông chủ quán không dả động gì. Gã hầu bàn Ignác cũng không. Tôi gõ bàn và Ignác cuống cuồng chạy như điên đến. Tôi chú ý đến Ignác và luôn để mắt theo dõi hắn. Ignác có lẽ ở tuổi bốn mươi, đeo hoa tai bằng bạc kiểu cúc áo và bên tai phải có một nút bông. Trông hắn hơi giống Napoleón đệ nhất, nhưng mà giống như Napoleón đệ nhất cực ngốc. Hai mi mắt to của hắn thường nhắm lại sau từng khoảng thời gian dài làm cho ta có cảm tưởng nó như cái dấu ngắt câu trong dòng suy nghĩ. Nhưng tôi xin đánh cược là Ignác không suy nghĩ gì hết. Hắn dừng lại ở chỗ này chỗ kia rồi cứ đứng đó đăm chiêu; khi có ai gõ bàn thì hắn đột ngột co rúm người rồi chạy ngay đến đấy.

Bây giờ thì những người ở bàn đối diện đang nói về tiếng Ba Lan. Tôi để ý thấy họ có cách nói lạ lùng và xưng hô với nhau rất “dĩ dỏm”. Toàn là “mũi ơi!”, “tai ơi!” và còn đệm bằng cả tên của súc vật nữa - cách nói quả là lạ lùng. Một người trong bọn họ khẳng định rằng ai biết tiếng Séc và tiếng Đức thì cũng biết cả tiếng Ba Lan, rằng tiếng Ba Lan chỉ là thứ pha trộn giữa hai thứ tiếng kia.

Lại một người nào đó vào quán. Người ấy béo lùn, trông như gốc cây còn rễ. Xem ra ông ấy rõ là khách quen hàng ngày. Ông ấy mỉm cười và ngồi vào bàn chúng tôi.

“Đây cũng là ông hàng xóm,” chủ quán tiến gần giới thiệu, “Luật sư Krumlovský, còn đây là ông Klikeš thợ giày.”

Ông Klikeš đưa tay cho tôi:

“Đẹp trai, rất đẹp trai! Các cô gái chắc phải phát điên lên vì anh, luật sư ạ!”

Tôi lúng túng và cảm thấy mình hơi đỏ mặt. Tôi muốn tỏ ra tự nhiên, muốn mỉm cười nhìn xung quanh, thí dụ nhìn cô gái trẻ hơn kia, nhưng không được.

“Đẹp hơn hai cô,” ông chủ quán cười, “hơn hai cô có má lúm đồng tiền kia.”

Ông Klikeš đi chân trên sàn nhà rồi nói:

“Ông mới bị khu phố ra lệnh rửa sàn nhà hay sao thế?”

Tiếng cười.

“Vâng, luật sư ạ, ngày trước ở đây không rửa ráy gì cả. Mỗi năm một lần có hai cảnh sát đến để dẫn chủ quán đi tắm. Có khi phải cần ba cảnh sát, vì ông ta chống cự quyết liệt.”

Mọi người phá ra cười. Ông Klikeš rõ ràng là vua khôi hài của quán. Ông ấy biết châm chọc đây, tôi cười thầm. Khuôn mặt thô thô sần sùi của ông ấy không có gì dữ tợn, đôi mắt ông ấy tinh nhanh và thẳng thắn.

“Ông chủ tiết kiệm là phải,” ông Klikeš nói thêm, “ông ấy cần nhiều thứ, tôi không kịp uống vì ông ấy.” Nói đoạn, ông lại cạn cốc. “Bây giờ thì cho tôi ăn chiều nhé.” Ông vừa nói vừa làm điệu bộ, hai tay hầu như lúc nào cũng giơ cao; trông ông ấy giống một cái gốc cây chống ngược rễ lên trời.

Hai người trẻ tuổi, cho đến bây giờ vẫn ngồi riêng, lúc này yêu cầu xếp bóng bi-da theo hình tam giác, rồi đứng dậy. Khi họ ngồi, cả hai cao như nhau, nhưng lúc đứng dậy thì một người rất thấp và người kia lại cao quá khổ. Tôi cũng có biết một người; ở trong quán ăn, khi người ấy khi ngồi ở bàn thì không có gì đặc biệt, nhưng khi đứng dậy thì khó khăn lắm, lâu lắm

mới đứng dậy được làm cả quán phải bật cười. Bao giờ người ấy cũng cảm thấy vô cùng bất hạnh.

“Vẫn chẳng có món gì mới cả,” ông Klikeš xem thực đơn và phàn nàn, “Thịt bò sốt mềm, ớt, lòng gà hầm... lấy đâu ra mà lăm lòng thế, ông chủ?”

“Này im đi!”

“Giá mà có con gà luộc!”

“Nói dễ nhì! Đầu bếp nấu riêng cho ông hay sao?”

“Thì có gì là khó nào? Lấy quả trứng luộc rồi để cho con gà mái nó ấp, đơn giản mà! He he he!”

“Này, vén tóc cho gọn đi!” Ông chủ trả miếng, bởi vì ông Klikeš hói đầu.

“Suyt! ông Karlíček bắt rận kìa!” Có tiếng nói ở bàn đối diện. Tất cả im lặng, quay đầu lại, hồi hộp. Người tên là Karlíček luồn tay vào ngực mình. Mối ông ta nở nụ cười bình thản, tự tin. Rồi ông ta rút tay ra, vo ngón cái vào ngón trỏ và đặt một cái gì đó lên bàn. Tiếng cười, tiếng vỗ tay, đàn bà con gái cắn vào khăn mùi xoa của mình.

“Con rận nào ông ấy cũng bắt được,” ông Klikeš thông báo.

Tôi tỏ ra ngạc nhiên và hỏi lại:

“Con nào cũng bắt được ư?”

“Vâng, con nào cũng bắt được! - Này Ignác, thức ăn của tôi đâu? Mang cho tôi một cốc nữa, tôi đã thôi uống đâu! Tôi không bao giờ uống xong,” rồi lại quay sang phía tôi. Có vẻ đó là câu nói đùa.

“He he, ông giỏi pha trò,” tôi nói và cười. Ignác từ bếp ra, trên mặt hằn lộ rõ vẻ đần độn:

“Thưa ông Klikeš, ông đã đặt món gì ạ?”

“Ồi giời, thế có đoảng không! Hẳn quên! Chẳng ở đâu lại có chuyện như ở đây! Tôi đã đặt... à...”, nhưng chính ông Klikeš cũng không nhớ ra, cả

hai đều không nhớ ông đã đặt món gì.

Có tiếng của bà mẹ: “Nhà nào có hai cô con gái thì kể từ khi các cô vào tuổi hai mươi không bao giờ được cho mặc quần áo giống nhau nữa. Không thể thì không gả chồng cho cô nào được.” Bà ấy nói như vậy để mọi người biết rằng vẫn chưa cô nào trong hai cô con gái của bà ấy quá tuổi hai mươi. Nhưng tôi không tin điều đó.

“Anh luật sư để ý nhé, kéo họ gạch thêm vạch cho anh đấy,” ông Klikeš nuốt miếng thịt bò và nói. “Ông chủ quán của chúng ta trước đây đã từng đi lính - hồi đó làm khách ở quán thì ông ấy thường giấu giếm xóa vạch trên khay, bây giờ làm chủ quán thì lại giấu giếm ghi thêm vạch - để cho cân bằng trong lương tâm mà.” Tôi cười, tất nhiên rồi. Tôi muốn lại chuyện trò với anh Sempr, nhưng chỉ biết thêm được là vào buổi sáng bao giờ anh ấy cũng đi quán rượu.

Ignác đứng như đóng đinh ở bàn bi-da. Hắn theo dõi bàn chơi một cách sôi nổi và ủng hộ người thấp hơn. Có khi hắn thích thú nhảy lên, bây giờ thì hắn đang nhảy lò cò.

Ông Klikeš đã ăn xong. Ông nhồi tẩu và châm lửa hút; trong ánh lửa lập lòe, mặt ông ấy giống như cái bể lò rèn cũ. Ông ấy nhả khói và hài lòng đưa mắt nhìn xung quanh. Ánh mắt ông ấy dừng lại ở người khách lạ đang ngồi gần bàn bi-da. “Ông này chắc phải là thợ giày,” ông Klikeš tự nhủ và mỉm cười.

“Này, con rắn kia!” Ông ấy gọi to. Người khách lạ hơi giật mình, nhưng không nhìn sang.

“Ông thợ giày ời!” Ông Klikeš lại gọi. Người khách từ từ quay mặt sang và tỏ vẻ tức giận:

“Lại có con ruồi lúc nào cũng say khướt của nhà hàng”, ông ta nói chậm rãi và nhổ bọt.

“Làm cái gì thế hả? Nhổ bọt vào đây hả?” Ông Klikeš đột nhiên bùng cơn giận dữ, “nhổ vào thị dân Praha hả?” Và hùng hổ đứng dậy. Ông chủ

quán đẩy ông Klikeš xuống ghế rồi ra chỗ người khách lạ. Ông Klikeš đắm xuống bàn, nói rằng chưa từng bao giờ có ai trông thấy ông ấy say, rằng thỉnh thoảng có vì buồn phiền nhiều mà quá chén một tí thì việc gì đến ai, và cũng sẽ chẳng việc gì đến ai. Ông chủ quán dẫn người khách đi qua bếp ra ngoài. Ông Klikeš tiếp tục chửi mắng. Đột nhiên, bên ngoài có tiếng cãi cọ ồn ào.

Một lúc sau, ông chủ quán trở lại: “Ra đến bên ngoài rồi hăn mới nổi nóng định quay vào,” ông nói, “nhưng tôi kéo hăn ra đến đường. Tôi đẩy hăn đi như quăng cái bao tải vậy.”

Quán ăn nhanh chóng trở lại nhộn nhịp ồn ào như trước. Bỗng nhiên có tiếng vỗ tay ở bàn đối diện. “Hoan hô, hoan hô! Ông Löfler sẽ làm con ruồi - ông Löfler ơi, làm con ruồi đi!” Cả quán vỗ tay. Ông Klikeš hỏi tôi đã trông thấy ai làm con ruồi chưa. Tôi nói chưa. Ông ấy cho tôi biết là trò đó rất vui, rằng tôi có thể cười đến vỡ bụng. Tôi đã nhìn thấy cái đó đến nghìn lần rồi; tôi nghĩ là trong quán ăn nào ở Praha cũng có người nào đó “làm” con ruồi. Tôi rất ghét cái trò ấy. Ông Löfler, người ngồi xoay lưng về phía tôi, từ chối, nói rằng quán vẫn chưa thật yên lặng. “Trật tự - trật tự - suyt!” Mọi người im lặng và ông Löfler bắt đầu cất tiếng kêu vo vo. Lúc đầu bắt chước con ruồi bay trong phòng, rồi làm như nó bay chạm vào cửa sổ, cuối cùng nó rơi vào cốc nước và vo vo vùng vẫy trong đó. Tiếng vỗ tay, tôi cũng vỗ tay thật to. Mọi người quay sang nhìn tôi để thấy tôi thích trò ấy đến thế nào. Ông Klikeš nhận xét “Cái thằng cha quỷ tha ma bắt! Ít ai bì được với hăn! Nhiều khi chúng tôi cười vỡ bụng vì hăn.” Ông Klikeš cạn hết cốc này đến cốc khác, hăn là trong người vẫn còn nóng vì cơn giận vừa rồi. Thỉnh thoảng ông còn vỗ bụng và nói như thanh minh: “Còn lâu mới uống đến mức uống bình thường - he he!”

“Sao mà anh chơi tồi thế!” Từ bàn bi-da chợt có tiếng kêu và tất cả khách nhât nhât quay đầu về phía đó. Khổ thân Ignác! Hăn cố vũ người nhỏ hơn trong hai người chơi bi-da, nhưng người ấy chơi không vừa ý hăn nên hăn không nén được bức tức. Mọi người cũng phẫn nộ. Người khách chơi bi-da quật cái gậy vào bàn. Ông thượng úy hét lên: “Thế này thì quá quắt

lắm - tổng cổ nó đi!” Ông chủ quán lên cơn thịnh nộ, nói rằng sẽ đuổi Ignác ngay vào sáng mai, sau khi tính tiền. Ông Klikeš cười vào mặt ông chủ quán: “Đuổi nó lần này là lần thứ mấy rồi hả?”

Tiếng ồn ào lại lắng xuống. Một người bán hàng rong bước vào quán. Đó là một người đàn ông gầy đét, bần thiêu, râu ria lờm xờm, mặc bộ quần áo bóng lên vì bẩn. Ông ta không nói gì cả, chỉ đặt khay hàng lên bàn và đưa ra nào lược, nào ví tiền, nào cán hút thuốc lá. Ai cũng lắc đầu không mua. Ông ta im lặng đi vòng quanh các bàn rồi đẩy khay lại, mắc nó vào dây khoác vai và ra khỏi quán. Có tiếng vỗ tay - “Suyt, suyt, trật tự!” Và ông Löfler diễn tả cái dỗi gan lợn đang xèo xèo trong lò nướng. Tiếng vỗ tay và tiếng cười. Chỉ có Ignác đau khổ đứng ở một chỗ xa, lim dim mắt và rụt rè nhìn quanh.

Ông Löfler còn bắt chước ca sĩ người Tyrol có bưôu cổ đang hát. Tôi cảm thấy khó chịu, nhưng cũng vỗ tay. Ông thượng úy lại chuyện trò oang oang, và nói bằng một cách mà giá tôi ở địa vị người cha và có vợ với các con gái ngồi bên cạnh thì tôi đuổi ông ấy đi ngay! Có lẽ chỉ có thể giải thích được là họ đã biết ông ấy từ lâu - nhưng thế thì đúng ra họ phải đuổi ông ấy đi từ lâu rồi.

Bây giờ thì tôi chào chia tay và ra về. Tôi đã thấy khá vui vẻ. Con người ta phải biết thông cảm với những người thấp kém.

Tôi đã không dậy được sớm. Cứ đi quán vào buổi tối thì sáng hôm sau tôi dậy muộn - đúng ra thì sáng nào tôi cũng ngủ muộn, nhưng nghe nói là có nhiều người rất thích dậy sớm. Có sao đâu, ngủ tốt thì sẽ học tốt được!

Đó là một ngày tuyệt đẹp! Tôi không cưỡng được và đã mở toang cửa sổ. Tất nhiên là mọi tiếng động trong nhà sẽ vọng đến, nhưng tôi thấy là cũng không phiền nhiễu gì lắm - cũng chỉ gần giống như tiếng nước chảy từ xa ở ngoài đập và ít ra nó cũng thay đổi cái đơn điệu của căn phòng đóng cửa im ỉm. Trong căn hộ của anh thợ may Sempr ở tầng trên phòng tôi ở có người nào đó đang hát, chắc là thợ; giọng hát đơn giản và mộc mạc. Đó là bài hát vui! “Nguyên do là... nguyên do là... rất vụng về... hê hê hê!”

Pepík rón rén đến gần tôi. Để cái đó không trở thành thói quen, tôi sẽ phải nhẹ nhàng bảo cho nó biết.

“Pepík đấy à, lại đây, cháu có biết hát không?”

“Có chứ!”

“Thế thì hát một bài cho chú nghe nào, bài nào thật hay ấy!”

Thằng bé hát: “Em có chim bồ câu” nhưng nó hát nhầm lời, đáng lẽ “cây sồi xanh” nó hát thành “cái nồi xanh”, nhưng nó cũng chả bận tâm. Nói cho cùng thì một đứa trẻ Praha như nó biết gì về cây sồi!

“Hát hay lắm! Bây giờ thì cháu về đi để chú làm việc, đừng đến quấy chú nữa nhé!” Pepík đi về nhà. Tôi cảm thấy thích nó.

Tôi vẫn đang học Quy định tiền tệ kèm với Luật thương mại.

Có tiếng khóc lóc quất tháo âm ỉ ở nhà họa sĩ. Pepík đang bị đòn. Tôi định đóng cửa sổ, nhưng anh họa sĩ trông thấy nên nói qua sân:

“Đồ quỷ sứ! Nó không để cho ai yên!”

“Pepík đã làm gì vậy?”

“Thằng mất dạy nhai nát lá thư của mục sư, bây giờ tôi không biết viết trả lời ông ấy thế nào!”

Tôi đóng cửa sổ, chẳng nào thì người thợ ở tầng trên cũng vẫn còn ngâm nga “rất vụng về”.

Tôi ngồi ăn trưa với anh Sempr và ông chủ quán. Nhìn Ignác rất buồn cười. Hẳn ngồi cùng ông chủ quán ở bàn bên cạnh, cả hai tính tiền bán hàng ngày hôm qua. Ignác liếc nhìn chủ bằng con mắt hết sức sợ hãi, chắc là hẳn đang chờ bị đuổi việc như hôm qua ông chủ đã hứa. Cái đầu của ông chủ run run nghiêng từ bên này sang bên kia, đôi mắt lim dim lười biếng, chắc hẳn ông đã quên biến chuyện ngày hôm qua. Tính toán xong, không thấy ông chủ nói gì, Ignác nhảy lên vì sung sướng.

Ông chủ quán ngồi vào bàn chúng tôi.

“Xúp ngon đấy,” tôi khen.

“Hắn đi chứ!” Ông ấy khẳng định.

“Còn thịt thì ăn kèm với gì, hả Ignác?”

“Cái đó tùy ông.”

“Thế thì mang cho tôi một ít củ cải đỏ ngâm giấm đường.”

“Không.”

“Sao lại không? Trong thực đơn có mà!”

Ignác im lặng. Ông chủ quán chống nạnh nín cười đến phát ho:

“Để tôi mang ra cho, luật sư ạ. Nó không thể... nó không thể...”

Tôi ngạc nhiên nhìn ông ấy.

“Cứ nhìn thấy củ cải đỏ là nó xiu; vì thằng ngốc lại nghĩ đến cục máu người... Mời anh!”

Cả bữa trưa không có một trò giải trí nào. Ông chủ quán cũng chẳng hào hứng gì cả.

“Hôm nay báo viết gì vậy?” Tôi hỏi ông ấy.

“Tôi không đọc báo. Thỉnh thoảng tôi sang quán bên kia đường để hỏi xem có gì thôi.”

Tôi để ý thấy xung quanh chân tường có nhiều vết lõm:

“Sao lại lõm thế này hả ông?”

“À, chỗ này trước đây là phòng khiêu vũ, những vết lõm ấy là tại khi nhảy người ta đá chân vào.”

“Thế ông mở cửa hàng ở đây đã lâu chưa?”

“Cũng 12 năm rồi.”

Anh Sempr hầu như không nói gì, ngoài những tiếng “ừ, ờ”.

Buổi chiều tối tôi đã ở ngoài vườn. Có đến một nửa số người ở nhà này cũng ra đó. Bây giờ thì ngoài đôi vợ chồng trẻ ở tầng ba và người nhân viên đường sắt ra, tôi đã biết tất cả mọi người. Và cứ nghĩ đến họ là tôi thấy mụ cả đầu óc. Thí dụ ông Provazník ở căn hộ bên trên căn hộ của anh họa sĩ. Tôi hoàn toàn không hiểu ông ấy. Lúc đầu, có mấy lần tôi nhìn thấy ông ấy đứng ở bên cửa sổ. Tôi có cảm giác là ông ấy có khuôn mặt vàng vọt và mỏng dính, kéo dài như sợi mì. Bây giờ thì tôi biết tại sao. Hai bên má ông ấy có râu đen, cạo ngắn, râu cằm và quanh miệng thì cạo nhẵn, vì thế mà mặt ông ấy như bị kéo dài ra. Tóc ông ấy đã bạc gần hết, mới ở tuổi năm mươi mà trông ông ấy rất lòm khòm.

Khi đi mấy bậc cầu thang để xuống vườn, tôi nhìn thấy ông Provazník đang dạo ở phía đằng sau, còn ở trong chòi góc bên phải vườn thì có ông chủ nhà và con gái ông ấy, tiếp nữa là vợ chồng anh họa sĩ cùng với Pepík. Đôi mắt đen, sáng rực như trong cơn sốt của ông chủ nhà nhìn tôi như nhìn người lạ.

“Bố ời, anh luật sư Krumlovský đấy mà!” Con gái ông nói bằng giọng nữ cao rất êm tai.

“À, anh luật sư... vâng, tôi quên mất,” ông chủ nhà nói rồi đưa bàn tay gầy và ấm cho tôi.

“Xin mạn phép ông, tôi ra đây đi dạo một chút ạ.”

“Xin anh tự nhiên,” ông chủ trả lời, khục khặc ho rồi khạc xuống giày tôi. Chúng tôi ngồi xuống. Tôi không biết nói gì; cái im lặng chắc không làm ai bận tâm, nhưng tôi thì cảm thấy rất lúng túng. Tôi có cảm giác là mọi người đang chờ xem anh luật sư sẽ làm gì để tỏ ra là người vui vẻ hài hước.

Tôi không biết tìm chỗ cứu vớt ở đâu ngoài Pepík, nên gọi nó:

“Pepík ời, lại đây cháu, thế nào, khỏe không?”

Pepík đến đứng nép vào chân tôi và chống khuỷu tay vào đầu gối tôi.

“Chú lại kể chuyện gì cho cháu đi,” nó giục tôi.

“Chú kể chuyện gì cho cháu ư?” Anh cu này láu cá đây, nó còn nhớ tôi đã kể cho nó đủ chuyện mà.

“Chú kể truyện cổ tích đi.”

“Truyện cổ tích ư? Nhưng mà chú có biết truyện cổ tích nào đâu! À, để chú kể truyện này nhé!”

Và tôi bắt đầu kể bằng giọng rất cổ tích:

“Ngày xưa ngày xưa, có một ông vua. Vâng. Ông vua ấy không có một người con nào. Vâng. Một hôm, tự nhiên người con trai lớn nhất của nhà vua nói là sẽ đi chu du thiên hạ...”

Mọi người lăn ra cười. Anh họa sĩ lau hai giọt nước mắt lớn tràn ra từ đôi mắt ướt:

“Anh luật sư cũng biết đùa đấy!”

Họa sĩ hẳn là người hiểu biết nên tôi thấy hãnh diện vì lời khen của anh ấy. Ai mà chẳng thấy thích thú khi được người khác khen là biết đùa.

“Anh kể tiếp đi, truyện cổ tích ấy cũng dành cả cho trẻ em lớn tuổi mà,” ông họa sĩ khuyến khích.

Tôi lại lâm vào lúng túng mới. Truyện cổ tích ấy không thể tiếp tục được, vì nó có kết thúc rồi, nhưng mà họ có hiểu cho đâu! Là người biết đùa thì tôi phải có can đảm ứng tác vậy, chắc là sẽ được. Thế là tôi kể tiếp nhưng không thể được, tự nhiên tôi thấy mình nói rất dở hơi. Mọi người bắt đầu không nghe tôi nữa và quay ra nói chuyện với nhau làm tôi thấy mừng vô cùng. Chỉ có Pepík còn nghe tôi kể. Tôi vuốt tóc nó. Nhưng truyện cổ tích phải có cái kết thúc nào chứ, tôi bắt đầu lắp bắp. May quá, tôi nảy ra một sáng kiến. Tôi cầm tay Pepík, làm như bây giờ mới để ý đến và bảo nó:

“Pepík ơi, trông này, tay cháu bẩn quá!”

Thằng bé nhìn tay mình và bảo tôi:

“Chú cúi xuống đi cho cháu nói thầm cái này!” Rồi nó thì thầm: “Chú cho cháu hai đồng xu đi, rồi cháu đi rửa tay!” Tôi lén lấy ra hai đồng xu dúm vào tay nó. Thằng bé chạy ra góc vườn, nơi đứa con gái bảy tuổi của anh Sempr vừa tới.

Tôi quay sang nhìn cô con gái ông chủ nhà đang ngồi bên cạnh. Cô ấy rất giống bố. Đôi má gầy gầy, đôi bàn tay mỏng nhợt nhạt, cái cằm nhỏ xiu, cái mũi bé tí, bé đến mức không biết có thể kéo nó được không. Tuy vậy, khuôn mặt với đôi mắt đen của cô ấy cũng còn khá dễ chịu. Cái giọng nữ cao của cô ấy nghe rất có cảm tình. Tôi cũng muốn nói là tôi rất thích màu mắt đen, tôi có cảm tưởng là người phụ nữ có mắt xanh cứ giống như người mù vậy.

“Anh có chơi nhạc không, hả anh...”

“Luật sư Krumlovský,” cô con gái chen lời bố.

“Ừ, Otylie ạ, bố biết rồi. Anh luật sư Krumlovský.”

“Thưa ông, khi gặp nhau hôm trước, chúng ta đã nói về chuyện đó rồi. Trước đây, tôi có chơi đàn violon, nhưng mà đã lâu lắm rồi. Bây giờ tôi không nhớ phải cầm đàn như thế nào...”

Tôi thấy ông chủ nhà không nghe tôi nói nữa. Cô con gái ông hơi nghiêng người về phía tôi và nói thầm bằng một giọng buồn nghẹn ngào:

“Bố tôi rất không may là ngày nào từ buổi trưa trở đi cũng bị mất trí nhớ.”

Ông chủ nhà bưng tỉnh và đột ngột nói bằng giọng khàn khàn:

“Con ơi, bố muốn đi dạo một tí. À, anh luật sư - xin anh cầm mảnh giấy này.” Nói đoạn, ông đưa cho tôi mảnh giấy trắng có dòng chữ “Hôm nay tôi đau cổ, nếu tôi nói không rõ lắm thì thứ lỗi cho tôi.”

Ông Provazník đi đến chỗ chúng tôi. Ông ấy nhìn tôi rồi cười, một nụ cười có vẻ mỉa mai châm biếm. Ông ấy đưa tay cho tôi.

“Xin chào ông, thưa luật sư Kratochvíl.”

“Tôi tên là Krumlovský.”

“Ấy, kể cũng lạ, tôi cứ nghĩ là ông luật sư nào cũng tên là Kratochvíl... hé hé hé!” Ông ta cười, tiếng cười như xé vải. Tôi tròn mắt nhìn.

“Các ông đang nói chuyện gì thế?”

“A, chào anh Augusta, anh có khỏe không?”

“Ờ... Chẳng có công ăn việc làm gì.”

“Vâng, vâng - lúc nào gặp ông ở cầu thang cũng thấy ông cặp nách một bức tranh mới nguyên. Chắc là ông vẽ chơi thì một ngày cũng phải được hai bức!”

Anh họa sĩ cười, ra vẻ tự mãn:

“Đúng thế, cứ để đám ‘giáo sư’ ấy thử xem nào!”

“Ông có thể vẽ sẵn chân dung để dự phòng, he he he! Đúng ra mà nói thì người vẽ chân dung là hạng người thừa nhất trên đời. Giả thử không có một họa sĩ vẽ chân dung nào cả thì thế giới này cũng vẫn có rất nhiều bộ mặt, và là những bộ mặt rất lạ lùng! Vì sao ông không vẽ cái gì khác?”

Cái châm biếm sắc bén không cưỡng lại được của ông Provazník làm tôi buồn cười, nhưng nhìn thấy họa sĩ bối rối ngượng ngập tôi không nở cười, làm tội anh ấy mà làm gì!

“Tôi chính gốc là nhà sử học,” anh họa sĩ lắp bắp, “nhưng không làm ăn được vì người ta có ai hiểu gì về lịch sử đâu. Một lần, có một linh mục đặt bức tranh tả cảnh thuyết giáo của tu sĩ dòng Capuchin theo tác phẩm bộ ba Valdštýn. Tôi đã vẽ một bức tranh rất đẹp, vâng, phải nói là rất đẹp. Ấy thế mà khi tranh vẽ xong, ông ấy lại không muốn lấy nó - ông ấy nói là không muốn có linh mục dòng Capuchin ở bức tranh ấy! Linh mục mà nói vậy, trời ạ! Lần khác, người ta đặt vẽ tranh Žižka cho tòa Thị chính ở Kuckov, lần ấy mới thật là khổ! Tôi gửi cho họ bản phác họa. Họ không ưng đôi giày của Žižka, bảo tôi hãy đi hỏi ông Palacký xem đôi giày ấy có đúng là giày của giai đoạn lịch sử đó không. Ông Palacký chứng nhận là đúng.

Thế nhưng ở Kuckov người ta lại tìm đến một nhà chuyên môn tên là Malina. Ông này khẳng định là Žižka của tôi không phù hợp với các yêu cầu về mặt quân sự. Tôi đôi co với họ mãi, cuối cùng họ viết cho tôi là họ sẽ công khai bôi nhọ tên tuổi tôi trên báo chí. Đấy, làm nhà sử học nguy hiểm lắm, các ông ạ.”

“Thế thì ông hãy vẽ theo đề tài đi. Thí dụ, vẽ người thợ thiếc đang chữa cây sáo cho nghệ sĩ thổi sáo say rượu. Hay là vẽ đề tài ‘con chuột trong trường nữ sinh’. Không cần phải thấy con chuột, nhưng có cảnh các nữ sinh và cô giáo nhốn nháo trên bàn học - đặc biệt với đủ các vẻ mặt hoảng sợ khác nhau!”

“Hi hi - vẽ theo đề tài thì tôi cũng đã vẽ rồi. Tôi còn có cả một bức rất đẹp tham gia triển lãm. Đạo ấy cái gì cũng Đức cả, tranh của tôi mang tên Häusliche Arzenei, tức là chữa bệnh tại gia. Người chồng nằm ở trên giường, người vợ mang cho anh ta cái vung nóng...”

“Eo ơi, khiếp!”

“Khiếp cái gì? Cái vung ấy có thấy được đâu, nó được bọc trong khăn trải bàn để khỏi bị nguội đi mà.”

Tôi muốn giải thoát cho anh họa sĩ, nhưng không biết làm thế nào.

“Hôm nay là thứ mấy nhỉ?” Tôi hỏi ông Provazník một cách ngốc nghếch.

“Ông có thể ngó nhìn cái cổ áo sơ mi của ông chủ nhà, thừa luật sư Kratoshvíl,” ông Provazník nhếch mép cười, “ông chủ nhà chỉ thay áo một tuần một lần, cứ xem cái cổ áo thì biết hôm nay là thứ năm rồi.”

Hắn quả là một gã đàn ông xác xược!

“Ông ấy thật không may, bệnh đầu có bệnh lạ, nghe bảo cứ từ buổi trưa là ông ấy mất trí nhớ, phải không?”

“Vâng, chắc là vì trước đây ông ấy bán mũ cối. Những ai bán mũ cối cuối cùng cũng thành ngu dại vì người phải lưu huỳnh, nhất là người ở Tyron.

Một với một là mấy họ cũng không biết nữa.”

“Nhưng xem ra ông ấy là người tốt bụng, đáng kính.”

“Đáng kính thì có, nhưng mà ngu, không nhìn xa trông rộng. Tôi biết ông ấy đã hơn hai chục năm nay rồi.”

“Con gái ông ấy chăm sóc cha chu đáo đấy. Cô ấy là người dễ chịu, chỉ không còn thật trẻ nữa.”

“Chỉ vì sự tò mò của đàn bà mà cách đây hai mươi năm cô ấy ra đời, bây giờ cô ấy đang hối hận. Được cái thẳng tính, cô ấy trách mắng tôi thường xuyên.”

Tôi thấy khó chịu vì cái kiểu nói xấu của ông Provazník.

“Ta ra nói chuyện với ông chủ nhà một chút đi,” tôi nói.

“Vâng, ta đi đi,” anh họa sĩ trả lời và vỗ vỗ vào lưng ông Provazník. Ông này co mình lại, nhồm dậy.

Cả hai người đàn ông đứng lên. Chị vợ anh họa sĩ, lúc đó đứng tựa cửa chòi và đang mãi suy nghĩ, chợt như tỉnh giấc: “Chiều hôm nay tôi làm món trứng chưng nhé!” - “Ừ.” Anh họa sĩ trả lời và bỏ đi. Chị vợ tranh thủ cơ hội để nói với tôi bằng giọng ngọng nghịu, rằng đã có nhiều người theo đuổi chị ấy đến phát điên phát cuồng. Tôi muốn khen một chút để chị ấy vui lòng nên nói là còn thấy như vậy. Chị ấy hỏi lại cái gì “còn thấy như vậy”. Tôi không biết trả lời ra sao, quanh co mãi, cuối cùng tôi nói rằng vẫn còn thấy là chị ấy đã từng là một người phụ nữ đẹp. Chị ấy hếch mũi lên nói rằng chị ấy vẫn chưa già, rằng khi diện váy áo vào thì... chị ấy đột ngột thao thao như nước chảy: “Một lần có người đi đằng sau tôi nói là ‘Cô này trông mới đáng yêu làm sao!’ Còn từ phía trước thì tôi chẳng cần ai phải ngắm tôi.” Tôi lắp bắp vài lời, nhưng chị ấy đã bỏ đi.

Tôi ra chỗ mọi người. Ông chủ nhà mỉm cười nhìn tôi ra vẻ nhận ra tôi là ai, rồi lại đưa cho tôi một mảnh giấy có dòng chữ như trước. Mọi người

đang nói chuyện về các nhà máy đường. Tôi lại muốn tỏ ra mình hài hước nên hỏi cô con gái ông chủ nhà:

“Cô có hiểu các nhà máy đường không?”

“Ô, không ạ.”

“Nhưng đường mật thì hẳn là hiểu, cô nhỉ?” Tôi bật cười rất to, vì ai cũng biết là nếu một người nào đó cười vui vẻ thì sẽ làm cho tất cả mọi người khác cười theo. Nhưng tôi chẳng làm được cho ai cười. Có lẽ là họ không hiểu câu nói đùa ấy của tôi.

Ông chủ nhà lại hỏi tôi có chơi nhạc không, đồng thời giẫm lên chân tôi. “Không,” tôi cúi kính trả lời, nhưng ngay lập tức tôi thấy thương hại ông, bèn hỏi:

“Ông có hay đi xem opera không ạ?”

“Không, tôi không xem, tai bên phải tôi bao giờ cũng nghe cao hơn tai trái nửa nốt nhạc, vì thế không xem được.” Ông ấy đúng là người lạ lùng. Từ buổi trưa trở đi thì mất trí nhớ, tai bên phải thì nghe cao hơn tai bên trái nửa nốt nhạc! “Tôi chỉ ngồi nhà và làm việc với đàn piano thôi.”

“Ông sáng tác nhạc ạ?”

“Không, bây giờ tôi không sáng tác. Đã mấy năm nay tôi chỉ sửa nhạc của Mozart thôi. Khi nào sửa xong thì ông sẽ thấy Mozart thực thụ phải như thế nào!” Nói xong, ông ấy nhổ nước bọt xuống giày của ông Provazník. Ông này chùi giày vào cỏ rồi nói: “Cũng đã lâu rồi tôi không đi xem opera. Mà nếu có đi thì tôi cũng chỉ đi xem vở *Marta* thôi.”

Ông chủ nhà khoác tay tôi và kéo tôi ra chỗ khác. Ông ấy định nói với tôi cái gì đó, nhưng khò khè không nói ra lời; tôi chỉ nghe “sss” như tiếng nôi áp suất xì hơi. Chúng tôi đi quanh vườn, ông lặp bặp “sờ, sờ” ba lần, mãi tôi mới hiểu ông định nói “sạch, rau sạch”. Rồi lại đưa cho tôi mảnh giấy.

Liền sau đó họa sĩ kéo tôi ra một góc vườn. Anh ấy hỏi xem tôi có để ý là anh ấy đã vỗ lên lưng ông Provazník không. Anh bảo tôi nếu ông

Provazník nói năng không hay với tôi thì cứ vỗ vỗ lên lưng ông ta là ông ta thôi ngay. Nhưng tôi nên biết rằng ông Provazník là người ác.

Ngay sau đó ông Provazník lôi tôi ra một bên. Ông ấy hỏi tôi nói sao về sáng kiến thành lập hội những người đắp các hòn đảo trên sông Vltava. Ông ấy đắc thắng nhìn tôi. Tôi trả lời đó là ý tưởng tuyệt vời. “Đấy ông thấy chưa, tôi còn có rất nhiều ý tưởng như thế nữa! Nhưng bây giờ nhân loại đâu có nghĩ đến ý tưởng. Với những kẻ ngu ngốc kia thì tôi hoàn toàn không muốn nói về chuyện đó.”

“Bây giờ thì chúng ta có thể chơi bài,” anh họa sĩ giục chúng tôi. Ừ thì chơi, chơi một tiếng thôi. Bộ quân bài được cất trong ngăn kéo bàn ở chòi của họa sĩ. Chúng tôi ngồi vào cái bàn nhỏ và thỏa thuận là tôi sẽ chơi cùng một bè với ông chủ nhà, còn họa sĩ và ông Provazník cùng một bè bên đối thủ.

Chúng tôi đã chơi rất buồn cười. Vòng nào cũng vậy, quân bài cuối cùng chưa được đặt xuống, ông chủ nhà đã hỏi quân bài nào cao nhất. Không lần nào ông ấy biết tôi đã ra màu gì và cũng không nhặt màu ấy cho tôi. Tôi đảm bảo là ông ấy có các con bài cùng hạng, hoặc có thể xếp theo thứ tự, nhưng ông ấy không bao giờ đặt xuống. Khi tôi hỏi ông có con bài nào đặt xuống được không thì ông ấy đưa cho tôi xem mảnh giấy. Tất nhiên là bè của anh Augusta và ông Provazník đã thắng, cả hai cười ré như ngựa hí vậy. Tôi không còn cách nào khác là đập bài và trả tiền thua cuộc. Cô Otylie trả tiền cho bố. Mặc dù đây là ván bài đầu tiên chúng tôi chơi, nhưng ông chủ nhà cứ một mực nói rằng đã trả tiền rồi, đồng thời giẫm lên chân tôi ở dưới gầm bàn. Tôi co chân lại và hứng thú theo dõi chân ông ấy đang sục sạo tìm cái gì khác dưới gầm bàn để giẫm.

Đột nhiên ông chủ nhà to tiếng đổ tội cho tôi là chơi tời, rằng ông ấy đã ra con “eso” mà tôi không xuống quân bài vua cùng chất. Tất nhiên là chúng tôi chưa chơi theo chất và con “eso” còn đang nằm trong tay tôi. Ông chủ nhà vẫn hét toáng lên, tiếng ông ấy vang như tiếng kèn đồng - ấy vậy mà

trong túi tôi có tới mười lăm mảnh giấy ông ấy đưa! Cô Otylie nhìn tôi bằng con mắt khẩn khoản và đau đớn. - Vâng, tôi hiểu và im lặng.

Chúng tôi chơi bài gần một tiếng đồng hồ và tôi đã thua hơn sáu mươi *krejcar*.

Ông chủ nhà và cô Otylie đi về nhà. Cái lạnh buổi chiều nghe nói không tốt cho cổ của ông ấy. Ông Provazník cũng về. Bà giúp việc của gia đình họa sĩ mang cơm chiều đến cho họ. Tôi nhờ bà ấy mua cơm chiều và bia ở quán cho tôi.

Tôi ăn xong rồi ngồi nghe anh họa sĩ nói chuyện. Anh ấy kể là chưa bao giờ được đánh giá đúng; hồi còn học ở trường mỹ thuật, người ta đã đuổi anh ấy trước khi kết thúc khóa học, bởi vì anh ấy biết nhiều hơn tất cả các giáo sư.

Tôi lại ngồi ở phòng mình, đầu óc quay cuồng.

Tôi sẽ không bao giờ để cửa sổ mở qua đêm nữa, kể cả khi nóng nực nhất! Khoảng sau hai giờ sáng tôi nghe thấy tiếng âm ỉ ở bên nhà họa sĩ. Tiếng độc tấu the thé của chị Augusta có thể đem ra mà xẻ gỗ được. Tôi nghe ra được họ cãi nhau vì cái gì. Chả là họa sĩ về nhà ở trạng thái say bí tỉ. Tự anh ấy cảm thấy thế, anh ấy sợ sẽ làm đổ vỡ cái gì trong phòng, thành ra vào đến nơi anh ấy đứng tựa vào cửa và chờ đèn bật lên. Tất nhiên là anh ta vừa đứng vừa ngủ, rồi ngã đánh sầm xuống sàn nhà.

Nhân việc này tôi phát hiện ra được lý do tại sao vào ban ngày tôi không nghe thấy chim họa mi hót nữa. Nó bắt đầu hót vào lúc sau nửa đêm; có thể là lúc ấy nó cũng mới đi quán về.

Tôi trông thấy ông chủ nhà và con gái ông ở ngoài vườn. Vì muốn gặp ông chủ nhà vào lúc ông còn minh mẫn nên tôi đã ra đó. Nhưng đáng tiếc là tôi còn gặp cả ông Provazník mà tôi đã không nhìn thấy từ cửa sổ.

Ông chủ nhà đang ngồi chơi piano.

“À, luật sư Krumlovský, tôi chơi cho anh nghe một trong những bản nhạc không lời tôi sáng tác trước đây nhé!”

Ông ấy chơi bản nhạc. Nếu tôi hiểu thì ông ấy chơi được, mặc dù cái đàn không tốt nhưng vẫn thấy ông ấy chơi thành thạo và có tình cảm. Tôi vỗ tay tán thưởng.

“Ông có thấy thích không, hả ông Provazník?”

“Ờ, tôi thích nhất Marta, bài này của ông nghe hay, nhưng ông có thể quảng nó ra đồng phân được. Nay ông ạ, giá ông sáng tác ra bài nào trừ được rận rệp thì tôi sẽ hát mãi, vì chúng làm tôi khổ sở.” Ông ta khinh khách cười rồi quay đi.

Ông chủ nhà ra hiệu cho tôi biết rằng trong đầu ông Provazník có cái gì không ổn. Ông Provazník bèn ghé xuống tôi và nói thầm:

“Giá mà có ngày được nhìn vào đầu một nhạc sĩ thì mất gì tôi cũng chịu. Trong cái đầu ấy chắc bừa bộn, toàn những quả bóng con móc với nhau, óc thì như bị giòi bọ phủ đầy!”

Ông chủ nhà để ý thấy đang nói về ông ấy, bèn lầu bầu ý rằng “khúc gỗ không di dịch được như que diêm”. Tôi muốn gỡ tình thế nên hỏi to:

“Thưa ông Provazník, thế ông không bao giờ nghĩ đến âm nhạc à?”

“Tôi ư? Có chứ! Trong 3 năm liền tôi đã học cùng một lúc cả violon, sáo và cả hát, đúng ra mà nói thì thành 9 năm học - nhưng tôi cũng chỉ hiểu âm nhạc một cách chung chung thôi.”

Tôi quay sang con gái ông chủ nhà và lịch sự hỏi cô đã ngủ có ngon không.

“Tôi ngủ được ạ, nhưng buổi sáng khi thức dậy, tôi thấy nao nao nhớ nhung, nhưng không biết nó là cái gì, và tôi đã khóc.”

“Chắc hẳn điều đó không thể không có nguyên nhân, cô gái thông minh ạ.”

“Anh nghĩ rằng tôi thông minh ư? Bố ơi, luật sư nghĩ là con thông minh!” Cô ấy cười đến chảy nước mắt.

Tôi bắt đầu giảng giải rằng khi nào chúng ta còn sống thì nước mắt còn chảy. Tôi tin tưởng rằng tôi nói rất hay, nhưng tôi đang nói giữa chừng về cái long lanh trong ánh mắt thì ông chủ nhà đột ngột đứng dậy:

“Otylie con ơi, đi về đi, con còn phải làm cơm trưa nữa đấy!”

Họ đi, bỏ tôi ngồi lại với ông Provazník.

Tôi cảm thấy khó chịu khi ngồi bên con người lạ lùng ấy. Hẳn nhìn tôi với một vẻ nhạo báng khó tả và cảm giác khó chịu của tôi lớn dần. Nhưng chẳng lẽ lại bỏ chạy nên tôi mở đầu:

“Ông chủ nhà chắc phải là nhạc sĩ tài ba”.

“Đúng, đúng, ông ấy biết nhiều, đặc biệt là... ờ, nói thế nào nhỉ?... là khi pha đủ thứ với nhau.”

“Hòa nhạc ư?”

“Vâng, hòa nhạc. Nói cho cùng thì cái ấy khó gì! Tiếng khung cửi với tiếng chó sủa nếu hòa cùng nhau thì nghe cũng hay.”

Tôi phải bật cười. Ông Provazník nhìn tôi và nói:

“Anh luật sư ạ, trông anh hôm nay rất ốm yếu!”

“Tôi á? Tôi không nghĩ thế...”

Nhưng ông ấy xoa trán như thể muốn tỉnh lại, rồi chậm rãi nói với giọng trầm trầm và thành thật:

“Anh là người hiểu biết, tôi sẽ không coi anh là kẻ điên dại, không lấy anh ra làm trò đùa! Anh ạ, tôi vô cùng căm ghét tất cả mọi người... họ đã hại tôi rất nhiều, vâng, rất nhiều. Hàng bao năm nay tôi hầu như không ra khỏi nhà. Tôi thôi không đi dạo kể từ khi tóc tôi bắt đầu bạc. Vì khi nói chuyện với bất cứ ai, người ấy đều tỏ ra rất ngạc nhiên và nói: “Ôi chao! Tóc ông thì cũng bạc rồi kìa!” Ông bảo thế thì có ngu không? Bây giờ quả là tôi bạc phơ

rồi, nhưng tôi đã nghĩ ra được một mẹo,” ông Provazník cười thích thú. “Họ chưa kịp mở mồm nói gì, tôi đã tỏ ra rất kinh hoàng bảo ngay: “Trời ơi, ông làm sao thế? Trông ông ốm yếu quá!” Phải nói là ai nghe thế cũng giật mình, rồi lập tức cảm thấy mình không được khỏe. Thế đấy anh ạ, tôi rất biết làm cho bọn họ khổ sở! Suốt những năm tháng qua, tôi đã rất thích chấp nhặt, ghi lại tất cả những gì tôi nghe được về ai, tôi đã sắp xếp theo thứ tự rất cẩn thận. Hôm nào mời anh đến chơi, tôi sẽ cho anh xem toàn bộ ghi chép của tôi về mọi người ở khu Malá Strana. Khi có ai làm tôi tức giận thì tôi lôi những chuyện ấy ra rồi viết thư nặc danh. Mọi người cứ điên cuồng lên khi đọc thư của kẻ lạ moi móc những chuyện về mình mà chẳng ai nghĩ là tôi viết! Nhưng cũng phải thú thật với anh là tôi thấy chán rồi. Tôi chỉ muốn viết bức thư cuối cùng - cặp uyên ương ở cạnh tôi đang làm tôi khó chịu - tôi sẽ phải làm một cái gì đó, nhưng rất tiếc là cho đến bây giờ tôi vẫn chưa biết gì về họ.”

Tôi rùng mình. Ông Provazník tiếp tục một cách say sưa và nói mỗi lúc một nhanh hơn. “Tôi đã là một người đàn ông thực thụ! Hồi còn trẻ tôi đã quyến rũ biết bao cô gái! Ông đừng rùng mình - tôi không quyến rũ ông đâu mà sợ! Tôi không sàm sỡ với gái đã có chồng, chỉ tán tỉnh lũ con gái trẻ thôi. Ngay từ khi còn là sinh viên, tôi đã tìm xem danh bạ các trường nữ sinh, ghi lại tên các cô học kém nhất, vì những cô này cũng là người cởi mở nhất. Tôi để ý đến các mối tình sinh viên, hể họ có xích mích với nhau là tôi nhảy vào liền, vì cô gái cãi nhau với người yêu là cô dễ cửa nhất...”

Tôi đứng bật dậy. Sau lưng tôi vang lên tiếng cười hé hé, sắc như dao.

Ông ta coi tôi là kẻ điên chẳng?

Cô chủ hộ bây giờ chỉ dọn phòng cho tôi khi tôi đi xuống quán để ăn trưa. Thịnh thoảng tôi mới gặp cô ấy ở trong bếp. Như vậy cũng tốt!

Buổi trưa, lại có tiếng âm ỉ ở nhà anh họa sĩ. Pepík bị một trận đòn rất đau, nguyên nhân là hai đồng xu tôi cho nó ngày hôm qua. Một kẻ chuyên làm thuê đã đưa Pepík về nhà. Trước đó, Pepík cho hẵn tiền để hẵn chịu cho

buộc dây vào cổ, rồi Pepík dắt hăn đi như dắt ngựa ở ngoài phố, ngay trước cửa nhà chúng tôi.

Vỡ lẽ ra mới biết là Pepík đã mời con bé Márinka, con gái anh Sempr, đến xem trò đó, xem chuyển đi ngựa tuyệt vời của nó. Mỗi tình đầu chẳng? Có thể như vậy. Tôi đã yêu lần đầu tiên vào lúc tôi 3 tuổi, và vì thế tôi cũng đã bị đòn. Nhưng chắc chắn Pepík bị đòn quá nhiều.

Quán ăn vào buổi chiều. Cũng những người khách ấy và cũng ở những chỗ họ vẫn ngồi. Lúc đầu, tất cả nói chuyện với nhau về sân khấu Séc. Ông thượng úy to béo nói rằng một lần ông ấy đi nhà hát và ông ấy rất thích vở kịch diễn đêm ấy. Đó là vở “Die Tochter des Bösewichts”<sup>[41]</sup>, nhưng ông ấy không biết tiếng Séc gọi là gì. Ông ấy hỏi, nhưng cũng không ai biết. Cuối cùng ông ấy khẳng định dứt khoát rằng tên vở kịch ấy dịch sang tiếng Séc là “Con gái của kẻ vô lễ”. Nói năng gì mà như thẳng hễ vậy!

Họ tiếp tục nói chuyện về sân khấu, về cái khác nhau giữa hài kịch và chính kịch. Ông thượng úy lại khẳng định chắc chắn rằng vở chính kịch bao giờ cũng phải có năm hồi, rằng nó cũng giống như tổ chức của một trung đoàn vậy, tức là gồm bốn tiểu đoàn chiến đấu và một tiểu đoàn hậu cần.

Câu chuyện lại gần giống như hôm kia. Ông Klikeš lại hỏi lấy lòng gà ở đâu ra, lại nói về việc hai người cảnh sát hàng năm lôi ông chủ quán đi tắm gội, về con gà luộc từ quả trứng luộc, ông chủ quán lại trả đũa ông Klikeš bằng cái má lúm đồng tiền. Rồi sau mỗi câu đùa mọi người lại cười giống như ngày hôm kia.

Cô gái trẻ hơn lại cứ nhìn tôi, ánh mắt cô ấy thiêu cháy tôi như thể mặt trời hun nước vậy.

Lại vẫn người bán hàng rong khô đét, bán thiủ, với cái cầm râu ria lờm xờm không cạo. Ông ta chẳng nói gì, không bán được gì, rồi lại bỏ đi. Người đàn ông ấy trông tức cười đến nỗi có thể chỉ vì trò tiêu khiển mà tôi để hăn chết đói. Có thể hăn đã hứa với một người nào đó rằng sẽ cứ ăn mặc bán thiủ để đi đến các quán ăn, sẽ không nói gì và cũng không bán gì.

Rồi mọi người lại hồi hộp theo dõi ông Karlíček bắt rận. Sau đó họ vỗ tay tán thưởng ông Löfler bắt chước con ruồi và cái dôi nướng. Có lẽ tôi đã được làm quen với toàn bộ chương trình của quán.

Nhưng hôm nay, dẫu sao cũng có cái mới. Ông Karlíček rủ ông Löfler:

“Chúng mình làm con lợn đi!” Mọi người vỗ tay. Thế là cả hai làm hai con lợn. Họ luôn nằm tay xuống dưới khăn trải bàn, di chuyển chúng như thể hai con lợn giãy giụa trong bao tải, rồi ỉn ỉn khụt khịt giống như thật. Tôi nhìn ông Karlíček, thấy mắt ông ấy rạng rỡ niềm vui từ việc bắt chước con lợn.

Tôi nghĩ là ngày hôm nay tôi đã học quá ít.

Ban đêm có một cơn dông dữ dội, bây giờ không khí buổi sáng rất trong lành. Tôi cầm quyển sách đi xuống vườn, ngoài đó chắc lúc này không có ai. Nhưng ở đó có người, tuy chỉ là Pepík. Tôi sẽ đuổi nó đi là yên chuyện.

“Cháu thấy chưa, thế là mất toi hai đồng xu nhé,” tôi nói và xoa đầu nó. Pepík nhìn tôi rồi cười ranh mãnh:

“Ừ, không đâu, cháu lấy lại của bố cháu rồi!”

“Thế à? Thế bây giờ cháu định làm gì với nó?”

“Cháu biết sẽ làm gì, nhưng mà chú sẽ không nói cho ai biết chứ?”

“Tất nhiên rồi, cháu biết là chú sẽ không nói cho ai.”

“Thằng Bedříšek hứa là sẽ bảo cho cháu biết các con số xoắn xoắn xoắn thường.”

“Bedříšek là ai vậy?”

“Nó là con bà quay số. Lúc đầu nó không muốn, nhưng cháu bảo là cháu cho nó một xu, thế là nó hứa nó sẽ nói số nào sắp ra.”

Cái ngây thơ của trẻ con đến là hay! Tôi hỏi nó:

“Thế trúng giải rồi thì tiền ấy cháu định mua gì?”

“Cháu sẽ mua rất nhiều thứ, mua bia cho bố cháu này, mua cái váy hoa cho mẹ cháu này, cũng mua cả một cái gì cho chú nữa.”

Tôi nghĩ Pepík là đứa trẻ tốt bụng.

Pepík là đồ quỷ sứ! Tôi run cả người vì tức giận.

Tôi đi lên phòng và ngoài vườn trời bắt đầu nóng. Tôi đã cảm thấy rất khoan khoái, thế mà thằng ranh con đã làm tôi phải cáu tiết. Tôi lên nhà, ngồi vào bàn và suy nghĩ về những gì tôi đã học ở dưới vườn, đồng thời đảo mắt nhìn quanh phòng. Bỗng mắt tôi dừng lại ở bức tranh bột màu “Biển trong ánh mặt trời” của Navrátil. Ánh mặt trời biến đâu mất, chỉ thấy bầu trời toàn mây đen! Tôi bước đến gần thì thấy bức tranh và cả những mảng tường ở xung quanh dính đầy các viên đất. Chắc chắn Pepík đã bắn từ cửa sổ nhà nó sang bên này!

Tôi mang bức tranh sang nhà họa sĩ để mách. Anh ta nổi giận và đánh Pepík không thương tiếc ngay trước mặt tôi. Nhìn nó bị đánh mà tôi hả dạ! Hoài của bức tranh đẹp!

Anh họa sĩ nói là sẽ sửa lại bức tranh.

Không được lười! Chỉ vì lười mà ngay sau bữa ăn trưa ở dưới quán tôi đã gọi cốc cà phê đen, để không phải tự pha lấy ở nhà. Nhưng bây giờ tôi phải pha một cốc để uống cho trôi cốc cà phê dưới quán.

Hôm nay học không vào được. Tôi nghe thấy tiếng kiếm va loảng xoảng. Chẳng lẽ nhân viên đường sắt bây giờ đeo kiếm ư?

Mọi người gọi tôi để hỏi tôi có xuống vườn không, họ bảo rằng hôm nay chúng tôi sẽ lại chơi bài.

Tôi không trả lời. Tôi sẽ không xuống đó. Ở dưới vườn, mọi người đang bàn cãi với nhau xem tôi có nhà hay không. Họa sĩ nói là tôi đang ở nhà.

“Để tôi hát gọi anh ấy,” ông Provazník nói. Ông ta lại gần cửa sổ phòng tôi và cất giọng ồm ồm:

*“Tôi biết em ở nhà  
Đừng trốn tôi nữa mà  
Ra đây ngay mà ăn  
Bánh hấp mềm lắm đấy!”*

Ông ta sáng sủa cười rồi lắc tai nghe. “Anh ấy không có nhà,” ông ta tuyên bố, “vì nghe tôi hát thì con kiến trong lỗ cũng phải bò ra.”

Dù sao, tôi cũng ngồi không yên, thế là cuối cùng tôi đã xuống vườn.

Mọi người đang nói chuyện về cơn dông. Vợ họa sĩ nhắc đi nhắc lại tới chục lần với vẻ vô cùng quan trọng rằng không một ai tin là chị ấy rất sợ dông bão. Anh họa sĩ khẳng định:

“Đúng thế, nhà tôi sợ dông bão lắm. Đêm qua tôi phải vào bếp đánh thức bà giúp việc để bà ấy tỉnh dậy mà cầu nguyện. Các ông bảo không thì chúng tôi thuê bà ấy để làm gì. Ấy thế mà mẹ ấy lại ngủ tiếp, sáng hôm nay tôi đã tổng cổ đi rồi.”

Ông Provazník nói rằng nhiều khi cầu nguyện là vấn đề không đơn giản. “Thí dụ, tôi nói được Mười điều răn theo kiểu trẻ con đọc thuộc lòng, nhưng sang Kinh lạy Cha thì cứ đến câu “Xin cho ý Cha được thể hiện dưới đất cũng như trên trời” là tôi lẩn, thành ra lại phải lặp lại từ đầu.”

Vợ họa sĩ nói rằng đêm qua gió to quá và chị ấy linh cảm là đứt khoát đã có người treo cổ, mà quả thật, buổi sáng bà hàng sữa kể là ở Hvězda có người treo cổ tự tử. Ông Provazník không nghe rõ đầu đuôi ra sao nên hỏi lại là người tự tử ấy đã giết ai.

“Vâng, vậy thì tôi cũng biết đó là ai!”

Tôi hỏi cô con gái ông chủ nhà có có sợ dông không. Cô ấy khúc khích cười: “Tôi ngủ say nên chẳng biết gì cả.” Cô ấy đang sửa một cái lồng chim to, mới được sơn lại. Cái lồng này làm giống kiểu một tòa lâu đài cổ kính, có cầu treo, có tháp và cửa sổ lồi. Cô ấy hỏi tôi có thể dùng nó để nhốt chim hoàng yến được không. Tôi trả lời: “Tất nhiên rồi!”, và bắt đầu nói về chim

hoàng yến và lâu đài thời Trung cổ, nhưng nói chung là tôi thuyết trình rất dở! Có trời mới biết tại sao với bất kỳ người phụ nữ thông minh nào tôi cũng nói chuyện được dễ dàng, vậy mà với cô gái có vẻ đơn giản này tôi không biết nói năng thế nào! Tôi không biết cô ấy bao nhiêu tuổi. Khi cười, cô ấy có vẻ khoảng mười chín, nhưng khi cô ấy nhìn nghiêm nghị thì lại có vẻ ba mươi - tôi chịu không đoán ra được!

Ông Provazník đang khuyên họa sĩ khi vẽ chân dung thì phải để ý một chút đến mặt mũi người làm mẫu, rằng đó là điều thật sự quan trọng. Bởi lẽ công chúng không hiểu nghệ thuật chân chính nên họ đòi hỏi những cái ngốc nghếch như vậy. Rồi ông ấy lại thông báo là bây giờ ở Viên người ta đang vẽ chân dung bằng con lăn, rằng đó là cách vẽ rất tiến bộ, chỉ mười lăm phút là lăn được một bức chân dung. Họa sĩ vỗ vỗ vào lưng ông Provazník và ông ấy im bật.

Ông chủ nhà đến và đưa cho chúng tôi các mảnh giấy. Ông ấy thì thầm bằng giọng khàn khàn.

Một lúc sau, ông Provazník kéo tôi sang một bên. Ông ấy nói là không ai làm bất kỳ một cái gì cho người dân nghèo Praha. Người ta chỉ nói: “Dân chúng rất khổ! Họ không có việc làm!”, thế nhưng không ai giải quyết vấn đề ấy. Ông Provazník nói rằng ông ấy có thể nghĩ ra được giải pháp. Thí dụ ông ấy có sáng kiến, mặc dù không phải là sáng kiến lớn, nhưng có thể giúp được một người nghèo nào đó. Để thực hiện sáng kiến này cũng không cần phải chi phí nhiều tiền, chỉ cần một chiếc xe đẩy tay nhỏ, trên đặt một cái nồi nhỏ để đun nước lấy hơi nước là đủ. Người ấy có thể đẩy xe đi đến từng nhà để lau rửa cán tẩu bằng hơi nước. Ông ấy nói là cứ tính ra thì ở Praha có rất nhiều người hút thuốc, chắc chắn là làm việc ấy sẽ kiếm được nhiều. Ông ấy hỏi tôi bảo sao về sáng kiến ấy, tôi nói là tôi khâm phục.

Chúng tôi lại chơi bài. Chúng tôi thỏa thuận là sẽ chơi giống như hôm qua vì đã quen như thế. Mọi thứ đều giống như hôm qua, chỉ khác là hôm nay tôi thua bảy mươi *krejcar*. Đến cuối ván bài ông chủ nhà lại hò hét.

Ông chủ nhà và cô con gái đi lên nhà. Vợ chồng họa sĩ lại suy nghĩ, cuối cùng anh chồng bảo chị vợ: “Ngày mai là chủ nhật, mẹ nó mua con ngỗng đi!”

Ông Klikeš vô cùng tức giận. Ông ấy là thành viên của đội kỵ binh thành phố; ngày hôm nay, ông đội trưởng qua đời, và cả đội phải họp để chuẩn bị tang lễ. Ông Klikeš đưa ra ý kiến là nên đánh điện sang Viên để đề nghị nâng cấp bậc người quá cố lên chức thiếu tá, như vậy tang lễ sẽ hoành tráng hơn. Nhưng đến dự cuộc họp cũng còn có người suy nghĩ chín chắn hơn và không tán thành ý kiến đó. Ông Klikeš tức đến không nói được ra lời.

Mọi người vẫn nói về cái chết. Nghe bảo gia đình ông lái buôn trong quảng trường cũng có người chết. Ai chết? Ông chủ quán trả lời: “À, bố ông ấy. Cụ ấy đã quá già, không thiết sống nữa.” Thế cụ ấy mất vì bệnh gì? “Vì bệnh lao, giống như cụ thân sinh trước đây. Xem ra thì nhà nào cũng có cái số của nhà ấy.”

Dân buôn bán mà. Nói gì cũng tính toán!

Không, không thể thế này được! Học với hành thế này ư? Tôi tiếp tục học, nhưng chậm như sên, đầu óc tôi chỉ nghĩ đâu đâu chứ không nghĩ gì đến sách vở. Nói là bị kích thích thì không đúng, nhưng tôi đang rối trí. Đầu tôi mang đầy hình ảnh của những người lảng giềng, tôi có cảm giác tất cả đều nhốn nháo ở đó, có lúc người này hiện ra rõ hơn, có lúc thì người khác, họ nhào lộn trước mắt tôi, họ nói chuyện, họ nhăn răng cười, mỗi người một kiểu. Tình trạng này dứt khoát phải thay đổi chứ không thể có cách nào khác. Tôi chuyển sang sống ở Malá Strana đâu phải vì những người như thế!

Mười một giờ. Tôi nghe thấy tiếng kiếm va chạm loảng xoảng ở trong bếp; có vẻ như trong nhà có người họ hàng là người lính. Lính kỵ binh chẳng?

Có tiếng khóc, tiếng gào thét inh ỏi của vợ anh họa sĩ, rồi tiếng kêu đau đớn, tiếng rên, tiếng sữa ăng ăng của con chó nhà ấy. Tôi hiểu ra rằng con chó đã phạm một tội ghê gớm, nó đã cắn nát và nuốt mất cái ví tiền của vợ

họa sĩ, trong đó có cả ảnh kỉ niệm của gia đình, mấy sợi tóc của người cha đã qua đời, mẫu giấy ghi lời thú tội từ ngày cưới và trăm thứ bà răn khác.

Khá im ắng được nửa tiếng đồng hồ, rồi lại một trận âm ỉ mới bên nhà vợ chồng họa sĩ. Anh họa sĩ đi đâu về, chắc là đi quán rượu về. Tôi nghe tiếng anh ta nói to, rồi tiếng chửi, cuối cùng là tiếng gầm thét:

“Tao nói cho mà biết, đồ ngu xuẩn khốn kiếp ẹ, gan ngỗng là thứ dành cho chủ gia đình, hiểu chưa? Cả thế gian này ai cũng nói thế, đồ ma chê quỷ hờn ẹ!”

Anh ta loạng choạng ra gần cửa sổ. Tôi vội vàng cúi nhìn xuống dưới bậc cửa sổ. Anh ta gọi:

“Anh Sempr ời, gan ngỗng là thứ dành cho chủ gia đình, tôi nói đúng hay là không đúng?”

Tôi không nghe thấy anh Sempr nói gì, nhưng họa sĩ lại gầm lên:

“Thấy chưa, đồ...”

Chắc hẳn vì đau buồn do mất ảnh kỉ niệm của gia đình mà chị vợ đem nướng lá gan ngỗng rồi ăn mất. Hai người lờ qua tiếng lại mãi, rồi tiếng anh họa sĩ quát:

“Nó nhai nuốt cả hai tờ một chục đồng nữa ư? Lấy cái gì mà ăn bây giờ, hả?”

Buổi chiều đẹp và yên ả. Cái yên ả ngày chủ nhật làm cho con người ta thấy thoải mái dễ chịu. Cái yên ả khiến tôi phải xuống vườn. Ngoài đó đang không có ai, chỉ có cái yên lặng đến trang nghiêm. Tôi thông thả đi dạo, ngắt từng bụi cây, từng cọng lá, tất cả như đang được phủ lớp phấn hoa ngày chủ nhật. Lòng tôi thanh thản đến băng khuâng, tôi sung sướng muốn nhảy lên như đứa trẻ, nhưng lại sợ rằng có ai đó nhìn thấy tôi qua cửa sổ. Không gian im ắng, vậy mà ta vẫn cứ lắng nghe, vẫn cứ có cảm giác như nghe thấy âm thanh từ một thế giới xa vời, từ một thế giới huyền thoại tuyệt

đẹp nào đó. Tôi bước vào một cái chòi vườn và nhảy căng lên - ôi, mới sung sướng làm sao! Tôi nhảy lên một cái nữa - sao mà khoan khoái làm vậy!

Tôi đi từ chòi này sang chòi khác. Tôi ngắm nhìn chúng và tưởng tượng ra từng gia đình ở đó, nhớ đến từng thành viên của các gia đình, đến cử chỉ tính cách đặc biệt của từng người - tôi cười thầm và thấy trong lòng rất vui vẻ.

Tôi chợt nhìn thấy cái đàn piano! Ôi cây đàn cũ kỹ với tiếng đàn yếu ớt già nua. Giá mà biết nói thì nó sẽ kể những chuyện gì? Đã bao lần người ta vui cười bên nó, đã bao lần người ta ghen ngào thở ngán than dài, đã bao lần tâm hồn người ta bay bổng theo những làn điệu êm đềm!

Tôi ngồi xuống và mở phím đàn. Năm quăng tám - khổ thân tôi chưa! - Đã có hồi tôi chơi đàn, nhưng mà thời ấy xa xưa quá rồi trời ạ! Tôi nhớ tôi đã không muốn học đàn, mà thầy giáo cũng chẳng để tâm, ông chỉ đến nhà tôi vào dịp những ngày đầu tháng thôi. Ôi, cái thời gian vàng son của tuổi trẻ! Tôi nghĩ ngợi.

Nhưng dứt khoát là tôi vẫn còn phải nhớ một cái gì chứ, ít ra là các hợp âm! Đô thăng - Mi - La, nghe được! La - Rê - Fa thăng, tuyệt vời! Cao hơn một chút xem sao nào: Rê - Fa thăng, La - Fa thăng, La - Rê...

“Vậy là luật sư cũng biết chơi piano đấy! Hay quá!”

Đột nhiên, tôi nghe thấy tiếng anh họa sĩ. Tôi giật mình quay lại - sau lưng tôi là tất cả dân chúng của cả nhà nước cộng hòa, của cả cái vườn của chúng tôi. Tôi cứng người lại và cứ vậy ngồi yên như khúc gỗ.

“Anh chơi cái gì đi, xin anh!” Cô Otylie lú lo.

“Quả thật là tôi không biết chơi, thưa cô, tôi không biết một cái gì cả! Chưa bao giờ tôi động vào đàn piano, tôi có chơi violon, nhưng thật ra thì...”

“Ô, như vậy lại càng hay, tôi nghe thấy anh bấm các hợp âm rất chuẩn mà, chắc chắn là anh chơi được, thật đấy! Xin anh, xin anh!” Nói đoạn, cô ấy vo tay khăn khăn. Lúc này, trông cô ấy như cô gái mười chín.

Có trời mới biết tại sao tôi đã không bỏ chạy! Con người ta là một kẻ tự kiêu tự mãn kinh khủng, thậm chí đến lỗ bịch.

“Tôi thật sự không biết chơi, cô ạ... thôi vậy, tôi sẽ chơi... nhưng xin cô đừng cười tôi nhé!”

Tôi nhớ là trước đây tôi đã chơi thuộc lòng được một hành khúc trong vở opera *Norma* của nhà soạn nhạc người Ý Bellini. Tôi đã chơi ở đâu đó rồi cách đây mấy năm, chắc chắn là tôi phải còn biết chơi! Tổ hợp phím đầu tiên Son - Si giáng - Rê trong âm trầm giống như trong âm cao. Tôi đặt ngón tay lên phím Son - Si giáng - Rê và bấm phím. Đến nhịp thứ mười thì tôi không biết tiếp tục như thế nào nữa ...

“Anh chẳng biết chơi gì cả,” ông Provazník xì một câu khinh mạn.

“Cứ như bố củi vậy,” ông chủ nhà lầm bầm.

Tôi xấu hổ đến toát mồ hôi.

“Nhưng mà hay đấy chứ.” cô Otylie khen. “Luật sư không bao giờ chơi piano mà chơi hay thế, anh chắc chắn phải có khiếu âm nhạc.”

Tôi muốn ôm lấy cô vì cảm động, cô thật tốt bụng!

“Tôi biết từ lâu rồi là luật sư rất có tài. Anh huyết sáo rất hay... sáng hôm nay tôi nghe thấy anh huyết bài *La Traviata*.”

Cô ấy để ý đến tất cả mọi chuyện! Phụ nữ thật hay tò mò! Hay là... hay là cô ấy... Ôi trời đất ơi! Nhưng mà... sao lại kêu trời kêu đất nhỉ? Tôi không nói là tôi thích cô ấy, là cô ấy có thể làm cho tôi thích, nhưng mà...

“Để tôi lại chơi cho các ông nghe một bản nhạc không lời.” ông chủ nhà nói và ngồi vào ghế.

Ông ấy chơi một lúc rồi cũng không biết chơi tiếp thế nào - bây giờ là buổi chiều mà! Mặc dù vậy, tôi cũng vỗ tay. Ông Provazník nhe răng nhạo báng:

“Nghe mới êm ái làm sao chứ! Chơi cho lũ ăn mày nó nghe thì có!”

Vợ họa sĩ tới. Chị ấy đã đi tìm Pepík, mãi mới thấy nó đứng bên chỗ chơi bóng gỗ ở một quán ăn ngoài trời. Nó cho đứa trẻ xếp chai gỗ hai đồng xu để khi nào nhiều chai đổ thì nó được kêu to lên. Thế mà bây giờ trước mặt mọi người, nó bị mẹ bạt tai và mắng như tát nước. Hôm nay vợ họa sĩ không nói ngọng tí nào - chắc con chó tham ăn đã làm chị ấy khỏi ngọng!

Chị ấy ra lệnh cho Pepík: “Bây giờ mày phải ở nhà, không được đi đâu cả! Vào bế em ra đây!” Pepík uể oải đi vào nhà.

Một lúc sau, có tiếng trẻ con kêu inh ỏi. Rồi thấy Pepík hiện ra ở bậc thang, nó mang em ra, nhưng hai tay nó tóm cổ đứa em như tóm con chó con. Đứa bé không khóc được nữa, cả người nó tím tái. Mẹ chúng nó chạy đến đỡ đứa nhỏ và tát tai đứa lớn.

Hôm nay, tất nhiên là cả anh họa sĩ cũng không vui vẻ! Anh ấy luôn miệng ca thán là nghề vẽ tranh của anh ấy không kiếm ra tiền.

“Thế sao anh không chuyển sang điêu khắc, hay là đắp tượng? Anh vẫn còn trẻ chán để tập làm những cái ấy,” ông Provazník bàn vào.

“Chuyển sang điêu khắc để mà chết à? Chính bọn ấy mới không có gì đút miệng - chẳng lẽ đi khắc que kem hay sao?”

Tôi và cô Otylie tách khỏi mọi người. Chúng tôi ra ngồi ở một chòi vườn và nói chuyện với nhau. Đúng ra thì hầu như chỉ có tôi nói. Cũng lạ là hôm nay tôi nói trôi chảy, không lúng túng gì cả. Nhưng tôi chỉ quanh quẩn nói về mình - cũng chẳng sao, ít ra thì khi nói về mình, ai cũng nói một cách nồng nhiệt, sâu sắc và cụ thể. Tôi thấy cô Otylie khâm phục tôi. Cô ấy liên tục chỉ ra cho tôi thấy thêm một tài năng mới nào đó của tôi, hay về một tính cách tốt đẹp nào đó mà tôi có. Cô ấy rất có tài quan sát và là một cô gái dễ chịu!

Buổi tối, ông Klikeš nói rất nhiều với anh Sempr và xem ra anh Sempr cũng đặc biệt chăm chú nghe. Tôi hiểu được là ông Klikeš đang thuyết phục anh Sempr lấy vợ một lần nữa, rằng ông đã tìm ra được một cô dâu cho anh ấy. “Cô ấy hăm sáu tuổi... có ba nghìn... có nhiều quan hệ với những người

quan trọng... ai cũng mến cô ấy.” Biết đâu, tôi lại còn được dự một đám cưới ở đây!

Ngày hôm nay, ông thượng úy để ý nhìn tôi rất nhiều. Ít ra đến hai chục lần ông ấy nhìn về phía tôi. Ông ấy muốn gì vậy?

Tôi học, nhưng chẳng ra học. Ngay từ sáng, tôi chỉ muốn ngồi ngoài vườn, hoặc là một mình, hoặc là với mọi người, thế nào cũng được. Tôi mừng lung suy nghĩ về... (bây giờ tôi cũng chẳng nhớ đã nghĩ về cái gì nữa).

Ái chà chà - hôm nay anh họa sĩ làm ồn ào sớm quá! Nếu không nhầm thì tôi thấy kẻ bị đánh thứ nhất là vợ anh ấy, thứ hai là Pepík và thứ ba là con chó. Cho đến bây giờ vẫn còn nghe thấy nó ư ử rên.

Họa sĩ đến phòng tôi. Anh ấy hỏi tôi có tờ giấy đẹp nào để viết thư không. Anh ấy phải viết thư cho cha cố nhưng ở nhà không có giấy. Anh ấy nói rằng rất không thích viết thư, đúng ra là vô cùng ghét chuyện viết thư. Nhưng một khi đã phải viết thì anh ấy cần yên tĩnh, không thì không nghĩ ra được gì để mà viết. “Ở cái địa ngục trần gian bên nhà tôi thì yên tĩnh đáo để, luật sư ạ! Tôi phải trấn an, tôi đã cho chúng nó một trận đòn rồi, nếu mà vẫn không im thì tôi còn đánh nữa! Tôi cũng đuổi con bé giúp việc đi rồi, cái mồm nó cứ xoen xoét ấy!” Từ khi tôi đến ở nhà này, đó là người giúp việc thứ tư ở nhà anh ấy.

Tôi đưa giấy và anh ấy đi về nhà. Một lát sau, Pepík nước mắt ngấn nước mắt dài đến chỗ tôi, bảo rằng bố nó sai sang xin tôi cho mượn cái bút tốt để viết thư. Tôi đưa cái bút cho thằng bé.

Bên kia, anh họa sĩ đang đi đi lại lại trong phòng, chắc là đang suy nghĩ.

Tôi xuống mua mấy thứ ở cửa hàng bên cạnh. Bây giờ khi cần gì, tôi đều tự đi mua lấy. Khi về đến trước cửa nhà, tình cờ tôi gặp một người thân quen là bác sĩ Jensen, bây giờ làm trưởng khoa ở bệnh viện tâm thần. Anh đang chậm rãi đi và ngắm nhìn phố xá.

“Kìa, xin chào bác sĩ, anh đang làm gì ở đây thế?”

“Chào anh. Ấy, chả làm gì, tôi đi dạo thôi. Tôi thích đi dạo ở Malá Strana. Còn anh?”

“Tôi đang ở đây. Tôi mới chuyển sang đây cách đây không lâu anh ạ.”

“Ở chỗ nào vậy?”

“Đúng chỗ này đây.”

“Thế ư? Vậy thì nếu anh đồng ý, tôi vào thăm anh một lát.”

Tôi rất quý bác sĩ Jensen. Đó là người đàn ông thông minh, dễ chịu, tuy hơi lạnh lùng. Anh ấy thấy thích phòng tôi ở, cái gì anh ấy cũng xem, cái gì cũng có lời bình phẩm. Tôi mời ngồi, nhưng anh ấy nói là thích đứng hơn, rằng lúc này đứng ở cửa sổ rất dễ chịu. Anh đến bên cửa sổ, đứng quay lưng về phía vườn, mặt hướng sang hành lang ở tầng hai. Tôi có tấm gương treo trên tường gần cửa sổ, và để ý thấy bác sĩ liên tục soi gương. Tôi có cảm giác là ngược lại với những gì chân thực của mình, anh ấy đang hơi tự mãn một chút. Anh hỏi tôi tại sao lại sang Malá Strana ở. Tôi trả lời rằng tôi đã hi vọng là tìm được nơi yên tĩnh để học thi, nhưng nói thêm là tôi đã hơi nhầm, vì dân chúng ở đây không hẳn là những người bình lặng. Anh ấy hỏi tôi những ai ở trong nhà này. Tôi bắt đầu kể về ông Provazník, vì cho rằng đối với bác sĩ tâm thần thì đây là trường hợp đáng chú ý. Tôi kể rất sôi nổi, rất chi tiết - nhưng tôi thấy là bác sĩ Jensen không hề để tâm chú ý chút nào đến ông Provazník. Anh ấy nhìn vào tấm gương. Bất chợt, anh ấy giật mình và nghiêng người ra ngoài cửa sổ, rồi hỏi tôi người đang ở ngoài hành lang có phải là con gái ông chủ nhà không. Tôi ngạc nhiên hỏi lại là anh ấy biết cô ấy chẳng. Anh ấy nói là biết gia đình này từ lâu rồi. Một câu hỏi mắc trong cổ họng tôi - tôi nhớ lại những cử chỉ lạ lùng, nhiều khi hết sức lạ lùng, của ông chủ nhà - nhưng cuối cùng tôi cũng lấp bắp hỏi. Bác sĩ Jensen cười: “Ồi trời! Ông ấy là người bệnh tưởng, nhưng ông ấy cũng rất khổ sở vì bệnh ấy đấy. Tôi biết gia đình này từ khi tôi còn nhỏ, vì mẹ tôi trước đây là bạn của họ. Chỉ có điều lạ là cô Otylie vẫn chưa lấy chồng! Cô ấy khá xinh xắn, rất dễ chịu, được bảo ban dạy dỗ về nội trợ, lại có tiền. Ngôi nhà này không mắc nợ nần gì cả, ngoài ra, họ còn có tài sản rất lớn... thật hoài của, vì cô ấy

là một đám tuyệt vời! Mà còn...”, anh ấy nghiêng người ra ngoài cửa sổ, cười cười và gật đầu chào.

À ra thế! Có phải là anh ấy tình cờ đi dạo đâu! Chỉ có tôi tình cờ làm có cho anh ấy lợi dụng thôi! Tự nhiên, tôi thấy có ác cảm với anh ấy.

Một lúc sau, bác sĩ Jensen chào tôi để về và hẹn là khi nào có dịp đi qua đây thì lại đến. Anh ấy không việc gì mà phải đến! Tôi nghĩ là tôi đã bất lịch sự và không trả lời.

Vậy là bác sĩ Jensen cũng chưa vợ như tôi! Không... thật sự là không... tôi không nghĩ gì cả, có mà điên... nhưng đúng ra mà nói thì người luật sư trẻ nào cũng nên bắt đầu sự nghiệp với một vốn liếng nào đó... hi hi! He he he! Nghĩ ngợi vớ vẩn thế để làm gì mà lại đúng vào lúc này nữa!

Tôi nghĩ là nhà văn Neruda nói đúng, khi ông ấy khẳng định rằng cánh đàn ông chúng ta ghen tuông vì bất kỳ người đàn bà nào, ngay cả khi chúng ta hoàn toàn không có quan tâm gì đến người ấy.

Họa sĩ vẫn đi đi lại lại trong phòng đối diện. Anh ấy vẫn còn đang suy nghĩ.

Tôi gặp rủi ro trong bữa trưa. Có một gia đình nhà ruồi bơi ở trong đĩa xúp. Tôi đăng trí nuốt mất ruồi bố và ruồi mẹ, chỉ còn cái trứng ruồi đang bơi trong xúp, nhưng tôi đã không thể nuốt được nữa. Tính ra thì tôi ăn ruồi, Pepík nhai các bức thư, con chó cắn nát ảnh kỷ niệm của gia đình - có trời mới biết những cái gì trong nhà này còn có thể đưa ra để ăn và nhai cắn được nữa!

Thế là tôi đã biết người đó là ai rồi! Tôi đang đứng bên cửa sổ thì lại nghe thấy tiếng kiếm va lạnh canh từ phía cầu thang. Tôi cúi xuống nhìn và trông thấy ông thượng úy béo tròn. Trong ghi chép của mình, tôi đã gạch tên ông ấy.

Ông ấy có họ hàng với cô chủ hộ chẳng?

Buổi chiều, chúng tôi đã nói chuyện với nhau ở ngoài vườn. Ông Provazník ghé tai tôi thì thầm với vẻ rất thích chí, rằng ngày hôm nay, lần đầu tiên ông ta để ý thấy người phụ nữ trẻ ở căn hộ bên cạnh có hai mắt đỏ hoe. Tôi thấy ông ấy thật đáng ghét! Rồi ông ấy hỏi ông chủ nhà hôm nay có đi dự đám tang ông đội trưởng đội kỵ binh thành phố không. “Không! Tôi không đi đám ma đám tang nào hết. Từ ngày cha tôi mất, tôi chẳng đi một đám tang nào cả. Lần ấy, bọn nhạc công chơi sai điệu, sai kinh khủng! Cho đến bây giờ, nốt nhạc chổi tai ấy vẫn làm khổ tôi!” Cái lý do mới hay làm sao chứ!

Anh họa sĩ đến. Cái lo lắng suy nghĩ hiện rõ trên khuôn mặt đỏ bừng.

“Anh viết thư xong chưa?” Tôi hỏi.

“Chưa. Phải ngày mai mới xong. Tôi không viết nhanh được.”

“Nếu muốn viết hàng trăm bức thư cho cha cố thì lấy đâu ra tiền gửi nhỉ?”, ông Provazník chen lời.

“Ôi giờ, hàng trăm lá thư thì có đáng bao nhiêu, tốn một tí thế cũng chẳng hại ai!”

“Hô hô!” Ông Provazník nổi giận thật sự, “các ông chẳng biết gì hết! Chỉ cần có một trăm thôi là tôi cũng đủ sống rồi! Mà sống dễ như bỡn! Tôi sẽ thuê một thửa ruộng ở gần Praha, rồi mua hạt giống về gieo. Các ông có biết tôi sẽ gieo gì không? Tôi sẽ gieo toàn hạt kế sữa. Rồi có thể có thợ săn chim đến thuê thửa ruộng ấy để bắt chim sẻ thông vàng. Nếu không có người thuê thì tôi sẽ tự bắt chúng.”

“Ông đừng quên làm hàng rào xung quanh nhé!”

“Vì sao mà phải rào?”

“Để khỏi có gió lùa, không thì cây kế sữa sẽ bị thấp khớp!” Họa sĩ bắt đầu nói đùa.

Ông chủ nhà hôm nay vô cùng buồn bã. Hôm nay ông ấy không đưa các mảnh giấy, nhưng lại có một cái lo lắng khác. Ông ấy nghĩ là mũi ông ấy

sẽ bị rơi. Ban sáng ông ấy đọc một bài báo của Vogt, thấy viết là việc mũi rơi bắt đầu từ bệnh sổ mũi. Ông ấy nhớ ra rằng bị sổ mũi đã mấy ngày rồi, và biết chắc chắn là một bên mũi “đã bắt đầu bị lung lay”. Chỉ có điều bây giờ là buổi tối nên ông ấy không biết cánh mũi bên phải hay bên trái đã lung lay.

Cô Otylie buồn rầu nhìn bố và khó khăn lắm mới nén được tiếng thở dài. Chúng tôi lại cùng ngồi nói chuyện với nhau ở một góc chòi. Nhưng hôm nay thì khác hôm trước, hôm nay chủ yếu chỉ cô ấy nói và giải bày tâm sự. Tôi lắng nghe cô và cũng cảm thấy buồn buồn. Tôi thấy lòng trắc ẩn của tôi làm cô ấy nhẹ nhõm thanh thản hơn.

Tất cả mọi người đã vào nhà. Chỉ còn mình tôi ngồi lại trong vườn. Hôm nay tôi không thể ra quán được, tôi không thích hợp được với mọi người, tôi cảm thấy hoàn toàn không bình thường. Nỗi băng khuâng hòa lẫn cái ngọt ngào êm dịu trong tôi.

Hôm qua và hôm nay tôi đã tỉnh dậy khá sớm, có lẽ vì trời nóng. Dậy sớm là việc tốt, nhất là khi cần học bài. Thế nhưng tôi tỉnh giấc mà không dậy. Nằm trên giường, tôi thấy thoải mái, trong đầu tôi tản mạn mọi suy nghĩ và tôi có cảm giác đang ở trạng thái nửa tỉnh nửa mơ. Khi nghĩ đến một cái gì thú vị, tôi giữ chặt nó và mơ tiếp.

Thú thật, tôi nghĩ đến việc học một cách rất chung chung. Tôi đang học về Luật khoáng sản và những thuật ngữ không quen thuộc của nó làm tôi cứ lẫn lộn lung tung. Vì vậy, cái giường tôi nằm trở thành nơi mơ mộng và giải thoát. Khi đứng bên em Otylie, lập tức hai chúng tôi rơi vào vòng mơ mộng, và tôi thấy mình cần phải bảo vệ quyền được mơ mộng.

Tôi để ý thấy mình viết “Em Otylie”. “Cẩn thận, cẩn thận đấy nhé!”

Nhà anh họa sĩ im ắng khác thường. Anh ấy đang ngồi bên bàn, hai tay chống cằm, nhìn lên cao và suy nghĩ.

Buổi chiều, bác sĩ Jensen lại đến! Anh ta có vẻ tích cực quá!

Tôi nghĩ là tôi đối xử với anh ấy không được niềm nở cho lắm, nhưng xem ra anh ấy chẳng bận tâm đến điều đó, thậm chí tôi còn có cảm giác là anh ấy cũng không để ý gì đến tôi.

Bây giờ anh ấy lại đứng trước tấm gương ở gần cửa sổ. Theo tôi thì không có gì buồn bằng hình ảnh người đàn ông đứng ngắm nghía mình trước tấm gương.

Khi nhìn thấy ông chủ nhà cùng con gái đang đi qua sân ra vườn, anh ấy gọi họ từ cửa sổ và nói với họ rất thân thiết. Trên đời này, có nhiều người tự dành cho mình nhiều thứ quyền lợi từ mối quan hệ lâu năm với người khác. Hai cha con ông chủ nhà mời anh ấy xuống vườn. Anh ấy mời tôi. Vậy thì chúng ta đi xuống đó, để rồi xem ai hơn ai. Nhưng không, chúng tôi không phải xem gì cả, vì tôi có muốn gì đâu! Tôi thật sự cảm thấy rằng tôi hoàn toàn không muốn gì cả.

Hôm nay, ở ngoài vườn có vẻ gì khác hẳn, tôi có cảm giác nó xa lạ với tôi. Một bầu không khí khác, những con người khác. Nhưng nghĩ cho cùng thì tôi thấy tôi chỉ khó chịu với bác sĩ Jensen mà thôi. Anh ấy nói chuyện một cách thú vị, nhưng như ta biết, có nhiều người rất nông cạn hời hợt để mà về cái gì cũng nói một cách thú vị. Tất cả mọi người đều có mặt, chỉ trừ ông Provazník. Họ lắng nghe anh Jensen, cứ như thể anh ấy nói những chuyện gì quan trọng lắm. Về phần mình, tôi chẳng bận tâm gì đến việc tôi nói chuyện không “thú vị”.

Tôi thử gợi chuyện để thu hút sự chú ý về mình, và hỏi họa sĩ:

“Anh đã viết xong thư chưa?”

“Chưa, ngày mai, tôi phải để nó ngấm đã,” anh ấy trả lời và quay ngay lại hỏi chuyện anh Jensen.

“Thưa bác sĩ, chắc hẳn bác sĩ phải có một cuộc sống rất thú vị!”

“Sao vậy?”

“Ấy, vì ở bệnh viện tâm thần chắc là phải nhiều cái vui lắm. Bác sĩ hãy kể cho chúng tôi nghe chuyện gì đi!”

Thế là tôi lại bị gạt sang một bên. Giá mà ông Provazník có ở đây! Nhưng tôi thấy anh Jensen đang có vẻ hơi lúng túng và tôi lấy làm phần khởi. Anh ấy nói về cái khác nhau giữa người mắc bệnh điên và người mắc bệnh u buồn, nhưng không ai thấy thích. Họ muốn nghe kể về những người mang bệnh thần kinh “nghĩ về mình”, thí dụ chuyện người đàn ông nghĩ rằng mình là hoàng đế La Mã, hay người đàn bà cho rằng mình là Đức mẹ Đồng trinh Maria. Nhưng bác sĩ Jensen không làm vừa ý họ, vì anh ấy tiếp tục nói một cách khoa học, rồi anh ấy khẳng định là “hầu như người nào cũng mang trong mình một chút bệnh tâm thần”. Mọi người thấy phần nộ, riêng ông chủ nhà thì bình thản gật gù và nói: “Nhiều người khi khỏe mạnh không biết là mình có gì.”

Cuối cùng, bác sĩ Jensen chia tay và nói là sẽ lại đến sớm. Tôi nghĩ thầm: cậu hãy làm thế nào để khỏi đến muộn!

Ngày hôm nay, ông Provazník không xuống vườn với chúng tôi.

Sau khi bác sĩ Jensen đi khỏi, mọi người còn nói lâu, nói quá lâu, về anh ấy. Cô Otylie ghé sang tôi, nói thầm:

“Tôi sợ anh ấy.”

Tôi trả lời: “Cách xử sự khôn khéo tự nhiên nhiều khi là một điều tuyệt vời.”

Ông Klikeš nói hùn mãi vào cho anh Sempr. Ông chủ quán cúi sát đầu vào họ. Ông ấy khục khặc ho và cứ nhìn ông Klikeš như muốn nuốt chửng ông ta.

Mới chín giờ sáng mà bác sĩ Jensen đã đến đây rồi. Anh ấy nhìn ra vườn, nhìn suốt hành lang và ít nhất là ba lần anh ấy ngẩng ngó rất lâu trước gương. Anh ấy hỏi tôi có ai ra vườn buổi sáng sớm không. Tôi trả lời nhất gừng: “Không!” Cuối cùng anh ấy hỏi có làm phiền tôi không. Tôi nói

thật sự đã đến lúc tôi phải chăm chỉ học. Thế là anh ấy ra về với vẻ mặt cau có. Mặc kệ!

Buổi trưa, họa sĩ đến hỏi vay tôi một chiếc phong bì thư. Bây giờ tôi nhìn qua cửa sổ sang bên nhà anh ấy. Chị vợ và cậu con trai đứng cạnh bàn xem anh ấy ghi địa chỉ.

Anh họa sĩ đi đi lại lại trong phòng, tay cầm bức thư và thỉnh thoảng lại dừng lại để đắm chiêu ngắm nghía thành quả lao động trí óc của mình. Chắc là anh ấy cảm thấy tự hào.

Buổi chiều, tôi là người ra vườn đầu tiên. Tôi tưởng như thời gian chờ mọi người xuống vườn là vô tận.

Mãi một tiếng đồng hồ sau, ông chủ nhà và cô Otylie mới ra vườn. Ông chủ nhà bàn chuyện chính trị với tôi. Ông ấy nhanh chóng đi đến kết luận, rằng tất cả mọi sự đều bắt nguồn từ chỗ là các nhà vua “không bao giờ bằng lòng với những gì họ có.” Tôi nhiệt liệt tán thành. Ông ấy còn nói thêm nhiều câu ngạn ngữ của mình nữa và tôi tán phục tất cả. Rồi tôi và Otylie nói chuyện thân mật riêng tư với nhau. Có trời biết tại sao tự nhiên câu chuyện lại xoay quanh đức hạnh của tôi. Cô Otylie nhiệt tình khen phẩm hạnh của tôi và cô ấy cứ nói mãi không thôi về tôi. Cô gái ấy tìm ở đâu ra đức hạnh của tôi nhỉ?

Vợ chồng họa sĩ đến. Anh chồng với bộ mặt thỏa mãn, tỏ vẻ gần như chiến thắng. Chị vợ lại có cái lưỡi sắc như dao.

“Thư viết xong rồi ư?” Tôi hỏi.

“Ồ, tất nhiên rồi,” họa sĩ trả lời, làm như là đối với anh ấy, việc giải quyết thư từ cho cả châu Âu là chuyện trò chơi, chỉ cần nửa ngày là xong.

“Đáng lẽ anh phải viết thêm về cô Wilhemová,” chị vợ vừa nói vừa cười, “các cha cố thích những chuyện như thế!”

Cô Wilhemová có chuyện gì mà đáng lẽ anh họa sĩ phải viết nhỉ?

“Tôi còn phải viết một bức thư nữa cho anh tôi ở Tarnov. Hàng năm, chúng tôi viết cho nhau hai lần. Mấy anh em chúng tôi đã thỏa thuận với nhau như vậy.”

Không ai để ý đến điều ấy, nhưng chuyện về cô Wilhemová thì vẫn được tiếp tục. Họ nói về ông thượng úy, về việc cô Wilhemová bao giờ cũng thò đầu ra ngoài để xem ông thượng úy đã đến chưa. Họ kể chuyện ấy một cách rất lạ lùng bí ẩn, đồng thời nhìn tôi và cười. Bất chợt, trong đầu tôi lóe lên một điều... À, ra thế! Vì vậy mà tôi “ngu” ư? Tôi nổi nóng, nói một cái gì đó, tôi cũng không nhớ đã nói gì.

Sau đó chúng tôi chơi bài, chỉ ba người chơi. Tôi chịu một cách nhẫn nại nhất tất cả các lỗi của ông chủ nhà và công nhận ông ấy đúng trong mọi trường hợp. Tôi cũng duỗi chân dưới gầm bàn ra đến tận chỗ ông ấy, để ông ấy thoải mái giẫm. Ông ấy đã đạp chân tôi như nghệ sĩ chơi đàn đại phong cầm đạp vào pê-dan vậy.

Ông Provazník hôm nay cũng lại không ra vườn.

Chưa bao giờ có chuyện ngu ngốc tương tự như vậy xảy ra với tôi!

Tôi đến ăn chiều ở nhà anh Morousek, bạn thân của tôi. Nhà anh ấy ở mãi tận cuối khu Smíchov nên tôi thuê một chiếc xe ngựa để đến. Chúng tôi vui vẻ chuyện trò đến khuya, sau đó tôi chậm rãi đi bộ về nhà. Trời ban đêm tuyệt đẹp, trong đầu tôi lung bung đầy suy nghĩ. Đường phố vắng tanh, chỉ có một người đánh xe ngựa nào đó chắc đã buồn ngủ đang đánh xe về nhà; con ngựa mệt mỏi bước, chiếc xe chậm chạp lăn, tiếng bánh xe lọc cọc đơn điệu làm tôi thấy dễ chịu. Đến chỗ cách nhà tôi ở hai nhà, chiếc xe ngựa bỗng chạy vượt lên, người đánh xe nghiêng người khỏi xe và hỏi tôi: “Sao ông không lên xe hả ông?” Trời đất ơi, cái xe ngựa tôi thuê! Tôi đã quên trả tiền để anh ta đi, thành ra anh ta chờ tôi đến đêm. Tôi đã phải trả anh ta ba đồng tiền vàng!

Không còn nghi ngờ gì nữa - tôi đang yêu!

Biết đâu có ngày trên báo in dòng quảng cáo như sau: “Chúc mừng luật sư Krumlovský và cô Otylie - cô dâu kiều sa”. Đối với cánh đàn ông thì cô nào cũng “kiều sa”! Không ai được biết gì về chuyện này... tuy vậy...

Cần phải làm rõ ràng quan hệ giữa chúng tôi!

Chuyện đâu có chuyện lạ như vậy. Tôi tức đến lộn ruột, người vẫn còn run lên vì giận dữ!

Có tiếng kiếm va lanh canh ở bên ngoài. Rồi tiếng gõ cửa phòng tôi. “Xin mời vào!” Người vào phòng là một đại úy, chứ không phải là ông thượng úy như tôi tưởng. Tôi đứng lên và tò mò ngắm nhìn người khách lạ. Ông đại úy mặc quân phục rất chỉnh tề, đội mũ hình trụ cao. Ông ấy giơ tay chào.

“Thưa - ông là luật sư Krumlovský ạ?”

Tôi gật đầu.

“Tôi đến đây theo lệnh của thượng úy Rubácký.” Rubácký là tên của ông thượng úy béo ở tầng dưới, và là người của cô chủ hộ.

“Ông muốn gì?”

“Ngài thượng úy thấy bị xúc phạm vì những lời ông nói ngày hôm qua ở ngoài vườn về ngài và về bà Wilhemová. Bà ấy là bạn gái rất đáng quý trọng của ngài. Thượng úy cử tôi đến đây yêu cầu ông phục hồi danh dự cho ngài.”

Tôi đập tay lên trán và giương mắt nhìn ông ta. Tôi cố nhớ ra buổi chiều ở ngoài vườn. Vâng, hôm qua ở ngoài ấy chúng tôi có nói chuyện gì đó, đúng là tôi cũng nói gì đó, nhưng giá mà ông ta có giết tôi, thì tôi cũng không nhớ tôi đã nói gì.

Đại úy đứng yên chờ tôi trả lời. Tôi tiến đến gần ông ta và thấy mình bắt đầu run.

“Thưa,” tôi lắp bắp, “chắc là có sự hiểu lầm. Ai nói với ông thượng úy là...”

“Tôi không biết!”

Có ai gõ cửa hay sao? Hay là cô Wilhemová nghe vọng qua cửa sổ? Nghe cùng với ông thượng úy chẳng?

“Mọi người đã nói chuyện gì đó... quả thật tôi nhớ như vậy... nhưng làm sao mà tôi nói được gì về ông thượng úy... tôi có biết ông ấy đâu... tôi chỉ nhìn thấy ông ấy thôi...”

“Thưa ông, cái đó không liên quan gì đến tôi. Ngài thượng úy cử tôi đến đây chỉ để yêu cầu ông phục hồi danh dự cho thượng úy.”

“Thế nhưng tôi xin đảm bảo với ông như thế! Làm sao có chuyện tôi nói gì chống lại thượng úy! Tôi nghĩ là tôi rất kính trọng thượng úy, và...”

“Thưa ông, tôi đã nói rồi, tôi yêu cầu ông trả lời dứt khoát.”

“Vậy thì, nếu ngài thượng úy nghe lời nói xấu ở đâu mà nghĩ rằng tôi đã xúc phạm ngài - có trời chứng giám là không bao giờ tôi lại có ý định ấy - vậy thì xin ông nói lại với thượng úy rằng tôi xin thượng úy thứ lỗi cho tôi.”

“Cái đó chưa đủ.”

“Vậy thì ông ấy muốn gì? Tôi phải đứng trước những người ấy...”

“Ngài thượng úy Rubácký yêu cầu được phục hồi danh dự bằng vũ khí.”

“Ngài thượng úy là người điên,” tôi thốt lên. “Tôi chưa bao giờ đánh nhau và sẽ không bao giờ đánh nhau!”

“Tôi sẽ chuyển lời.” Anh ta giơ tay chào rồi đóng sầm cửa. Thì hãy xéo đi!

Tôi run cả người vì tức giận! Đấu chiến ư? Đến cầm kiếm như thế nào tôi cũng còn không biết! Có mà điên rồi, tôi - tiến sĩ luật - luật sư tương lai! Điều 57 luật Hình sự coi đấu chiến là tội ác, các điều từ 158 đến 165 nói về hậu quả của nó, và đó là những hậu quả rất nặng nề!

Đồ điên, toàn là một lũ điên bỏ trốn từ bệnh viện tâm thần!

Tôi sang tìm cô chủ hộ vì nghe thấy tiếng cô ấy đi trong bếp. Tôi muốn nói với cô ấy một cái gì đó, trình bày cho cô ấy hiểu rõ sự việc. “Đừng có vác mặt sang đây nữa”, cô ấy vênh vác nói rồi quay ngoắt về phòng mình. Ừ, thì tôi cũng chẳng “vác mặt” sang đó nữa.

Ngoài vườn hôm nay có không khí rất đặc biệt. Việc tôi bức tức là cái dứt khoát rõ ràng, nhưng đó không phải là lỗi của tôi.

Ông Provazník hôm nay lại ra vườn. Ông ta nhòm ngó như cú nhòm và gặp ai cũng nói: “Trông ông hôm nay ốm yếu quá!”

Tôi ngồi trong chòi cùng với Otylie. Tôi có cảm giác rất lạ, như thể hôm nay tôi phải bắt đầu bày tỏ tình yêu. Tôi cũng đã định thế, nhưng cứ thấy tắc nghẹn trong họng, không nói ra được lời nào khác thường. đành vậy thôi, hôm nay tôi sẽ chẳng nói gì về tình yêu.

Ông Provazník đến chỗ chúng tôi. Ông ấy nhìn chúng tôi một lát rồi hỏi: “Anh sắp lấy vợ phải không?”

Câu hỏi khó chịu làm tôi lúng túng. Nhưng tôi gượng cười và trả lời: “Vâng, tôi sẽ lấy vợ, ông Provazník ạ.”

“Phải đấy! Chuyện vợ con rất vui - còn lũ trẻ con thì nhặng nhít hơn cả chó nhà hàng thịt.”

Cái thằng cha thật đáng ghét!

Hôm nay ở ngoài vườn chẳng vui vẻ tí nào. Tôi hoàn toàn không động gì về chuyện viên đại úy đến phòng tôi sáng nay.

Đáng đời tôi lắm lắm! Ma đã dẫn lối, quỷ đã đưa đường cho tôi sang Malá Strana!

Mà biết làm sao được! Tôi đã trót nói như thế rồi! Tôi đã hoàn toàn có thể nói “không!” - vì chắc là tay thượng úy cũng chỉ dọa thế thôi chứ không định đấu thật - nhưng mà một khi tôi đã nổi cáu! Hẳn sẽ làm tôi bị thương, cái đó là chắc chắn, còn tôi thì sẽ chẳng làm gì được hẳn, cái đó cũng là điều chắc chắn! Bị thương thì tôi sẽ phải nằm một thời gian và không tiếp tục học

được, có thể tôi sẽ phải nằm lâu và sẽ bị nhớ kỳ thi. Thế thì thà rằng hấn giết chết tôi đi còn hơn!

Lại có tiếng kiếm va lanh canh, tiếng gõ cửa, và tay đại úy mà tôi biết ngày hôm qua. Anh ta giơ tay chào rồi nói rằng ngài thượng úy không để việc ấy chỉ kết thúc như thế được, rằng đây là lần cuối cùng ông ấy yêu cầu tôi phục hồi danh dự cho ông ấy. Tôi hơi bức mình trả lời rằng hôm qua tôi đã nói “không”, và hôm nay tôi lại khẳng định “không và không!” Viên đại úy nói là anh ta lấy làm tiếc, nhưng mà nếu thế thì ngài thượng úy sẽ quất roi vào mặt tôi bất kỳ lúc nào ông ấy gặp tôi. Tôi cúi tiết nhảy bổ đến trước mặt anh ta:

“Ông ấy không quất tôi được, tôi sẽ chống lại!”

“Dứt khoát ngài thượng úy sẽ quất ông! Xin từ biệt ông!”

“Khoan đã! Đấu bằng vũ khí gì?”

“Bằng kiếm.”

“Được, tôi nhận lời!”

Viên đại úy ngạc nhiên nhìn tôi.

Run cả người vì giận dữ, tôi nói:

“Tôi nhận lời, nhưng với điều kiện, thứ nhất là các ông phải tìm vũ khí và người làm chứng, thứ hai các ông phải hứa danh dự là sẽ không ai được biết về chuyện này, và các ông phải tìm chỗ đấu hoàn toàn kín đáo.”

“Tôi xin hứa danh dự!” Anh ta lịch sự chào, đến quá lịch sự, và nói rằng trong ngày hôm nay hoặc ngày mai sẽ đến để bàn nốt công việc.

Thế đấy, bây giờ thì việc đã rồi! Có thể là mọi việc sẽ vỡ lở - chắc là chúng tôi đã nói với nhau rất to và cô chủ hộ đã nghe thấy hết - thậm chí tôi đánh cuộc là cô ấy đã nghe trộm. Tôi biết rằng cô ấy là nguyên nhân của chuyện này. Nghĩ cho cùng, tôi thấy là tôi đã chạm lòng tự ái tự trọng rất đàn bà của cô ấy. Nhưng không vì thế mà tôi “ngu”! Còn bây giờ thì đúng là tôi ngu thật! Nếu cô ấy lộ chuyện này ra với ai thì - xin vĩnh biệt nghề luật

sư! Cho đến chết tôi cũng sẽ chỉ là một thực tập sinh quèn! Thôi, tôi có một chút vốn liếng, và cô Otylie có... nhưng nào tôi có biết liệu cô ấy có muốn lấy tôi không!

Tôi nhận được một bức thư. Trên phong bì có dán tem Malá Strana - không ghi tên người gửi - lại thẳng cha Provazník đáng ghét!

Thư viết như sau:

“Thưa ông luật sư thực tập sinh!

Tôi nghĩ ông là thực tập sinh chuyện vợ chồng hơn là thực tập sinh ngành luật. Nhưng cái khát vọng xây dựng gia đình của ông chỉ là sự tính toán thấp hèn, hoàn toàn thấp hèn. Ông muốn lấy nhà, ông muốn lấy tiền, nhưng ông đâu muốn lấy vợ. Ông cũng không thể nào thích được con bé ế chồng ừ ừ rầu rĩ ấy, hơn nữa, nó còn ngu xuẩn đến mức không biết nhìn xa trông rộng. Ông thật là kẻ không biết nhục nhã, vì ông định bán mình, ông định hy sinh cuộc đời trai trẻ của ông cho việc kiếm tiền bẩn thỉu. Ông là kẻ hoàn toàn không biết thế nào là nhục nhã.

Một trong những người có cùng suy nghĩ như nhau.”

Cái câu “không biết nhìn xa trông rộng” tôi đã nghe từ miệng tay Provazník rồi. Hừ, cứ chờ đấy! Thay vào trả thù lão thượng úy, tôi sẽ trả thù hẳn. Tự nhiên, tôi thấy hăng máu đến có thể đánh lộn được với cả thế giới.

Tôi không thể nói là tôi sợ chết. Tôi cũng không sợ bị thương; bây giờ tôi đang nghĩ về điều đó một cách khá lạnh lùng. Nhưng tôi biết là cái sợ sẽ đến, và tôi sợ cái sợ ấy. Tôi không quen các cuộc đấu chiến - từ xưa đến nay chưa bao giờ tôi nghĩ tới chuyện đó - vì vậy, cái sợ dứt khoát sẽ phải đến. Và tôi sẽ hồi hộp run rẩy, thần kinh tôi sẽ rung, cơ bắp tôi sẽ co giật, tôi sẽ luôn luôn sợ đến phát sốt lên.

Điều đó sẽ rất khủng khiếp!

Chúng tôi chơi ở ngoài vườn, nhưng chẳng ra sao cả. Ngày hôm nay tôi sẽ không thổ lộ tình yêu, vì cũng để làm gì! Otylie ơi, em hãy chuẩn bị chiếc

khăn của mình để làm băng buộc vết thương cho anh nhé! Nếu tôi chết thì hết chuyện, nếu tôi bị thương thì Otylie sẽ chăm sóc tôi - tôi nghĩ ít ra thì như vậy - và điều đó cũng có thể coi là tỏ tình, giống như trong tiểu thuyết vậy.

Nhưng có một cái gì thúc tôi phải bắt đầu nói chuyện, tôi chỉ không biết nói về gì. Mãi một lúc sau tôi mới hỏi là ngày mai Otylie có đi nhà hát không. Cô ấy hỏi tôi bây giờ người ta diễn vở gì, tôi trả lời vở *Jan Hus*. Cô ấy nói:

“Tôi rất muốn đi, nhưng không đi được.”

“Vì sao? Vì Jan Hus chống đối Giáo hội ư?”

“Không, không phải thế. Nhưng ông ấy bị thiêu sống, mà ngày mai là thứ sáu - ngày phải kiêng ăn thịt - thế thì không được!”

Tay Provazník mà nghe vậy thì thế nào cũng nói về “nhìn xa trông rộng”. Tôi thì cho rằng đó là sự ngây thơ - và sự ngây thơ bao giờ cũng có cái đáng yêu của nó - chắc chắn như vậy!

Tôi thấy Provazník đang ra vườn. Tôi bước nhanh về phía hăn, kéo hăn vào một cái chòi.

“Này, ông là kẻ đê tiện, ông đã dám cả gan gửi cho tôi một bức thư nặc danh, tất nhiên là ông đã viết nhiều thư như vậy và đã làm cho nhiều người khổ sở! Bây giờ thì ông bảo sao?”

“Ai bảo ông là tôi viết thư nặc danh?” Hăn ta hỏi, mặt trắng bệch như tờ giấy.

“Chính ông đã nói với tôi.”

“Tôi đã nói với ông thế ư?” Trên mặt hăn lộ rõ sự ngạc nhiên ngốc nghếch làm tôi phải quay nhìn sang phía khác để nín cười.

“Tôi báo cho ông biết, nếu ông còn viết như thế một lần nữa thì tôi sẽ đánh ông như đánh chó, ông hiểu không?” Nói đoạn, tôi bỏ đi. Ít ra thì tôi cũng học được một cái gì bổ ích từ ông thượng úy.

Mọi người muốn chơi bài. Anh họa sĩ lấy bài từ ngăn kéo bàn ra và ngay sau đó túm cổ Pepík. Anh ấy cho nó một trận đòn nên thân. Số là tất cả các lá bài con cơ đều đã bị cắt, Pepík đã cắt các hình trái tim, dán lên tờ giấy trắng làm quà tình yêu tặng Márinka, con gái của anh Sempr. Vì thế, chúng tôi không có bài để chơi và tôi rất lấy làm hài lòng.

Chúng tôi nói chuyện rất lâu, nhưng chẳng đâu vào đâu. Tôi đi với Otylie quanh các luống rau. Đột nhiên, cô ấy quay sang, nhìn thẳng vào mắt tôi và hỏi tôi có chuyện gì vậy. Tôi ngập ngừng, nhưng trả lời là không có chuyện gì, rồi gượng cười. Cô ấy lắc đầu và nhắc đi nhắc lại nhiều lần, rằng dứt khoát là tôi đang có chuyện gì đó.

Cô ấy có... cô ấy có cảm tình với tôi, rõ ràng là như vậy!

Tôi ngồi ở nhà và nghĩ ngợi trầm ngâm. Kể cũng lạ, tôi thấy bình thản, cái sợ vẫn chưa đến nhưng rồi nó sẽ đến! Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa tin là cuộc đấu sẽ xảy ra hay sao? Nhưng mà ngày mai!

Buổi sáng tôi dậy rất sớm. Mới gần ba giờ sáng tôi đã tỉnh giấc, tôi không nấn ná nằm mà dậy ngay. Tôi đã cảm thấy vô cùng khó chịu.

Tôi không biết làm gì với bằng ấy thời gian. Tôi đã xuống vườn hai lần, nhưng lần nào cũng quay trở về phòng ngay. Tôi cầm lên tay đủ thứ linh tinh để rồi lại cau có đặt luôn xuống.

Tôi nóng lòng đợi viên đại úy đến.

Tôi đã sợ, hay vẫn chưa sợ? Tôi rùng mình và ngáp, nhưng tôi có cảm tưởng là tôi ngáp vì sốt ruột đợi chờ.

Đại úy đến. Hẳn ta báo cho tôi biết thời gian là sáu giờ sáng ngày mai, địa điểm tại doanh trại quân đội Hradčany, ở một phòng khách ngoài vườn. Tôi nghĩ vậy là họ sẽ khênh tôi ra khỏi phòng khách ấy; tôi phải cười thầm suy nghĩ ấy như cười một câu hài hước chưa từng được nghe thấy bao giờ.

Đại úy đã hết sức lịch sự. Anh ta nói “sẽ lấy làm vui mừng, nếu sự việc không hay này được dàn xếp ổn thỏa”. Tôi nghe vậy thốt lên: “Không cần

thiết!”, nhưng vừa nói xong, tôi lại muốn tự vả cho mình cái tát. Tôi quá là kẻ ngu ngốc. Ôi chao!

Tôi lại sang Smíchov thăm anh Morousek. Vì nếu ngồi ở nhà chắc tôi sẽ phát điên, hơn nữa, anh Morousek là người dùng kiếm rất giỏi, anh ấy hay đấu kiếm. Có thể anh ấy sẽ dạy nhanh cho tôi một chút gì chẳng.

Morousek là một người khó chịu. Tôi kể sự tình cho anh ấy nghe nhưng anh ấy lại cười tôi. Trên đời này có một số người không biết suy nghĩ nghiêm chỉnh về bất kỳ một cái gì hết! Tôi xin anh ấy bày cho tôi một vài pháp thuật có thể giúp ích cho tôi. Anh ấy khẳng định là có ít thời gian như thế này thì tôi không thể học được gì cả.

“Thế ư?” Tôi hơi bực.

“Để xem sao!”

Anh ấy lấy ra hai thanh kiếm ba cạnh, cho tôi đội mũ và mặc áo bảo hộ, rồi cầm kiếm đứng đối diện tôi. Đúng thế! Bây giờ phải làm thế! Không, không được làm thế! - Phải chú ý đầu kiếm! Thế! Thanh kiếm của tôi rơi xuống đất.

“Anh phải giữ chặt nó,” Morousek nói và bật cười.

“Nhưng mà nó nặng lắm!”

“Kiếm anh sẽ dùng để đấu cũng không nhẹ hơn là mấy. Nào, làm lại nhé!”

Tôi mệt lả, tay tôi mỏi rũ rời. Nhưng Morousek hoàn toàn chẳng biết mỏi mệt là gì.

“Anh nghỉ đi một lát,” anh ấy mỉm cười bảo tôi.

Tôi nói với anh ấy rằng tôi nhớ trước đây anh ấy là người dễ chịu hơn nhiều. Anh ấy cho rằng tôi đang bị căng thẳng hồi hộp nên nói như vậy.

“Không, không, tôi không hồi hộp lo sợ gì hết, thật sự là không!”

“Thế thì được, chúng ta tập lần nữa!”

Một lúc sau tôi lại mệt.

“Thôi, chúng ta không được tập quá sức,” anh ấy bảo, “kẻo ngày mai anh không nhắc được tay. Anh ở đây ăn trưa với chúng tôi, cả bữa điểm tâm nữa. Chúng ta sẽ tập thêm một chút nữa, chỉ một chút thôi.” Giá anh ấy không nói như vậy thì tôi cũng chẳng bỏ đi. Vợ anh ấy nhìn chúng tôi tập, tưởng là chúng tôi chơi nên cứ cười. Đối với vợ chồng anh chị, cái cười sao mà dễ dàng!

Trước lúc ăn trưa, anh Morousek hỏi tôi thượng úy Rubácký có là người đánh kiếm tốt không. Tôi trả lời không biết.

“Không còn cách nào khác, anh phải học cách tấn công nhanh và bất ngờ - sống hay là chết!” Anh ấy lại mặc áo bảo hộ cho tôi. Thú thực tôi không thấy thích một chút nào.

Tấn công nhanh và bất ngờ là cái rất hay! Nói thì dễ vậy, nhưng tôi làm không được, tôi tấn công vẫn chậm và không bất ngờ một tí nào. Nhưng đâu có phải lỗi tại tôi?

“Mời hai anh em vào ăn trưa!” Chị Morousková gọi, và tôi thấy nhẹ cả người.

Nhưng tôi cầm thì rất khó khăn. Tay tôi run không giữ nổi thìa xúp. Anh Morousek lại cười. Ủ, ngày mai tôi sẽ bị chém, xem anh có còn cười được nữa không. Tôi gần như mong mình sẽ bị chém thật nhiều, để anh ấy phải khóc!

Suốt buổi chiều, anh Morousek còn bắt tôi tập hai lần nữa. Tôi chém như điên vào không khí và vào anh ấy, rồi vẫn còn mang mặt nạ và áo bảo hộ, tôi lăn vệt ra đất và không muốn dậy nữa.

“Dậy đi! Bây giờ anh lấy rượu này mà xoa người!” Tôi xoa rượu khắp người. Mùi rượu bốc lên khó chịu làm chị Morousková, lúc đó đang ngồi thêu, phải bê tất cả mọi thứ ra một góc vườn khác. Giá bỏ trốn được thì tôi cũng trốn luôn vì cái mùi rượu khó chịu ấy.

Tôi về đến nhà lúc chiều tối. Khuỷu tay và đầu gối tôi rất đau, chẳng lẽ tôi đã đấu kiếm cả bằng chân hay sao?

Tôi thấy ở nhà có bức thư của Otylie!

“Thưa luật sư,

Trong ngày hôm nay tôi phải nói chuyện với anh. Khi về đến nhà, xin anh xuống vườn ngay. Anh hãy huýt sáo bài *Traviata* để tôi biết anh ở đó, rồi tôi sẽ xuống. Tôi xin lỗi là viết nguệch ngoạc, bởi tôi quá xúc động vì anh. Otylie.”

À, vậy là cô Wilhemomá đã tung chuyện ra rồi!

Tôi đi xuống vườn. Trăng sáng. Từ sân, tôi nhìn thấy được đến tận hành lang của tầng hai. Không có ai ở đó cả. Tôi đi qua sân. Bây giờ tôi thấy ở đó một bóng người mặc đồ trắng. Tôi bước ra ánh trăng một thoáng, rồi lại lúi ngay vào chỗ tối. Đã đến lúc tôi phải huýt sáo bài *Traviata*! Bình thường, tôi huýt cả ngày cái điệu nhạc ấy, vậy mà lúc này, có trời mới biết tại sao, giá có ai giết tôi đi thì tôi cũng không tài nào nhớ ra được nó! Nhưng mà chắc cô ấy đã nhìn thấy tôi ở đây rồi. Và huýt sáo thì tôi muốn huýt bài nào cũng được, phải không? Có điều tôi cũng chẳng biết chọn bài nào, ngoài bài hát cho trẻ con là “Pepík ơi, Pepík ơi, Kača đang làm gì?”, thế là tôi huýt luôn bài đó.

“Ấy, luật sư đây à, sao ra vườn muộn vậy?” Chợt tôi nghe thấy tiếng từ cửa sổ phòng họa sĩ. Cởi trần, anh ta nhòai ra bên ngoài cửa sổ và nói:

“Đêm đẹp quá nhỉ? Tôi cũng chẳng muốn đi ngủ. Hay quá, chúng ta nói chuyện với nhau nhé!”

Bóng người trên hành lang biến mất.

“À, nhưng tôi cũng đang đi về phòng đây, anh ạ!” Tôi cố ý nói thật to. Lúc này, có lẽ điên mới nói chuyện với họa sĩ, mà chắc chắn là anh ta sẽ đứng nói chuyện đến sáng!

Tôi chậm rãi đi qua sân và bất chợt nhớ ra làn điệu của bài *Traviata*, thế là tôi vừa đi vừa huýt sáo. Tôi dừng lại nhìn - ở cầu thang không có ai, ngoài hành lang cũng không có ai - cô Otylie giận vì tôi đã huýt sáo bài về Pepík ư?

Có lẽ hôm nay không nói gì với nhau cũng tốt. Thậm chí rất tốt! Nhưng ngày mai thì sao?

Anh họa sĩ nằm trên bục cửa sổ. Tôi rất muốn nhìn sang hành lang, nhưng sợ anh ấy trông thấy tôi và lại muốn nói chuyện. Vì vậy, tôi kéo rèm cửa sổ phòng mình lại.

Di chúc! Tôi phải viết di chúc! Biết làm sao được, mọi việc phải đầu vào đấy. Tôi chỉ viết vài dòng ngắn gọn, rõ ràng, tất cả mọi của cải sẽ để lại cho chị gái. Thế thôi!

Bây giờ thì tôi cố gắng ngủ. Tôi thấy bình thản, rất bình thản, nhưng tôi biết là ngày mai tôi sẽ run như cây sậy.

Tôi vặn đồng hồ báo thức.

Họa sĩ vẫn nằm trên bậu cửa sổ. Cứ nằm ở đấy đi, đồ nghiện ngập ạ!

Tôi chỉ chớp mắt được hai tiếng đồng hồ mà đã thấy tỉnh ngủ. Trời đã tờ mờ sáng - vào tháng bảy thì khoảng ba giờ là đã sắp sáng rồi - cái lạnh buổi sáng làm tôi thấy hơi rét. Tôi ngáp ngắn ngáp dài, hơi rùng mình, nhưng không run rẩy.

Tôi không biết làm gì với thời gian. Tôi không muốn xuống vườn. Cũng không muốn ra đường, vì đang lạnh mà ra đó thì tôi sẽ muốn chạy cho ấm, mà chạy thì tôi sẽ bị mệt. Hơn nữa, tôi bị đau tay từ hôm qua. Hay là xem giấy tờ và sắp xếp lại một chút?

Tôi vui đầu vào đám giấy tờ cho đến tận năm giờ rưỡi sáng. Rồi tôi đảo mắt nhìn quanh phòng, như là tôi còn quên một cái gì đó. Nhưng mà làm sao tôi có thể quên được!

Thôi, xin vĩnh biệt nhé!

Tôi bước thật nhanh mấy bậc thang lên sân, rồi chạy qua sân về lối dẫn đến cổng doanh trại và vụt nhanh ra ngoài đường. Tôi nhảy căng lên vì sung sướng, tôi sung sướng đến phát khóc lên. Và quả thật mắt tôi ươn ướt - tôi có cảm giác như người vừa ở hầm tối chui ra và gặp ngay ánh sáng mặt trời chói chang ở bên ngoài! Tôi ngó bên phải, nhìn bên trái - tôi không biết mình muốn đi đâu.

“Anh Krumlovský ơi, thế nào?”

Ôi, anh Morousek! Tội nghiệp anh! Tôi gục vào vai anh ấy rồi trào nước mắt, nhưng không nói được ra lời.

“Thế nào? Lúc nào thì đấu?”

“Xong rồi, đấu xong rồi!”

“Ồi may quá, nhờ trời! Nhưng mà bỏ tay ra chứ, anh bóp nghiền tay tôi rồi đây này.”

Tôi chợt thấy tôi nắm tay anh ấy quá chặt - nhưng cũng phải bóp một cái nữa rồi mới thả!

“Chúng ta ra xe ngựa đi, tôi đã thuê một cái. Anh ăn sáng chưa?”

“Ăn sáng ư? Chưa, tôi chưa ăn.”

“Thế thì chúng ta đi quán.”

“Vâng - à không! Cho tôi về nhà trước đã, rồi ra quán sau.” Tôi phải cho cô Otylie biết là tôi đấu xong rồi và không bị sao cả.

Chúng tôi lên xe đi. Dọc đường, tôi huyền thuyên như một đứa trẻ con và cười liên tục. Có trời biết là tôi đã làm nhảm những gì! Tôi cũng chẳng để ý là chúng tôi đã về đến trước cửa nhà. Tôi nhảy trên cầu thang, nói to tiếng đến bất nhã, để cả nhà phải nghe thấy tôi.

Cô chủ hộ của tôi bỏ chạy từ bếp vào phòng để tránh chúng tôi. Cô ngạc nhiên phải không? Vâng, cứ chờ đấy, còn là ngạc nhiên cô ạ!

Ở phòng mình, tôi trấn tĩnh lại.

“Anh có biết là cho đến bây giờ anh vẫn chưa kể gì cho tôi nghe không?” Anh Morousek hỏi tôi, rồi đốt điếu xì gà và ngả lưng xuống ghế sofa.

Vâng, đúng thế, tôi vẫn chưa kể gì cho anh ấy nghe. Tôi phải bình tĩnh lại một chút.

“Trận đấu xảy ra thế này anh ạ. Khi tôi đến, đã có hai sĩ quan đứng chờ ở cửa vào doanh trại. Họ đưa tôi đi qua sân, rồi xuống mấy bậc thang để vào phòng khách ở ngoài vườn. Ông thượng úy và một bác sĩ đã chờ tôi ở đó. Một trong hai sĩ quan ấy tự giới thiệu rằng ông ấy là người làm chứng và làm trọng tài cho tôi. Ông ấy thông báo là tất cả mọi việc đều theo đúng điều lệ công bằng nhất và hai thanh kiếm thì giống hệt nhau. Tôi nghĩ là tôi đã cúi đầu chào. Tiếp đó, viên đại úy mà tôi đã biết tiến tới cạnh tôi, báo cho tôi biết rằng anh ta là người làm chứng và trọng tài của thượng úy, rồi tuyên bố: ‘Theo như tôi được biết thì hai ông không có hận thù cá nhân nào đối với nhau - cuộc đấu kiếm sẽ bắt đầu, nhưng tôi đề nghị là sẽ dừng lại ngay khi có người nào bị thương. Ông có đồng ý như vậy không, thưa ông?’ - ‘Đồng ý,’ tôi trả lời. ‘Đồng ý,’ thượng úy trả lời, rồi cởi áo ngoài. Tôi cũng vậy.

Họ đưa kiếm cho tôi. Chúng tôi đứng đối diện nhau và nghiêng kiếm chào, giống như hôm qua anh đã chỉ cho tôi. Lúc ấy, tôi chợt nhớ ra lời anh nói ‘tấn công nhanh và bất ngờ’. Đầu tôi ong lên, đầy tiếng ầm ầm như tiếng thác đổ, mắt tôi hoa lên - tôi nghe thấy tiếng kêu của hai người làm chứng ‘Thôi, dừng lại!’, rồi cả hai cầm kiếm nhảy chen vào giữa chúng tôi. Tự nhiên, tôi lùi lại một bước và trông thấy má thượng úy đang chảy máu. Hình như tôi đã giơ kiếm chào như một sĩ quan - vâng, đúng thế, tôi đã chào rồi trao kiếm cho người làm chứng của mình. Tôi chững chạc mặc áo, đồng thời nghe thấy bác sĩ nói: ‘Vết thương rất nhẹ thôi!’ Sau đó, tôi chào rồi bỏ đi. Tôi vẫn còn nghe tiếng nói sau lưng: ‘Tay ấy dữ tợn quá!’ Anh có biết không, bây giờ thì tôi có thể đánh nhau với cả thiên hạ! Không cái gì, hoàn toàn không cái gì có thể bị tiết lộ! Vết thương rất nhẹ, lời hứa danh dự, sẽ không ai tiết lộ điều gì. Anh ạ, bạn quý mến của tôi ạ, tôi phải cảm ơn anh rất nhiều!”

Anh Morousek cười.

“À, hoặc là ông ta không giỏi đánh kiếm, hoặc là anh đã tình cờ thực sự làm ông ta bị bất ngờ. Đây là lần đầu tiên anh nghe theo lời tôi đấy!”

Tôi có cảm giác mình là người anh hùng. Tôi bước từng bước dài và đi đi lại lại trong phòng. Bây giờ tôi dừng lại ở trước gương. Tôi nhìn mình và muốn cười, nhưng nụ cười trông rất dở.

Anh Morousek đứng dậy.

“Tôi đói lắm rồi, bây giờ chúng ta ra quán đi!”

Đáng lạ là tôi vẫn chưa thấy đói. Tôi hỏi anh ấy:

“Anh cũng chưa ăn sáng à?”

“Ăn vào lúc nào được hả?”

Cho đến lúc này tôi mới thấy được Morousek đã lo lắng chăm sóc tôi đến nhường nào.

“Anh thuê xe ở đâu mà sớm như vậy?”

“Tôi gọi thuê ngay từ trưa hôm qua, lúc anh ở nhà tôi.”

“Trời ơi, sao anh tận tâm với tôi đến thế!” Tôi thốt lên và lại ôm chặt lấy anh ấy. Khó khăn lắm, anh ấy mới gỡ được tôi ra. Nhiều khi tôi có sức khỏe phi thường.

Đó là một quán rượu rất nhỏ. Vừa bước vào, tôi đã trông thấy hai người quen, người thợ may Sempr và ông chủ quán. Tôi bắt tay họ.

“Sao vậy? Cả ông chủ quán của chúng ta cũng đi quán khác ư?”

“Ít nhất mười năm nay tôi chả đi đâu cả, hôm nay là lần đầu tiên!”

Hai chúng tôi ngồi vào một bàn khác. Chúng tôi ăn uống, rồi Morousek thăm thì bảo tôi là tôi phải chuyển nhà ngay. Vì chuyện vừa qua sẽ có ảnh hưởng không tốt đến quan hệ với cô chủ hộ, tôi sẽ không được yên tĩnh để học, hơn nữa tôi cũng không còn nhiều thời gian. Tôi nghĩ anh ấy hoàn toàn

đúng. Anh ấy hỏi tôi thích chuyển đi đâu nhất. Tôi trả lời tốt nhất là trở về căn hộ tôi đã thuê trước đây. “Được! Vậy thì chúng ta lấy xe đến đó ngay, chắc là có thể thuê lại căn hộ ấy được.” Morousek đúng là người bạn tuyệt vời, là người đàn ông cao thượng. Tôi vô cùng quý anh ấy - tôi nhớ là không bao giờ anh ấy đối xử tệ với tôi.

Ông chủ quán bắt đầu hăng chuyện và nói to hơn. Ông ấy đang khuyên anh Sempr đừng lấy vợ, không, không, đừng lấy! Rồi ông ấy nói xấu ông Klikeš, như thể ông Klikeš là nguyên nhân của mọi chuyện rủi ro trên đời. Ông ấy cũng nói rất khinh mạn về phụ nữ. Anh Sempr đứng dậy đi lấy xì gà, tôi tranh thủ hỏi luôn ông chủ quán:

“Này ông, vì sao ông cứ bàn ra để gài anh Sempr lấy vợ?”

“Thế tôi không phải là chủ quán hay sao? Tôi có một số khách ăn thường xuyên, tôi phải giữ họ chứ!”

“Nhưng mà anh ấy cần người nội trợ, con gái anh ấy cần có mẹ.”

“Không! Anh ấy là khách tốt của tôi! Anh ấy ăn trưa ở quán tôi, anh ấy cũng ăn chiều, cũng uống...” Anh Sempr quay trở lại bàn.

Căn hộ cũ đang không có ai ở, chủ nhà vui lòng cho tôi thuê ngay. Lập tức ngày kia, tức là ngày thứ hai, tôi sẽ chuyển nhà. Không biết cô Otylie sẽ nói gì về điều này. Tôi nghĩ rồi cô ấy sẽ hiểu, vì tôi sẽ nói chuyện với cô ấy - tôi sẽ giải thích mọi chuyện, đồng thời sẽ tỏ tình với cô ấy. Tuy chuyển đi nơi khác nhưng cứ cách một ngày tôi có thể đến với cô ấy, hoặc là ngày nào tôi cũng đến. Có thể là những lời đồn đại về chuyện đấu kiếm của tôi sẽ lan ra, mọi người sẽ khâm phục tôi, nhưng sự tồn tại là cái quan trọng hơn.

Morousek đưa tôi về nhà anh ấy để ăn trưa. Chúng tôi vừa ăn vừa nói về chuyện đấu kiếm của tôi. Morousek rất phấn khởi thoải mái, nhưng tôi nghĩ anh ấy coi tôi là trò đùa. Điều đó theo tôi là không khéo và hơi thừa.

Gần chiều, tôi vội về nhà và ra ngay vườn. Otylie đang tức giận! Cô ấy không trả lời tôi và cố tình lảng tránh. Tôi thì lại nghĩ là đáng lẽ cô ấy phải

vui mới đúng. Tính khí đồng bóng thất thường của phụ nữ không phải lúc nào cũng dễ chịu!

Buổi tối, tôi sang Thành phố Cổ, vào quán cũ mà trước đây tôi vẫn đến. Không khí ở đây thật tuyệt vời! Tôi nghĩ là tôi đã liên tục nói đùa. Mọi người ngạc nhiên thấy tôi quá vui vẻ và nói rằng trông tôi rất khỏe khoắn. Vâng, thế mà chỉ không đầy một ngày trước tôi đã có thể nằm ở nhà xác!

Tôi hi vọng là tối hôm nay sẽ ngủ rất ngon!

Tôi tỉnh dậy rất sớm, giống như sáng hôm qua! Nhưng tôi thấy trong người thoải mái dễ chịu, cái thoải mái của đứa trẻ sơ sinh nằm trong bồn nước ấm. Tôi thẳng người ra, vươn vai, duỗi tay và trong tâm trạng hết sức sung sướng, tôi nằm cho đến tận chín giờ sáng.

Bác sĩ Jensen lại đến. Vì sao mà anh ấy cứ đến đây nhỉ? Anh ấy sẽ còn ngạc nhiên, và ngay trong ngày hôm nay!

Anh ấy bắt tay tôi, hồ hởi nhiệt tình một cách rõ ràng. Rồi châm lửa điếu xì gà đến mấy lần. Anh ấy bảo là phải nói cho tôi biết tại sao anh ấy đến đây, để cho tôi khỏi ngờ vực. Nói đoạn, anh đi đến bàn để lấy diêm. Anh ấy phải nói vì sao anh ấy đến đây ư? Anh ấy nghĩ là tôi không biết hay sao? Rồi anh ấy lại đến đứng trước gương. Trông mới trai tráng làm sao chứ!

Anh ấy bắt đầu nói:

“Ở trên tầng ba, phía đối diện với phòng anh, có ông Provazník - người mà anh đã kể nhiều lần. Cách đây 18 năm ông ta đã ở viện thần kinh của chúng tôi. Từ đó, thỉnh thoảng những người thân giàu có của ông ấy yêu cầu tôi theo dõi ông ấy, bây giờ họ lại nhờ tôi. Vì thế, tôi rất lấy làm mừng thấy anh ở đây, lại ở chính phòng này, tôi cần phải làm việc đó rất thận trọng và khéo léo. Ông ấy biết tôi và cố tình né tránh, không một lần nào ông ấy xuống vườn khi tôi có mặt ở đó cùng với anh, mặc dù anh có nói là ngày nào ông ta cũng xuống. Ông ấy hết sức lo lắng để ý đến tôi, chẳng hạn bây giờ ông ấy đang nhìn tôi. Còn tôi thì nhìn thấy ông ấy rất rõ qua tấm gương này

- ông ấy đang đứng sau rèm, chỉ hơi thò đầu ra một tí. Nhưng cứ theo những gì quan sát được thì tôi thấy không cần phải sợ ông ấy lên cơn.”

Tôi tròn mắt há miệng ngạc nhiên. Sao cơ? Chỉ có thể thôi ư?

Quả tình, tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Nhưng đồng thời cũng cảm thấy một điều gì như thất vọng.

Bác sĩ đi khỏi. Tôi có cảm giác như muốn gọi lại để nói: “Bác sĩ ạ, giá như anh muốn... về phía tôi thì... tôi chẳng... với bác sĩ...”

Tự nhiên, tôi thấy như tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện ganh đua ghen tị gì cả. Thậm chí, tôi thấy... Ôi chao, nói cho cùng thì người đàn ông quả là loài sinh vật lạ lùng!

Tôi thông báo khô khan và ngắn gọn cho cô chủ hộ biết là cho đến chiều mai tôi sẽ chuyển nhà. Cô ấy nghe tôi, hai mắt sụp xuống và không nói một lời. Bây giờ cô ấy luôn nhìn xuống khi gặp tôi. Tôi đã tuân phục được cô!

Cô Otylie vẫn giận. Nói thật, tôi thấy hầu như dừng dừng thờ ơ trước điều đó. Tôi chỉ cảm thấy như hơi bị xúc phạm. Tôi thông báo với tất cả mọi người ở ngoài vườn là tôi sẽ chuyển nhà, cô ấy nghe tin đó với một vẻ lạnh nhạt, hoàn toàn lạnh nhạt, cứ như là tôi đã chẳng nói gì vậy. Người đàn bà, nói cho cùng, cũng là loài sinh vật lạ lùng!

Cám ơn trời đất là tôi đã không kịp bày tỏ “tình yêu” với cô ấy.

Tôi lại đến cái quán quen thuộc của mình ở Thành phố Cổ, giữa những người tôi thấy thoải mái tình tảo để có thể có khả năng hơn trong lao động trí óc. Bây giờ tôi phải làm việc, phải làm việc! Sau kỳ thi hết tập sự luật sư này, cho đến cuối đời tôi sẽ không phải thi cử gì nữa!

Tôi đang rất bận chuyển nhà.

Nhà anh họa sĩ lại ầm ĩ - anh ấy đang chuẩn bị viết bức thư thứ hai. Anh ấy sang hỏi xin tôi giấy viết thư, nhưng tôi trả lời cụt lùn rằng tôi đã xếp đồ đạc rồi và không biết đã để giấy ở đâu.

Cô con gái ông chủ nhà đang hái rau xà lách ở ngoài vườn. Tôi lạnh lùng nhìn, cô ta cũng đã héo hon!

Xin nhà văn Neruda đừng có đến gặp tôi với một “*Câu chuyện kể về khu phố nhỏ ven sông*” nào nữa nhé!

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# PHỤ LỤC

*Jan Neruda là nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học và cũng là một nhà báo. Trong suốt thời gian từ giữa thế kỉ 19 cho đến khi qua đời năm 1891, nhà báo Jan Neruda đã đóng góp rất nhiều cho nền báo chí Séc. Đặc biệt, hơn hai nghìn tiểu phẩm từ ngòi bút sắc sảo nhạy bén của Jan Neruda đã làm rạng danh ông trong làng báo Séc.*

*Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc tiểu phẩm nổi tiếng nhất của ông Vứt nó đi đâu? (Kam s ním?). Mặc dù được viết vào năm 1886, nhưng cho đến nay, chủ đề Jan Neruda nói đến vẫn không mất đi một chút nào tính thời sự của nó, mà ngược lại, còn phản ánh vấn đề nóng bỏng toàn cầu của thời đại chúng ta đang sống.*

# VÚT NÓ ĐI ĐÂU?

*Praha ngày 25 tháng 9*

Lời cầu nguyện mở đầu của nhà văn: “Kính lạy Đức Chúa Trời toàn năng! Xin Đức Chúa hãy rủ lòng thương mà bảo vệ những suy nghĩ của con, mà gọt giũa những câu bông đùa của con, để chúng không làm phiền lòng những người có quyền thế của đất nước này, để chúng không làm tổn hại đến đạo đức trong sạch của đồng bào yêu quý của con, cả đến thành công của số báo ra ngày mai, tức là ngày chủ nhật, của chúng con. - Amen!”

Độc giả đã bao giờ ra ngoài phố vào buổi sáng sớm chưa? Tôi không muốn xúc phạm đến độc giả, tôi biết độc giả là người sang trọng và không có việc gì bắt độc giả phải thức dậy trước 9 giờ sáng - nhưng mà biết đâu có sự tình cờ! Khi mà lúc nào đó tình cờ phải đi ra khỏi nhà từ sáng sớm, chắc hẳn thế nào con mắt tinh tường của độc giả cũng để ý thấy là ở ngoài đường không chỉ có người qua lại, mà còn có cả các đồ vật mà bình thường thì không thấy nó ở đấy. Lẽ tất nhiên là với đầu óc nhạy bén của mình, độc giả sẽ suy nghĩ về những con người và những đồ vật ấy, chủ yếu là về những đồ vật ấy. Một cái bình sứ miệng đang lơ lửng ở gần một ngôi nhà. Một chiếc cặp lông tuột quai đang lăn lóc sát vỉa hè. Một cái chảo nướng đen sì đang chễm chệ giữa đường qua lại. Làm thế nào mà những đồ vật ấy ra được những nơi đó? Có thể là vào ban đêm, chúng tự rời khỏi các ngăn tủ bếp không đóng cẩn thận để ra đường, rồi đến gần sáng thì quên mất lối về nhà chẳng? Hay là trên đường đi chợ buổi sáng, chúng tình cờ đánh mất bà đầu bếp của mình? Và phải chăng bây giờ thì như con chó mất chủ, chúng ngoan ngoãn nằm ngay ở ngoài đường để chờ chủ tìm ra chúng?

Vâng, thì cứ cho là thế đi. Hiện nay người ta đang nói về bệnh tả và cách phòng bệnh - xin độc giả đừng hỏi việc này có liên quan gì đến những đồ vật kia - xin hãy để tôi viết tiếp, rồi cuối cùng thì độc giả cũng thấy là tôi không nói cái gì quá ngốc nghếch đâu! Vâng, bây giờ đang nói về bệnh tả, về việc mỗi người phải làm gì để phòng chống bệnh tả. Trước hết, nghe nói nhà sạch là một nửa sức khỏe. Nghe bảo khử trùng không khí cũng là một nửa sức khỏe. Rồi nghe bảo ăn thịt bò, thịt bê, thịt lợn sạch cũng là một nửa sức khỏe. Nghe bảo cả uống bia Pilsner ngon cũng là một nửa sức khỏe. Tóm lại, nếu cứ nghiêm chỉnh tuân theo những qui định đó thì trong thời gian bệnh tả hoành hành, xem ra con người ta khỏe mạnh hơn đến hai lần rưỡi mức cần phải khỏe. Vậy thì tại sao tôi lại không cố gắng chấp hành mọi quy định, khi mà a) có lợi cho sức khỏe của tôi, b) khi chấp hành quy định ban hành thì con người ta đồng thời cảm thấy vô cùng sung sướng!?

Vì thế, sau khi đọc xong qui định của thành phố treo ở góc phố gần đó, tôi bèn bỏ dở chuyến đi dạo để trở về nhà. Vâng - tôi nghĩ nhà tôi rất sạch sẽ! Sàn nhà và đồ đạc luôn là nghĩa vụ dọn dẹp chu đáo của Anna, cô giúp việc của tôi. Sách thì thuộc nghĩa vụ của tôi, nhưng tôi nghĩ là có một tí bụi cũng chẳng sao - dù có bị phủ chút bụi, trông chúng vẫn ngoạn mục làm sao, vẫn có vẻ khoe khoang và ngốc nghếch làm sao! Ngoài ra - hừm, ngoài ra ở nhà tôi không còn có gì khác. Có lẽ còn cái giường - nhưng mà trên đời này, có cái gì sạch hơn chiếc giường của người đàn ông chưa vợ! Hai chiếc gối duyên dáng như đôi thiên nga. Chiếc chăn mềm mại như cánh hoa. Ga trải giường trắng như tuyết. Ba tấm đệm giường vuông vắn nằm cạnh nhau... A, rơm nhồi đệm giường - phải rồi, rơm..

“Anna!”

“Dạ!”

“Đệm giường này thay ruột rơm lần cuối hồi nào?”

“Dạ, thưa ông con không biết - từ ngày con đến đây chưa thay lần nào - vẫn cái đệm cũ ạ.”

Anna đã ở đây được 6 năm. Tôi cố nhớ lại thời trước đây 6 năm, nhưng vô hiệu! Tôi đã mua những tấm đệm nhồi rơm được khâu chần này từ thời còn trai trẻ...

“Anna!”

“Dạ!”

“Mang tiền này đến ngay nhà hàng rơm, mua về đây ba bó rơm - ngay lập tức!”

Anna chạy như bay. Rồi mang về ba bó rơm. Rồi lôi một cái đệm ra, cắt chỉ, mở phanh chỗ khâu, thò tay vào kéo rơm lót ra...

“Nhưng mà thưa ông - bỏ rơm cũ vào đâu ạ?”

Cái đầu óc đàn bà dù sao cũng khôn ngoan hơn chúng ta! Vâng, trước khi nhồi rơm mới vào đệm thì phải rút rơm cũ ra, nhưng rút ra rồi thì bỏ vào đâu? Quăng nó ra ngoài cửa sổ lên đầu người qua lại ư?

“Bỏ nó vào đâu ạ, thưa ông?”

“Không biết!” Nhưng tôi chợt nghĩ ra: “Này, tiền đây, cô cầm sang nhà bên kia. Ở đấy có hố rác - đưa tiền cho người coi nhà, chắc chắn hẳn cho vứt rơm xuống hố.” Xem ra đầu óc đàn ông cũng không kém thông minh!

Anna đi rồi lại về. Người coi nhà bên ấy không đồng ý. Nghe bảo các cô giúp việc ở nhà ấy hay đổ tro nóng xuống hố rác, vứt rơm xuống đấy ngộ nó bén tàn rồi cháy thì sao? Nếu không cháy thì nó lại làm hố rác chóng đầy, mà phải đến mùa đông mới có người đến lấy rác, chứ bây giờ mùa hè bận việc đồng áng không ai đến được.

“Làm sao bây giờ?”

“Thưa, con không biết ạ!”

“À, à!”, tôi kêu lên - đầu óc đàn ông nghĩ ra được nhiều thứ! - “ngày mai là thứ tư, có xe của phố đến chở rác! Cô đem tiền này cho người ta, chắc họ sẽ xếp rơm lên xe rác!”

“Vâng, thế nhưng đêm nay thì ông sẽ nằm ở đâu ạ? Con tháo đệm ra rồi, đặt lên giường thì rơm rơi lung tung...”

“Ừ nhỉ? - Nhưng mà không sao - ngủ ở dưới sàn cũng được - quận công cũng còn có lúc ngủ dưới đất, nữa là ...”

Và tôi đã ngon giấc như quận công. Ngay từ sáng sớm hôm sau, Anna mang cái đệm rơm ra hành lang rồi đứng chờ. Nghe tiếng xe đến, tôi nhào người ra ngoài cửa sổ, nhìn thấy Anna kéo chiếc đệm ra trước nhà.

“Không! Cô có các vàng tôi cũng không cho rơm lên xe được - tôi không được phép!”, người đánh xe chớ rác nói rồi vút cái roi vào lưng con ngựa.

Anna lại kéo cái đệm rơm vào phòng.

“Rắc rối quá nhỉ!”

“Vâng, rắc rối quá,” Anna khẳng định.

“Ồi trời! Thế thì nghĩ ra cái gì đi chứ! - Đi hỏi hàng xóm xem người ta bảo sao!”

Anna chạy đi hỏi. Khoảng một tiếng sau lại chạy về. “Người ta bảo là tốt nhất đem đốt ở trong lò, ông ạ.”

“Ừ nhỉ - có thể mà không nghĩ ra! Vậy thì đem đốt đi! Hay là cô đi hỏi khắp các nhà, xem có ai hôm nay muốn làm bánh nướng không, hay muốn hun nóng lò, hiểu không?”

Anna lại chạy đi, rồi trở về thông báo là hôm nay không ai muốn làm bánh nướng, cũng chẳng ai muốn hun nóng lò. Còn bây giờ thì cô ấy phải đi chợ chứ không có thời gian ngồi đốt rơm. Việc ấy phải để đến tối. - Ừ thì để đến tối vậy!

Buổi tối, sau bữa chiều, Anna bắt đầu rút rơm ra, rồi cho từng nắm vào lò đốt. Tôi ngồi vào bàn viết và hài lòng châm lửa hút tẩu. Từ ống khói, tiếng ngọn lửa reo phì phì làm tôi vô cùng thích thú.

Đột nhiên, có tiếng người ầm ĩ trước cửa nhà, rồi tiếng chuông nhà bấm inh ỏi. Tôi nhảy ra tận hành lang nghe ngóng xem có chuyện gì xảy ra. Người ta bảo nhau có lửa đang bốc từ ống khói nhà tôi, bay cả sang mái nhà bên cạnh.

“Trời ơi, Anna - đừng đốt nữa! Mang ngay cái đệm sang phòng bên kia. Nếu có ai đến hỏi thì phải bảo là không biết gì cả, rõ chưa? Lò có nóng không?”

“Mới chỉ đốt có mấy năm, lò vẫn còn lạnh nguyên ông ạ!”

May quá, không ai đến! Không còn tia lửa nào bay trên mái nhà, mọi người từ từ giải tán.

Tôi bức bối nhả khói lên trần nhà. Đêm ấy tôi lại nằm dưới sàn, trong người rất lấy làm khó chịu.

Nhưng sáng hôm sau, tôi thấy thoải mái hơn. Tôi vội vàng ra khỏi nhà để đi tìm kinh nghiệm. Tôi hỏi viên cảnh sát ở ngoài đường. Hỏi kẻ chuyên làm thuê ở phố. Hỏi tất cả các bà vợ của các bạn mình. Cảnh sát giơ tay chào: “Cái này tôi không biết.” Kẻ làm thuê nhắc cái mũ trên đầu: “Thưa ông, cái này tôi chịu.” Các quý bà thì trả lời như nhau: “Vâng, thứ ấy là chuyện khó xử.”

“Anna này, khó đây! - Nhưng mà chẳng lẽ lại chịu sao! Cô có biết quần giấy thành hình phễu không? - Không à? Làm thế này này!” Chúng tôi đã quần rất nhiều cái phễu giấy rồi nhét rơm vào đó. Tôi cho những gói rơm ấy vào các túi quần áo rồi lần lượt vứt chúng trên đường đi dạo phố. Ngày hôm ấy, tôi đi dạo đến sáu lần nữa. Ngày hôm sau tận mười hai lần.

Tôi làm như thế được bốn ngày, nhưng thấy là mới chỉ bỏ đi được có một tí rơm cũ. Tôi tính là nếu cứ đà này thì tôi sẽ phải đi dạo phố đến bảy tháng trời.

Dĩ nhiên còn không nói đến chuyện là tôi đã bị ốm. Tôi đã không nghĩ đến bất kì việc gì khác. Trong đầu tôi chỉ có rơm và mắt tôi cũng chỉ nhìn thấy rơm. Ở phòng góc này có ba bó rơm mới, ở góc kia có ba cái đệm rơm

cũ tội nghiệp, dưới sàn có cái gối - nhìn đi đâu được để khỏi trông thấy chúng? Đêm đến, lại nằm dưới sàn nhà, tôi lau bầu chửi cái khổ sở nhục nhã tôi đang phải chịu. Hầu như không ngủ được, buổi sáng tôi dậy trước lúc mặt trời mọc để lại đi dạo phố.

Và trong một lần đi dạo như thế, tôi để ý thấy cái bình sứ, cái cặp lồng tung quai và cái chảo nướng đen sì.

Với những thứ đồ đạc kể trên thì sự thế là thế này: mỗi một người dân ở Praha được phép có cái bình, hoặc cái cặp lồng, hoặc cái chảo nướng - đó là điều tất nhiên và không có gì là tội lỗi. Nhưng mà cái gì sẽ xảy ra, thí dụ khi chiếc bình bị vỡ. Vứt nó đi đâu? Nếu vứt nó ra sân thì người coi nhà sẽ yêu cầu ta phải mang nó về phòng. Nếu vứt nó ra đường thì cảnh sát sẽ bắt ta. Nếu vứt nó vào xe rác thì người chở xe rác sẽ quăng nó xuống, có cho tiền đến đâu thì người ấy cũng không chịu vì không được phép. - Vậy thì vào ban đêm, ta lén mang cái bình vỡ ra đặt ở ngoài đường, đặt vào chỗ nào cũng được. Ngày hôm sau, người chở rác sẽ bỏ nó lên xe rác, dù chẳng được ai cho đồng nào cả, thế là xong việc!

Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ dễ tiện đáng xấu hổ! Cái gì sẽ xảy ra, nếu vào ban đêm tôi và Anna mang cái đệm giường ra góc phố kia rồi giũ rơm cũ xuống đó? - Chắc chắn đó là ý định không tốt đẹp - không tử tế - trái luật lệ - nhưng thú thật là tôi thấy khoái trí! Trời ạ, sao mà con người ta trở thành người xấu xa dễ dàng đến như vậy! Tất nhiên, tôi sẽ có vấn đề, có thể tự nhiên có nhóm cảnh sát tuần tra xuất hiện, có trời biết họ từ đâu đến. Họ sẽ muốn tôi phải mang rơm đi chỗ khác. Tôi sẽ chống cự, sẽ nói những lời xúc phạm, họ sẽ bắt rồi giải tôi đi - thế là tự nhiên tôi bị mất danh tiếng của một công dân lương thiện vô tội - nhưng mà đã đến nước ấy thì thế nào cũng được - tôi...

“Ông ơi! Ông ơi!” - Anna nhảy bổ vào phòng - “Con biết mang rơm đi đâu rồi! Bà hàng sữa nói là bà ấy lấy để lót chuồng ngựa! Ngày mai ta đưa cho bà ấy ông ạ!”

“Có chắc không hả?”

“Dạ, chắc ạ!”

Còn biết nói gì hơn nữa? Tôi đã ngủ rất ngon giấc. Sáng hôm sau, chúng tôi vác bao tải rơm ra cho bà hàng sữa, trước đó Anna đã cẩn thận hỏi lại xem có thật bà ấy nhận món quà ấy không.

Đó là giây phút tuyệt vời! Khi bà hàng sữa đưa lại cái bao tải rỗng, tôi cảm động hôn tay bà ấy, vòng tay ôm con ngựa của bà ấy rồi đi về nhà; hai mắt tôi rơm lệ.

Chúng tôi nhồi rơm mới vào đệm giường. Khi đã xong công việc, tôi nắm tay Anna nhảy xung quanh các tấm đệm giường một điệu nhảy dân gian, vừa nhảy vừa huýt sáo.

Đó là tất cả câu chuyện đã xảy ra, một câu chuyện hay và thời sự; tôi thấy hài lòng với nó nên xin dừng lại ở đây.

Lời cầu nguyện kết thúc của nhà văn: “Kính lạy Đức Chúa Trời vạn năng! Con xin đội ơn Đức Chúa Trời đã rủ lòng thương mà bảo vệ con trước những suy nghĩ không lành mạnh và gọt giũa những câu bông đùa của con, nhờ đó mà con đã không làm cho những người có quyền thế của đất nước này phải nổi giận, không làm tổn thương đến sự trong sạch tâm hồn của đồng bào yêu quý của con, cả đến thành công của số báo ra ngày mai, tức là ngày chủ nhật, của chúng con. - Amen!”

BÌNH SLAVICKÁ dịch

# LÂU ĐÀI VÀ KHU PHỐ NHỎ VEN SÔNG

Đối với bạn đọc Việt Nam, đặc biệt là những người yêu thích văn chương cổ điển Việt Nam và thế giới, yêu thích quá khứ và những giá trị xưa cũ không di dịch (cứ quan sát thị trường sách hiện nay, có thể nói, số người ấy không ít), tôi tin rằng tập truyện ngắn của Jan Neruda<sup>[42]</sup> sẽ mang đến một cảm giác vô cùng thân thuộc. Nói đúng ra, trong hình hài của một vị khách lạ (đây là lần đầu tiên Jan Neruda, tác gia lớn của văn chương Séc, được giới thiệu với người đọc Việt Nam một cách trọn vẹn), chúng ta vẫn nhận thấy một cái gì thật gần gũi. Đó là sự gần gũi trong phong cách viết, trong thế giới nghệ thuật cũng như sâu xa hơn, trong vị trí của nhà văn trên tiến trình văn học.

Thế giới trong truyện ngắn của Jan Neruda là thế giới của những con người tầm thường, những con người bé nhỏ ở những đô thị đang bắt đầu hiện đại hóa: những người chủ cho thuê nhà, những công chức hạng trung và thấp, những người buôn bán vật vãnh, chủ tiệm ăn, chủ hiệu tạp hóa, thầy thuốc, hạ sĩ quan... Lớp người ấy thời nào cũng có, là một thứ sản phẩm tất yếu của thành thị. Nếu đã yêu truyện ngắn của Gogol, Chekhov, Lỗ Tấn hay Tản Đà, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, độc giả sẽ thấy những con người trong truyện ngắn của Jan Neruda thật thân thuộc biết bao. Đó là lớp người mà ở một thời điểm của lịch sử văn chương, khi mà tiến trình hiện đại hóa và đô thị hóa đã tạo cho họ một vị thế thật mâu thuẫn, vừa bé mọn nhưng cũng vừa không thể bị bỏ qua bởi sự đông đảo và đồng thời khi mà những lớp sóng cổ điển hay lãng mạn đã lùi xa, họ trở thành một nhân vật quan trọng trong bất cứ nền văn chương nào, nhưng đặc biệt, hình

như trong những nền văn học phương Đông, họ có một vị trí đặc biệt hơn. Tất nhiên, vẫn là về những con người ấy nhưng Neruda có một cách nhìn riêng. Các nhà nghiên cứu nói rằng đó là ảnh hưởng của con người nhà báo khi viết văn, một sự thiếu vắng chủ nghĩa lí tưởng trong bút pháp của ông. Chủ nghĩa hiện thực của Neruda, nếu có thể nói vậy, là một thứ chủ nghĩa hiện thực, có lẽ, rất gần với Vũ Trọng Phụng hay Nguyễn Công Hoan, mà rất khác với thứ chủ nghĩa hiện thực nhuộm màu thương cảm của Thạch Lam hay Nguyên Hồng. Chủ nghĩa hiện thực ấy lật lên mọi khía cạnh của con người và cuộc sống thị dân, cả khía cạnh mơ mộng hão huyền, cái thực dụng đến khô khốc, cái nhẫn tâm một cách tầm thường cũng như cái bé mọn nhỏ nhặt. Ông mô tả sâu sắc và tinh tế tất cả những thói tật của thị dân, đặc biệt là cái ác tầm thường, cái vô tâm và ích kỉ cũng như sự nhẫn tâm của lời nói cũng như những điều bịa đặt, những định kiến, tin đồn. Nó như căn bệnh mãn tính của thị dân, trở thành một thứ thói tật gần như là bản chất của những đô thị mà người ta sống trong những cộng đồng vừa thành thị nhưng cũng vừa rất đổi làng xã, khi mà mỗi cánh cửa mở ra đều có thể soi thẳng vào đời sống của một kẻ khác, khi mà mỗi tin đồn có thể bay từ đầu phố đến cuối phố chỉ trong thoáng chốc, khi mà cuộc sống của kẻ này có thể bị chà đạp bởi cả một cộng đồng rặng rịt trong những mối quan hệ và sự cô đơn chưa trở thành án chung thân của mỗi con người. Có thể nói, văn chương của Neruda thuộc về một thời đại mà thành thị vẫn là một thế giới mở mà những con người không tránh khỏi, không thể nào thoát khỏi thế giới của những kẻ khác. Trong thế giới ấy, con người chưa trở nên lạc lõng và cô độc trong cái biển xa lạ của những siêu đô thị.

Nhắc đến tập truyện ngắn của Neruda, không thể không nhắc đến một nhân vật đặc biệt: khu phố nhỏ ven sông, khu Malá Strana trong tiếng Séc. Đặt trong một cái nhìn so sánh, Malá Strana được mô tả trong tập truyện của Neruda giống như khu 36 phố phường của Hà Nội, khu phố mà hình ảnh của nó thấp thoáng trong ca khúc của Nguyễn Đình Thi, được lưu lại trong tranh của Bùi Xuân Phái và phim tài liệu của Trần Văn Thủy, khu phố gắn với những cái tên có chữ Hàng. Tôi muốn nói đến những Hàng Bông, Hàng Gai, Hàng Hòm, Bát Sứ, ... những Tô Tịch, Hàng Mành, những khu “đặc Việt

Nam” nhất trong khu phố bàn cờ giữa lòng Hà Nội. Chỉ cần nhích một chút, sang đến những Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường, Tạ Hiện ... đã là một 36 phố phường khác, đa văn hóa hơn, của những khu Ấn kiều và đặc biệt, Hoa kiều, một khu vực mà nếu so sánh với Praha, có thể đặt cạnh Khu Do Thái, nơi có nhà cũ của F. Kafka.

Giống như Hà Nội, Praha có lịch sử cả ngàn năm, cũng trải qua những giai đoạn là kinh thành rồi những giai đoạn thành phố thuộc địa, bị đồng hóa và cũng được tạo nên bởi những khu vực rất tương phản. Lịch sử của một thành phố phản chiếu lịch sử của một dân tộc. Praha từng là trái tim của Vương quốc Bohemia; rồi trở thành một thành phố bị đồng hóa khi Séc nằm trong đế quốc Áo Hung và trỗi dậy, trở thành thủ đô của Tiệp Khắc, trải qua những giai đoạn chiếm đóng và cuối cùng, ngày nay là trái tim của Cộng hòa Séc. Đi qua lịch sử, từ mảnh đất ban đầu chỉ là một khu định cư bên bờ sông Vltava, Praha không ngừng được mở rộng thêm những khu mới. Hà Nội cũng có một số phận tương tự và thậm chí còn có phần biến động hơn Praha. Bên cạnh những khu vực được xây dựng thêm, là sản phẩm của lịch sử như “khu phố Tây” với kiến trúc kiểu thuộc địa do người Pháp quy hoạch phát triển hay những khu vực sản phẩm của giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, có những khu vực của Hà Nội bị biến mất gần như hoàn toàn dù tích tụ những giá trị văn hóa và kiến trúc vô giá: khu vực Hoàng thành cũ. Dẫu vậy, đi qua những thăng trầm của lịch sử, khu Malá Strana nay, khu 36 phố phường luôn thuộc về cái “lõi” của một đô thị cổ là nơi trầm tích rất nhiều lớp văn hóa. Tất nhiên, về diện mạo kiến trúc, cả Malá Strana lẫn Hà Nội đều còn rất trẻ. Khu phố của Praha chủ yếu mang diện mạo kiến trúc của thế kỷ XVII, XVIII, trong khi đó khu 36 phố phường của Hà Nội mới chỉ được định hình về kiến trúc từ đầu thế kỷ XX. Tuy vậy, cái cốt lõi về văn hóa của khu vực thì lại vô cùng xưa cũ. Ít nhất, cho đến thời điểm mà Jan Neruda viết tập *Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông*. Đọc tập sách này, ta sẽ bắt gặp hình ảnh của một khu phố đang ở điểm khởi đầu của tiến trình hiện đại hóa. Giống như 36 phố phường ở Hà Nội, Malá Strana trong tập truyện là một thế giới “ở bên cạnh Hoàng thành”. Nó nằm dưới chân ngọn đồi nơi có Lâu đài Praha đầy quyền uy và nhìn ra ngọn đồi công viên Petřín thơ

mộng. Đó là một thứ đô thị vừa ra khỏi trạng thái phờng hời. Thế nên với nhiều cư dân, cuộc sống ở đó vẫn còn vô cùng ổn định. Có những người sống ở đó gần như cả cuộc đời, ngày này qua ngày khác, lặp lại những sinh hoạt, đến quán bia quen thuộc, gặp gỡ những người quen thuộc, chính xác như một cái đồng hồ. Vẫn còn chưa có bóng dáng của khách du lịch và những cửa hiệu phục vụ du lịch, chưa nhiều những cư dân cư trú một cách tạm bợ theo cái kiểu cách mà mỗi căn phòng, mỗi ngôi nhà chỉ như một điểm dừng chân trên hành trình sống vô tận biến dịch. Đọc tập truyện này, ta sẽ bắt gặp hình ảnh của một khu phố với những ngôi nhà liền kề nhau, hai, ba tầng, mái ngói san sát, giống như Hà Nội được Trần Văn Thủy ghi lại trong *Hà Nội trong mắt ai*<sup>[43]</sup>, một khu phố mà sau những dãy nhà là những khu vườn. Nơi ấy, người ta nuôi gà, lợn trong sân và mở cửa sổ, người ta có thể đón ánh trăng và nhìn thấy đồi Petrin. Ta cũng có thể gặp những phong tục tập quán, những thói quen, sinh hoạt cũng như những lối ứng xử rất riêng. Có thể nói, tập truyện giống như một cánh cửa để ta hiểu tâm hồn người Séc và văn hóa Séc, vừa mới lạ nhưng cũng có một cái gì gần gũi với tâm hồn Hà Nội.

Giống như Paris, như Dublin hay bất cứ thành phố có văn hiến nào khác, Praha in dấu ấn của các nhà văn đã góp phần làm nên vẻ đẹp của thành phố và làm cho thành phố trở nên bất tử, những Jan Neruda, những Franz Kafka và cả Vaclav Havel hay Milan Kundera. Quán cà phê ở góc đường nhìn ra sông Vltava, nơi Karel Capek, Vaclav Havel hay Milan Kundera từng ăn vẫn giữ được nguyên không khí y những ngày xưa cũ. Nhưng, ở đây, tôi muốn nói về F. Kafka, nhà văn Séc quen thuộc nhất với người Việt Nam. Nếu ai yêu F. Kafka và đã từng đến Praha chắc chắn không thể không nghĩ về Lâu đài Praha, ngự trên ngọn đồi cao của đô thị, nơi mà ở góc nào của thành phố người ta cũng có thể nhìn thấy bóng của tòa kiến trúc này. Phải chăng chính cái cảm giác về một kiến trúc trên cao, to lớn và quyền lực, hiện diện ở mọi nơi đã khơi nguồn cảm hứng cho tiểu thuyết *Lâu đài* bất hủ của Kafka. Chắc chắn bất cứ ai yêu F. Kafka đặt chân đến Praha cũng sẽ có ý nghĩ ấy. F. Kafka cũng sẽ cho chúng ta một cái nhìn thú vị khi so

sánh với J. Neruda. Kafka viết bằng tiếng Đức, trong khi đó Neruda viết bằng tiếng Séc, thứ ngôn ngữ dân tộc của người Séc. Những “lấn cấn” giữa tiếng Đức và tiếng Séc trong một tình thế giống như người Việt Nam phải lựa chọn giữa tiếng Hán Việt, tiếng Pháp và tiếng Việt cũng được phản chiếu trong tập *Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông* (lại thêm một điều gần gũi thật đặc biệt!). Văn chương của Kafka mang tính nhân loại, tính phi thực, giống như người nhân viên đặc điền trong *Lâu đài* luôn loay hoay tìm con đường “lên phía trên” để rồi bị mắc kẹt trong một thế giới hoàn toàn xa lạ, không thể hiểu nổi và một số phận bi thảm. Neruda lại có một lựa chọn khác. Viết bằng tiếng Séc, thế giới văn chương của ông gắn với khu phố nhỏ ven sông, khu Malá Strana của những người thị dân tầm thường và bé mọn. Trên mọi khía cạnh, Neruda “Séc” hơn Kafka. Để hiểu văn hóa Séc, cuộc sống của người Séc bình dân hồi giữa thế kỉ XIX, cần phải đọc Neruda. Kafka đến với tính nhân loại bằng cách vượt qua tính dân tộc, trong khi đó Neruda đến với nhân loại bằng con đường đi sâu tận cùng vào tâm tính dân tộc.

Nói như vậy không có nghĩa là văn chương Jan Neruda hoàn toàn xưa cũ. Giống như Tản Đà hay muện hơn, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Công Hoan của Việt Nam, Neruda viết văn trong một tình thế khi mà tiến trình hiện đại hóa văn chương song hành với sự trỗi dậy của tinh thần dân tộc và văn hóa bản địa. Đó là thời điểm giao thời ở buổi bình minh của tiến trình hiện đại hóa khi mà những khát vọng đan xen, hòa trộn vào nhau, khi mà người viết vừa muốn tạo dựng một cái gì “đặc định dân tộc”, vừa muốn thể nghiệm và bắt kịp với tiến trình hiện đại hóa đã được diễn ra ở những khu vực khác hoặc xa, hoặc gần trên thế giới. Thời khắc đặc biệt trong tiến trình lịch sử văn học đó khiến cho văn chương của Neruda có một tính mới mẻ đặc biệt về kĩ thuật. Đọc những truyện ngắn như *Một tuần trong ngôi nhà yên tĩnh* hay *Buổi thánh lễ đặc biệt* sẽ thấy ông sử dụng những kĩ thuật về giọng kể và điểm nhìn một cách hết sức tự nhiên nhưng cũng không kém phần điêu luyện nếu so với bất cứ nhà văn hiện đại và đương đại nào trên thế giới. Khác với nhiều nhà văn Việt Nam, Neruda có một sự đa dạng đặc biệt về văn phong. Dẫu chỉ là một tập truyện ngắn không dày với những mẫu

chuyện nhỏ nhưng ngòi bút của Neruda rất biến ảo, có khi hiện thực đến lạnh lùng và nghiệt ngã, cũng có khi rất đời tinh tế và buồn bã và cũng không thiếu cả những trang hết sức trữ tình khi ông viết về khung cảnh thành phố, về tâm hồn con người và cũng có cả những trang vô cùng trào lộng. Có thể nói, bằng tập truyện này, chúng ta được tiếp xúc một cách trọn vẹn và đầy đủ với chân dung của một con người vô cùng độc đáo.

Ở điểm cuối cùng này, tôi lại muốn quay lại với Kafka, người Séc mà bất cứ ai yêu văn chương cũng không thể quên được. Viết về Neruda sẽ không tránh khỏi cảm giác quay lại với những liên tưởng về Kafka. Dẫu rằng mọi so sánh đều khập khiễng nhưng có lẽ, Kafka và Neruda giống như Nguyễn Huy Tưởng và Nam Cao. Kafka đến với thế giới bằng tòa lâu đài mù mịt luôn luôn ở phía trên, bởi những gì vô cùng bi thảm và nghiêm trọng của thân phận và số kiếp con người. Trong khi đó, Neruda đến với thế giới bằng cái khu phố nhỏ ven sông với những kiếp người bé mọn. Nhưng trong cái khu phố ấy, mỗi người chúng ta, ngay cả ở thời hiện đại này, vẫn có thể tìm thấy hình ảnh của mình.

**PGS.TS. Phạm Xuân Thạch**

*Trưởng Khoa Văn học,*

*Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn,*

*Đại học Quốc gia Hà Nội*

# Chú Thích

<sup>[1]</sup>Petřín: ngọn đồi cao 327m, một trong những địa điểm đẹp nằm ở trung tâm Praha.(ND)

<sup>[2]</sup>Zlatý: đơn vị tiền tệ ban hành tại Séc trong những năm 1754-1892. (ND)

<sup>[3]</sup>Krejcar/Kreutzer: đơn vị tiền tệ nhỏ hơn zlatý. 1 zlatý = 60 krejcar (ND)

<sup>[4]</sup>Malá Strana (tạm dịch sang tiếng Việt là “Khu phố nhỏ”): một trong những quận cổ nhất, đẹp nhất của Praha, nằm bên tả ngạn sông Vltava chảy qua thành phố, ở ngay dưới chân Lô đài Praha (Pražský Hrad). Ngay từ thế kỉ thứ 10, tại vùng này đã có nhiều cụm dân cư sinh sống, có chợ buôn bán sầm uất. Nó chính thức được thành lập như khu phố vào năm 1257. Lúc đầu, khu phố được mang tên là Nové Město pod Hradem (Thành phố Mới bên dưới Lô đài), sau được đổi tên là Menší Město (Thành phố nhỏ hơn), đối lập với Thành phố Cổ lớn hơn nó ở bên hữu ngạn sông Vltava. Từ thế kỉ thứ 15 cho đến nay, khu phố này được gọi là Malá Strana. Đó là địa điểm du lịch rất nổi tiếng của Praha. Nhà văn Jan Neruda đã sinh ra và sống ở đây. Tập truyện *Povídky malostranské* (Những câu chuyện về Khu phố nhỏ ven sông) của ông viết về khu phố này.(ND)

<sup>[5]</sup>Phố Ostruhová ở Malá Strana, có từ giữa thế kỉ 13. Từ cuối thế kỉ 19 được đổi là Nerudova, tên của nhà văn Jan Neruda. Gia đình ông đã sống ở phố này.(ND)

<sup>[6]</sup>Andy thật hóm hỉnh.

<sup>[7]</sup>Nhân vật bác sĩ già hay ghen tuông trong vở opera *Il Barbiere di Siviglia* của nhà soạn opera nổi tiếng người Ý - Gioachina Rossini.(ND)

<sup>[8]</sup>Hương đào (tên khoa học *Myrthus Communis*): loại cây cảnh có nguồn gốc ở Địa Trung Hải. Hương đào được sử dụng trong y học, ẩm thực, cả trong công nghiệp sản xuất mỹ phẩm. Trong dân gian, nó được coi là biểu tượng của sự may mắn, tình yêu, hôn nhân và sự phồn thực. Hương đào là thứ không thể thiếu được trong các đám cưới. Người ta dùng nó để ghép vào hoa cưới của cô dâu, để tết nơ cài áo cho khách dự đám cưới. (Hương đào là loại cây quý, nên khi không có, người ta dùng hương thảo.) Phong tục dùng hương đào trong đám cưới có nguồn gốc từ Hy Lạp cổ xưa. Theo thần thoại Hy Lạp thì hương đào được dùng làm hiến vật cho nữ thần tình yêu Aphrodite.(ND)

<sup>[9]</sup>Sněžka: Đỉnh núi cao 1603m, nằm ở phía Đông Séc, tại biên giới Séc - Ba Lan, là đỉnh cao nhất của dãy núi Krkonoše của Séc. (ND)

<sup>[10]</sup>Stromovka: công viên lớn nhất ở Praha, trước đây từng là vườn Thượng uyển.

<sup>[11]</sup>Šárka: khu bảo tồn thiên nhiên của Praha.

<sup>[12]</sup>Tháp Mostecká: tháp đầu cầu Charles, phía Malá Strana. Cầu Charles (Karlův most) bắc qua sông Vltava, nối Malá Strana với Thành phố Cổ, được xây dựng từ những năm 1357-1402, là một trong những biểu tượng của Praha. (ND)

<sup>[13]</sup>Erben (người Séc), Kostomarov (người Ukraina) là hai người có cố gắng sưu tập viết về các vị thần của người Slovan. (ND)

<sup>[14]</sup>Kiểu trang trí đường lượn.

<sup>[15]</sup>Rembrandt (1606-1669): họa sĩ, nghệ sĩ khắc bản in nổi tiếng người Hà Lan.

<sup>[16]</sup>*Theodor Storm* (1817-1888): nhà thơ Đức. Câu tiếng Đức có ý nghĩa: Ước gì ta được đi ăn xin qua cánh đồng màu nâu bát ngát... Ý nói: Ước gì được làm kẻ ăn mày còn hơn phải sống một cuộc đời ràng buộc. (ND)

<sup>[17]</sup>Ở Praha. Gần đó có một cây đu để trẻ em lui tới vui chơi. Tượng sư tử trên gác chuông có tư thế như muốn nhảy xuống nhưng không được. (ND)

<sup>[18]</sup>Gia đình Jan Neruda đã sống ở ngôi nhà *Hai mặt trời* (U Dvou Slunců). (ND)

<sup>[19]</sup>Thành Phố Cổ (Staré Město): một quận lịch sử của Praha, nay là quận Praha 1. Thành Phố Cổ nằm ở bờ bên phải của sông Vltava chảy qua Praha.

<sup>[20]</sup>Jan Hus (1370?-1415): linh mục công giáo La Mã, nhà tư tưởng, triết gia, nhà cải cách tôn giáo, từng là hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Charles. Giáo hội Công giáo cho những tư tưởng cải cách tôn giáo của ông là dị giáo và ông đã bị tử hình bằng hỏa thiêu. (ND)

<sup>[21]</sup>Lời cầu nguyện cho phụ nữ có thai. (ND)

<sup>[22]</sup>Nguyên văn: *Hannibal ante portas* (Hannibal trước cửa thành) - tiếng hô hào khi nhà quân sự Hannibal bao vây thành phố Roma. *Hanibaj ante pojtas* là câu nhại cách phát âm của trẻ nhỏ. (ND)

<sup>[23]</sup>Hradčany: khu phố nằm bên bờ trái sông Vltava, giáp với khu Malá Strana. Ở Hradčany có rất nhiều di tích thắng cảnh, nhiều nhà thờ, nhiều tòa nhà đẹp, nổi tiếng nhất là Lâu đài Praha (Pražský Hrad). (ND)

<sup>[24]</sup>Jean Jaques Roussenau (1712-1787): nhà văn, nhà triết học Pháp. (ND)

<sup>[25]</sup>Sông Vltava (tiếng Đức *Moldau*) là con sông dài nhất trên đất Séc (430,2 km). Praha là một trong những vùng đất Vltava chảy qua. Vltava chia Praha thành bờ bên phải và bờ bên trái, Malá Strana nằm ở bờ bên trái. Vltava cũng là tên một trong sáu bài nhạc giao hưởng của tập thơ giao hưởng mang tên *Má vlast* (Tổ quốc tôi) của nhà soạn nhạc Séc nổi tiếng Bedřich Smetana (1824-1884). (ND)

<sup>[26]</sup>Thánh đường Vít (Katedrál Svatého Víta): Thánh đường lớn nhất của Công giáo La Mã ở Séc. Đó là một công trình kiến trúc kiểu Gothic, được

xây dựng từ năm 1344 (trên địa điểm nhà thờ hình tròn rotunda kiểu kiến trúc Roman từ thế kỉ thứ 10) và hoàn thành toàn bộ vào năm 1929. Trong Thánh đường có điện thờ cất giữ vương miện Hoàng gia. Thánh đường tọa lạc trong khuôn viên của Lâu đài Praha (Pražský Hrad). (ND)

<sup>[27]</sup>Đức thánh Václav (907? - 28.9.935?): Công tước của Séc, Thánh bảo trợ của Bohemia và Morava, biểu tượng nhà nước Séc. Điện thờ Thánh Václav là điện thờ quan trọng nhất của Thánh đường Vít. (ND)

<sup>[28]</sup>Triều đại nhà Luxemburg ở Vương quốc Bohemia. Bắt đầu từ Jan Luxemburg (lên ngôi năm 1311), kết thúc với vua Zikmund Luxemburg năm 1437. Vua Karel IV là con trai của vua Jan Luxemburg và hoàng hậu Eliška Přemyslovna. (ND)

<sup>[29]</sup>Thánh Zikmund (Svatý Zikmund, tiếng La-tinh là Sigismundus) - (5.524) là vua xứ Bourgogne (thuộc Pháp ngày nay). Ông cũng là linh mục công giáo. Trong một cuộc chiến, ông bị truất ngôi và bị xử chém cùng với cả gia đình. Ông rất được tôn thờ ở Séc và được coi là một trong những Đức Thánh bảo trợ của Séc. (ND)

<sup>[30]</sup>Jiří Poděbrad (1420-1471): vua nước Séc, trị vì từ năm 1458 đến năm 1471. (ND)

<sup>[31]</sup>Jan Žižka (1360-1424): thủ lĩnh quân sự, cha đẻ của học thuyết quân sự trong chiến tranh Hussite.

Prokop Holý (1380-1434): linh mục giáo hội Hussite, thủ lĩnh quân sự trong chiến tranh Hussite.

Prokůpek (? -1434?): linh mục giáo hội Hussite.

Mikuláš (1375-1420): chiến hữu của Jan Žižka trong chiến tranh Hussite. (ND)

<sup>[32]</sup>Lễ các Đấng Linh hồn (ngày 2.11, tiếng Anh *All Souls' day*) là ngày lễ tiếp ngay sau Lễ các Thánh (ngày 1.11, tiếng Anh *All Saints' day*). Đó là hai ngày lễ lớn của giáo hội Công giáo, ngày đầu tiên là ngày tưởng nhớ đến các vị Thánh của giáo hội, ngày thứ hai là ngày lễ cầu nguyện cho những tín

hữu đã qua đời. Nhưng trong dân gian thì bất kể người theo đạo, hay không theo đạo, trong hai ngày ấy mọi người đều ra thăm mộ, dọn dẹp sửa sang, đặt hoa, thắp đèn nến để tưởng nhớ người đã khuất của gia đình. (ND)

<sup>[33]</sup>Nhân vật này có họ là Cibulka và tên là Vilém. Theo phong tục ở Séc thì chỉ khi thân thiện người ta mới gọi nhau hoặc nói về nhau bằng tên, còn thường đều gọi nhau bằng họ. (ND)

<sup>[34]</sup>Karel Hynek Mácha (1810-1836): nhà thơ nổi tiếng, đại diện của dòng văn học lãng mạn Séc, một trong những người sáng lập thơ Séc hiện đại. Tác phẩm *Máj* (Tháng Năm) của ông được coi là đỉnh cao của văn học lãng mạn Séc. (ND)

<sup>[35]</sup>Một cách gieo vần trong thơ. (ND)

<sup>[36]</sup>Một loại trò chơi bài lá. (ND)

<sup>[37]</sup>Hương thảo (tên khoa học *Rosmarinus officinalis*): loài thực vật có nguồn gốc ở Địa Trung Hải và miền nam châu Âu. Nó được sử dụng như thuốc chữa bệnh hay làm gia vị. Trong phong tục dân gian, hương thảo là biểu tượng của hôn nhân và tình yêu chung thủy. Ở Séc, có nơi dùng hương thảo trang trí đám cưới, ghép hoa hương thảo vào hoa cưới của cô dâu, hoặc dùng các nhánh hương thảo nhỏ có thắt nơ để làm hoa cài áo cho khách dự đám cưới (tương tự như dùng cây hương đào). (ND.)

<sup>[38]</sup>Theo thần thoại Hy Lạp, Philomela là con gái vua Pandion và đã biến thành chim họa mi. Vì thế, Philomela là tên gọi thơ ca của chim họa mi. (ND)

<sup>[39]</sup>Martin Luther (1483-1546): nhà thần học người Đức, người sáng lập đạo Tin lành, nhà thuyết giảng và nhà cải cách tôn giáo. Ông có công dịch Kinh Thánh sang tiếng Đức. Câu nói Neruda định dẫn là câu “Wer nich liebt Wein, Weib und Gesang, der bleibt ein Narr sein Leben lang.” (Người không thích rượu nho, không yêu phụ nữ và ca hát là kẻ ngu ngốc suốt đời). (ND)

<sup>[40]</sup>Trò chơi với trẻ nhỏ đang học nói. Người lớn chỉ vào ngón tay của trẻ rồi nói từng câu ngắn, mỗi ngón một câu, thường là những câu có vần. (ND)

<sup>[41]</sup>Con gái của kẻ tội phạm.

<sup>[42]</sup>*Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông*, tập truyện chuyển ngữ đầu tiên của hợp tác dịch thuật văn học Việt - Séc, Séc - Việt trong khuôn khổ hợp tác quốc tế giữa Khoa Văn học trường Đại học Xã hội và Nhân Văn - Đại học Quốc gia Hà Nội và Khoa Triết trường Đại học Charles, Cộng hòa Séc.

<sup>[43]</sup>Phim tài liệu của đạo diễn Trần Văn Thủy, sản xuất năm 1982, đạt giải Bông sen vàng năm 1988.

# Table of Contents

Những Câu Chuyện Về Khu Phố Nhỏ Ven Sông

Tác Giả

Bìa Sau

Thay Lời Nói Đầu

Tóm Tắt Tiểu Sử Và Tác Phẩm Của Jan Neruda

MỘT TUẦN LỄ TRONG NGÔI NHÀ YÊN TĨNH

I. GIẤC NGỦ

II. BUỔI SÁNG

III. GIA ĐÌNH ÔNG CHỦ NHÀ

IV. LỜI ĐỘC THOẠI TRỮ TÌNH

V. NGƯỜI CHƯA VỢ LÀ NGƯỜI QUÝ GIÁ

VI. KHI CÔNG SỞ KHÔNG HÀI LÒNG

VII. NHỮNG DÒNG GHI CHÉP CỦA THỰC TẬP SINH

VIII. ĐÁM TANG

IX. THÊM MỘT BẢNG CHỨNG NỮA

X. KHOẢNG KHẮC RUNG ĐỘNG

XI. SÁNG TÁC ĐẦU TAY

XII. NĂM PHÚT SAU BUỔI CA NHẠC

XIII. TRÚNG THƯỜNG XỔ SỐ

XIV. MỘT CẢNH GIA ĐÌNH ÊM ẨM

XV. HẾT TUẦN

HAI NGƯỜI TÌNH ĐỊCH

I.

II.

ĐẤY ẰN MÀY ĐẾN CHỖ CHẾT

NGƯỜI ĐÀN BÀ HAY MỬ LÒNG

CHUYỆN PHIẾM BAN ĐÊM

BÁC SĨ HẠI ĐỜI

THỦY THẦN

CÁI TÀU BỌT BIỂN  
TIỆM CÀ PHÊ BÊN BA BÔNG HUỆ  
BUỔI THÁNH LỄ ĐẶC BIỆT  
CHIẾN TRẬN ĐÁNH NƯỚC ÁO  
DỊP LỄ CÁC ĐẰNG LINH HỒN NĂM NAY  
NHỮNG NGƯỜI HÀNG XÓM  
PHỤ LỤC  
VỨT NÓ ĐI ĐÂU?  
LÂU ĐÀI VÀ KHU PHỐ NHỎ VEN SÔNG